

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN KHU ĐÔ THỊ**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản lý phát triển khu đô thị
Tiếng Việt:	Quản lý phát triển khu đô thị
Tiếng Anh:	Management and development of areas
Mã số học phần:	160415014
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn T	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về phát triển và quản lý đất đai triển khu đô thị; những vấn đề về phát triển khu đô thị và quản lý phát triển khu đô thị hiện nay; chính sách đất đai và phát triển khu đô thị; quản lý đất đai và phát triển đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức về phát triển khu đô thị, quy hoạch sử dụng đất ở đô thị, các khung thể chế và pháp lý liên quan đến phát triển khu đô thị; những quy trình quản lý đất đai và đăng ký đất đai; kinh nghiệm quản lý, phát triển khu đô thị tại một số quốc gia trên thế giới	ELO3
CG2	Kỹ năng phân tích các vấn đề phát triển khu đô thị tại VN; xây dựng chiến lược về phát triển khu đô thị	ELO3
CG3	Năng lực ứng dụng kiến thức chuyên môn để đưa ra giải pháp về quản lý phát triển khu đô thị; bảo vệ được quan điểm cá nhân; làm việc độc lập và làm việc nhóm	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcome)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO1	Trình bày những kiến thức về khu đô thị, quy hoạch sử dụng đất đô thị. Trình bày khung thể chế và pháp lý liên quan đến phát triển khu đô thị. Mô tả được quy trình quản lý đất đai và đăng ký đất đai. Mô tả được các giải pháp ứng dụng hệ thống thông tin để quản lý đất đai và phát triển khu đô thị. Trình bày được kinh nghiệm quản lý và phát triển khu đô thị tại một số quốc gia trên TG.	ELO
CELO2	Đánh giá thực trạng phát triển trong khu vực xác định của đô thị. Đánh giá được thực trạng quản lý hành chính về phát triển khu vực xác định của đô thị.	EL

	về quản lý đất đai và phát triển khu vực có quy mô một đơn vị trong đô thị.	
CELO3	Có khả năng nghiên cứu độc lập và phối hợp nhóm, vận dụng kiến thức chuyên môn để hình thành nên các chiến lược phát triển khu đô thị	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khái niệm cơ bản về phát triển khu đô thị và quản lý phát triển khu đô thị 1.1. Một số khái niệm cơ bản về phát triển đô thị 1.2. Lịch sử chọn địa điểm cư trú và phát triển khu đô thị	Trực quan; Nêu vấn đề; Thảo luận; Giảng giải	CELO
2	1.3. Các quá trình vận động có liên quan đến sự hình thành và phát triển khu đô thị 1.4. Phân loại khu đô thị		
3	1.5. Những yếu tố tác động đến xu hướng xây dựng, phát triển khu đô thị		

4	Chương 2: Những vấn đề quản lý phát triển khu đô thị hiện nay 2.1. Thực trạng về khu đô thị hiện nay 2.1.1. Thực trạng xây dựng phát triển khu đô thị 2.1.2. Thành phần dân cư và nhu cầu về phát triển khu đô thị		
5	2.1.3. Thực trạng quản lý hành chính khu đô thị		
6	2.2. Xây dựng và cải tạo khu đô thị hiện hữu		
7	Tham quan thực tế: Quan sát, đánh giá hiện trạng khu đô thị mới (Tham quan theo nhóm và viết báo cáo đánh giá phát triển khu đô thị khu vực được giao)	Hướng dẫn	CELO
8	Chương 3: Chính sách phát triển khu đô thị 3.1. Luật và nghị định về phát triển khu đô thị	Tổ chức nhóm thuyết trình; Đánh giá	CELO
9	3.2. Chính sách của nhà nước trong phát triển khu đô thị		
10	3.3. Chính sách và kinh nghiệm quản lý, phát triển khu đô thị tại một số quốc gia		
11	Chương 4: Quản lý phát triển khu đô thị 4.1. Quản lý phát triển khu đô thị 4.1.1. Quy định về phân cấp quản lý 4.1.2. Thủ tục hành chính về đất đai, phát triển khu đô thị	Trực quan;	CELA
12	4.2. Tiến trình của một dự án phát triển khu đô thị hiện nay		
13 14	Bài tập lớn: Lập quy chế quản lý phát triển khu đô thị	Hướng dẫn	CEL
15	Ôn tập, hướng dẫn Bài tập lớn		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	M	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	L	M
Chương 4	L	M	L

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Võ Kim Cương (2013), *Chính sách đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Quý Lâm, Kim Phụng (Hệ thống) (2017), *Hướng dẫn chi tiết về quản lý đai, nhà ở; Quy định hợp pháp để cấp phép xây dựng, bồi thường, hỗ trợ và định cư khi Nhà nước thu hồi đất*, NXB Hồng Đức, TP. HCM.

[3] Các ấn phẩm của UN Habitat tại <http://ashui.com/mag/publications/habitat.html>

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thuyết trình: 01 bài
- Bài tập lớn: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Hà Thế Hải

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn

ThS. Hà Thế Hải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **QUẢN LÝ NHÀ Ở ĐÔ THỊ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản lý nhà ở đô thị
Tiếng Việt:	Quản lý nhà ở đô thị
Tiếng Anh:	<i>Urban housing management</i>
Mã số học phần:	160415015
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này chỉ ra được những khái niệm cơ bản về nhà ở, vai trò và quan điểm nhìn nhận nhà ở đô thị; giải thích được các vấn đề phát triển nhà ở tại các thành phố lớn hiện nay; nhận biết những kinh nghiệm của các nước trong việc phát triển nhà ở đô thị; so sánh, rút ra bài học kinh nghiệm về quản lý và phát triển nhà ở.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Nhận biết những khái niệm cơ bản về nhà ở, vai trò và quan điểm nhìn nhận nhà ở đô thị. Giải thích được các vấn đề phát triển nhà ở tại các thành phố lớn hiện nay; đánh giá thực trạng nhà ở và quản lý hành chính về nhà ở trong khu vực xác định của đô thị.	ELO3
CG2	Nhận định những kinh nghiệm của các nước trong việc phát triển nhà ở đô thị và so sánh, rút ra bài học kinh nghiệm về quản lý và phát triển nhà ở sau này. Chỉ ra được quan điểm nhìn nhận nhà ở đô thị và chính sách phát triển nhà ở tại Việt Nam.	ELO3
CG3	Đánh giá thực trạng nhà ở và quản lý hành chính về nhà ở trong khu vực xác định của đô thị; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đăng ký nhà ở; thực hiện được đăng ký biến động đất đai, nhà ở, thống kê, kiểm kê nhà ở đô thị.	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được khái niệm về nhà ở đô thị; thực trạng về nhà ở hiện nay đô thị và đưa ra xây dựng cải tạo nhà ở tại đô thị. Mô tả quy trình quản lý kinh doanh nhà ở và bất động sản.	ELO3
CELO2	Nhận biết chính sách và kinh nghiệm phát triển nhà ở đô thị châu Á. Trình bày chính sách và kinh nghiệm phát triển nhà ở đô thị của các nước phương Tây. Trình bày thủ tục cấp phép xây dựng và hồ sơ tái định cư trong phát triển nhà ở Việt Nam.	ELO3
CELO3	Đánh giá tiến trình của một dự án phát triển nhà ở đô thị (nhóm sinh viên lựa chọn khu vực để xác định). Trình bày được khái niệm và vai trò của nhà ở và đánh giá	

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	M	L	L	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Những khái niệm cơ bản về nhà ở đô thị 1. Một số khái niệm cơ bản 2. Vai trò của nhà ở 3. Một số quan niệm về nhà ở 4. Nhà ở đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
2	Chương 2: Các vấn đề phát triển nhà ở tại các thành phố lớn hiện nay 1. Thực trạng nhà ở hiện nay	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
3	2. Xây dựng và cải tạo nhà ở tại đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
		Thuyết trình;	

5	Tham gia thực tế: “Đánh giá thực trạng nhà ở và quản lý hành chính về nhà ở trong khu vực xác định của đô thị.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	Chương 3: Kinh nghiệm của các nước trong việc phát triển nhà ở đô thị 1. Quan điểm phát triển nhà ở của các tổ chức quốc tế 2.Chính sách và kinh nghiệm phát triển nhà ở đô thị châu Á	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	3.Chính sách và kinh nghiệm phát triển nhà ở đô thị của các nước phương Tây	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
8	Chương 4: Chính sách nhà ở tại Việt Nam 1. Luật và nghị định về nhà ở đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
9	2. Chính sách của Nhà nước trong phát triển nhà ở 2.1. Môi trường nhà ở đô thị 2.2. Đất xây dựng nhà ở đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
10	2.3. Cấp phép xây dựng nhà ở 2.4. Hỗ trợ tài chính nhà ở	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	Tham quan thực tế theo nhóm	Thuyết trình;	CELO3
12	Chương 5: Quản lý phát triển nhà ở đô thị 1. Vấn đề phát triển nhà ở 2. Phân cấp quản lý về nhà ở đô thị 3. Thủ tục hành chính một cửa về đất đai, nhà ở	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	4. Tiến trình của một dự án phát triển nhà ở đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

14	Bài tập lớn: “Đánh giá thực trạng nhà ở và quản lý hành chính nhà ở trong khu vực xác định của đô thị, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đăng ký nhà ở; thống kê, kiểm kê nhà ở đô thị” (Nhóm SV lựa chọn khu vực; xác định quy trình; lập quy trình đăng ký nhà ở hoặc quy định quản lý hành chính về nhà ở; trình bày báo cáo).	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
15	Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M
Chương 5	L	M	M	L	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Võ Kim Cương (2013), Chính sách đô thị, NXB Xây dựng, Hà Nội

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Trịnh Duy Luân (1996), Vấn đề nhà ở đô thị trong nền kinh tế thị trường thế giới thứ ba, BXB Khoa học Xã hội

[3] Các ấn phẩm của UN Habitat tại <http://ashui.com/mag/publication/habitat.html>

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra thi luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Hà Thế Hải

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Hà Thế Hải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **ĐỒ ÁN QUẢN LÝ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Đồ án quản lý quy hoạch đô thị
Tiếng Việt:	Đồ án quản lý quy hoạch đô thị
Tiếng Anh:	<i>Urban planning management project</i>
Mã số học phần:	160415016
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Học phần bổ trợ:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức về quy hoạch xây dựng đô thị; các nguyên tắc quản lý liên quan đến quy hoạch đô thị; phân tích, đánh giá và vận dụng vào công việc thực hiện công tác quản lý đồ án quy hoạch đô thị

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Phân tích thực trạng và lập kế hoạch quản lý quy hoạch đô thị	ELO3
CG2	Thể hiện bản đồ và lập quy chế quản lý đô thị theo đồ án quy hoạch được phê duyệt	ELO3
CG3	Thuyết trình bảo vệ đồ án	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày các công tác lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Phân tích và đánh giá bản đồ phân bố các khu vực quản lý. Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện các dự án theo quy hoạch đô thị và quản lý phát triển đô thị theo chương trình, kế hoạch của địa phương.	ELO3
CELO2	Giải thích được các quy định quản lý đồ án quy hoạch được duyệt và đồ án thiết kế đô thị. Phân tích và đánh giá bản đồ xác định các khu vực ưu tiên quản lý trong đô thị. Lập quy chế, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch tương ứng của đô thị	ELO3
CELO3	Trình bày được kế hoạch, quy chế quản lý đô thị đề xuất và bảo vệ trước phản biện của hội đồng. Vận dụng quy chế quản lý khu vực nghiên cứu cho thật sự	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Giảng đề Giới thiệu chung về Đồ án và những quy định về nội dung	Thuyết trình Trình chiếu PowerPoint	CELO 3
2	Sửa bài GD1 - SV lập bản đồ phân bố quản lý tổng thể đô thị, các khu vực quản lý. Phân tích thực trạng quy hoạch của khu vực	- Đàm thoại - Đặt vấn đề - Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
3	Sửa bài GD1 - SV lập kế hoạch kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện ác dự án theo quy hoạch đô thị	- Đặt vấn đề - Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3

4	Sửa bài GD1 - SV triển khai nội dung quản lý phát triển đô thị theo chương trình, kế hoạch địa phương	- Đặt vấn đề - Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
5	Nộp bài kiểm tra tiến độ GD1 Sửa bài GDD2 SV nộp bài GD1 và nghe GVHD nhắc lại các bước của GD2, chuẩn bị nội dung yêu cầu	- Đặt vấn đề - Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
6	Sửa bài GD2 SV lập bản đồ xác định khu vực ưu tiên quản lý trong đô thị	- Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
7	Sửa bài GD2 SV thể hiện bản đồ, ghi chú các nội dung và thống kê các khu vực quản lý	- Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
8	Sửa bài GD2 SV xác định sơ bộ các quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phê duyệt	- Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
9	Sửa bài GD2 SV hoàn thiện các đề xuất quy định, bổ sung hình vẽ minh họa nếu cần thiết	- Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
10	Sửa bài GD2 SV lập cấu trúc quy chế quản lý theo đồ án quy hoạch khu đô thị	- Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
11	Sửa bài GD2 SV hoàn thiện nội dung quy chế quản lý theo đồ án quy hoạch khu đô thị	- Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
12	Sửa bài GD2 SV hoàn thiện nội dung quy chế quản lý theo đồ án quy hoạch khu đô thị	- Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3
13	Sửa bài GD2 SV hoàn thiện nội dung quy chế quản lý theo đồ án quy hoạch khu đô thị	- Hướng dẫn - Nhận xét - Đánh giá	CELO 3

14	Nộp bài GD2 Thuyết trình	GVHD chấm điểm thuyết trình	CELO 3
15	Giảng đề Giới thiệu chung về Đồ án và những quy định về nội dung	Thuyết trình Trình chiếu PowerPoint	CELO 3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Giai đoạn	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
1	M	M	M
2	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Phạm Trọng Mạnh (2010), *Quản lý đô thị*, NXB Thống kê, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Quốc hội Việt Nam (2009), Luật quy hoạch đô thị

[3] Võ Kim Cương (2004), *Quản lý đô thị thời kỳ chuyển đổi*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[4] Chính phủ Việt Nam (2010), Thông tư 19/2010/TT-BXD hướng dẫn lập chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

[5] Chính phủ Việt Nam (2015), Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về hoạch xây dựng.

[6] Các quy chế quản lý đô thị Việt Nam thực tế.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thực hành: phải hoàn thành 02 giai đoạn.
- Hoàn thành đồ án đúng tiến độ theo yêu cầu của GVHD.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên tham gia học tập phải tuân thủ các quy định của trường và học phần. Trong quá trình học tập, sinh viên cần phải nghiêm túc, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập và nghiên cứu.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc vụ thi luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Đặng Xuân Trường

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



TS. Đặng Xuân Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **QUẢN LÝ HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật
Tiếng Việt:	Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật
Tiếng Anh:	Technical infrastructure system management
Mã số học phần:	160415017
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức về quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong đô thị, lập kế hoạch quản lý, khai thác dịch vụ hạ tầng kỹ thuật; phương pháp quản lý tài chính, nhân lực; nội dung thẩm định và phê duyệt các hồ sơ liên quan đến quá trình xây dựng và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày được khái niệm quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các ứng dụng hệ thống thông tin quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị.	ELO3
CG2	Xác định nội dung thẩm định và phê duyệt các hồ sơ liên quan đến quá trình xây dựng, vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Lập hồ sơ quản lý, kế hoạch khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và phân tích, sử dụng các tài liệu liên quan đến chuyên ngành.	ELO3
CG3	Hướng dẫn khai thác một hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị cụ thể trong đô thị.	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được khái niệm về quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong đô thị. Trình bày được cơ cấu tổ chức quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong đô thị. Trình bày được các ứng dụng hệ thống thông tin quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong đô thị. Xác định nội dung thẩm định và phê duyệt các hồ sơ liên quan đến quá trình xây dựng và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.	ELO3
CELO2	Phân tích, sử dụng các tài liệu liên quan đến quản lý tài chính và nhân lực trong hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Lập kế hoạch khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị. Lập hồ sơ quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.	ELO3

	khai thác một hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị cụ thể.	
--	--	--

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	L	L	L

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Khái niệm chung về quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị 1.1. Khái niệm hệ thống HTKT 1.2. Các thành phần của hệ thống HTKT đô thị 1.3. Quản lý hệ thống HTKT đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO1
2	Chương 2: Tổ chức quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị 2.1. Hệ thống HTKT trong quy hoạch xây dựng đô thị 2.2. Phân cấp pháp lý hệ thống HTKT	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO2
3	2.3. Chính sách quản lý phát triển HTKT đô thị. 2.4. Quản lý xây dựng đồng bộ hệ thống các	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

4	Chương 3: Hệ thống thông tin quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị 3.1. Hệ thống thông tin giao thông công cộng. 3.2. Hệ thống thông tin cung cấp năng lượng.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
5	3.3. Hệ thống thông tin cấp nước 3.4. Hệ thống thông tin thoát nước và chống ngập 3.5. Hệ thống thông tin quan trắc môi trường	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
6	Chương 4: Lập kế hoạch quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị 4.1. Lập, thẩm định, trình phê duyệt các hồ sơ quy hoạch HTKT	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
7	4.2. Tổ chức thẩm định dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng (Phân tích, đánh giá 1 hồ sơ quy hoạch hệ thống HTKT; So sánh đánh giá hồ sơ quy hoạch hệ thống HTKT với các quy chuẩn hiện hành)	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
8	4.3. Giấy phép xây dựng các công trình HTKT 4.4. Tổ chức thực hiện dự án đầu tư công trình HTKT	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
9	Chương 5: Khai thác hệ thống dịch vụ cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị 5.1. Lập và lưu trữ hồ sơ khai thác, duy tu, bảo dưỡng công trình	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
10	5.2. Hợp đồng sử dụng cơ sở HTKT 5.3. Thực hiện chế độ khai thác và sử dụng công trình HTKT đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
11	5.4. Quản lý sửa chữa các công trình HTKT	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
12	Chương 6: Quản lý tài chính và nhân lực trong hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị 6.1. Hình thức đầu tư tài chính hệ thống	Thuyết trình; Trình chiếu	CELO

13	6.3. Quản lý nhân lực trong hệ thống HTKT đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
14	Bài tập lớn: “Lập hồ sơ quản lý hệ thống HTKT hoặc lập kế hoạch khai thác hệ thống HTKT”	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO
15	Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M
Chương 5	M	M	L	L	L	M
Chương 6	M	M	L	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Phạm Trọng Mạnh (2006), Quản lý hạ tầng kỹ thuật, NXB Xây dựng, HN

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Chính phủ Việt Nam (2016), QCVN 07:2016/BXD, Bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”, Hà Nội

[3] Chính phủ Việt Nam (2012), Nghị định 72/2012/NĐ-CP hướng dẫn về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, Hà Nội

[4] Võ Kim Cương (2010), Chính sách đô thị, NXB Xây dựng, Hà Nội

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra học phần thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Quang Huy

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Tiếng anh chuyên ngành
Tiếng Việt:	Tiếng anh chuyên ngành
Tiếng Anh:	<i>Technical English</i>
Mã số học phần:	160415018
Thời điểm tiến hành:	Học kì 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	08 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực Quản lý đô thị và công trình, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đối với các văn bản liên quan đến lĩnh vực trên, cụ thể như các loại công trình, mô tả phong cảnh, vật liệu xây dựng, mô tả vật liệu, các yếu tố và các thành phần liệt kê, các thành phần kết cấu, quá trình xây dựng, các loại đường, việc kiểm soát giao thông, lĩnh vực QLĐT, vấn đề quá độ đô thị ở châu Á và các vấn đề khác liên quan đến lĩnh vực QLĐT&CT.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực Quản lý đô thị và công trình, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đối với các văn bản liên quan đến lĩnh vực trên, cụ thể như các loại công trình, mô tả phong cảnh, vật liệu xây dựng, mô tả vật liệu, các yếu tố và các thành phần liệt kê, các thành phần kết cấu, quá trình xây dựng, các loại đường, việc kiểm soát giao thông, lĩnh vực QLĐT, vấn đề quá độ đô thị ở châu Á và các vấn đề khác liên quan đến lĩnh vực QLĐT&CT	ELO3
CG2	Kỹ năng phân tích các văn bản liên quan đến lĩnh vực QLĐT&CT để tìm thông tin tổng quát, thông tin chi tiết cần thiết	ELO3
CG3	Kỹ năng viết sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh dựa theo mẫu	ELO3
CG4	Năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ tiếng Anh	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Nhớ các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực QLĐT & CT. Hiểu nghĩa các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực QLĐT & CT. Vận dụng các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực QLĐT & CT.	ELO3
CELO2	Phân tích các văn bản liên quan đến lĩnh vực QLĐT & CT để tìm thông tin tổng quát (tìm ý chính của bài đọc). Phân tích các văn bản liên quan đến lĩnh vực QLĐT & CT để tìm thông tin chi tiết.	ELO3

	trong bài, xác định thông tin này được đề cập ở đâu trong bài, tìm từ hoặc cụm từ được nói đến hoặc được quy chiếu đến).	
CELO3	Nhớ, hiểu cấu trúc cơ bản của một sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh. Phân tích các sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh để tìm thông tin cần thiết. Vận dụng viết được sơ yếu lý lịch bằng tiếng Anh.	ELO3
CELO4	Tự giác chủ động trong học tiếng Anh, tự đặt mục tiêu học tập để phấn đấu thực hiện, lập và thực hiện kế hoạch học tập nghiêm túc, nền nếp; thực hiện các phương pháp học tập hiệu quả; tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của bản thân	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO4	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	M	M	M	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Unit 1: Structures and Landscapes 1.1. Types of Structures p.2-7	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
		Thuyết trình; Phát vấn;	

3	Unit 2: Materials 2.1. Building materials p.16-21	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
4	2.2. Describing materials p.22-25	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
5	Review A Test 1 Test Correction 1 Unit 3: Factors and Elements of Design 3.1. Design Factors p30-31	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
6	3.1. (Cont) p.32-33 3.2. Design Elements P34-35	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
7	3.2. (Cont) p.36-38 Unit 4: Elements and Process of Construction 4.1. Elements of Construction p.42-44	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
8	4.1. (Cont) p45-47 4.2. Construction Process p.48-49	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
9	4.2. (Cont) p.50-52 Review B	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng	CELO

10	Test Correction 2 Unit 5: Road Types and Traffic Control 5.1. Types of Roads p.56-59	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
11	5.2. Traffic Control p.60-63	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
12	Unit 6: Urban Management 6.1. Urban Management p.66-72	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
13	6.2. Urban Excess in Asia	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
14	Review B Test 3 Test Correction 3 Revision for the Final Exam (Unit 1-3) Write a CV	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO
15	Revision for the Final Exam (Unit 4-6) Test 4 Test Correction 4	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Unit)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4

Unit 3	M	M	L	L
Unit 4	M	M	L	M
Unit 5	L	M	M	L
Unit 6	M	M	M	L

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Thị Ngọc Hạnh, Nguyễn Anh Thư (2016), *English for Urban management*, Đại học Xây dựng Miền Tây.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Vi Thị Quốc Khánh (2013), *Tiếng Anh ngành Kiến trúc, Xây dựng, hoạch và Kỹ thuật Xây dựng đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[3] V. Evans, J. Dooley, D. Cook (2016), *Career Paths: Architecture (book)*, Express Publishing

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 04 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

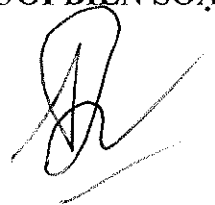
9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn

ThS. Nguyễn Lương Tuấn Dũng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH NGẦM ĐÔ THỊ**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản lý công trình ngầm đô thị
Tiếng Việt:	Quản lý công trình ngầm đô thị
Tiếng Anh:	Management of urban underground works
Mã số học phần:	160415019
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm và quy trình thiết kế hoạch; các phương pháp cấu tạo; tính toán các công trình và hệ thống công trình ngầm trong đô thị; các phương pháp và sơ đồ công nghệ thi công xây dựng các công trình ngầm trong đô thị; quy định quản lý hệ thống công trình ngầm trong đô thị; thẩm định và phê duyệt quá trình xây dựng các công trình ngầm và lập kế hoạch khai thác công trình ngầm đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày khái niệm và các yếu tố liên quan đến công trình ngầm đô thị; quy trình thiết kế hệ thống công trình ngầm đô thị	ELO3
CG2	Phân tích yêu cầu về quản lý hệ thống công trình ngầm trong đô thị; thẩm định và phê duyệt quá trình xây dựng các công trình ngầm; xác định các phương pháp cấu tạo; tính toán các công trình và hệ thống công trình ngầm trong đô thị. Đánh giá các phương pháp và sơ đồ công nghệ thi công xây dựng các công trình và hệ thống các công trình ngầm trong đô thị và phân tích, sử dụng các tài liệu liên quan đến chuyên ngành xây dựng hệ thống công trình ngầm trong đô thị	ELO3
CG3	Lập hồ sơ quản lý hệ thống công trình ngầm trong đô thị, thẩm định, phê duyệt quá trình xây dựng; lập kế hoạch khai thác công trình ngầm cụ thể trong đô thị.	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày khái niệm và các yếu tố liên quan đến công trình ngầm đô thị; quy trình thiết kế quy hoạch hệ thống công trình ngầm đô thị.	ELO3
CELO2	Giải thích được các yêu cầu về quản lý hệ thống công trình ngầm đô thị; thẩm định và phê duyệt quá trình xây dựng các công trình ngầm. Xác định phương pháp cấu tạo, tính toán các công trình ngầm đô thị. Phân tích, sử dụng tài liệu (bản vẽ kỹ thuật, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu	

	dựng các công trình và hệ thống các công trình ngầm đô thị.	
CELO3	Lập hồ sơ quản lý hệ thống công trình ngầm đô thị, thẩm định và phê duyệt quá trình xây dựng các công trình ngầm. Lập kế hoạch khai thác một công trình ngầm cụ thể trong đô thị.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	M
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	L	L	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Khái niệm công trình ngầm đô thị 1.1. Khái niệm và phân loại công trình ngầm đô thị 1.2. Lịch sử và xu hướng phát triển công trình ngầm đô thị 1.3. Vai trò và lợi ích của công trình ngầm đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

2	Chương 2: Quy hoạch mặt bằng – không gian công trình ngầm 2.1. Yêu cầu đối với quy hoạch không gian xây dựng ngầm đô thị 2.2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng về xây dựng công trình ngầm đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
3	2.3. Phân tích, đánh giá về quy hoạch xây dựng công trình ngầm đô thị 2.4. Dự báo nhu cầu phát triển và sử dụng công trình ngầm đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
4	2.5. Quy hoạch liên kết công trình ngầm đô thị và các hạ tầng khác trong đô thị 2.6. Ưu tiên và các nguồn lực để thực hiện công trình ngầm đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
5	Chương 3: Kết cấu các công trình ngầm 3.1. Vật liệu cho kết cấu công trình ngầm đô thị 3.2. Kết cấu công trình ngầm đô thị thi công bằng phương pháp hở	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	3.3. Kết cấu công trình ngầm đô thị thi công bằng phương pháp hạ theo đơn nguyên 3.4. Kết cấu công trình ngầm đô thị thi công bằng phương pháp ngầm	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	3.5. Kết cấu vô tuyến ống (tuynen) mạng kỹ thuật 3.6. Cách nước công trình ngầm đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
8	Chương 4: Tổ chức xây dựng công trình ngầm đô thị 4.1. Giấy phép xây dựng công trình ngầm đô thị 4.2. Khảo sát, thiết kế công trình ngầm đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
9	4.3. Thi công xây dựng công trình ngầm đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

10	4.4. Hạ ngầm đường dây, đường cáp đi nổi tại các đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	Tham quan thực tế theo nhóm, chuẩn bị cho bài tập lớn (Quan sát, đánh giá quản lý, tổ chức xây dựng công trình ngầm đô thị)	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
12	Chương 5: Tổ chức khai thác công trình ngầm đô thị 5.1. Đầu nối công trình ngầm đô thị 5.2. Quan trắc địa kỹ thuật	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	5.3. Bảo trì công trình ngầm đô thị 5.4. Vận hành khai thác công trình giao thông ngầm đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
14	Bài tập lớn: Lập hồ sơ quản lý hệ thống công trình ngầm đô thị hoặc Lập kế hoạch khai thác một công trình ngầm đô thị cụ thể	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
15	Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M
Chương 5	L	M	M	L	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] L.V.Makópski (2010), Công trình ngầm giao thông đô thị, NXB Xây dựng Hà Nội.

[3] Lưu Đức Hải (2012), Đô thị ngầm và không gian ngầm đô thị, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[4] Nghị định 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị, Hà Nội

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra thi luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Hà Thế Hải

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **THIẾT KẾ ĐÔ THỊ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Thiết kế đô thị
Tiếng Việt:	Thiết kế đô thị
Tiếng Anh:	Urban design
Mã số học phần:	160415020
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	10 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Đề tài liên quan:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về kiến trúc, cảnh quan đô thị; các điểm và nội dung công tác thiết kế đô thị; tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị làm cơ sở của việc quản lý và phát triển kiến trúc, cảnh quan đô thị; nội dung quản lý kiến trúc và cảnh quan đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức về các khái niệm về Thiết kế đô thị; Quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng đô thị và quản lý đô thị; những nội dung cơ bản của công tác thiết kế đô thị; những nội dung chính về thiết kế đô thị trong các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị tại Việt Nam	ELO3
CG2	Kỹ năng lập luận, phân tích các lý luận về thiết kế đô thị nhằm đưa ra kiến giải riêng cho bản thân; thuyết trình các nội dung về thiết kế đô thị	ELO3
CG3	Năng lực tự học tập, tích lũy và cập nhật kiến thức chuyên môn về thiết kế đô thị; làm việc độc lập và làm việc nhóm	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được khái niệm về Thiết kế đô thị; Quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng đô thị và quản lý đô thị. Phân biệt được khái niệm Thiết kế đô thị; Quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng đô thị và quản lý đô thị. Trình bày được các lý luận về Thiết kế đô thị. Trình bày được các nhân tố và nguyên tắc Thiết kế đô thị. Trình bày được quy trình Thiết kế đô thị. Trình bày được khái niệm và quy trình Thiết kế đô thị trong Luật pháp Việt Nam. Trình bày được nội dung Thiết kế đô thị và nội dung thuyết minh Thiết kế đô thị trong các đồ án quy hoạch xây dựng (Quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết).	ELO3
CELO2	Vận dụng được lý luận quan hệ hình – nền, liên hệ, địa	

	trình được lưu loát về các lý luận trong thiết kế đô thị.	
CELO3	Có năng lực tự học tập, tích lũy và cập nhật kiến thức chuyên môn về thiết kế đô thị. Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.
- Điểm đánh giá quá trình:
- + Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về TKĐT 1.1. Khái niệm TKĐT 1.2. Bản chất TKĐT	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính.	CELO 3
2	1.3. Đối tượng của TKĐT 1.4. Khái niệm không gian đô thị, cấu trúc KĐT		
3	1.5. Cảnh quan đô thị		
4	1.6. Phân biệt các khái niệm Quy hoạch đô thị, TKĐT và Quản lý đô thị		
5-6	Chương 2: Lý luận thiết kế đô thị 2.1. Các lý luận về TKĐT 2.2. Các lý luận của Roger Trancik 2.3. Lý luận về hình ảnh đô thị của	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội	CELO 3

	kế đô thị 3.1. Các nhân tố trong TKĐT 3.2. Các nguyên tắc trong TKĐT	vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	
9-10	Chương 4: Quy trình, kết quả thiết kế đô thị 4.1. Quy trình TKĐT 4.2. Kết quả TKĐT 4.2.1. Kết quả bằng văn bản 4.2.2. Kết quả bằng bản vẽ	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
11	Chương 5: Thiết kế đô thị trong QHXX đô thị Việt Nam 5.1. Cơ sở 5.1.1. TKĐT theo Luật Xây dựng 5.1.2. TKĐT theo Luật QH đô thị 5.1.3. Thông tư hướng dẫn về nội dung TKĐT	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
12	5.2. Hướng dẫn chung nội dung lập TKĐT 5.2.1. Nội dung lập nhiệm vụ TKĐT 5.2.2. Nội dung bản vẽ - mô hình 5.2.3. Hệ thống ký hiệu TKĐT	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
13	5.3. Nội dung nghiên cứu lập TKĐT 5.3.1. TKĐT trong quy hoạch chung đô thị 5.3.2. TKĐT trong quy hoạch phân khu	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
14	5.3.3. TKĐT trong quy hoạch chi tiết 5.3.4. TKĐT riêng biệt trong QH đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
15	Ôn tập	Hướng dẫn sinh viên ôn tập và giải đáp câu hỏi	CELO 3

(chương)	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	L	L	M	M
Chương 2	M	M	M	L
Chương 3	M	M	L	L
Chương 4	M	M	L	M
Chương 5	L	M	M	L

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Kim Quang Quân (Đăng Thái Hoàng dịch) (2011), *Thiết kế đô thị: có mặt và tương lai*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Đàm Thu Trang (2011), *Thiết kế kiến trúc cảnh quan khu ở*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[3] Vũ Hiệp (2016), *Đô thị Việt Nam góc nhìn từ những nơi chốn*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thuyết trình: phải hoàn thành 01 bài
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 01 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc t
luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguy
Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Hà Thế Hải

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Hà Thế Hải

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **ĐỒ ÁN TỔNG HỢP**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Đồ án tổng hợp
Tiếng Việt:	Đồ án tổng hợp
Tiếng Anh:	<i>Synthesis project</i>
Mã số học phần:	160415021
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	00 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	30 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành một số dụng thực tế về quản lý quy hoạch xây dựng theo các đồ án quy hoạch được duyệt thực hiện các dự án trong thực tế. Sinh viên chọn hồ sơ một đồ án quy hoạch đô thị được phê duyệt (quy hoạch chung đô thị loại 3 trở xuống), thực hành lập quy chế, định quản lý đồ án quy hoạch-kiến trúc và thể hiện dưới dạng văn bản, bản vẽ và sơ đồ quản lý đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELO)
CG1	Giải thích được những nguyên tắc, yêu cầu lập quy định chung về tổng mặt bằng trong đồ án quy hoạch xây dựng đô thị; những nguyên tắc, yêu cầu lập quy định chung về hình thức kiến trúc và đối với từng thể loại công trình trong khu vực Trình bày được các nội dung cần kiểm tra theo quy chuẩn xây dựng, quy định, thông tư, các quy chế của quy hoạch cấp lớn hơn trong việc quản lý đồ án quy hoạch phân khu và đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị	ELO3
CG2	Lập quy định về tổ chức không gian đô thị; phân khu sử dụng đất phù hợp với điều kiện phát triển của thành phố; phân bổ quỹ đất thành các thửa các lô phù hợp với chức năng sử dụng đất cụ thể; Lập quy định yêu cầu về kiến trúc và các chỉ tiêu cho từng thửa đất công trình chính; hình thức kiến trúc, vật liệu và màu sắc; quy định chi tiết với từng thể loại công trình trong khu vực; Lập một Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị sao cho phù hợp với một đồ án quy hoạch đô thị; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt và đồ án thiết kế đô thị	ELO3
CG3	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc; đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân khi lập quy chế, quy định quản lý quy hoạch đô thị	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Giải thích được những nguyên tắc, yêu cầu lập quy định chung về tổng mặt bằng trong đồ án quy hoạch xây dựng đô thị. Giải thích được những nguyên tắc, yêu cầu lập quy định chung về hình thức kiến trúc đối với từng thể loại công trình trong khu vực. Trình bày các nội dung cần kiểm tra theo quy chuẩn xây dựng, quy định, thông tư, các quy chế của quy hoạch cấp lớn hơn trong việc quản lý đồ án quy hoạch phân khu và đồ án quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị.	ELO3
CELO2	Lập được quy định về tổ chức không gian đô thị; phân khu sử dụng đất phù hợp với điều kiện phát triển của thành phố. Lập được quy định về phân bổ quỹ đất thành các thửa các lô phù hợp với chức năng sử dụng đất cụ thể. Lập được quy định yêu cầu về kiến trúc và các chỉ tiêu cho từng thửa đất công trình chính. Lập được quy định hình thức kiến trúc, vật liệu và màu sắc. Lập được quy định chi tiết với từng thể loại công trình trong khu vực.	ELO3
CELO3	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc; đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân khi lập quy chế, quy định quản lý quy hoạch đô thị	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Giảng đề	GV giảng đề, giải đáp các thắc mắc của SV, thông báo nội dung sửa bài	CELO 3
2	Sửa bài GD1	GVHD nghe SV trình bày phân tích đề án, nhận xét và định hướng xây dựng kế hoạch quản lý quy hoạch đô thị	CELO 3
3	Sửa bài GD1		
4	Sửa bài GD1	GVHD nghe SV trình bày phân tích đề án, nhận xét và định hướng xây dựng kế hoạch quản lý quy hoạch đô thị	CELO 3
5	Sửa bài GD1		
6	Nộp bài kiểm tra tiến độ GD1	GVHD đánh giá bài kiểm tra tiến độ tại học thất	CELO 3
7	Sửa bài GD2	GVHD nghe SV trình bày đề án, nhận xét	CELO 3
8	Sửa bài GD2		
9	Sửa bài GD2		
10	Sửa bài GD2		
11	Sửa bài GD2		
12	Sửa bài GD2		
13	Thể hiện bài giai đoạn 2 tại nhà		
14	Thể hiện bài giai đoạn 2 tại nhà		
15	Nộp bài GD2 Thuyết trình		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Giai đoạn	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
1	L	L	M
2	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Phạm Trọng Mạnh (2010), *Quản lý đô thị*, NXB Thống kê, Hà Nội

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Võ Kim Cương (2010), *Chính sách đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thế Bá (chủ biên) (2012), *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

8. Quy định của học phần

- Tham gia sửa bài trên 70% số buổi.
- Có đủ bài kiểm tra từng giai đoạn.
- Hoàn thành đồ án đúng tiến độ theo yêu cầu của GVHD.
- Nghiên cứu, sưu tầm, chọn lọc các tài liệu liên quan đến đề tài.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Lê Thị Hải Yến

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Lê Thị Hải Yến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **ỨNG DỤNG GIS TRONG QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH NGẦM ĐÔ THỊ**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Ứng dụng GIS trong quản lý Công trình ngầm đô thị
Tiếng Việt:	Ứng dụng GIS trong quản lý công trình ngầm đô thị
Tiếng Anh:	Application of GIS in urban Underground works management
Mã số học phần:	160315043
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	30 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Đây là học phần chuyên ngành của lĩnh vực Cấp Thoát Nước, nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các công cụ của phần mềm (ArcGIS, Mapinfo,...) để thực hiện việc thu thập dữ liệu GIS, kiểm định chất lượng dữ liệu, xây dựng và quản lý mạng lưới cấp nước đô thị. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng phần mềm GIS để phân tích và quản lý, cập nhật dữ liệu cho hệ thống cấp thoát nước đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức tổng quát về dữ liệu các dạng Công trình ngầm	ELO3
CG2	Phân tích và kiểm tra chất lượng dữ liệu	ELO3
CG3	Khả năng phân tích, chọn lọc dữ liệu phù hợp	ELO3
CG4	Sử dụng thành thạo các công cụ của phần mềm ArcGIS để quản lý hệ thống công trình ngầm trong đô thị	ELO5

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Có khả năng thu thập các loại dữ liệu cần thiết cho mạng lưới công trình ngầm như hệ thống metro, hệ thống thông tin, hệ thống điện...vv	ELO3, 5
CELO2	Phân tích và chuyển đổi các định dạng dữ liệu vào ArcGIS. Kiểm tra chất lượng dữ liệu bằng công cụ chuyên dụng	ELO5
CELO3	Quản lý hệ thống công trình ngầm và xử lý sự cố xảy ra	ELO3, 5
CELO4	Cập nhật dữ liệu của mạng lưới công trình ngầm đô thị	ELO5

Mã trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15

CELO2					H										
CELO3			M		M										
CELO4					M										

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- Thực hành trên phòng máy tính

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Quá trình và thực hành

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	5	Đủ	Vấn đáp
A2. Đánh giá thực hành	A2.1	-Thực hành chuyển đổi định dạng dữ liệu và nhập vào ArcGIS -Thực hành với Data Reviewer của ArcGIS	CELO2, 3	1	Đạt	Thực hành
	A2.2	-Thực hành xây dựng Geometric Network -Thực hành với ArcGIS Underground Utilities -Thực hành cập nhật dữ liệu	CELO3	1	Đạt	Thực hành
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Tự luận

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Dữ liệu các dạng công trình ngầm đô thị 1.1. Các thành phần dữ liệu 1.2. Dữ liệu sơ cấp 1.3. Dữ liệu thứ cấp	Thuyết trình; Trình chiếu;	CELO 3

3	Thực hành làm việc với dữ liệu sơ cấp và thứ cấp	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
4	Thực hành chuyển đổi định dạng dữ liệu và nhập vào ArcGIS	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
5	Chương 2: Kiểm định chất lượng dữ liệu các dạng công trình ngầm 2.1. Khái niệm về kiểm định chất lượng 2.2. Tìm hiểu về Data Reviewer của ArcGIS 2.3. Tìm hiểu quy luật kiểm định chất lượng dữ liệu của Data Reviewer 2.4. Thiết lập quy luật kiểm định chất lượng	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 5
6	Thực hành với Data Reviewer của ArcGIS	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
7	Chương 3: Xây dựng và quản lý mạng công trình ngầm đô thị 3.1. Khái niệm về Geometric Network 3.2. Xây dựng Geometric Network cho mạng lưới công trình ngầm	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 5
8	Thực hành xây dựng Geometric Network	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
9	3.3. ArcGIS Underground Utilities 3.4. Mô phỏng một vài sự cố cụ thể trên mạng lưới	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 5
10	Thực hành với ArcGIS Underground Utilities	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
		Thao tác trên máy	

12	Chương 4: Dữ liệu về mạng lưới thoát nước đô thị 4.1. Các thành phần dữ liệu 4.2. Dữ liệu sơ cấp 4.3. Dữ liệu thứ cấp	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
13	4.4. Cách thức thu thập dữ liệu 4.5. Nhập dữ liệu vào GIS	Thuyết giảng; Thảo luận	CELO 3
14	Thực hành làm việc với dữ liệu sơ cấp và thứ cấp	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
15	Chương 5: Chuyển đổi và nhập dữ liệu vào ArcGIS 5.1. Chuyển đổi dữ liệu CAD hệ thống thoát nước đang quản lý sang GIS 5.2. Phân tách các nhóm lớp dữ liệu 5.3. Kiểm tra dữ liệu không gian và tạo topology	Thuyết giảng; Thảo luận	CELO 5
16	Thực hành chuyển đổi định dạng và phân lớp Kiểm tra và tạo Topology	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
17	5.4. Kiểm tra, xử lý và liên kết dữ liệu thuộc tính 5.5. Tạo Geodatabase	Thuyết giảng; Thảo luận	CELO 5
18	Thực hành kiểm tra và liên kết dữ liệu không gian và thuộc tính Tạo Geodatabase để quản lý	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
19	Chương 6: Cập nhật dữ liệu thoát nước 6.1. Quy trình chung cập nhật dữ liệu 6.2. Thực hiện cập nhật	Thuyết giảng; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 5
20	Thực hành cập nhật dữ liệu	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	M		
Chương 2		H		
Chương 3		M	H	H
Chương 4	H	M		
Chương 5		H		
Chương 6				H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] ESRI, *Introduction to the ArcGIS Data Reviewer for Desktop tutorial*, 2018

[2] ESRI, *Underground Utilities* , 2018

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1] L.V.Makopski , *Công trình ngầm giao thông đô thị* , NXB Xây Dựng, 2010.

[2] Bộ Xây Dựng, *QCVN 08 : 2009/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Công trình ngầm đô thị*.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thực hành: nộp đầy đủ bài thực hành cuối buổi học.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Thị Thuận

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Nguyễn Thị Thuận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **ỨNG DỤNG GIS TRONG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường đô thị
Tiếng Việt:	Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường đô thị
Tiếng Anh:	GIS application in urban environment management
Mã số học phần:	160315044
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết luyện tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực hành:	25 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Thuyết trình:	0 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	GIS đại cương, Quản lý tài nguyên và môi trường
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

GIS là một trong những công cụ hiệu quả, được ứng dụng rất nhiều trong quản lý môi trường đô thị. Sinh viên chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình đã có những kiến thức về quản lý NMMT, kiến thức và kỹ năng cơ bản về GIS. Học phần này cung cấp những kiến thức cụ thể hơn về quản lý môi trường đô thị truyền thống (nước thải, khí thải, chất thải rắn đô thị...). Đồng thời, môn học cũng cung cấp một số công cụ, phương pháp thường được dùng trong bài toán quản lý môi trường đô thị (thống kê ứng dụng, phân tích đa tiêu chí...). Trên cơ sở đó, sinh viên có thể hiểu và thực hiện các ứng dụng cụ thể. Các bài toán ứng dụng GIS trong quản lý môi trường đô thị khá đa dạng. Trong giới hạn của học phần, sinh viên sẽ được tìm hiểu khả năng ứng dụng thông qua một số case study.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức tổng quan về quản lý môi trường đô thị và một số công cụ phục vụ quản lý môi trường đô thị	ELO6
CG2	Kỹ năng GIS để xây dựng các bản đồ chất lượng môi trường đô thị phục vụ đánh giá chất lượng MT đô thị	ELO6
CG3	Khả năng kết hợp GIS và phương pháp phân tích đa tiêu chí phục vụ ra quyết định trong quản lý môi trường đô thị	ELO6
CG4	Khả năng kết hợp GIS và thống kê hồi quy để dự báo môi trường	ELO6
CG5	Khả năng vận dụng để giải quyết được bài toán ứng dụng của GIS trong quản lý TNMT	ELO6, ELO7
CG6	Nhận thức được vai trò của GIS trong quản lý môi trường đô thị	ELO 14
CG7	Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm	ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày quy trình thực hiện bài toán phân tích GIS, khái niệm quản lý MT đô thị, các vấn đề MT đô thị	ELO6

CELO3	Thực hiện được ứng dụng của GIS kết hợp với phân tích đa tiêu chí để phục vụ ra quyết định trong quản lý môi trường đô thị	ELO 6, ELO 14
CELO4	Thực hiện được ứng dụng của GIS kết hợp thống kê hồi quy để dự báo môi trường đô thị	ELO 6, ELO 14
CELO5	Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một số bài toán ứng dụng của GIS trong quản lý MT đô thị	ELO 6, ELO 9
CELO6	Thực hiện được các hoạt động chuyên môn độc lập hoặc theo nhóm theo nhóm	ELO 9, 10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1						L										
CELO2						M								L		
CELO3						M								L		
CELO4						M								L		
CELO5						H			M							
CELO6									M	L						

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Học phần được giảng dạy theo phương pháp “lấy người học làm trung tâm”. là môn học thuộc kiến thức chuyên ngành, vừa có tính lý thuyết, vừa có phần hành và vận dụng để giải quyết một bài toán phân tích GIS trong quản lý môi trường đô thị. Do đó, phương pháp giảng dạy sẽ áp dụng kết hợp nhiều phương pháp.

Trong các buổi lý thuyết, giảng viên trình bày lý thuyết, hỏi đáp, thảo luận và cho thực hiện các bài tập đơn giản (tại lớp hay về nhà) để sinh viên thực

- Phương pháp Thuyết trình
- Phương pháp Thảo luận nhóm
- Kỹ thuật động não
- Kiểm tra nhanh (hỏi đáp, bài tập nhỏ)
- Phương pháp học dựa trên vấn đề

Phương pháp học tập:

Hoạt động học tập của sinh viên được thiết kế dựa trên phương pháp học tập động. Trong quá trình học, sinh viên sẽ thực hiện các hoạt động sau:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- Thao tác trên phần mềm
- Phương pháp học dựa trên vấn đề

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☒ Thực hành☒ Khác☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: Bài tập lớn

+ Hình thức thi:

Tự luận☐ Trắc nghiệm☐ Thực hành☐ Bài tập lớn☒ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá
A1. Đánh	A1.1. Hoạt	Tất cả các bài	CLEO 1-6	Tất cả các buổi lý thuyết	Có mặt (50%), trả	PP đáp

	A1.2. Hoạt động cá nhân tại lớp	Xây dựng model builder đơn giản	CLEO 5, 6	Trong buổi thực hành của chương 1	Làm đúng, không sao chép của nhau	PP hành+ luận
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài tập cá nhân về nhà	Vẽ sơ đồ quy trình thực hiện bài toán ứng dụng GIS trong quản lý MT đô thị	CELO 1, 5, 6	Sau khi kết thúc chương 1	Làm đúng, không sao chép của nhau	PP viết
	A.2.2. Bài tập về nhà	Tính toán chỉ số chất lượng MT nước mặt và không khí tại các trạm quan trắc	CELO 2, 6	Các buổi học của chương 2	Làm đúng, không sao chép của nhau	PP viết
	A2.3. Bài tập về nhà (theo nhóm)	Xác định các tiêu chí để lựa chọn vị trí bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đô thị - Xác định trọng số của các tiêu chí bằng các phương pháp khác nhau -> So sánh và nhận xét	CELO 3, 6	Các buổi học của chương 3	Điểm cá nhân tính theo mức độ tham gia	PP luận - luận
	A2.3. Bài tập về nhà	Thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính đơn biến phục vụ dự báo chất lượng không khí	CELO 4, 6	Các buổi học của chương 3		PP tự
	A2.4. Bài tập về nhà (phần Thực hành)	Hoàn chỉnh các bài thực hành: - Đánh giá chất lượng MT nước mặt và không khí của một đô thị cụ thể từ kết quả thực hành - Xây dựng bản đồ vị trí bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đô thị - Bản đồ bản đồ dự báo chất lượng	CLEO 2, 3, 4, 6	Sau mỗi buổi thực hành về phân tích đơn lớp, trích xuất dữ liệu, và chồng lớp, bài toán tổng hợp	Làm đúng, không sao chép của nhau	PP hành luận

A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Bài tập lớn theo nhóm	Vận dụng	CLEO 5, 6	Buổi học cuối	Điểm cá nhân tính theo mức độ tham gia	PP viết thuyết trình
---	--------------------------------------	----------	-----------	---------------	--	----------------------------

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần (3t)	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1+2 (1TH)	Chương 1: Quy trình thực hiện một ứng dụng GIS		
	A/ Các nội dung 3.1. Quy trình thực hiện một ứng dụng GIS 3.2. Quy trình chung 3.3. Sơ đồ thực hiện IV.1.3.Đánh giá khả năng ứng dụng GIS trong quản lý MT đô thị Thực hành: Model Builder	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (4t) - Thảo luận nhóm (2t) - Thực hành (3 tiết)	CELO 1
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Vẽ sơ đồ quy trình thực hiện bài toán Xây dựng model builder đơn giản	5t	CELO 1, 5 6
3+4 (2 – 5)	Chương 2: Giới thiệu chung về quản lý môi trường đô thị		

TH)	A/ Các nội dung 1.1. Khái niệm quản lý MT đô thị 1.2. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến môi trường đô thị 1.3. Tổng quan MT đô thị Việt Nam <i>1.3.1. Ô nhiễm không khí đô thị (nguồn gây ô nhiễm không khí đô thị, hiện trạng chất lượng không khí đô thị, giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí đô thị)</i> <i>1.3.2. Chất thải rắn đô thị (nguồn phát sinh CTR đô thị, giải pháp quản lý CTR đô thị)</i> <i>1.3.3. Nước thải đô thị (các loại nước thải đô thị và nguồn phát sinh, chất lượng nước mặt đô thị, giảm thiểu tác động của nước thải đô thị đến nước mặt đô thị)</i> Thực hành: Xây dựng bản đồ chất lượng nước mặt đô thị dựa trên số liệu quan trắc Xây dựng bản đồ chất lượng không khí đô thị dựa trên số liệu từ các trạm quan trắc	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (4t) - Thảo luận nhóm (2t) - Thực hành (12 tiết)	CELO 1,
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Tính toán chỉ số chất lượng MT nước mặt và không khí tại các trạm quan trắc Đánh giá chất lượng MT nước mặt và không khí của một đô thị cụ thể từ kết quả thực hành	10 tiết	CELO 2,
5-9 (6-10 TH)	Chương 3: Một số công cụ quản lý môi trường đô thị		
	A/ Các nội dung 2.1. Giới thiệu các công cụ quản lý MT đô thị	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi,	CELO 3,

	2.2.2 Các phương pháp xác định trọng số trong đánh giá đa tiêu chí 2.2.2.1 Nhóm phương pháp xếp thứ tự 2.2.2.2 Nhóm phương pháp tỷ lệ 2.2.2.3. Phương pháp so sánh cặp sử dụng AHP 2.2. Phân tích hồi quy tuyến tính 2.1. Thống kê ứng dụng (giới thiệu chung, các khái niệm cơ bản) 2.2. Phân tích hồi quy tuyến tính (Ý niệm, các loại, ứng dụng, phân tích hồi quy tuyến tính đơn biến) Thực hành: Xây dựng bản đồ vị trí bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đô thị Xây dựng bản đồ dự báo chất lượng không khí đô thị	tại lớp (4t) - Thảo luận nhóm (2t) - Thực hành (15 tiết)	
	B/Các nội dung cần tự học - Xác định các tiêu chí để lựa chọn vị trí bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đô thị - Xác định trọng số của các tiêu chí bằng các phương pháp khác nhau -> So sánh và nhận xét - Thực hiện phân tích hồi quy tuyến tính đơn biến phục vụ dự báo chất lượng không khí - Hoàn chỉnh bài thực hành trên lớp	15t	CELO 3, 6
10	Chương 4: Các case study cụ thể để ứng dụng GIS trong quản lý môi trường đô thị		
	A/ Các nội dung Seminar các case study cụ thể	- Seminar (2t) - Thảo luận nhóm (1t)	CELO 1->
	B/Các nội dung cần tự học: - BT lớn: SV thực hiện và trình bày ứng	15t	CELO 1->

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	H				L	L
Chương 2	H	M				L
Chương 3			H	H		M
Chương 4	L	M	M	M	H	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Lê Thanh Hải, Giáo trình Quản lý môi trường đô thị, NXB ĐHQG TP.HCM, 2017

[2] Phạm Ngọc Đăng – Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp - NXB XD 2004

[3] Cù Huy Đầu, Trần Thị Hường, Quản lý chất thải rắn đô thị – NXB XD 2004

[4] Juliana Maantay and John Ziegler, GIS for the urban environment, Earthscan Press, 2006

7.2. Tài liệu tham khảo:

Các các báo khoa học về Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường đô thị có thể tải về và download từ internet.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận nhóm.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập đúng thời hạn quy định.

Sinh viên không được vắng quá 20% số buổi thực hành.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Sinh viên giữ trật tự trong giờ học

Điện thoại cần được cài đặt chế độ yên lặng.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Kim Hoa

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Nguyễn Kim Hoa

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ &
THÔNG TIN ĐỊA LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **ỨNG DỤNG GIS TRONG QUẢN LÝ GIAO THÔNG**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Ứng dụng GIS trong quản lý giao thông
Tiếng Việt:	Ứng dụng GIS trong quản lý giao thông
Tiếng Anh:	GIS application in traffic management
Mã số học phần:	160315045
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	25 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	GIS đại cương, cơ sở dữ liệu
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

GIS được ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực, là một công cụ hiệu quả trong công tác quản lý, hoạch định các vấn đề có liên quan đến không gian. “Ứng dụng GIS trong quản lý giao thông đô thị” sẽ trình bày tổng quan về kiến thức giao thông đô thị, kiến thức thu thập và xây dựng cơ sở dữ liệu giao thông. Trên cơ sở nhận thức các khả năng ứng dụng, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành cụ thể các bước để giải quyết bài toán thực tiễn với sự hỗ trợ của GIS bao gồm: xác định mục tiêu, phân tích bài toán, thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích và quản lý mạng lưới giao thông đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức tổng quát về giao thông đô thị	ELO3
CG2	Phân tích và kiểm tra chất lượng dữ liệu	ELO3
CG3	Khả năng phân tích, chọn lọc dữ liệu phù hợp	ELO3
CG4	Sử dụng thành thạo các công cụ của phần mềm ArcGIS để quản lý hệ thống giao thông trong đô thị	ELO5

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày định nghĩa giao thông đô thị	ELO3
CELO2	Có khả năng thu thập các loại dữ liệu cần thiết cho mạng lưới giao thông đô thị	ELO3, 5
CELO3	Phân tích và chuyển đổi các định dạng dữ liệu vào ArcGIS.	ELO5
CELO4	Quản lý hệ thống giao thông và xử lý sự cố xảy ra	ELO3, 5
CELO5	Phân tích được các ứng dụng bài toán quản lý giao thông	ELO5

Mã trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT														
	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15

CELO1			M		M														
CELO2					H														
CELO3			M		M														
CELO4					M														

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- Thực hành trên phòng máy tính

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Quá trình và thực hành

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO. x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	5	Đủ	Vấn đáp
A2. Đánh giá thực hành	A2.1	-Thực hành chuyển đổi định dạng dữ liệu và nhập vào ArcGIS -Thực hành với Network topology, Network dataset của ArcGIS	CELO2, 3	1	Đạt	Thực hành
	A2.2	-Thực hành xây dựng Route analysis, closest facility analysis -Thực hành với Road Network Data Management -Thực hành ứng dụng bài toán cụ thể	CELO3, 5	1	Đạt	Thực hành
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Thực hành

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3 tiết)	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khái quát về giao thông đô thị 1.1. Giao thông 1.2. Đô thị 1.3. Giao thông đô thị	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (3t)	CELO 1
2	1.4.Đặc điểm của giao thông vận tải đô thị 1.5. Vai trò của giao thông vận tải đô thị 1.6. Phân loại giao thông vận tải đô thị	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (3t)	CELO 1
3	Chương 2: Dữ liệu giao thông đô thị 2.1. Các thành phần dữ liệu 2.2. Dữ liệu sơ cấp 2.3. Dữ liệu thứ cấp	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (3t)	CELO 2
4	2.4. Cách thức thu thập dữ liệu 2.5. Nhập dữ liệu vào GIS	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (3t)	CELO 2
5	Thực hành làm việc với dữ liệu sơ cấp và thứ cấp	Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 5
6	Thực hành chuyển đổi định dạng dữ liệu và nhập vào ArcGIS	Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 3
7	Chương 3: Phân tích mạng 3.1. Khái niệm về Network analysis 3.2. Xây dựng Network topology	Thuyết giảng Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 5

9	3.3. Xây dựng Network dataset	Thuyết giảng Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 5
10	Thực hành Network dataset	Thao tác trên máy tính	CELO 5
11	3.4. Phân tích mạng 3.4.1 Phân tích tuyến đường (Route analysis)	Thuyết giảng Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 3,4
12	Thực hành tìm đường tốt nhất sử dụng bộ dữ liệu mạng	Thuyết giảng Thao tác trên máy tính	CELO 5
13	Thực hành tìm đường tốt nhất sử dụng bộ dữ liệu mạng (tiếp theo)	Thuyết giảng Thao tác trên máy tính	CELO 5
14	3.4.2. Phân tích cơ sở gần nhất (closest facility analysis)	Thuyết giảng Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 3,4
15	Thực hành closest facility analysis	Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 5
16	Thực hành closest facility analysis (tiếp theo)	Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 5
17	3.5. Road Network Data Management Thực hành với Road Network Data Management	Thuyết giảng kết hợp thao tác trên máy tính (3t)	CELO 3,4
18	Chương 4: Ứng dụng quản lý mạng lưới giao thông 4.1. Giới thiệu chung 4.2. Các bài toán ứng dụng cụ thể	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (3t)	CELO 3
19	Thực hành các bài toán ứng dụng cụ thể	Thao tác trên máy tính (3t)	CELO 5

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Chương 1	H	M			
Chương 2		H	M		
Chương 3		M	H		H
Chương 4		M		H	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] ESRI, *Route analysis*, 2020

[2] ESRI, *Closest facility analysis*, 2020

[3] ESRI, *Road Network Data Management*, 2020

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Phan Cao Thọ, Trần Thị Phương Anh , *Giao thông đô thị và thiết kế đường*
NXB Xây dựng, 2016.

[2] Vũ Thị Vinh, *Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị*, NXB Xây dựng, 2009.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thực hành: nộp đầy đủ bài thực hành cuối buổi học.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sẽ bị coi là vắng mặt.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Báo Văn Tuy

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



TS. Báo Văn Tuy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **ỨNG DỤNG GIS TRONG QUẢN LÝ CẤP THOÁT NƯỚC**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Ứng dụng GIS trong quản lý Cấp thoát nước
Tiếng Việt:	Ứng dụng GIS trong quản lý Cấp thoát nước
Tiếng Anh:	GIS application in water supply and drainage management
Mã số học phần:	160315046
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	25 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Đây là học phần chuyên ngành của lĩnh vực Cấp Thoát Nước, nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các công cụ của phần mềm (ArcGIS, Mapinfo,...) để thực hiện việc thu thập dữ liệu GIS, kiểm định chất lượng dữ liệu, xây dựng và quản lý mạng lưới cấp nước đô thị. Học phần cũng giúp sinh viên vận dụng phần mềm GIS để phân tích và quản lý, cập nhật dữ liệu cho hệ thống cấp thoát nước đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức tổng quát về dữ liệu Cấp thoát nước	ELO3
CG2	Phân tích và kiểm tra chất lượng dữ liệu	ELO3
CG3	Khả năng phân tích, chọn lọc dữ liệu phù hợp	ELO3
CG4	Sử dụng thành thạo các công cụ của phần mềm ArcGIS để quản lý hệ thống cấp thoát nước trong đô thị	ELO5

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Có khả năng thu thập các loại dữ liệu cần thiết cho mạng lưới cấp nước và thoát nước đô thị	ELO3, 5
CELO2	Phân tích và chuyển đổi các định dạng dữ liệu vào ArcGIS. Kiểm tra chất lượng dữ liệu bằng công cụ chuyên dụng	ELO5
CELO3	Quản lý hệ thống cấp nước và thoát nước và xử lý sự cố xảy ra	ELO3, 5
CELO4	Cập nhật dữ liệu của mạng lưới cấp thoát nước đô thị	ELO5

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15

CELO2					H														
CELO3			M		M														
CELO4					M														

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- Thực hành trên phòng máy tính

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Quá trình và thực hành

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	5	Đủ	Vấn đáp
A2. Đánh giá thực hành	A2.1	-Thực hành chuyển đổi định dạng dữ liệu và nhập vào ArcGIS -Thực hành với Data Reviewer của ArcGIS	CELO2, 3	1	Đạt	Thực hành
	A2.2	-Thực hành xây dựng Geometric Network -Thực hành với Water Utility Network Editing and Analysis -Thực hành cập nhật dữ liệu	CELO3	1	Đạt	Thực hành
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Tự luận

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Dữ liệu cấp nước đô thị 1.1. Các thành phần dữ liệu 1.2. Dữ liệu sơ cấp 1.3. Dữ liệu thứ cấp	Thuyết trình; Trình chiếu;	CELO 3
		Thuyết trình;	

3	Thực hành làm việc với dữ liệu sơ cấp và thứ cấp	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
4	Thực hành chuyển đổi định dạng dữ liệu và nhập vào ArcGIS	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
5	Chương 2: Kiểm định chất lượng dữ liệu cấp nước 2.1. Khái niệm về kiểm định chất lượng 2.2. Tìm hiểu về Data Reviewer của ArcGIS 2.3. Tìm hiểu quy luật kiểm định chất lượng dữ liệu của Data Reviewer 2.4. Thiết lập quy luật kiểm định chất lượng	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 5
6	Thực hành với Data Reviewer của ArcGIS	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
7	Chương 3: Xây dựng và quản lý mạng lưới cấp nước đô thị 3.1. Khái niệm về Geometric Network 3.2. Xây dựng Geometric Network cho mạng lưới cấp nước	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 5
8	Thực hành xây dựng Geometric Network	Thao tác trên máy tính	CELO 5
9	3.3. Water Utility Network Editing and Analysis 3.4. Mô phỏng một vài sự cố cụ thể trên mạng lưới	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 5
10	Thực hành với Water Utility Network Editing and Analysis	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
		Thao tác trên máy	

12	Chương 4: Dữ liệu về mạng lưới thoát nước đô thị 4.1. Các thành phần dữ liệu 4.2. Dữ liệu sơ cấp 4.3. Dữ liệu thứ cấp	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
13	4.4. Cách thức thu thập dữ liệu 4.5. Nhập dữ liệu vào GIS	Thuyết giảng; Thảo luận	CELO 3
14	Thực hành làm việc với dữ liệu sơ cấp và thứ cấp	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
15	Chương 5: Chuyển đổi và nhập dữ liệu vào ArcGIS 5.1. Chuyển đổi dữ liệu CAD hệ thống thoát nước đang quản lý sang GIS 5.2. Phân tách các nhóm lớp dữ liệu 5.3. Kiểm tra dữ liệu không gian và tạo topology	Thuyết giảng; Thảo luận	CELO 5
16	Thực hành chuyển đổi định dạng và phân lớp Kiểm tra và tạo Topology	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
17	5.4. Kiểm tra, xử lý và liên kết dữ liệu thuộc tính 5.5. Tạo Geodatabase	Thuyết giảng; Thảo luận	CELO 5
18	Thực hành kiểm tra và liên kết dữ liệu không gian và thuộc tính Tạo Geodatabase để quản lý	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5
19	Chương 6: Cập nhật dữ liệu thoát nước 6.1. Quy trình chung cập nhật dữ liệu 6.2. Thực hiện cập nhật	Thuyết giảng; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 5
20	Thực hành cập nhật dữ liệu	Thao tác trên máy tính Thuyết trình	CELO 5

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	M		
Chương 2		H		
Chương 3		M	H	H
Chương 4	H	M		
Chương 5		H		
Chương 6				H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] ESRI, *Introduction to the ArcGIS Data Reviewer for Desktop tutorial*, 2018

[2] ESRI, *Water Utility Network Editing and Analysis*, 2018

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Trần Hiếu Nhuệ , *Cấp thoát nước*, NXB KHKT, 2007.

[2] Nguyễn Ngọc Dung, *Cấp nước đô thị*, NXB Xây dựng, 2003.

[3] Hoàng Huệ và các tác giả, *Mạng lưới thoát nước*, NXB Xây Dựng, 2007.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thực hành: nộp đầy đủ bài thực hành cuối buổi học.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như cello, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Lê Thùy Linh

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Lê Thùy Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Nguyên lý thiết kế công trình công cộng
Tiếng Việt:	Nguyên lý thiết kế công trình công cộng
Tiếng Anh:	<i>Design principles of public works</i>
Mã số học phần:	160415022
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế và lý luận tổ chức không gian kiến trúc công trình công cộng; đặc điểm và yêu cầu kiến trúc nhà công cộng, các bộ phận nhà công cộng, hệ thống mạng lưới công trình và không gian dịch vụ công cộng, cách xác định sức chứa hợp lý, yêu cầu về địa điểm xây dựng và các khống chế về mặt quy hoạch, phân khu, hợp nhóm, giải pháp tổ hợp không gian kiến trúc, thiết kế nhìn rõ trong phòng khánh giả và kiểm tra thoát người an toàn trong nhà công cộng, hệ thống kỹ thuật trong nhà công cộng, đặc điểm kết cấu và thẩm mỹ kiến trúc nhà công cộng. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện kỹ năng thiết kế thể hiện bản vẽ kiến trúc thuộc loại hình công trình công cộng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức chung về nguyên lý thiết kế và lý luận tổ chức không gian kiến trúc công trình công cộng; đặc điểm và yêu cầu kiến trúc nhà công cộng, các bộ phận nhà công cộng, hệ thống mạng lưới công trình và không gian dịch vụ công cộng, cách xác định sức chứa hợp lý, yêu cầu về địa điểm xây dựng và các khống chế về mặt quy hoạch, phân khu, hợp nhóm, giải pháp tổ hợp không gian hình khối kiến trúc, thiết kế nhìn rõ trong phòng khánh giả và kiểm tra thoát người an toàn trong nhà công cộng, hệ thống kỹ thuật trong nhà công cộng, đặc điểm kết cấu và thẩm mỹ kiến trúc nhà công cộng	ELO3
CG2	Kỹ năng thiết kế và thể hiện bản vẽ sơ bộ mặt bằng công trình kiến trúc công cộng có sơ đồ chức năng cơ bản. Kỹ năng trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn của ngành kiến trúc.	ELO3
CG3	Năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được các nguyên tắc và lý luận thiết kế cần thiết cho công trình công cộng; Nhận định được thể loại và yêu cầu thiết kế đối với mỗi loại công trình công cộng. Vận dụng các lý luận thiết kế và tổ chức không gian kiến trúc vào thực hiện thiết kế kiến trúc công trình công cộng. Phân tích được sơ đồ và giải pháp tổ chức	ELO3

	công trình công cộng.	
CELO2	Phác thảo và vẽ được mặt bằng của một số công trình công cộng có các chức năng cơ bản. Thuyết trình được nội dung công năng công trình công cộng một cách tự tin, mạch lạc.	ELO3
CELO3	Tự giác chủ động trong học tập, tự đặt mục tiêu học tập để phấn đấu thực hiện; lập và thực hiện kế hoạch học tập nghiêm túc, nền nếp; thực hiện các phương pháp học tập hiệu quả; Tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của bản thân.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	M	M
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	L	L	M	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1. Điểm đánh giá:

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Đặc điểm và yêu cầu kiến trúc nhà công cộng, phân loại nhà công cộng 1.1. Định nghĩa nhà công cộng và phân loại 1.2. Đặc điểm nhà công cộng 1.3. Đặc điểm và chức năng của không gian công cộng Chương 2: Các bộ phận của nhà công cộng 2.1. Hệ thống không gian nội thất nhà công cộng 2.2. Thiết kế các phòng chính 2.3. Các không gian phụ trong nhà công cộng 2.4. Các không gian giao thông trong nhà công cộng.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
2	Chương 3: Hệ thống mạng lưới công trình và không gian dịch vụ công cộng, cách xác định sức chứa hợp lý, yêu cầu về địa điểm xây dựng và các khống chế về mặt quy hoạch 3.1. Hệ thống cấp bậc của mạng lưới công trình công cộng, cách xác định sức chứa hợp lý 3.2. Chọn địa điểm xây dựng và thiết kế tổng mặt bằng Chương 4: Phân khu hợp nhóm, giải pháp tổ hợp không gian hình khối kiến trúc 4.1. Phân khu hợp nhóm trong nhà công cộng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

	4.3. Cách tổ hợp các phòng lớn tập trung đông người.		
3	Chương 5: Thiết kế nhìn rõ trong phòng khán giả 5.1. Nhiệm vụ, yêu cầu 5.2. Các yêu cầu về bố trí chỗ ngồi 5.3. Các phương pháp thiết kế nền dốc Thuyết trình nhóm	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
4	Chương 6: Thiết kế và kiểm tra thoát người an toàn trong nhà công cộng 6.1. Khái niệm và nhiệm vụ 6.2. Phân loại quá trình thoát và yêu cầu tổ chức lối thoát 6.3. Cơ sở tính toán và trình tự giải quyết một bài toán thoát người Thuyết trình nhóm	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
5	Bài tập 1: Vẽ mặt bằng cửa hàng dịch vụ/quán cà phê quy mô nhỏ, diện tích 300-500m ²	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	Bài tập 2: Vẽ mặt bằng hội trường 150 chỗ	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	Bài kiểm tra 1	Thuyết trình;	CELO3
8	Chương 7: Thiết kế hệ thống kỹ thuật trong nhà công cộng 7.1. Hệ thống cung cấp nước và thoát nước 7.2. Hệ thống thông gió & điều hoà không khí 7.3. Hệ thống báo cháy và chữa cháy 7.4. Hệ thống truyền thanh và truyền hình 7.5. Hệ thống thông tin liên lạc, điện thoại, dịch vụ 7.6. Hệ thống CNTT 7.7. Hệ thống kiểm tra và giám sát an ninh	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

	Chương 8: Đặc điểm kết cấu và thẩm mỹ kiến trúc nhà công cộng 8.1. Đặc điểm kết cấu nhà công cộng 8.2. Đặc điểm thẩm mỹ kiến trúc nhà công cộng Thuyết trình nhóm		
9	Chương 9: Một số kiểu nhà công cộng thông dụng 9.1. Công trình giáo dục 9.1.1. Trường mầm non 9.1.2. Trường tiểu học 9.1.3. Trường PTTH 9.1.4. Trường đại học Thuyết trình nhóm	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
10	9.2. Công trình văn hoá 9.2.1. Thư viện 9.2.2. Nhà văn hoá 9.2.3. Bảo tàng 9.3. Công trình TD-TT 9.3.1. Nhà thi đấu có mái che 9.3.2. Sân vận động Thuyết trình nhóm	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	9.4. Công trình thương mại dịch vụ 9.4.1. Chợ 9.4.2. Siêu thị 9.4.3. Trung tâm thương mại 9.4.4. Nhà hàng 9.5. Công trình Y tế - Bệnh viện 9.6. Công trình hành chính – trụ sở cơ quan	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
12	Bài tập 3: Vẽ mặt bằng cửa hàng dịch vụ shop VPP quy mô nhỏ diện tích 300-500m ²	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	Bài tập 4: Vẽ mặt bằng một nhóm trẻ quy mô	Thuyết trình; Trình chiếu	CELO3

14	Bài kiểm tra 2	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
15	Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M
Chương 5	L	M	M	L	M	M
Chương 6	L	M	M	L	M	M
Chương 7	M	M	L	M	M	M
Chương 8	L	M	M	L	M	M
Chương 9	L	M	M	L	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Đức Thiềm (2006), Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng – Kiến trúc nhà công cộng, NXB Xây dựng, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Tạ Trường Xuân (2009), Nguyên lý thiết kế kiến trúc công cộng, NXB Xây dựng Hà Nội.

[3] Nguyễn Đức Thiềm (2012), Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng – Kiến trúc niệm kiến trúc và cơ sở sáng tác, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[4] Ernst Neufert (1998), Dữ liệu kiến trúc sư, NXB KHKT, Hà Nội

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Quang Huy

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Nguyễn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH NHÀ Ở ĐÔ THỊ**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Nguyên lý thiết kế công trình nhà ở đô thị
Tiếng Việt:	Nguyên lý thiết kế công trình nhà ở đô thị
Tiếng Anh:	<i>Design principles of urban housing works</i>
Mã số học phần:	160415023
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về nguyên lý thiết kế và lý luận tổ chức không gian kiến trúc nhà ở từ thấp tầng đến cao tầng; lược khảo về quá trình phát triển nhà ở, cơ sở khoa học của việc nghiên cứu lý luận thiết kế nhà ở, các bộ phận cơ bản của một căn nhà và yêu cầu thiết kế đối với từng bộ phận của căn nhà, kiến trúc nhà ở thấp tầng, kiến trúc chung cư nhiều tầng, kiến trúc chung cư cao tầng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức chung nguyên lý thiết kế và lý luận tổ chức không gian kiến trúc nhà ở từ thấp tầng đến cao tầng; lược khảo về quá trình phát triển nhà ở, cơ sở khoa học của việc nghiên cứu lý luận thiết kế nhà ở, các bộ phận cơ bản của một căn nhà và yêu cầu thiết kế đối với từng bộ phận của căn nhà, kiến trúc nhà ở thấp tầng, kiến trúc chung cư nhiều tầng, kiến trúc chung cư cao tầng.	ELO3
CG2	Kỹ năng thiết kế và thể hiện bản vẽ kiến trúc thuộc loại hình nhà ở. Kỹ năng viết báo cáo có nội dung đơn giản.	ELO3
CG3	Năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được cơ sở lý luận khoa học của việc thiết kế nhà ở từ thấp tầng đến cao tầng. Nhận định được thể loại công trình kiến trúc nhà ở từ thấp tầng đến cao tầng và các bộ phận của nó. Vận dụng các lý luận thiết kế và tổ chức không gian kiến trúc vào thực hiện thiết kế kiến trúc nhà ở từ thấp tầng đến cao tầng. Phân tích được các sơ đồ và giải pháp tổ chức không gian nhà ở từ thấp tầng đến cao tầng và lựa chọn giải pháp thiết kế phù hợp. Đánh giá được các giải pháp thiết kế trong loại hình	ELO3

CELO2	Phác thảo và vẽ được mặt bằng của các công trình thuộc loại hình nhà ở có các chức năng cơ bản. Viết bài thu hoạch đúng cấu trúc, đúng quy cách văn bản khoa học.	ELO3
CELO3	Tự giác chủ động trong học tập, tự đặt mục tiêu học tập để phấn đấu thực hiện, lập và thực hiện kế hoạch học tập nghiêm túc, nền nếp; thực hiện các phương pháp học tập hiệu quả; tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của bản thân, tự sửa sai, tự điều chỉnh.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	M	M
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	L	L	M	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

Điểm đánh giá học phần được tính bằng tổng điểm 10, sau đó được quy đổi

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Khái niệm nhà ở, lược khảo quá trình phát triển nhà ở 1.1. Khái niệm và phân loại nhà ở 1.2. Sơ lược quá trình phát triển của kiến trúc nhà ở	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
	Chương 2: Cơ sở khoa học của việc nghiên	Thuyết trình;	

	2.2. Cơ sở về XH nhân văn thị của phố cổ và Hà Nội xưa 2.3. Cơ sở về văn hoá truyền thống 2.4. Cơ sở về kinh tế kỹ thuật 2.5. Kinh nghiệm tổ chức không gian cư trú truyền trong kiến trúc nhà ở dân gian Việt Nam 2.6. Những mô hình nhà ở đô thị của phố cổ và Hà Nội xưa		
3	Chương 3: Căn nhà và các bộ phận 3.1. Chức năng của gia đình và yêu cầu công năng của nhà ở hiện đại 3.2. Các yêu cầu tâm lý sinh học của không gian nhà ở 3.3. Nội dung căn nhà ở và sơ đồ công năng nhà ở.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
4	Bài tập 1	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
5	Bài tập 2	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	Bài tập 3	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	Bài kiểm tra 1	Thuyết trình;	CELO3
8	Chương 4: Kiến trúc nhà ở thấp tầng 4.1. Khái niệm 4.2. Phân loại 4.3. Biệt thự sang trọng ở TP 4.4. Nhà biệt thự liền kề và nhà liền kề khối ghép 4.5. Xu hướng phát triển của nhà khối ghép trong thời gian tới	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

	5.2. Cơ cấu nội dung căn hộ và tiêu chuẩn thiết kế của chung cư nhiều tầng 5.3. Đặc điểm kiến trúc các loại chung cư nhiều tầng 5.4. Cầu thang trong chung cư nhiều tầng 5.5. Xu thế phát triển kiến trúc chung cư nhiều tầng và cao tầng trên TG.	Powerpoint.	
10	Chương 6: Kiến trúc chung cư cao tầng 6.1. Khái niệm 6.2. Những ưu điểm và nhược điểm của nhà cao tầng 6.3. Những đặc điểm và yêu cầu kiến trúc của chung cư cao tầng 6.4. Những điều kiện chung về kinh tế kỹ thuật 6.5. Phân loại nhà ở chung cư cao tầng 6.6. Kiến trúc các kiểu chung cư cao tầng 6.7. Yêu cầu tổ chức thiết bị kỹ thuật tiện nghi sinh hoạt trong chung cư cao tầng 6.8. Những khía cạnh tâm lý xã hội học của người ở chung cư cao tầng 6.9. Kinh nghiệm của TG về tổ chức chung cư cao tầng, xu hướng phát triển ở Đông Nam Á.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	Bài tập 4	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
12	Bài tập 5	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	Bài tập 5	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
14	Kiểm tra 2	Thuyết trình; Trình chiếu	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M
Chương 5	L	M	M	L	M	M
Chương 6	L	M	M	L	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Đức Thiềm (2009), *Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng – Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Đức Thiềm (2012), *Nguyên lý thiết kế kiến trúc dân dụng – Kiến trúc nhiệm kiến trúc và cơ sở sáng tác*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[3] Tạ Trường Xuân (2009), *Nguyên lý thiết kế kiến trúc*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[4] Ernst Neufert (2004), *Dữ liệu kiến trúc sư*, NXB Thống kê, Hà Nội

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chậm phúc tra thi luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Lê Thị Hải Yến

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Lê Thị Hải Yến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **MÔI TRƯỜNG TRONG XÂY DỰNG**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Môi trường trong xây dựng
Tiếng Việt:	Môi trường trong xây dựng
Tiếng Anh:	<i>Environment in construction</i>
Mã số học phần:	160415024
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	10 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp một số khái niệm và kiến thức căn bản về môi trường trong xây dựng và sự phát triển bền vững, những nguyên lý và giải pháp bảo vệ môi trường trong các công trình xây dựng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Đại cương về môi trường, hệ sinh thái, tài nguyên, phát triển, phát triển bền vững	ELO3
CG2	Ô nhiễm và bảo vệ môi trường	ELO3
CG3	Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản	ELO3
CG4	Đánh giá tác động môi trường	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày các khái niệm về môi trường, hệ sinh thái, tài nguyên. Nêu được các mối quan hệ giữa MT và phát triển. Định nghĩa phát triển bền vững.	ELO3
CELO2	Trình bày được khái niệm ô nhiễm môi trường. Nêu được các loại ô nhiễm môi trường. Phân tích được hậu quả của ô nhiễm môi trường	ELO3
CELO3	Trình bày được các nguyên nhân gây ô nhiễm trong thi công, sản xuất vật liệu xây dựng	ELO3
CELO4	Nêu được các tiêu chí đánh giá tác động môi trường	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M

CELO4	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết

A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Đại cương về môi trường 1.1. Môi trường	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
2	1.1. Môi trường (tt)	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
3	1.2. Hệ sinh thái	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
4	1.3. Tài nguyên 1.4. Mối quan hệ giữa MT và phát triển	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
5	1.5. Phát triển bền vững	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	Chương 2: Ô nhiễm và bảo vệ MT 2.1. Khái niệm về ô nhiễm môi trường 2.2. Ô nhiễm không khí	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	2.2. Ô nhiễm không khí (tt) 2.3. Ô nhiễm nước	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
8	2.3. Ô nhiễm nước (tt)	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
9	2.4. Các vấn đề về MT và tài nguyên đất	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
10	2.5. Chất thải rắn	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	2.6. Hậu quả toàn cầu do ô nhiễm MT	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

	dựng cơ bản 3.1. Ô nhiễm MT trong quá trình thi công xây dựng	chiếu Powerpoint.	
13	3.1. Ô nhiễm MT trong quá trình thi công xây dựng (tt)	Thuyết trình;Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
14	3.2. Ô nhiễm MT trong quá trình sản xuất VLXD	Thuyết trình;Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
15	3.3. Đánh giá tác động MT các dự án và hoạt động xây dựng cơ bản	Thuyết trình;Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	L	L	M	M
Chương 2	M	M	M	L
Chương 3	M	M	L	L

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Trần Đức Hạ và cộng sự, 2010, *Giáo trình Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản*, NXB Xây dựng

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Hữu Thành và Nguyễn Đạt Phương, 2019, *Bài giảng Môi trường trong xây dựng*, Trường ĐHXD Miền Tây

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra thi luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Vũ Phụng Thu

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Vũ Phụng Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Thị trường bất động sản
Tiếng Việt:	Thị trường bất động sản
Tiếng Anh:	<i>The real estate market</i>
Mã số học phần:	160415025
Thời điểm tiến hành:	Học kì 7
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về tổng quan về bất động sản và thị trường BĐS ở Việt Nam, quan hệ cung – cầu và giá cả bất động sản, các nhân tố ảnh hưởng đến cung – cầu bất động sản; phân tích hoạt động của thị trường bất động sản về chủ đề tham gia thị trường, hàng hoá trên thị trường và hệ thống thông tin trên thị trường bất động sản hiện nay.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức chung về tổng quan về bất động sản và thị trường BĐS ở Việt Nam	ELO3
CG2	Kiến thức về quan hệ cung – cầu và giá cả bất động sản, các nhân tố ảnh hưởng đến cung – cầu bất động sản; phân tích hoạt động của thị trường bất động sản về chủ đề tham gia thị trường, hàng hoá trên thị trường và hệ thống thông tin trên thị trường bất động sản hiện nay	ELO3
CG3	Kỹ năng phân tích mối quan hệ cung cầu và nguyên tắc hình thành giá cả thị trường bất động sản, đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu bất động sản	ELO3
CG4	Trình bày khái quát về quản lý Nhà nước và các nguyên tắc, chức năng của quản lý Nhà nước đối với thị trường BĐS hiện nay, đề xuất xây dựng mô hình phát triển thị trường BĐS theo hướng bền vững	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày khái quát về BĐS và thị trường BĐS Việt Nam. Trình bày đặc điểm của BĐS và thị trường BĐS. Trình bày khái niệm về đầu tư, dự án đầu tư. Phân loại BĐS và thị trường BĐS	ELO3
CELO2	Trình bày quy luật cung cầu của hàng hoá trên thị trường BĐS. Phân tích được các nhân tố tác động đến lượng cung, lượng cầu hàng hoá BĐS trên thị trường. Xác định mức giá cân bằng trên thị trường. Phân tích, so sánh sự di chuyển và dịch chuyển của đường cung, đường cầu.	ELO3

CELO3	Trình bày, liệt kê các chủ thể tham gia thị trường BĐS, hàng hoá trên thị trường BĐS và hệ thống thông tin trên thị trường BĐS. Đề xuất giải pháp để phát triển thị trường BĐS	ELO3
CELO4	Trình bày khái quát về quản lý Nhà nước và các nguyên tắc, chức năng của quản lý Nhà nước đối với thị trường BĐS hiện nay, đề xuất xây dựng mô hình phát triển thị trường BĐS theo hướng bền vững	ELO4

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO4	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về bất động sản và thị trường bất động sản 1.1. Tổng quan về BDS 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đặc điểm 1.1.3. Phân loại	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3
2	1.2. Tổng quan về thị trường BDS 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Đặc điểm 1.2.3. Phân loại 1.2.4. Vai trò	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3

3	Chương 2: Quan hệ cung cầu và giá cả bất động sản 2.1. Cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu BĐS 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Đường cầu BĐS 2.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu BĐS	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3
4	2.1.4. Phân biệt sự di chuyển và dịch chuyển đường cầu	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3
5	2.2. Cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu BĐS 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Đường cung BĐS 2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung BĐS	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3
6	2.2.4. Phân biệt sự di chuyển và dịch chuyển đường cung	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3
7	2.3. Quan hệ cung cầu trên thị trường BĐS	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3
8	2.4. Sự hình thành và phát triển thị trường BĐS Việt Nam Kiểm tra lần 1	Thuyết trình; Semina Đặt vấn đề	CELO 3
9	Chương 3: Hoạt động của thị trường BĐS 3.1. Các chủ thể tham gia thị trường BĐS	Thuyết trình; Semina	CELO 3
10	3.2. Hàng hoá trên thị trường BĐS 3.3. Hệ thống thông tin trên thị trường BĐS	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3
11	Chương 4: Quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản 4.1. Khái quát chung quản lý nhà nước đối với thị trường BĐS	Thuyết trình; Semina	CELO 3
12	4.2. Các nguyên tắc quản lý nhà nước đối với thị trường BĐS Kiểm tra lần 2	Thuyết trình; Semina	CELO 3

13	4.3. Các chức năng quản lý nhà nước đối với thị trường BĐS	Thuyết trình; Đặt vấn đề	CELO 3
14	4.4. Quản lý và phát triển thị trường BĐS ở Việt Nam	Thuyết trình; Semina	CELO 3
15	4.4. Quản lý và phát triển thị trường BĐS ở Việt Nam (tt) Ôn tập	Thuyết trình;	CELO 3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	L	L	M	M
Chương 2	M	M	M	L
Chương 3	M	M	L	L
Chương 4	M	M	L	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Minh Hoàng, *Giáo trình Thị trường bất động sản*, NXB Tài chính, 2015

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Bùi Mạnh Hùng, *Thị trường bất động sản*, NXB Xây dựng 2013

[3] Nguyễn Thanh Trà, *Giáo trình Thị trường bất động sản*, NXB Nông nghiệp

[4] Hoàng Văn Cường, *Giáo trình Thị trường bất động sản*, NXB Kinh tế Quốc dân, 2014

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Trương Công Phú

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

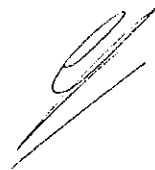
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Trương Công Phú

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản lý tài nguyên và môi trường
Tiếng Việt:	Quản lý tài nguyên và môi trường
Tiếng Anh:	<i>Natural resources and environment management</i>
Mã số học phần:	160415026
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về: các thuật ngữ cơ bản về tài nguyên và môi trường nước, không khí và đất. Các vấn đề về ô nhiễm và quản lý tài nguyên môi trường nước, không khí và đất.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày được khái niệm, thuật ngữ cơ bản về tài nguyên và môi trường	ELO3
CG2	Trình bày khái niệm cơ bản trong quản lý tài nguyên nước	ELO3
CG3	Phân tích các phương pháp kiểm soát ô nhiễm nguồn nước	ELO3
CG4	Trình bày khái niệm cơ bản trong quản lý tài nguyên không khí	ELO3
CG5	Phân tích các phương pháp kiểm soát ô nhiễm không khí, tiếng ồn	ELO3
CG6	Trình bày khái niệm cơ bản trong quản lý tài nguyên đất	ELO3
CG7	Phân tích các phương pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Hiểu được khái niệm về tài nguyên và môi trường; sinh thái và hệ sinh thái; phát triển bền vững và cộng đồng trong quản lý môi trường. Trình bày được các nguyên tắc phát triển bền vững. Trình bày được sự biến đổi chất lượng môi trường, những thách thức đối với sự nghiệp bảo vệ môi trường và sự tham gia của cộng đồng.	ELO3
CELO2	Trình bày các khái niệm về tài nguyên nước mặt, nước ngầm, nước biển ven bờ và ô nhiễm môi trường nước	ELO3
	Phân tích được các nguồn gây ô nhiễm nước, các biện	

	môi trường nước, sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên nước.	
CELO4	Trình bày các khái niệm về môi trường không khí và sự ô nhiễm môi trường không khí.	ELO3
CELO5	Phân tích được các nguồn và các chất gây ô nhiễm không khí và tiếng ồn, các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn. Trình bày các công cụ để quản lý môi trường không khí, sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên không khí.	ELO3
CELO6	Trình bày được khái niệm về sự hình thành môi trường đất, thành phần và tính chất của đất, vai trò của đất	ELO3
CELO7	Phân tích được các nguồn và các chất gây ô nhiễm đất, các biện pháp kiểm soát ô nhiễm đất. Trình bày được các công cụ để quản lý môi trường đất, sự tham gia của cộng đồng để quản lý tài nguyên đất.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO4	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	M	M	M	M
CELO5	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M	M	M
CELO6	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	M	M	M	M
CELO7	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M	M	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá H

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình

- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Khái quát chung về tài nguyên và môi trường 1.1. Các khái niệm cơ bản về tài nguyên môi trường 1.1.1. Các khái niệm, thuật ngữ cơ bản về tài nguyên thiên nhiên 1.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ cơ bản về môi trường 1.1.3. Các khái niệm, thuật ngữ cơ bản về sinh thái và hệ sinh thái 1.1.4. Các khái niệm, thuật ngữ cơ bản về ô nhiễm môi trường 1.2. Nguyên tắc phát triển bền vững 1.2.1. Khái niệm và những quan điểm về phát triển bền vững 1.2.2. Những nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

2	1.2.3. Nguyên tắc hoạt động để đảm bảo môi trường phát triển bền vững 1.2.4. Chiến lược phát triển bền vững Quốc gia 1.2.5. Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững Quốc gia 1.3. Tổng quan về môi trường toàn cầu 1.3.1 Sự biến đổi chất lượng môi trường toàn cầu do tác động của con người 1.3.2. Những thách thức đối với tài nguyên môi trường toàn cầu 1.4. Những thách thức đối với sự nghiệp bảo vệ MT và phát triển bền vững ở Việt Nam 1.4.1. Môi trường tiếp tục bị ô nhiễm do phát triển KTXH	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
3	1.4.2. Một số nguyên nhân gây sức ép lớn đối với tài nguyên môi trường 1.5. Khái niệm sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên môi trường 1.5.1. Một số khái niệm cơ bản về cộng đồng và sự tham gia 1.5.2. Vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý tài nguyên môi trường 1.5.3. Sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý tài nguyên môi trường	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
4	Chương 2: Quản lý tài nguyên nước 2.1. Các khái niệm cơ bản được sử dụng trong quản lý tài nguyên nước 2.1.1. Tài nguyên nước mặt 2.1.2. Tài nguyên nước ngầm 2.1.3. Tài nguyên nước biển ven bờ 2.1.4. Ô nhiễm môi trường nước 2.2. Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước 2.2.1. Nguồn gây ô nhiễm nguồn nước	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

5	2.2.2. Tình hình ô nhiễm nguồn nước ở Việt Nam 2.2.3. Kiểm soát môi trường nước mặt 2.2.4. Kiểm soát môi trường nước ngầm 2.2.5. Kiểm soát môi trường nước ngầm 2.2.6. Kiểm soát môi trường nước biển ven bờ 2.3. Công tác quản lý tài nguyên nước 2.3.1. Khung pháp lý quản lý tài nguyên nước	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	2.3.2. Các công cụ áp dụng để quản lý môi trường nước 2.3.3. Hoạt động quản lý tài nguyên nước ở địa phương 2.3.4. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên nước Kiểm tra 1 tiết	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	Chương 3: Quản lý môi trường không khí 3.1. Các khái niệm cơ bản được sử dụng trong quản lý môi trường không khí 3.1.1. Tài nguyên không khí 3.1.2. Ô nhiễm môi trường không khí 3.2. Kiểm soát ô nhiễm không khí 3.2.1. Nguồn gây ô nhiễm không khí và nguồn thải 3.2.2. Các tiêu chuẩn chất lượng môi trường không khí 3.2.3. Quản lý các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
8	3.3. Kiểm soát tiếng ồn 3.3.1. Tác hại của tiếng ồn 3.3.2. Các nguồn ồn chủ yếu 3.3.3. Tiêu chuẩn tiếng ồn 3.3.4. Kiểm soát tiếng ồn	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

	không khí 3.4.2. Các công cụ áp dụng để quản lý môi trường không khí 3.4.3. Hoạt động quản lý môi trường không khí ở địa phương 3.4.4. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý môi trường không khí	Powerpoint.	
10	Chương 4: Quản lý môi trường đất 4.1. Các khái niệm cơ bản được sử dụng trong quản lý môi trường đất 4.1.1. Sự hình thành môi trường đất 4.1.2. Thành phần và tính chất của đất 4.1.3. Vai trò của đất đối với đời sống con người 4.1.4. Tài nguyên đất ở Việt Nam	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	4.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất 4.2.1. Các chất gây ô nhiễm đất 4.2.2. Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu, diệt cỏ tới hệ sinh thái nông nghiệp 4.2.3. Các tiêu chuẩn đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường đất 4.2.4. Các biện pháp kiểm soát môi trường đất	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
12	4.3. Công tác quản lý môi trường đất 4.4.1. Khung pháp lý quản lý môi trường đất 4.4.2. Các công cụ áp dụng để quản lý môi trường đất 4.4.3. Hoạt động quản lý môi trường đất ở địa phương 4.4.4. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý môi trường đất	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

		Trình chiếu Powerpoint.	
15	Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Ngọc Dung – Giáo trình Quản lý tài nguyên và môi trường – NXB XD 2008

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Phạm Ngọc Đăng – Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp - NXB XD 2004

[3] GS.TS. Nguyễn Đình Hương – Kinh tế chất thải – NXB XD 2006

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra thi luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Trần Thống Nhất

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Trần Thống Nhất

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **QUẢN LÝ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản lý xây dựng công trình đô thị
Tiếng Việt:	Quản lý xây dựng công trình đô thị
Tiếng Anh:	Construction management of urban works
Mã số học phần:	160415027
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này đưa ra những khái niệm về tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình đô thị, thiết kế và thi công xây dựng công trình; giải thích được quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án và tổ chức quản lý thực hiện dự án, kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Đưa ra những khái niệm về tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế và thi công xây dựng công trình. Giải thích được quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án và tổ chức quản lý thực hiện dự án, kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng	ELO3
CG2	Lựa chọn tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng để xem xét, quyết định đầu tư xây dựng Đánh giá việc thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; cấp giấy phép xây dựng	ELO3
CG3	Năng lực xác định yêu cầu thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến dự án sau xây dựng công trình	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày khái niệm về Quản lý xây dựng công trình đô thị. Mô tả được quy trình Quản lý xây dựng công trình đô thị. Đưa ra nội dung cấp giấy phép xây dựng công trình đô thị, hồ sơ thi công xây dựng.	ELO3
CELO2	Lựa chọn các thủ tục pháp lý, hành chính yêu cầu đối với môi trường xây dựng công trình. Xác định được cơ quan cấp phép môi trường cho dự án xây dựng đô thị. Lập kế hoạch phê duyệt các giải pháp thiết kế thi công về an toàn xây dựng công trình và phân tích tính hiệu	ELO3

CELO3	Lập kế hoạch tổ chức sử dụng hiệu quả công trình xây dựng. Xác định được quá trình quản lý duy tu bảo dưỡng công trình xây dựng. Quan sát, đánh giá chất lượng công trình xây dựng đô thị; viết báo cáo.	ELO3
-------	--	------

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.
- Điểm đánh giá quá trình:
 - + Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì
 - + Hình thức đánh giá:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khái niệm về quản lý công trình xây dựng đô thị 1. Khái niệm về quản lý công trình xây dựng đô thị 2. Các yêu cầu chung cho xd công trình đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
2	3. Quản lý xây dựng công trình đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
3	Chương 2: Quản lý sự tuân thủ quy định luật pháp 1. Giấy phép xây dựng công trình đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng	CELO 3

	1.2. Hồ sơ xin cấp phép xây dựng 1.3. Thẩm định phê duyệt cấp phép		
4	2. Hồ sơ thiết kế 2.1. Yêu cầu đối với hồ sơ thiết kế 2.2. Các quy định và quy phạm liên quan tới thiết kế 2.3. Thẩm định và phê duyệt	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO 3
5	3. Hồ sơ thi công xây dựng 3.1. Yêu cầu đối với hồ sơ thi công 3.2. Các quy định và quy phạm liên quan tới thi công xây dựng 3.3. Kiểm tra và giám sát quá trình thi công xd	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO 3
6	4. Giải toả bồi thường hỗ trợ tái định cư, giao đất và cho thuê đất	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO 3
7	Chương 3: Quản lý môi trường trong quá trình XD 1. Khái niệm môi trường xây dựng 1.1. Giới thiệu chung về môi trường XD 1.2. Các quy định về môi trường XD 1.3. Yêu cầu về môi trường XD	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO 3
8	2. Thủ tục pháp lý, hành chính 2.1. Thủ tục pháp lý 2.2. Thủ tục hành chính 2.3. Các thủ tục yêu cầu khác	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
9	3. Cơ quan cấp phép môi trường cho dự án xây dựng đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
	Chương 4: Quản lý án toàn trong dự	Trình chiếu, nêu	

	1.1. Giới thiệu chung về an toàn XD 1.2. Các quy định về an toàn XD 1.3. Yêu cầu về an toàn XD	giải nội dung chính	
11	2. Phê duyệt các giải pháp thiết kế thi công về an toàn xây dựng 2.1. Nhận, lưu giữ hồ sơ an toàn XD 2.2. Kiểm tra tính đầy đủ và đúng yêu cầu của hồ sơ 2.3. Kiểm định, phê duyệt hồ sơ an toàn XD Tham quan thực tế	Hướng dẫn SV quan sát đánh giá quy hoạch đô thị (về quản lý và thực hiện quy hoạch)	CELO 3
12	3. Giám sát an toàn XD 3.1. Theo dõi công việc trong dự án 3.2. Giám sát tuân thủ yêu cầu DA 3.3. Quyết định điều chỉnh bổ sung	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá	CELO 3
13	Chương 5: Quản lý chất lượng công trình 1. Tổ chức sử dụng hiệu quả công trình 2. Quản lý duy tu bảo dưỡng 3. Phân tích tính hiệu quả của dự án	Trực quan, giảng giải, nêu vấn đề, thảo luận	CELO 3
14	Bài tập lớn: “Quan sát, đánh giá thực tế qua hồ sơ thi công xây dựng một công trình cụ thể”	Hướng dẫn SV quan sát đánh giá tiến độ thực hiện XD một công trình cụ thể trong đô thị	CELO 3
15	Ôn tập	Hướng dẫn sinh viên ôn tập và giải đáp câu hỏi	CELO 3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	L	L	M	M
Chương 2	M	M	M	L
Chương 3	M	M	L	L
Chương 4	M	M	L	M

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Văn Thịnh (2017), *Công trình đô thị và công trình ngầm*, NXB Xây dựng, Hà Nội

[2] Nguyễn Ngọc Châu (2012), *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội

7.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Võ Kim Cương (2010), *Chính sách đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội

[4] Phạm Trọng Mạnh (2011), *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thuyết trình: phải hoàn thành 01 bài
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 01 bài.
- Bài báo cáo: phải hoàn thành 01 bài.
- Bài tập lớn: phải hoàn thành 01 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Đặng Xuân Trường

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



TS. Đặng Xuân Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Thực tập tốt nghiệp
Tiếng Việt:	Thực tập tốt nghiệp
Tiếng Anh:	Practice for Graduation
Mã số học phần:	160415028
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☒ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	8 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	120 tiết
Số tiết lý thuyết:	00 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	120 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	150 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, quy trình của công tác thực tế về quản lý đô thị ở các cơ quan, công ty phát triển đô thị; kỹ năng quan sát, ghi chép, cách thức thực hiện công tác quản lý đô thị trong thực tế; các thiết kế, các tổ chức khác nhau của xã hội; làm quen với các thủ tục hành chính, các văn bản pháp quy, nhận biết các quan hệ xã hội trong một đơn vị và biết cách ứng xử thích hợp; nội dung hồ sơ, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; cấp giấy phép xây dựng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày được các nội dung, yêu cầu và các sản phẩm cần nộp của Thực tập tốt nghiệp. Giải thích được nội dung, quy trình của công tác thực tế về quản lý đô thị ở các cơ quan, công ty phát triển đô thị; cách thực hiện công tác quản lý đô thị trong thực tế và nhận biết các quan hệ xã hội trong một đơn vị và biết cách ứng xử phù hợp	ELO3
CG2	Đánh giá, nhận xét, bình luận về hoạt động của đơn vị thực tập, phát hiện những sáng kiến mà đơn vị mình thực tập có được	ELO3
CG3	Trình bày kết quả thực tập và đề xuất các cải tiến, các sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đô thị tại đơn vị	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày nội dung, yêu cầu và sản phẩm cần nộp của Thực tập tốt nghiệp. Xác định đơn vị thực tập phù hợp lĩnh vực nghiên cứu, tùy thuộc vào sở thích và mục tiêu tìm kiếm công việc. Giải thích được nội dung, quy trình của công tác thực tế về quản lý đô thị ở các cơ quan, công ty phát triển đô thị.	ELO3
CELO2	Quan sát, ghi chú cách thực hiện công tác quản lý đô thị trong thực tế. Giải thích với các thiết chế, các tổ chức khác nhau của xã hội; thực hành với các thủ tục hành chính, các văn bản pháp quy về quản lý đô thị. Nhận biết	ELO3

	thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng, cấp giấy phép xây dựng.	
CELO3	Đánh giá, nhận xét, bình luận về hiệu quả hoạt động của đơn vị thực tập. Xác định những sáng kiến mà đơn vị mình thực tập có được. Trình bày kết quả thực tập. Đề xuất các cải tiến, các sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đô thị tại đơn vị	ELO3

Mã trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá B

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Giới thiệu chương trình Thực tập tốt nghiệp	Giải đáp thắc mắc cho SV. Tư vấn SV chọn điểm thực tập phù hợp	CELO 3
2-5	Thực tập tổ nghiệp (tối thiểu 20 ngày làm việc hành chính)	Hướng dẫn SV tham gia thực tập đúng chuyên môn, hoàn thiện báo cáo thực tập tốt nghiệp	CELO 3
6	Đánh giá báo cáo thực tập	Đánh giá báo cáo và thuyết trình của SV	CELO 3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Giai đoạn	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Phạm Trọng Mạnh (2010), *Quản lý đô thị*, NXB Thống kê, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Võ Kim Cương (2004), *Quản lý đô thị thời kỳ chuyển đổi*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[3] Nguyễn Đăng Sơn (2005), *Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[4] Quốc hội Việt Nam (2014), Luật Xây dựng

[5] Quốc hội Việt Nam (2009), Luật Quy hoạch đô thị

8. Quy định của học phần

- Tham gia thực tập trên 80% thời gian thực tập theo quy định
- Bài báo cáo: phải hoàn thành 01 bài
- Bảo vệ báo cáo thực tập: trả lời 02 câu hỏi của GVHD
- Nghiên cứu, sưu tầm, chọn lọc các tài liệu trước khi đi thực tập
- Mỗi sinh viên phải tự xác định lĩnh vực mình sẽ nghiên cứu tùy thuộc vào thích và mục tiêu tìm kiếm công việc sau này, năng lực cá nhân, các mối quan hệ và cả điều kiện tài chính cho phép, từ đó xác định địa chỉ và lĩnh vực mà mình sẽ thực tập. Sinh viên có thể thực tập theo các lĩnh vực sau đây:
 - + Quy hoạch – kiến trúc, xây dựng và cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị;
 - + Các dự án kinh tế - xã hội và môi trường đang tiến hành trên các lĩnh vực khác nhau như: dự án hạ tầng kỹ thuật, dự án nhà ở, dự án môi trường, dự án tái định cư, dự án phát triển cộng đồng,...
 - + Quản lý công theo khu vực đô thị các cấp: thành phố/thị xã, quận/huyện, phường/xã.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như cello, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: Tất cả giảng viên của Bộ môn

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đặng Xuân Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Đồ án tốt nghiệp
Tiếng Việt:	Đồ án tốt nghiệp
Tiếng Anh:	<i>Thesis for Graduation</i>
Mã số học phần:	160415029
Thời điểm tiến hành:	Học kì 9
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☒ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	10 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	150 tiết
Số tiết lý thuyết:	00 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	150 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	300 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành một số dung thực tế về quản lý xây dựng theo các đồ án quy hoạch được duyệt và thực hiện các dự án trong thực tế. Các đề tài tốt nghiệp được phân thành 5 lĩnh vực:

1. Quản lý quy hoạch chung đô thị;
2. Quản lý giao thông đô thị;
3. Quản lý cấp thoát nước đô thị;
4. Quản lý Môi trường đô thị;
5. Quản lý Công trình ngầm đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOS)
CG1	Những kiến thức để xây dựng nội dung, quy trình và phương thức thể hiện một đồ án về Quản lý đô thị lấy đề tài từ thực tiễn xã hội; xác định lý thuyết liên quan, lựa chọn phương pháp nghiên cứu thích hợp và đưa ra kết luận hợp lý dựa trên các cơ sở pháp lý về quy hoạch và quản lý đô thị	ELO3
CG2	Kỹ năng xác định các công cụ quản lý đô thị để giải quyết các vấn đề đặt ra trong đồ án; lập hồ sơ đồ án quản lý đô thị, thể hiện và trình bày dưới dạng văn bản và bản vẽ các đề xuất trong quá trình nghiên cứu	ELO3
CG3	Ý thức tích cực sửa bài dưới sự hướng dẫn trực tiếp của GV; thể hiện và nộp đồ án đúng nội dung và tiến độ quy định	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Tổng hợp các kiến thức của quá trình đào tạo để xây dựng nội dung, quy trình và phương thức thể hiện một đồ án về Quản lý đô thị lấy đề tài từ thực tiễn xã hội. Giải thích, áp dụng được các cơ sở pháp lý về quy hoạch và quản lý đô thị trong quá trình thực hiện đồ án. Phân tích và chọn một vấn đề quản lý đô thị làm đề tài tốt nghiệp, xác định các lý thuyết liên quan, lựa chọn phương pháp nghiên cứu thích hợp và đưa ra kết luận	ELO3

	ngành quản lý đô thị. Đọc hiểu tài liệu, phân tích đánh giá các thông tin có liên quan đến lĩnh vực quản lý xây dựng đô thị. Xác định công cụ quản lý đô thị để giải quyết các vấn đề đặt ra trong đồ án. Lập hồ sơ đồ án quản lý đô thị, thể hiện và trình bày dưới dạng văn bản và bản vẽ các đề xuất trong quá trình nghiên cứu.	
CELO3	Tích cực sửa bài theo nhóm dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên. Thể hiện và nộp đồ án đúng nội dung và tiến độ quy định	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1-2	Giai đoạn 1: Đề cương đề tài tốt nghiệp	Hướng dẫn SV chọn tên đề tài hợp lý, giới thiệu các tài liệu nghiên cứu bổ sung để tham khảo, phê duyệt nội dung GD1	CELO 3
3-8	Giai đoạn 2: Nghiên cứu cơ sở	Hướng dẫn SV phân tích đánh giá thực trạng, lựa chọn cơ sở khoa học và xây dựng quan điểm đề xuất ý tưởng cho đề án	CELO 3

9	Kiểm tra tiến độ	Góp ý thêm nội dung, hướng nghiên cứu và triển khai đồ án	CELO 3
10-19	Giai đoạn 3: Triển khai và hoàn thiện	Hướng dẫn SV triển khai đề xuất, thể hiện bản vẽ và văn bản	CELO 3
20	Giai đoạn 4: Thuyết trình bảo vệ đồ án	Phản biện và góp ý giúp SV hoàn thiện đồ án	CELO 3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Giai đoạn	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
1	L	L	M
2	M	M	M
3	M	M	L
4	M	M	L

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Khoa Kiến trúc (2018), *Quy định thực hiện đồ án tốt nghiệp Ngành Qu*
Đô thị và Công trình, Trường ĐHXD Miền Tây.

[2] Khoa Kiến trúc (2019), *Hướng dẫn thực hiện đồ án tốt nghiệp Ngành Qu*
Đô thị và Công trình, Trường ĐHXD Miền Tây

7.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Phạm Trọng Mạnh (2010), *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[4] Quốc hội Việt Nam (2017), Luật Quy hoạch

[5] Võ Kim Cương (2010), *Chính sách đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[6] Nguyễn Thế Bá (chủ biên) (2012), *Quy hoạch xây dựng phát triển đô*
NXB Xây dựng, Hà Nội.

[7] Chính phủ Việt Nam (2010), Thông tư 19/2010/TT-BXD hướng dẫn lập
chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

[9] Chính phủ Việt Nam (2015), Nghị định 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

8. Quy định của học phần

- Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện đồ án tổ nghiệp ngành Quản lý đô thị công trình của Trường ĐHXD Miền Tây.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lệ.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi là không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra bài luận, luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: Tất cả giảng viên của Bộ môn

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



TS. Đặng Xuân Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **QUẢN LÝ DỰ ÁN**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản lý dự án
Tiếng Việt:	Quản lý dự án
Tiếng Anh:	Project management
Mã số học phần:	160915008
Thời điểm tiến hành:	Học kì 8
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	08 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	90 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng như: Phân tích, đánh giá dự án trong quá trình triển khai, thực hiện và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, giám sát chất lượng công trình xây dựng và các vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng, quản lý tiến độ xây dựng công trình; Quy trình thực hiện dự án và quy trình thanh quyết toán công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu được một số quy trình, thủ tục cần tuân thủ khi thực hiện dự án	ELO3
CG2	Vận dụng các văn bản pháp luật có liên quan vào thực tiễn công tác quản lý dự án	ELO3
CG3	Vận dụng các công cụ quản lý vào công tác quản lý dự án xây dựng	ELO3
CG4	Đánh giá một dự án xây dựng về mặt tài chính, tiến độ, chất lượng, rủi ro	ELO3
CG5	Thực hiện công tác lập kế hoạch và triển khai dự án xây dựng theo quy định hiện hành	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được khái niệm chung về các loại dự án đầu tư xây dựng; các công việc quản lý dự án xây dựng. Trình bày được các mô hình quản lý dự án; trình bày được các cấu trúc tổ chức dự án. Xác định được trình tự thực hiện dự án đầu tư; nắm bắt được các công việc liên quan đến công tác quản lý dự án. Vận dụng văn bản luật để đánh giá được hiệu quả đầu tư dự án.	ELO3
CELO2	Xác định được chi phí đầu tư xây dựng công trình; lập được trình tự quản lý tổng mức đầu tư. Xác định được các loại dự toán công trình: Dự toán gói thầu, Định mức đơn giá xây dựng công trình; lập được trình tự quản lý. Xác định được vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng công trình.	ELO3

CELO3	Lập được kế hoạch thực hiện dự án; định hướng phát triển dự án; trình bày được các công cụ của hoạch định, quản lý dự án; nắm bắt được các phần mềm lập tiến độ dự án; đánh giá, quản lý được tiến độ dự án. Lập được kế hoạch thực hiện dự án; định hướng phát triển dự án; trình bày được các công cụ của hoạch định, quản lý dự án. Sử dụng phần mềm để lập, đánh giá, quản lý được tiến độ dự án	ELO3
CELO4	Trình bày được khái niệm chất lượng; xác định được các nguyên tắc của quản lý chất lượng. Thực hiện quy trình quản lý chất lượng công trình xây dựng. Trình bày được rủi ro trong quá trình thực hiện dự án. Trình bày được các phương pháp quản lý an toàn lao động, quản lý môi trường xây dựng	ELO3
CELO5	Trình bày được các vấn đề liên quan đến giai đoạn kết thúc dự án. Nêu được trình tự thanh toán khối lượng hoàn thành, vốn đầu tư. Nêu được thủ tục và hồ sơ quyết toán vốn đầu tư.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO4	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	M	M	M	M
CELO5	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M	M	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình

- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Giới thiệu chung về dự án và quản lý dự án 1.1. Giới thiệu về dự án 1.2. Quản lý dự án xây dựng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
2	1.3. Ban quản lý dự án 1.4. Cấu trúc tổ chức dự án	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
3	Chương 2: Xác định dự án đầu tư xây dựng 2.1. Trình tự thực hiện dự án đầu tư 2.2. Một số công việc liên quan đến công tác QLDA	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
4	2.3. Đánh giá dự án xây dựng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
5	Chương 3: Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình 3.1. Chi phí đầu tư XD công trình 3.2. Quản lý tổng mức đầu tư	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	3.3. Quản lý dự toán công trình, gói thầu 3.4. Quản lý định mức, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng công trình 3.5. Quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng công trình Kiểm tra 1 tiết	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	Chương 4: Hoạch định dự án và quản lý tiến độ dự án 4.1. Lập kế hoạch dự án 4.2. Hoạch định dự án	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

8	4.3. Quản lý tiến độ dự án	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
9	Chương 5: Quản lý chất lượng trong dự án đầu tư xây dựng 5.1. Chất lượng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
10	5.2. Quản lý chất lượng trong dự án đầu tư xây dựng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	Chương 6: Quản lý rủi ro, an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong dự án đầu tư xây dựng 6.1. Quản lý rủi ro	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
12	6.2. Quản lý an toàn lao động 6.3. Quản lý môi trường xây dựng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	Chương 7: Kết thúc dự án 7.1. Các vấn đề liên quan đến giai đoạn kết thúc dự án	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
14	7.2. Quyết toán hợp đồng xây dựng 7.3. Bảo hành công trình xây dựng Kiểm tra 1 tiết	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
15	Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M
Chương 5	L	M	M	L	M	M
Chương 6	M	M	M	L	L	L
Chương 7	M	M	M	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Đỗ Thị Xuân Lan, *Quản lý dự án xây dựng*, NXB ĐHQG TP. HCM, 2012.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Lưu Trường Văn, Nguyễn Thanh Trúc, Trương Mỹ Phẩm (2018), *Quản lý dự án*, Trường ĐHXD Miền Tây

[3] Luật Xây dựng 2014

[4] Nghị định 59/2015/NĐ-CP về Quản lý dự án đầu tư xây dựng

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Đặng Xuân Trường

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đặng Xuân Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH VÀ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Bản đồ địa chính và đăng ký đất đai
Tiếng Việt:	Bản đồ địa chính và đăng ký đất đai
Tiếng Anh:	<i>Cadastral map and land registration</i>
Mã số học phần:	160215130
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về lập, chỉnh lý, sử dụng bản đồ địa chính và đăng ký đất đai.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Khái niệm, các nguyên tắc và quy trình lập, chỉnh lý, quản lý, sử dụng bản đồ địa chính	ELO3
CG2	Kỹ năng đọc hiểu bản đồ địa chính, sử dụng bản đồ địa chính để quản lý hoạt động đăng ký đất đai	ELO3
CG3	Ý thức về vai trò quan trọng của hồ sơ địa chính và công tác đăng ký đất đai trong quản lý đô thị	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được những khái niệm cơ bản về bản đồ học như: cơ sở toán học của bản đồ; các phép chiếu bản đồ đã được sử dụng ở Việt Nam; phương pháp thể hiện bản đồ. Trình bày được những khái niệm cơ bản về bản đồ địa chính. Giải thích quy trình lập bản đồ địa chính và phân tích các nguyên tắc quản lý và khai thác bản đồ địa chính.	ELO3
CELO2	Lựa chọn tỷ lệ và phương pháp đo vẽ bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất. Xác định ranh giới thửa đất, lập bản đồ ranh giới, mốc giới thửa đất. Sử dụng bản đồ địa chính trong công tác thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; biên tập bản đồ địa chính, tính diện tích.	ELO3
CELO3	Nhận thức được vai trò quan trọng của hồ sơ bản đồ địa chính và công tác đăng ký đất đai trong quản lý đô thị	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Mở đầu 1.1. Khái quát về địa chính 1.2. Khái niệm, tính chất và phân loại bản đồ địa chính 1.3. Nội dung bản đồ địa chính	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
2	Chương 2: Cơ sở toán học bản đồ địa chính 2.1. Lưới không chế tọa độ, độ cao 2.2. Hệ thống tỷ lệ bản đồ địa chính	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
3	2.3. Phân mảnh và phiên hiệu mảnh bản đồ địa chính 2.4. Phép chiếu và hệ tọa độ địa chính 2.5. Yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3

4	Chương 3: Quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính 3.1. Khái quát quy trình thành lập bản đồ địa chính 3.2. Các phương pháp thành lập bản đồ địa chính	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO 3
5	3.3. Trình tự các bước thành lập bản đồ địa chính gốc (bản đồ địa chính cơ sở)	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO 3
6	3.4. Thành lập bản đồ địa chính theo đơn vị hành chính cấp xã (gọi tắt là bản đồ địa chính)	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO 3
7	3.5. Khái quát công nghệ thành lập bản đồ địa chính số	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO 3
8	Chương 4: Sử dụng quản lý và khai thác bản đồ địa chính 4.1. Sử dụng bản đồ địa chính 4.2. Cập nhật, chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
9	4.3. Các phương pháp đo đơn giản phục vụ trích đo thửa	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
10	4.4. Các phương pháp chỉnh lý biến động	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
11	4.5. Hiệu chỉnh bản đồ địa chính	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3

12	Chương 5: Trình bày bản đồ địa chính 5.1. Ký hiệu bản đồ địa chính	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
13	5.2. Trình bày bản đồ địa chính	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO 3
14	Báo cáo cá nhân: Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất với hồ sơ địa chính; biên tập bản đồ địa chính, tính diện tích	Hướng dẫn SV lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất với hồ sơ địa chính Đánh giá báo cáo và các bản đồ do SV thực hiện	CELO 3
15	Ôn tập	Hướng dẫn sinh viên ôn tập và giải đáp câu hỏi	CELO 3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	L	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	L
Chương 4	M	M	L
Chương 5	L	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Đỗ Hậu, Nguyễn Đình Bồng (2010), *Quản lý đất đai và bất động sản đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2008), *Quy phạm thành lập bản đồ địa chính*, Hà Nội

[3] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), Thông tư 25/2014/TT-BTNMT *Quy định về bản đồ địa chính*, Hà Nội

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thuyết trình: phải hoàn thành 01 bài
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 01 bài.
- Bài tập lớn: phải hoàn thành 01 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Phạm Văn Tùng

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Văn Tùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ ĐÔ THỊ**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC.

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Bản đồ chuyên đề đô thị
Tiếng Việt:	Bản đồ chuyên đề đô thị
Tiếng Anh:	Urban Thematic Cartography
Mã số học phần:	160315042
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm (seminar):	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Số giờ thực hành	15 tiết
Kiểm tra (thực hành)	0 tiết
Luyện tập tại lớp	0 tiết
Trải nghiệm	0 tiết
Thời gian tự học:	30 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	GIS đại cương
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị và công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Bên cạnh các bản đồ địa lý chung với nội dung và cách thể hiện được quy định rõ ràng, các bản đồ chuyên đề chiếm một vị trí và vai trò khá quan trọng do tính đa dạng về nội dung và cách thể hiện. Vì vậy, xây dựng các bản đồ chuyên đề là một vấn đề cần thiết và có ý nghĩa thực tế.

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết cùng kỹ năng thực hành để có thể áp dụng tự xây dựng bản đồ chuyên đề theo yêu cầu đặt ra.

Môn “Bản đồ chuyên đề đô thị” giới thiệu ý niệm và vai trò của bản đồ chuyên đề, các giải pháp thể hiện nội dung bản đồ với từng bước cụ thể: lựa chọn phương pháp thể hiện, xử lý dữ liệu, lựa chọn ký hiệu... của các phương pháp thể hiện nội dung bản đồ truyền thống, để sinh viên có thể vận dụng. Bên cạnh đó, môn học sẽ trình bày những nguyên tắc và kỹ năng trình bày bản đồ chuyên đề. Sinh viên sẽ được thực hành trên phần mềm GIS để trình bày dữ liệu với sự hỗ trợ của máy tính. Ngoài ra, môn học được giới thiệu một số xu hướng công nghệ mới trong bản đồ chuyên đề.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu biết về bản đồ chuyên đề	ELO 4
CG2	Kiến thức về phương pháp thể hiện nội dung bản đồ, trình bày bản đồ	ELO 4
CG3	Hiểu biết về các xu hướng công nghệ mới trong bản đồ chuyên đề	ELO 4
CG4	Kỹ năng biên tập phương pháp thể hiện nội dung bản đồ trên phần mềm, trình bày bản đồ với sự hỗ trợ của phần mềm	ELO5
CG5	Khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để tự mình xây dựng bản đồ chuyên đề hoàn chỉnh với sự hỗ trợ của công nghệ	ELO 6
CG6	Nhận thức về vai trò và ý nghĩa của bản đồ chuyên đề trong việc phát triển ngành	ELO 15
CG7	Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm	ELO 10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả CDR học phần (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO1	Phát biểu được định nghĩa bản đồ chuyên đề	ELO 4
CELO2	Chỉ ra được các loại các bản đồ chuyên đề theo các tiêu chí khác nhau, những thành phần của bản đồ chuyên đề, các đặc điểm chính	ELO 4
CELO3	Nêu ra được ý nghĩa “trực quan hóa”	ELO 4
CELO4	Trình bày các bước và ý nghĩa của việc đưa ra giải pháp thể hiện nội dung bản đồ chuyên đề	ELO 4
CELO5	Phân biệt được các phương pháp thể hiện nội dung bản đồ cơ bản	ELO 4
CELO6	Giải thích được nguyên tắc trình bày bản đồ chuyên đề	ELO 4
CELO7	Mô tả được các xu hướng công nghệ mới trong xây dựng bản đồ chuyên đề	ELO 4
CELO8	Thao tác được trên máy với sự hỗ trợ của 1 phần mềm, bản đồ chuyên đề biên tập bằng các phương pháp thể hiện khác nhau và ra trang in hoàn chỉnh cho 1 bản đồ chuyên đề	ELO 5
CELO9	Vận dụng kiến thức và kỹ năng để xây dựng bản đồ chuyên đề với sự hỗ trợ của công nghệ	ELO4, 5, 6
CELO10	Nhận biết được vai trò và ý nghĩa của bản đồ chuyên đề trong việc phát triển ngành	ELO 15
CELO11	Thực hiện được các hoạt động chuyên môn độc lập hoặc theo nhóm theo nhóm	ELO 10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO 15
CELO1				L											
CELO2				M											
CELO3				L											

CELO4				L											
CELO5				M											
CELO6				M											
CELO7				L											
CELO8					H										
CELO9				H	H	H									
CELO10															L
CELO11										M					

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Việc tổ chức hoạt động giảng dạy- học tập sẽ thực hiện theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và với quan điểm “học tập là một quá trình chủ động của người học. Đây là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, vừa có tính lý thuyết vừa mang tính thực hành nên sẽ bao gồm Giới thiệu (I) và Dạy (T) và thực hiện Vận dụng (U). Do đó, sẽ áp dụng kết hợp:

- Phương pháp Thuyết trình
- Kỹ thuật động não (hỏi đáp, bài tập nhỏ, đặt vấn đề)
- Bài tập lớn

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép,
- Phát biểu
- Trải nghiệm
- Thực hiện các bài tập
- Thao tác trên phần mềm

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: kiểm tra hỏi đáp đầu giờ, bài tập về nhà, bài thực hành

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: Bài tập lớn

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và có xem bài cũ 5 phút	Các nội dung đã học buổi học trước	CELO. 1->8, 10	Hàng tuần, gọi ngẫu nhiên	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	PP phỏng vấn (hỏi đáp)	20%
	A1.2. Bài tập về nhà	Chọn 1 bản đồ chuyên đề bất kỳ. Phân loại bản đồ đó theo các tiêu chí khác nhau, chỉ ra được các thành phần của bản đồ	CLEO 2, 11	Cuối bài Ý niệm chung	Làm đúng, không sao chép	PP viết	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. BT nhóm	Phân nhóm dữ liệu – các phương án và ý nghĩa Thang dữ liệu – các phương án và ý nghĩa	CELO4, 11	Cuối buổi về Giải pháp thể hiện nội dung	Mức độ tham gia, làm đúng	PP viết	20%
	A2.2. Seminar	Các phương pháp thể hiện nội	CELO5	Các buổi về Các phương pháp thể	Có nộp bài ppt, trình bày và trả lời	PP trình bày, thảo luận	

		dung bản đồ cơ bản		hiện nội dung bản đồ cơ bản	được các câu hỏi thảo luận (50%). Điểm cá nhân được chấm theo mức độ tham gia		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A.3.1. Kiểm tra thực hành	Biên tập và hoàn chỉnh trang in với dữ liệu cho sẵn	CELO8, 11	Cuối buổi thực hành	Làm đúng, không sao chép	PP thực hành	60%
	A3.2. Bài tập cuối khoá	Xây dựng một bản đồ chuyên đề đô thị hoàn chỉnh theo phương pháp truyền thống hoặc công nghệ mới	CELO8, 9, 11	Cuối khoá	Làm đúng, không sao chép, không sử dụng chung dữ liệu của nhau	PP thực hành + viết	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần (buổi 3t)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
16	Chương 1: Ý niệm cơ bản		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Bản đồ 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Phân loại 1.2. Bản đồ chuyên đề 1.2.1. Định nghĩa 1.2.2. Ý nghĩa – vai trò 1.2.3. Phân loại – thành phần 1.2.4. Cơ sở khoa học – các ứng dụng 1.3. Vai trò bản đồ trong thể hiện dữ liệu	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (5t) - Luyện tập tại lớp (1t) - BT về nhà	CELO 1, 2, 3

Tuần (buổi 3t)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	không gian <i>1.3.1. Hiện thị hóa - Trục quan hóa</i> <i>1.3.2. Bản đồ - phương tiện trục quan hóa dữ liệu không gian</i> <i>1.3.3. Vai trò bản đồ trong thể hiện dữ liệu không gian</i>		
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Chọn 1 bản đồ chuyên đề bất kỳ. Thực hiện phân loại bản đồ chuyên đề theo các tiêu chí khác nhau, chỉ ra được các thành phần của bản đồ	(2t)	CELO 2, 11
17	Chương 2: Giải pháp thể hiện nội dung		
	A/Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Ý niệm về giải pháp thể hiện 2.2. Lựa chọn các phương pháp <i>2.2.1. Các phương pháp thể hiện</i> <i>2.2.2. Nguyên tắc lựa chọn</i> 2.3. Xử lý dữ liệu <i>2.3.1. Chuẩn hóa</i> <i>2.3.2. Phân nhóm</i> 2.4. Lựa chọn ký hiệu <i>2.4.1. Sự đa dạng - các biến ký hiệu</i> <i>2.4.2. Nguyên tắc lựa chọn</i>	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (4t) - Luyện tập tại lớp (1t) - Thảo luận nhóm (1t) - Thực hành (6t)	CELO 4, 5, 11
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà:BT nhóm <i>Phân nhóm dữ liệu – các phương án và ý nghĩa</i> <i>Thang dữ liệu – các phương án và ý nghĩa</i>	3 tiết	CELO 4, 5, 11
18	Chương 3: Các phương pháp thể hiện nội dung cơ bản		
	A/Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Các phương pháp <i>3.1.1. Ký hiệu theo điểm</i> <i>3.1.2. Ký hiệu đường chuyển động</i> <i>3.1.3. Ký hiệu theo tuyến</i> <i>3.1.4. Khoanh vùng</i> <i>3.1.5. Chấm điểm</i> <i>3.1.6. Phân vùng</i> <i>3.1.7. Đăng trị</i>	- Seminar (9t) - Thực hành (15t)	CLEO5, 8, 11

Tuần (buổi 3t)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.1.8. Biểu đồ 3.1.9. Đồ giải 3.2. Phối hợp các giải pháp 3.3. Sử dụng phần mềm GIS để biên tập 3.3.1. Các nguyên tắc chung 3.3.2. Các bước thực hiện		
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Seminar: Trình bày, thảo luận về các phương pháp Bài tập về nhà: Luyện tập thể hiện dữ liệu cho sẵn theo các phương pháp	15 tiết	CLEO5, 7, 11
19	Chương 4: Trình bày bản đồ A/Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Nguyên tắc chung 4.2. Xây dựng sơ đồ bố cục 4.3. Thiết kế các phần tử bản đồ 4.3.1. Bản đồ chính 4.3.2. Cơ sở toán 4.3.3. Thành phần hỗ trợ 4.3.4. Thành phần bổ sung 4.4. Trình bày tổng thể 4.5. Sử dụng phần mềm GIS để trình bày tổng thể (ra trang in)	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (5t) - Luyện tập tại lớp (1t) - Thực hành (7t) - Kiểm tra thực hành (2t)	CELO6, 8, 11
20	Chương 5. Xu hướng công nghệ mới A/Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Giới thiệu 1 số xu hướng công nghệ mới 5.2. Trải nghiệm 1 số trang web có sử dụng công nghệ mới B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Bài tập cuối khóa Xây dựng một bản đồ chuyên đề đô thị hoàn chỉnh theo phương pháp truyền thống hoặc công nghệ mới	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (2t) - Trải nghiệm (1t)	CLEO7 CELO8, 9, 11

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần										
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9	CELO10	CELO11
Module 1	L	M	L							M	L
Module 2				M	M						M
Module 3					H		H	M			H
Module 4						M	M	H	H		H
Module 5							L				H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Lâm Quang Quốc, *Thành lập bản đồ KT – XH*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2008.
2. Trần Tấn Lộc, *Bản đồ chuyên đề*, NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, 2005.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Ngọc Đĩnh, Lâm Quang Dốc, Vũ Bích Vân, Nguyễn Minh Ngọc, *Bản đồ học đại cương*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.
2. Lê Huỳnh, Lê Ngọc Nam, *Bản đồ chuyên đề*, NXB Giáo Dục, Hà Nội, 2001.
3. M. J. Kraak, F.J. Ormeling, *Cartography- Visualization of Spatial data*, Guilford Press, 2011.
4. John Krygrier and Denis Wood, *Making maps: Visual Guide to Map Design for GIS*, Guilford Press, 2016.
5. William Cartwright, Michael P. Peterson and Georg Gartner, *Multimedia cartography*, Springer, NewYork, 1999.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận nhóm.

Sinh viên phải tham dự đủ các buổi thực hành (không được vắng quá 2 buổi)

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập đúng thời hạn quy định.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Văn Tuấn

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Văn Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **KHOA HỌC QUẢN LÝ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Khoa học quản lý
Tiếng Việt:	Khoa học quản lý
Tiếng Anh:	Management Science
Mã số học phần:	160415001
Thời điểm tiến hành:	Học kì 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	100 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết hệ thống, cách tiếp cận, các khái niệm về khoa học quản lý; các chức năng, nguyên tắc của quản lý. Hiểu và vận dụng một số phương pháp quản lý chủ yếu vào thực tế có liên quan.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày khái niệm cơ bản về lý thuyết hệ thống; nêu được một số quan điểm về tiếp cận hệ thống; trình bày được một số khái niệm, chức năng, các nguyên tắc quản lý	ELO3
CG2	Trình bày một số phương pháp quản lý chủ yếu	ELO3
CG3	Vận dụng một số phương pháp quản lý chủ yếu vào thực tế có liên quan	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được khái niệm về hệ thống, một số quan điểm về tiếp cận hệ thống, về quản lý, vai trò và chức năng của quản lý.	ELO3
CELO2	Trình bày được các quy định, quy tắc trong quản lý, các phương pháp quản lý chủ yếu	ELO3
CELO3	Hiểu và vận dụng các quy tắc, các phương pháp quản lý chủ yếu vào thực tế có liên quan	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	PP viết	70%

kỳ							
----	--	--	--	--	--	--	--

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về lý thuyết hệ thống 1.1. Quan điểm toàn thể 1.2. Hệ thống 1.2.1. Phần tử 1.2.2. Môi trường cả hệ thống 1.2.3. Đầu vào, đầu ra 1.2.4. Trạng thái của hệ thống 1.2.5. Mục tiêu của hệ thống 1.2.6. Chức năng của hệ thống 1.2.7. Cơ cấu của hệ thống 1.2.8. Tính chất của hệ thống	Phát vấn; Diễn thuyết; Thảo luận nhóm	CELO3
2	1.3. Nghiên cứu hệ thống 1.3.1. Một số quan điểm 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu hệ thống 1.4. Hệ điều khiển 1.5. Các quan điểm tiếp cận hệ thống 1.5.1. Tổ chức được xem như một cơ thể sống 1.5.2. Tổ chức được xem như một cỗ máy 1.5.3. Tổ chức được xem như một bộ não 1.5.4. Tổ chức được xem như một đoàn thể 1.5.5. Tổ chức được xem như một hệ thống chính trị, một đảng phái 1.5.6. Tổ chức được xem như một nền văn hoá	Phát vấn; Diễn thuyết; Thảo luận nhóm	CELO3
3	Chương 2: Khái niệm chung về quản lý 2.1. Một số khái niệm chung về quản lý 2.1.1. Khái niệm quản lý 2.1.2. Điều kiện khách quan và yếu tố chủ quan trong quản lý	Phát vấn; Diễn thuyết; Thảo luận nhóm	CELO3

	2.1.3. Chủ thể và khách thể quản lý 2.2. Vai trò, chức năng của quản lý 2.2.1. Vai trò của quản lý		
4	2.2.2. Chức năng của quản lý 2.2.2.1. Lập kế hoạch	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO3
5	Seminar 1	Trọng tài	CELO3
6	2.2.2.2. Tổ chức 2.2.2.3. Điều khiển	Phát vấn; Diễn thuyết; Thảo luận nhóm	CELO3
7	2.2.2.4. Kiểm tra	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận; Bài tập thực hành	CELO3
8	Seminar 2	Trọng tài	CELO3
9	2.3. Các quy luật trong quản lý 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Các đặc điểm 2.3.3. Các quy luật	Phát vấn; Diễn thuyết; Thảo luận nhóm	CELO3
10	2.4. Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý 2.4.1. Khái niệm, cơ sở đề ra nguyên tắc 2.4.2. Các nguyên tắc cơ bản	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận; Bài tập thực hành	CELO3
11	Chương 3: Các phương pháp quản lý chủ yếu 3.1. Khái niệm phương pháp 3.2. Vai trò của phương pháp	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận; Bài tập thực hành	CELO3
12	3.3. Các phương pháp quản lý chủ yếu 3.3.1. Giáo dục chính trị - tư tưởng	Thuyết trình; Trình chiếu;	CELO3

	3.3.2. Hành chính – pháp luật	Thảo luận; Bài tập thực hành	
13	Seminar 3	Trọng tài	CELO3
14	3.3.3. Tổ chức – điều khiển 3.3.4. Phương pháp kinh tế	Phát vấn; Diễn thuyết; Thảo luận nhóm	CELO3
15	Seminar 3	Trọng tài.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	L	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	L

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Bài giảng: Khoa học quản lý. TS. Đặng Xuân Trường. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.Hồ Chí Minh.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Phan Quốc Bảo, Tạ Ngọc Ái, Tính cách quyết định số phận, NXB Hồng Đức, 2016.

[3] Trần Khánh Đức, Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực thế kỷ XXI, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

[4] Nguyễn Lộc, Lý luận về quản lý – NXB ĐH Sư phạm Hà Nội, 2010.

[5] John C. Maxwell, 17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm, NXB LĐ-XH, 2008.

[6] Patrick Forsyth (dịch Bùi Thanh Hiền), Quản lý thời gian hiệu quả, NXB Lao động 2016

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Đặng Xuân Trường

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đặng Xuân Trường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **HÌNH HỌC HỌA HÌNH VÀ VẼ KỸ THUẬT**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Hình học họa hình và Vẽ kỹ thuật
Tiếng Việt:	Hình học họa hình và Vẽ kỹ thuật
Tiếng Anh:	<i>Geometry and Technical Drawing</i>
Mã số học phần:	160415002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	15 tiết
Số tiết bài tập:	30 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	90 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần bao gồm 2 phần: Hình học họa hình và Vẽ kỹ thuật.

Phần Hình học họa hình cung cấp kiến thức cơ bản về biểu diễn các yếu tố hình học và biểu diễn vật thể bao gồm các nội dung chính như: phép chiếu; xác định phương pháp chiếu thẳng góc; phân tích vật thể, cách xây dựng mặt cắt, hình cắt và biểu diễn hình chiếu trục đo của vật thể. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện kỹ năng vẽ đúng kỹ thuật của các bản vẽ biểu diễn vật thể.

Phần Vẽ kỹ thuật cung cấp kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn để thiết lập bản vẽ kỹ thuật xây dựng, các tiêu chuẩn quy định của các thành phần, nội dung, yêu cầu kỹ thuật và ký hiệu các bản vẽ trong hồ sơ thiết kế kiến trúc của nhà và công trình, những yêu cầu về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện kỹ năng thể hiện các loại bản vẽ kỹ thuật.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về các phép chiếu; các phương pháp chiếu thẳng góc; cách xây dựng mặt cắt, hình cắt; phương pháp hình chiếu trục đo. Kiến thức chung về các tiêu chuẩn để thiết lập bản vẽ kỹ thuật xây dựng, hồ sơ thiết kế kiến trúc của nhà và công trình, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công	ELO3
CG2	Kỹ năng vẽ các bản vẽ biểu diễn vật thể. Kỹ năng đọc và vẽ các loại bản vẽ kỹ thuật xây dựng theo đúng quy cách kỹ thuật	ELO3
CG3	Năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được phương pháp biểu diễn điểm, đường thẳng, mặt phẳng; Cách xác định giao tuyến của mặt phẳng với khối; phương pháp xây dựng các hình chiếu vuông góc, hình cắt của vật thể; Phương pháp dựng hình chiếu trục đo. Vận dụng kiến thức đã học để xác lập được hình chiếu thứ ba của vật thể từ hai hình chiếu cho trước. Vận dụng kiến thức đã học để xác lập hình cắt từ hình chiếu thẳng góc. Phân tích vật thể, xác lập được hình chiếu trục đo của vật thể từ hình chiếu	ELO3

	thẳng góc Trình bày được các tiêu chuẩn để thiết lập bản vẽ kỹ thuật xây dựng. Xác định được thành phần, nội dung, yêu cầu kỹ thuật và ký hiệu các bản vẽ trong hồ sơ thiết kế kiến trúc của nhà và công trình. Trình bày được những yêu cầu chung về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công	
CELO2	Vẽ được các chi tiết cấu tạo cơ bản của công trình kiến trúc thể loại nhà dân dụng khung bê tông cốt thép đổ tại chỗ và vẽ khai triển được các chi tiết đặc thù đúng cấu tạo và thể hiện đúng quy cách kỹ thuật. Thiết kế được các bộ phận cấu tạo cơ bản, phù hợp với kết cấu chịu lực nhà dân dụng khung bê tông cốt thép đổ tại chỗ cho một công trình kiến trúc cho sẵn.	ELO3
CELO3	Tự giác chủ động trong học tập, tự đặt mục tiêu học tập để phấn đấu thực hiện, lập và thực hiện kế hoạch học tập nghiêm túc, nền nếp; thực hiện các phương pháp học tập hiệu quả; tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của bản thân, tự sửa sai, tự điều chỉnh.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	PHẦN 1: HÌNH HỌC HỌA HÌNH Chương 1: Phép chiếu 1.1. Các phép chiếu 1.2. Ứng dụng của các phép chiếu Chương 2: Phương pháp hình chiếu vuông góc 2.1. Hệ thống mặt phẳng hình chiếu và tổ chức 2.1.1. Hệ thống mặt phẳng hình chiếu 2.1.2. Đồ thức	Thuyết trình; Giảng giải; Thảo luận; Hướng dẫn; Nhận xét	CELO3
2	2.2. Biểu diễn các yếu tố hình học cơ bản 2.2.1. Biểu diễn điểm 2.2.2. Biểu diễn đoạn thẳng Bài tập 1 2.2.3. Biểu diễn mặt phẳng, hình phẳng	Thuyết trình; Giảng giải; Thảo luận; Hướng dẫn; Nhận xét	CELO3
3	Chương 3: Hình cắt, mặt cắt	Thuyết trình; Giảng giải; Thảo luận; Hướng dẫn; Nhận xét	CELO3
4	Kiểm tra Chương 4: Hình chiếu trục đo 4.1. Khái niệm 4.2. Các loại hình chiếu trục đo thường dùng trong kỹ thuật 4.3. Hình chiếu trục đo của điểm, đoạn thẳng, hình phẳng Bài tập	Thuyết trình; Giảng giải; Thảo luận; Hướng dẫn; Nhận xét	CELO3
5	4.4. Hình chiếu trục đo của vật thể Bài tập chương 4	Thuyết trình; Giảng giải; Thảo luận; Hướng dẫn; Nhận xét	CELO3

6	Bài kiểm tra 1		CELO3
7	PHẦN 2: VẼ KỸ THUẬT Chương 5: Những khái niệm chung về kỹ thuật xây dựng 5.1. Vật liệu và dụng cụ vẽ 5.2. Các tiêu chuẩn cơ bản để thiết lập bản vẽ kỹ thuật xây dựng 5.2.1. Khổ giấy (TCVN 7285:2003) 5.2.2. Khung bản vẽ và khung tên (TCVN 5571:2012) 5.2.3. Tỷ lệ (TCVN 7286:2003) 5.2.4. Đường nét (TCVN 5570:2012) Bài tập 1	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3
8	5.2.5. Chữ và số (TCVN 4608:2012) Bài tập 2 5.2.6. Kích thước (TCVN 4455:1987) Bài tập 3	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3
9	Chương 6: Hồ sơ thiết kế kiến trúc 6.1. Mặt bằng hiện trạng, mặt bằng tổng thể (TCVN 5671:2012 & 4607:2012) Bài tập 4	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3
10	6.2. Mặt bằng tầng (TCVN 4614:2012 & 4615:2012) Bài tập 5	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3
11	6.3. Mặt đứng TCVN 5671:2012) Bài tập 6	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3

12	6.4. Mặt cắt (TCVN 5671:2012) Bài tập 7	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3
13	6.5. Chi tiêu cấu tạo (TCVN 5671:2012) Bài tập 8	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3
14	Chương 7: Hồ sơ thi công 7.1. Thuyết minh và các tài liệu làm cơ sở để thiết kế 7.2. Các bản vẽ 7.3. Các tài liệu kinh tế kỹ thuật	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3
15	Bài tập tổng hợp Bài kiểm tra 2	Thuyết trình; Trình chiếu PowerPoint Giảng giải; Đàm thoại; Hướng dẫn;	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	L	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	L
Chương 4	M	M	L
Chương 5	M	M	M
Chương 6	M	M	M
Chương 7	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Đình Điện, Đỗ Mạnh Môn (2011), *Hình học hoạ hình tập 1*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2] Tiêu chuẩn quốc gia (2014), *Tiêu chuẩn Việt Nam về mạng lưới, hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng*, NXB Xây dựng Hà Nội.

[3] Tiêu chuẩn quốc gia (2014), *Tiêu chuẩn Việt Nam về bản vẽ xây dựng*, NXB Xây dựng Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[4] Nguyễn Quang Cự, Nguyễn Mạnh Dũng (1998), *Bài tập hình học hoạ hình*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[5] Đặng Văn Cự, Nguyễn Quang Cự, Đoàn Như Kim (2009), *Bài tập vẽ kỹ thuật xây dựng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[6] Đoàn Như Kim (CB), Nguyễn Quang Cự, Dương Tiến Thọ (2011), *Vẽ kỹ thuật xây dựng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[7] Đoàn Như Kim (CB), Nguyễn Quang Cự, Dương Tiến Thọ (2011), *Vẽ kỹ thuật xây dựng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[8] Trần Hữu Quế (2007), *Bản vẽ xây dựng tiêu chuẩn quốc tế*, NXB Giáo dục, Hà Nội

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Đỗ Công Hữu

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Đỗ Công Hữu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **LỊCH SỬ ĐÔ THỊ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Lịch sử đô thị
Tiếng Việt:	Lịch sử đô thị
Tiếng Anh:	<i>Urban history</i>
Mã số học phần:	160415003
Thời điểm tiến hành:	Học kì 2
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các đô thị tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam, bao gồm các nội dung chính như: nguồn gốc các đô thị; hình thái đô thị thời cổ đại, Trung đại ở Châu Âu, Châu Á và Trung Mỹ; sự phát triển của đô thị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; các lý luận quy hoạch đô thị hiện đại; quá trình đô thị hoá. Đồng thời, học phần cũng rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về nguồn gốc các đô thị; hình thái đô thị thời cổ đại, Trung đại ở Châu Âu, Châu Á và Trung Mỹ; sự phát triển của đô thị Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; các lý luận quy hoạch đô thị hiện đại; quá trình đô thị hoá	ELO3
CG2	Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm	ELO3
CG3	Năng lực học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày được nguồn gốc các đô thị; hình thái đô thị thời cổ đại, Trung đại ở Châu Âu, Châu Á và Trung Mỹ; sự phát triển của đô thị Việt Nam thời nhà Nguyễn; các lý luận quy hoạch đô thị hiện đại và những tác động của quá trình đô thị hoá. Vận dụng kiến thức đã học vào việc nghiên cứu cấu trúc một đô thị cụ thể. Phân tích quá trình đô thị hoá của một đô thị cụ thể.	ELO3
CELO2	Tổ chức làm việc nhóm, phân công công việc để làm bài thuyết trình một cách hiệu quả. Thuyết trình lưu loát, trình bày ý tưởng bản thân tự tin, mạch lạc.	ELO3
CELO3	Xác định được nhiệm vụ học tập một cách tự giác chủ động; tự đặt mục tiêu học tập để đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu thực hiện; lập và thực hiện kế hoạch học tập nghiêm túc, nề nếp; thực hiện các phương pháp học tập hiệu quả; tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của bản thân; tự sửa sai, tự điều chỉnh.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	M
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	L	L	L	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Sơ lược nguồn gốc đô thị 1.3. Khái niệm đô thị và những đặc trưng của đô thị 1.4. Vai trò của lịch sử đô thị 1.5. Những định hướng nghiên cứu lịch sử đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
2	Chương 2: Quá trình hình thành và đặc điểm của đô thị 2.1. Lược khảo quá trình hình thành và phát triển đô thị trên thế giới. 2.1.1. Đô thị thời cổ đại.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
3	2.1.1. Đô thị thời cổ đại.(tt)	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

4	2.1.2. Đô thị thời trung đại.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
5	2.1.3. Đô thị thời cận đại.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	2.2. Khái quát quá trình phát triển đô thị Việt Nam 2.2.1. Tình hình phát triển và các điểm dân cư đô thị đến thế kỷ 18 2.2.2. Đô thị thời nhà Nguyễn	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	2.2.2. Đô thị thời nhà Nguyễn.(tt) Kiểm tra	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
8	Chương 3: Các lý luận quy hoạch đô thị hiện đại 3.1. Bối cảnh ra đời của các lý luận QHXD đô thị. 3.2. Lý luận của các nhà xã hội học không tương. 3.3. Lý luận về thành phố vườn và tp vệ tinh.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
9	3.4. Lý luận về thành phố tuyến 3.5. Trường phái đô thị động của các nhà xã hội học Xô Viết 3.6. Lý luận thành phố công nghiệp. 3.7. Các lý luận QH đô thị hiện đại.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
10	3.8. Đơn vị lán giếng 3.9. Xu thế phát triển của QH trên thế giới 3.10. QHĐT hiện đại sau chiến tranh TG thứ II.	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	Chương 4: Đô thị hoá & hệ quả của đô thị hoá 4.1. Khái niệm về đô thị hoá. 4.2. Đô thị hoá thành phố cực lớn	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

12	4.3. Hệ quả của đô thị hoá	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	4.4. Đô thị hoá tại Việt Nam	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
14	4.4. Đô thị hoá tại Việt Nam (tt) Kiểm tra	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
15	Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Đặng Thái Hoàng (2010), Lịch sử đô thị, NXB Xây dựng, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] GS.TS. Nguyễn Thế Bá (chủ biên) (2012), Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[3] Nguyễn Quốc Thông (chủ biên) (2011), Lịch sử xây dựng đô thị Cổ đại và Trung đại phương Tây, NXB Xây dựng, Hà Nội.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Huy Cường

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Huy Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **LUẬT XÂY DỰNG VÀ ĐÔ THỊ**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Luật xây dựng và đô thị
Tiếng Việt:	Luật xây dựng và đô thị
Tiếng Anh:	<i>Construction and urban law</i>
Mã số học phần:	160415004
Thời điểm tiến hành:	Học kì 2
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về pháp luật trong xây dựng. Vận dụng kiến thức pháp luật được học vào thực tiễn trong lĩnh vực xây dựng. Có khả năng phân tích, giải trình về vấn đề nào đó có liên quan đến pháp luật trong lĩnh vực xây dựng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày được các kiến thức tổng quát về pháp luật trong xây dựng	ELO3
CG2	Biết được vai trò pháp luật trong thực tiễn ngành xây dựng	ELO3
CG3	Kỹ năng giải quyết một số vấn đề liên quan đến luật trong lĩnh vực xây dựng	ELO3
CG4	Kỹ năng tư vấn, giải thích những thắc mắc về luật trong xây dựng	ELO3
CG5	Có năng lực thực hiện các công việc xây dựng theo đúng trình tự pháp luật	ELO3
CG6	Có khả năng cập nhật những văn bản quy phạm pháp luật hiện hành	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Hiểu rõ, phân biệt, giải thích các từ ngữ chuyên môn trong ngành xây dựng. Nhận diện, tìm ra, phân biệt, xác định điều kiện khởi công, yêu cầu đối với thi công xây dựng, quản lý về thi công xây dựng công trình, vấn đề giám sát, nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng. Sự cố trong vấn đề xây dựng, bảo hành bảo trì công trình.	ELO3
CELO2	Xác định, phân biệt và vận dụng những quy định của pháp luật vào việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng mình đã học.	ELO3
CELO3	Xác định quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng. Phân biệt, xác định, nắm bắt mục đích của việc khảo sát và quy định chung về thiết kế xây dựng. Nắm bắt, trình bày, hiểu khái niệm dịch quyền, nội dung dịch quyền, phân loại dịch quyền trong xây dựng.	ELO3

CELO4	Hiểu biết, phân biệt, xác định chi phí quản lý đầu tư xây dựng. Các dạng hợp đồng trong đầu tư xây dựng công trình. Hiểu biết, nắm bắt phân biệt được điều kiện hoạt động của cá nhân và tổ chức tham gia trong lĩnh vực xây dựng.	ELO3
CELO5	Nắm bắt quy trình quản lý một dự án đầu tư xây dựng của một dự án. Hiểu biết, phân biệt, xác định công trình nào phải xin phép, các loại thủ tục, hồ sơ xin phép, thẩm quyền cấp, thời gian cấp phép xây dựng.	ELO3
CELO6	Phân biệt Luật xây dựng trong hệ thống văn bản Pháp luật Việt Nam. Mô tả, liệt kê xác định những luật khác có liên quan đến ngành xây dựng.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO4	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	M	M	M	M
CELO5	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	M	M	M	M
CELO6	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M	M	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;

- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;

- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Luật xây dựng trong hệ thống luật Việt Nam 1.1. Hệ thống pháp luật Việt Nam 1.2. Luật xây dựng và các văn bản dưới luật hướng dẫn. 1.3. Vấn đề chung về Luật xây dựng. 1.4. Giải thích từ ngữ chuyên ngành	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
2	Chương 2: Quy hoạch xây dựng và dự án đầu tư xây dựng công trình 2.1. Quy định chung 2.2. Quy hoạch vùng 2.3. Thẩm định phê duyệt quy hoạch 2.4. Điều chỉnh quy hoạch xây dựng 2.5. Quản lý quy hoạch	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
3	2.7. Lập thẩm định, quyết định đầu tư dự án. 2.8. Quản lý thực hiện dự án	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
4	Chương 3: Khảo sát, thiết kế XD công trình 3.1. Khảo sát xây dựng 3.2. Thiết kế xây dựng công trình	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
5	Chương 4: Giấy phép xây dựng công trình 4.1. Đối tượng, loại giấy phép xây dựng 4.2. Nội dung chủ yếu giấy phép xây dựng 4.3. Điều kiện cấp giấy phép xây dựng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	4.4. Hồ sơ cấp giấy phép xây dựng 4.5. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng 4.6. Quy định cấp giấy phép xây dựng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

7	Chương 5: Xây dựng công trình 5.1. Điều kiện khởi công xây dựng công trình 5.2. Thi công xây dựng công trình 5.3. Thẩm quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia thi công xây dựng công trình	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
8	5.4. Giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng 5.5. Bảo hành, bảo trì công trình xây dựng 5.6. Xây dựng công trình đặc thù	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
9	Chương 6: Chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng 6.1. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
10	6.2. Hợp đồng trong xây dựng công trình	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	Chương 7: Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng 7.1. Quy định chung về điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng 7.2. Các chứng chỉ hành nghề hoạt động XD 7.3. Quản lý giám sát năng lực hoạt động XD	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
12	Chương 8: Quản lý nhà nước về xây dựng 8.1. Nội dung QLNN về hoạt động xây dựng 8.2. Trách nhiệm trung ương về QLNN trong xây dựng 8.3. Trách nhiệm địa phương về QLNN trong xây dựng 8.4. Thanh tra xây dựng	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	Chương 9: Những luật khác liên quan đến xây dựng 9.1. Luật đất đai 9.2. Luật đấu thầu 9.3. Luật đầu tư 9.4. Luật bảo vệ môi trường	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

	9.5. Luật PCCC 9.6. Luật kinh doanh bất động sản		
14	Chương 10: Dịch quyền trong xây dựng 10.1. Khái niệm dịch quyền 10.2. Phân loại dịch quyền Kiểm tra	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
15	10.3. Nội dung dịch quyền Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M
Chương 5	L	M	M	L	M	M
Chương 6	M	M	M	L	L	L
Chương 7	M	M	M	M	M	M
Chương 8	L	M	M	L	M	M
Chương 9	M	M	M	L	L	L
Chương 10	M	M	M	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Bài giảng của giảng viên Bộ môn thi công – Khoa xây dựng – Trường ĐHXD MT.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Các văn bản pháp luật; các văn bản dưới luật có liên quan trong ngành xây dựng và tham khảo trang thông tin: <http://thuvienphapluat.vn>; <http://www.luatvietnam.vn>

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Đặng Hoàng Vũ

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Đặng Hoàng Vũ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **TIN HỌC ỨNG DỤNG**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Tin học ứng dụng
Tiếng Việt:	Tin học ứng dụng
Tiếng Anh:	<i>Applied Informatics</i>
Mã số học phần:	160415005
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	15 tiết
Số tiết bài tập:	15 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập (thực hành):	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	... tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Trắc địa- Bản đồ và TT Địa Lý

2. Mô tả học phần (Course Description)

Tin học ứng dụng là môn học nhằm giúp sinh viên có khả năng ứng dụng Microsoft Project trong việc lập và quản lý dự án xây dựng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức ứng dụng Microsoft Project trong việc lập và quản lý dự án xây dựng, lập tiến độ thi công	ELO1
CG2	Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong quá trình học, ý thức tiếp thu nội dung, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ tiếng Anh	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả CDR học phần (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO1	Sử dụng thành thạo Microsoft Project trong việc lập và quản lý dự án xây dựng, lập tiến độ thi công	ELO1
CELO2	Tự giác chủ động trong học tiếng Anh, tự đặt mục tiêu học tập để phấn đấu thực hiện, lập và thực hiện kế hoạch học tập nghiêm túc, nền nếp; thực hiện các phương pháp học tập hiệu quả; tự kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của bản thân	

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	H														
CELO2	H														

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Một số phương pháp giảng dạy sẽ được sử dụng chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa trên vấn đề
- Phương pháp học dựa vào dự án

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Làm việc nhóm;
- Thực hành trên phòng máy tính.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: Kiểm tra, bài tập, thi giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: thi cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment):

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Các nội dung đã và đang học	CELO. 1,2	Hàng tuần, gọi ngẫu nhiên	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	PP phỏng vấn (hỏi đáp)	30%
	A1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Các nội dung đã học đến	CELO1,2	Giữa kỳ	Đúng đáp án	PP viết: tự luận, đề mở	

		thời điểm kiểm tra					
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bài thi cuối kỳ 60'	Các nội dung của môn học	CELO1.2	Cuối khóa học	Đúng đáp án	PP viết: tự luận (đề đóng)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1-2	Chương 1: GIỚI THIỆU VỀ MICROSOFT PROJECT 1.1. Mục đích chung và các yêu cầu của Microsoft Project 1.2. Một số từ khóa trong Microsoft Project 1.3. Thiết lập mặc định trong Microsoft Project 1.4. Thiết lập lịch cho dự án	Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO3
3-6	Chương 2: NHẬP DỮ LIỆU CHO DỰ ÁN 2.1. Nhập thông tin của dự án 2.2. Lập kế hoạch cho các công tác 2.3. Tài nguyên cho dự án	Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO3
7-10	Chương 3: CÁC VẤN ĐỀ VỀ CHI PHÍ CỦA DỰ ÁN 3.1. Khởi tạo chi phí cho tài nguyên 3.2. Thiết lập giá trần cho một công việc 3.3. Chi phí được tính khi nào 3.4. Xem xét chi phí của công việc và tài nguyên 3.5. Xem xét chi phí của toàn bộ dự án	Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO3
11-14	Chương 4: CẬP NHẬT TIẾN ĐỘ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN TẠI CÔNG TRÌNH 4.1. Theo dõi kế hoạch thực hiện của công tác 4.2. Theo dõi công tác thực hiện của các tài nguyên 4.3. Theo dõi vấn đề chi phí của dự án 4.4. Đường găng và công tác găng	Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tổ chức và hướng dẫn hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
15	Ôn tập	Giải quyết vấn đề	CELO1 CELO2

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần	
	CELO1	CELO2
Chương 1	H	M
Chương 2	H	M
Chương 3	H	M
Chương 4	H	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Ứng dụng Microsoft Project 2003. Lưu Trường Văn, Lê Hoài Long. NXB Lao động – Xã hội. Năm 2006

2. Lập kế hoạch và quản lý dự án bằng Microsoft Project 2002. Trịnh Tuấn. NXB Thống Kê. Năm 2003

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hỏi & đáp khi sử dụng Microsoft Project trong quản lý dự án công trình xây dựng. Bùi Mạnh Hùng. NXB Xây dựng. Năm 2003

2. Quản lý dự án xây dựng. Đỗ Thị Xuân Lan. NXB ĐHQG TP. HCM, 2003.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập nhóm đúng thời hạn quy định

8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Nguyễn Huy Cường

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

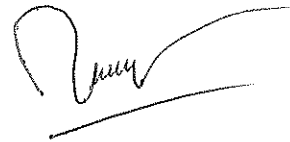
TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Huy Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **KIẾN TRÚC**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Kiến trúc
Tiếng Việt:	Kiến trúc
Tiếng Anh:	Architectural
Mã số học phần:	160415006
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	100 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Là học phần cơ bản thuộc kiến thức nền tảng. Môn học cung cấp kiến thức cơ bản gồm các phần:

Phần căn bản: Trình bày các khái niệm, phương châm thiết kế, phân loại trong thiết kế xây dựng công trình, các yếu tố ảnh hưởng đến giải pháp thiết kế công trình.

Phần thiết kế kiến trúc: Trình bày các nguyên tắc, cơ sở lý luận để thiết kế kiến trúc công trình. Trình bày các trình tự và nội dung thiết kế kiến trúc công trình; các tiêu chuẩn và yêu cầu thành lập bản vẽ thiết kế kiến trúc.

Phần thiết kế cấu tạo kiến trúc: Trình bày các kiến thức cơ bản của cấu tạo kiến trúc và cách thức phân tích thiết kế chi tiết các bộ phận của công trình: từ phần thấp nhất đến phần cao nhất của công trình.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực kiến trúc công trình như: khái niệm cơ bản, nguyên lý kiến trúc, các thuật ngữ; các cơ sở để thiết kế kiến trúc và thiết kế cấu tạo kiến trúc công trình	ELO3
CG2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận để giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan về kiến trúc và cấu tạo công trình.	ELO3
CG3	Khả năng sáng tạo, làm việc nhóm.	ELO3
CG4	Khả năng đánh giá và chọn lựa giải pháp kiến trúc phù hợp; và thiết kế các công trình kiến trúc	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Nhận thức được toàn bộ công trình thông qua bản vẽ thiết kế công trình từ kiến trúc đến cấu tạo	ELO3
CELO2	Phân tích và giải quyết được các vấn đề có thể nảy sinh trong sự phù hợp bản vẽ kiến trúc và bản vẽ thi công. Chọn lựa được các giải pháp kiến trúc phù hợp. Có khả năng suy xét các yếu tố kiến trúc đến kết cấu công trình	ELO3

CELO3	Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành kiến trúc xây dựng	ELO3
CELO4	Đánh giá và đề xuất các giải pháp hiệu quả trong thực tế xây dựng công trình thông qua phân tích các phương án thiết kế công trình. Thiết kế và tính toán một phần hay toàn bộ công trình phục vụ cho việc thi công công trình.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO4	L	L	L	M	M	L	L	M	M	M	M	M	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng 1.1. Giới thiệu chung về thiết kế kiến trúc công trình	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO1
2	1.2. Hồ sơ thiết kế công trình	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,3

3	1.3. Thiết kế kiến trúc	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO2,4
4	1.3. Thiết kế kiến trúc (tiếp theo)	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO2,4
5	Chương 2: Thiết kế cấu tạo kiến trúc công trình dân dụng 2.1. Những vấn đề cơ bản trong thiết kế cấu tạo kiến trúc công trình 2.2. Cấu tạo nền móng – móng công trình	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,4
6	2.3. Cấu tạo tường công trình.	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,4
7	2.4. Thiết kế và cấu tạo mái công trình	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,4
8	2.5. Cấu tạo nền – sàn công trình	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,4
9	2.6. Thiết kế và cấu tạo cầu thang trong công trình	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,4
10	Chương 3: Thiết kế kiến trúc công trình công nghiệp 3.1 Giới thiệu chung về thiết kế kiến trúc công nghiệp. 3.2 Cơ sở quy hoạch xí nghiệp công nghiệp: - Quy hoạch khu công nghiệp. - Thiết kế tổng mặt bằng xí nghiệp công nghiệp. - Tổ chức mạng lưới cung cấp kỹ thuật cho xí nghiệp công nghiệp.	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,3,4

11	3.3. Thiết kế kiến trúc nhà và công trình công nghiệp - Những cơ sở chủ yếu - Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp một tầng. - Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp nhiều tầng.	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,3,4
12	Chương 4: Thiết kế cấu tạo kiến trúc công trình công nghiệp 4.1 Những vấn đề chung trong thiết kế cấu tạo công trình công nghiệp: - Các bộ phận cấu trúc chung trong công trình công nghiệp. - Nguyên tắc thiết kế cấu tạo trong công trình công nghiệp - Các tham số cơ bản trong công trình công nghiệp - Vật liệu khung công trình công nghiệp.	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,3,4
13	4.2 Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp một tầng - Khung BTCT - Móng - Cột – Dầm cầu chạy - Kết cấu mái nhà - Hệ giằng - Hệ sườn tường 4.3 Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp một tầng - Khung thép - Móng cột thép - Cột – Dầm cầu chạy - Kết cấu mái nhà - Hệ giằng - Hệ sườn tường	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,3,4
14	4.4 Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp nhiều tầng - Phạm vi sử dụng - Các hệ kết cấu	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,3,4

	- Kết cấu khung sàn có dầm - Kết cấu khung sàn không dầm 4.5 Kết cấu bao che nhà công nghiệp - Kết cấu bao che phương ngang - Kết cấu bao che phương đứng		
15	4.6 Cấu tạo sàn - nền - Những yêu cầu chung - Cấu tạo các loại nền-sàn - Cấu tạo một số chi tiết chủ yếu 4.7 Các kết cấu phụ - Cấu tạo cầu thang - Cấu tạo tường ngăn - Tầng kỹ thuật – Sàn thao tác - Móng máy	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận;	CELO1,2,3,4

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO3
Chương 1	L	L	M	L
Chương 2	M	M	M	M
Chương 3	M	M	L	L
Chương 4	M	M	L	L

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Tạ Trường Xuân, *Nguyên lý thiết kế kiến trúc*, NXB Xây dựng, 1999.
2. Phan Tấn Hải, Võ Đình Diệp, Cao Xuân Lương, *Nguyên lý cấu tạo kiến trúc*, NXB Thống Kê, 2004.
3. Nguyễn Minh Thái, *Thiết kế kiến trúc công nghiệp*, NXB Xây dựng, 1996

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Thái Hoàng, *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng, 1996.
2. Công ty tư vấn xây dựng dân dụng Việt Nam, *Cấu tạo kiến trúc*, NXB Xây dựng, 2010.

3. Nguyễn Đức Thiêm, *Nguyên lý thiết kế cấu tạo kiến trúc*, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2007.

4. Ernst Neufert, *Architect Data (Dữ liệu kiến trúc sư)*, NXB Blackwell, 2012.

5. Bộ Xây Dựng, *Quy chuẩn xây dựng Việt Nam*, NXB Xây dựng, 2011

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Huy Cường

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

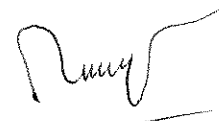
TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Huy Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT 1**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1
Tiếng Việt:	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 1
Tiếng Anh:	<i>Technical infrastructure system 1</i>
Mã số học phần:	160415007
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức về chức năng nhiệm vụ, đặc điểm cấu tạo, cách bố trí các công trình thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị như: hệ thống cấp thoát nước đô thị, hệ thống thoát nước thải đô thị, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng; nhà tang lễ và nghĩa trang đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức chung về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị; hệ thống cấp, thoát nước đô thị; hệ thống thoát nước mưa đô thị; các biện pháp phòng chống sét cho các công trình thông tin liên lạc; thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn và công trình vệ sinh công cộng; nhà tang lễ và nghĩa trang đô thị	ELO3
CG2	Kỹ năng nhận biết và giải quyết các vấn đề về chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị	ELO3
CG3	Khả năng đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Hiểu được chức năng, nhiệm vụ, phân loại, các thành phần cơ bản, sơ đồ hệ thống cấp nước và những yêu cầu đối với hệ thống cấp nước. Hiểu được chức năng, nhiệm vụ, cấu tạo mạng lưới cấp nước và cơ sở lý luận về vạch tuyến mạng lưới cấp nước đô thị. Hiểu được đặc điểm các loại nguồn nước, các công trình thu nước, các công trình trạm xử lý nước và các nhu cầu dùng nước của đô thị. Hiểu được nguồn gốc, đặc điểm của các loại rác thải, chức năng, nhiệm vụ, các bộ phận cơ bản của hệ thống thoát nước và điều kiện thu nhận nước thải vào hệ thống nước và xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Hiểu được các loại sơ đồ hệ thống thoát nước, đặc điểm cấu tạo các công trình trên mạng lưới thoát nước và trạm xử lý nước thải đô thị. Hiểu được nguyên tắc vạch tuyến	ELO3

	mạng lưới thoát nước và những vấn đề cơ bản khi thiết kế hệ thống thoát nước thải đô thị. Hiểu được vai trò, nhiệm vụ, đặc điểm cấu tạo của hệ thống thoát nước mưa và những nguyên tắc cơ bản khi thiết kế hệ thống thoát nước mưa. Hiểu được các loại công trình thông tin liên lạc và các biện pháp chống nhiễu, chống sét cho các công trình thông tin liên lạc. Hiểu được các biện pháp thu gom, phân loại, lưu chứa, vận chuyển, trung chuyển, xử lý chất thải rắn và quản lý bùn cặn của nhà vệ sinh công cộng. Hiểu được các khu chức năng của nhà tang lễ và nghĩa trang đô thị; các biện pháp thu gom, xử lý chất thải của nhà tang lễ và nghĩa trang đô thị.	
CELO2	Xác định được các loại công trình thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị. Phân tích được quy trình thi công mạng lưới cấp, thoát nước đô thị. Phân tích được cách bố trí đường ống cấp, thoát nước, giếng thu nước mưa và mối liên quan giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Phân tích nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang và nhà tang lễ đô thị.	ELO3
CELO3	Đánh giá được vai trò của các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị đối với sự phát triển kinh tế xã hội đô thị. Vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào lĩnh vực quản lý đô thị một cách bài bản phù hợp với tình hình thực tế	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm

- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Hệ thống các công trình cấp nước đô thị 1.1. Các nhu cầu dùng nước 1.2. Giới thiệu tổng quát hệ thống cấp nước 1.3. Những yêu cầu đối với hệ thống cấp	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
2	1.4. Cơ sở lựa chọn hệ thống cấp nước đô thị 1.5. Phân loại hệ thống cấp nước đô thị 1.6. Mạng lưới cấp nước	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
3	1.7. Cấu tạo mạng lưới cấp nước 1.8. Nguồn nước, công trình khai thác nước thô 1.9. Trạm bơm và trạm xử lý nước cấp	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
4	1.10. Hệ thống cấp nước các vùng đặc biệt 1.11. Đặc điểm quy trình thi công công trình mạng lưới cấp nước đô thị 1.12. Mối quan hệ cấp nước đô thị và các công trình hạ tầng kỹ thuật	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
5	Chương 2: Hệ thống thoát nước đô thị 2.1. Hệ thống thoát nước đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
6	2.2. Điều kiện xả nước và thu nhận nước thải vào hệ thống thoát nước 2.3. Những vấn đề cơ bản khi thiết kế hệ thống thoát nước thải	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
7	2.4. Nguyên tắc vạch tuyến mạch lưới 2.5. Bố trí cống trên đường phố, độ sâu chôn cống	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
8	2.6. Những công trình trên mạng lưới thoát nước 2.7. Công trình xử lý nước thải đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
9	2.8. Đặc điểm quy trình thi công công trình	Thuyết trình;	CELO 3

	mạng lưới thoát nước đô thị 2.9. Mối quan hệ thoát nước đô thị với các công trình hạ tầng kỹ thuật	Trình chiếu Powerpoint.	
10	Chương 3: Hệ thống thoát nước mưa 3.1. Mưa và sự hình thành dòng chảy 3.2. Lựa chọn hệ thống thoát nước mưa 3.3. Những nguyên tắc cơ bản khi thiết kế hệ thống thoát nước mưa Kiểm tra	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
11	3.1. Các giai đoạn thiết kế hệ thống thoát nước mưa 3.2. Công trình thoát nước mưa với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
12	Chương 4: Hệ thống các công trình thông tin liên lạc 4.1. Khái niệm về hệ thống thông tin liên lạc 4.2. Phân loại các công trình thông tin liên lạc 4.3. Nhiễu đối với hệ thống thông tin đô thị 4.4. Chống sét bảo vệ công trình viễn thông 4.5. An toàn các công trình thông tin đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
13	Chương 5: Hệ thống thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng 5.1. Thu gom, phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đô thị 5.2. Vận chuyển, trung chuyển và xử lý chất thải rắn 5.3. Nhà vệ sinh công cộng và quản lý bùn cặn	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3
14	Chương 6: Nhà tang lễ và nghĩa trang đô thị 6.1. Phân cấp nghĩa trang đô thị 6.2. Nhà tang lễ 6.3. Các chức năng chủ yếu trong nhà tang lễ, nghĩa trang 6.4. Thu gom và xử lý chất thải nghĩa trang	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3

	6.5. Nhà hoả táng		
15	Kiểm tra 1 tiết Ôn tập	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 3

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	L	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	L
Chương 4	M	M	L
Chương 5	L	M	M
Chương 6	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Nguyễn Văn Chu (CB) – Trần Thanh Thảo (2019), *Bài giảng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị 1* – Trường ĐHXD MT.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Bộ Xây dựng (2016), QCVN 01:2016 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[3] Bộ Xây dựng (2006), TCXDVN 33:2006 – Cấp nước mạng lưới và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[4] Bộ Xây dựng (2008), TCXDVN 7957:2008 – Thoát nước mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế, NXB Xây dựng, Hà Nội.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Quang Huy

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT 2**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 2
Tiếng Việt:	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật 2
Tiếng Anh:	<i>Technical infrastructure system 2</i>
Mã số học phần:	160415008
Thời điểm tiến hành:	Học kì 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật như: hệ thống giao thông công cộng, hệ thống đường xá, nút giao thông, quảng trường, hệ thống chiếu sáng công cộng, cây xanh đô thị. Trình bày được những kiến thức cơ bản về hệ thống điện trong công trình, hệ thống thu lôi chống sét, hệ thống điều hoà không khí, thông gió và thang máy trong công trình.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Biết được các khái niệm chung liên quan đến đường đô thị và tổ chức giao thông đô thị	ELO3
CG2	Biết được các khái niệm chung, các vấn đề liên quan đến mạng lưới đô thị	ELO3
CG3	Trình bày được cấu tạo và các dạng mặt cắt ngang cơ bản, biết được khái niệm chung về bình đồ, trắc dọc	ELO3
CG4	Trình bày được các kiến thức cơ bản về phân loại, cấu tạo, phạm vi sử dụng các loại nút giao thông	ELO3
CG5	Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống kỹ thuật, chiếu sáng, cây xanh trong đô thị và quảng trường đô thị	ELO3
CG6	Biết được khái niệm chung về các hệ thống trang thiết bị kỹ thuật điện của công trình	ELO3
CG7	Trình bày được khái niệm chung, cách phân loại, cấu tạo của hệ thống điện trong nhà và thu lôi chống sét	ELO3
CG8	Trình bày được cấu trúc, cách phân loại, nguyên lý hoạt động của hệ thống điều hoà không khí và thông gió	ELO3
CG9	Trình bày được khái niệm chung thông số kỹ thuật, phân loại thang máy	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Biết được các khái niệm chung liên quan đến đường đô thị và tổ chức giao thông đô thị	ELO3
CELO2	Biết được các khái niệm chung, các vấn đề liên quan đến mạng lưới đường đô thị	ELO3

CELO3	Trình bày được cấu tạo và các dạng mặt cắt ngang cơ bản, biết được khái niệm chung về bình đồ, trắc dọc	ELO3
CELO4	Trình bày được các kiến thức cơ bản về phân loại, cấu tạo, phạm vi sử dụng các loại nút giao thông	ELO3
CELO5	Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống kỹ thuật, chiếu sáng, cây xanh trong đô thị và quảng trường đô thị	ELO3
CELO6	Biết được khái niệm chung về hệ thống trang thiết bị kỹ thuật điện của công trình	ELO3
CELO7	Trình bày được khái niệm chung, cách phân loại, cấu tạo của hệ thống điện trong nhà và thu lôi chống sét	ELO3
CELO8	Trình bày được cấu trúc, cách phân loại, nguyên lý hoạt động của hệ thống điều hoà không khí và thông gió	ELO3
CELO9	Trình bày được khái niệm chung thông số kỹ thuật, phân loại thang máy	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO4	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO5	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO6	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO7	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO8	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO9	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Các vấn đề về giao thông đô thị 1.1. Hệ thống giao thông đô thị 1.2. Đặc điểm giao thông đô thị ở nước ta 1.3. Hệ thống vận tải trong đô thị	Phát vấn Diễn thuyết Đặt vấn đề	CELO 1
2-3	Chương 2: Mạng lưới đường đô thị 2.1. Khái niệm chung 2.2. Chức năng mạng lưới đường đô thị 2.3. Các mô hình mạng lưới đường đô thị 2.4. Các chỉ tiêu đánh giá	Phát vấn Diễn thuyết Đặt vấn đề	CELO 2
4-5	Chương 3: Mặt cắt ngang, bình đồ trắc dọc đường phố 3.1. Mặt cắt ngang 3.2. Bình đồ 3.3. Trắc dọc	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint. Thảo luận	CELO 3
6-7	Chương 4: Nút giao thông 4.1. Khái niệm chung 4.2. Đặc điểm chuyển động dòng xe tại nút 4.3. Phân loại nút 4.4. Các loại nút giao thông cùng mức 4.5. Các loại nút giao thông khác mức	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint. Thảo luận .	CELO 4
8	Chương 5: Hệ thống kỹ thuật, cây xanh đô thị, quảng trường đô thị, các công trình công cộng 5.1. Hệ thống đường daaym đường ống 5.2. Bãi đỗ xe 5.3. Trạm cung cấp xăng dầu 5.4. Chiếu sáng 5.5. Trồng cây xanh Giao bài tiểu luận nhóm	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint. Thảo luận	CELO 5
9-10	Chương 6: Khái niệm chung về hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công trình 6.1. Khái niệm về trang thiết bị kỹ thuật 6.2. Không gian kỹ thuật	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint. Thảo luận	CELO 6

11-12	Chương 7: Hệ thống điện trong nhà và thu lôi chống sét 7.1. Khái niệm 7.2. Phân loại 7.3. Đặc tính 7.4. Phạm vi bảo vệ Kiểm tra giữ kỳ	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint. Thảo luận .	CELO 7
13	Chương 8: Hệ thống điều hoà không khí và thông gió 8.1. Khái niệm 8.2. Cấu trúc 8.3. Phân loại 8.4. Nguyên lý chung	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint. Thảo luận .	CELO 8
14	Chương 9: Thang máy 9.1. Khái quát 9.2. Các thông số kỹ thuật 9.3. Phân loại	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO 9
15	Kiểm tra 1 tiết Ôn tập	Hướng dẫn	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	L	L	M	M
Chương 2	M	M	M	L
Chương 3	M	M	L	L
Chương 4	M	M	L	M
Chương 5	L	M	M	L
Chương 6	M	M	M	L
Chương 7	M	M	L	M
Chương 8	L	M	M	L
Chương 9	M	M	M	L

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Phạm Việt Anh – Nguyễn Lan Anh, *Thiết bị kỹ thuật trong kiến trúc công trình*, NXB Xây dựng Hà Nội, 2005

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Khải, *Đường và giao thông đô thị*, NXB GTVT 2008

[3] Bùi Xuân Cậy, *Đường đô thị và tổ chức giao thông*, NXB GTVT 2007

[4] Vũ Liêm Chính, *Thang máy – cấu tạo – lựa chọn – lắp đặt và sử dụng*, NXB KHKT Hà Nội 2000

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Quang Huy

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Quang Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **CẤP THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cấp thoát nước đô thị
Tiếng Việt:	Cấp thoát nước đô thị
Tiếng Anh:	<i>Urban water supply and drainage</i>
Mã số học phần:	160415009
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Đây là học phần cơ bản của lĩnh vực Cấp Thoát Nước, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống cấp thoát nước trong nhà và đô thị. Từ đó hướng dẫn sinh viên cách thiết kế hệ thống cấp thoát nước trong nhà đồng thời đánh giá hiện trạng và đề ra các giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước và thoát nước thải cho đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Cấp thoát nước	ELO3
CG2	Khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề Cấp thoát nước.	ELO3
CG3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và khả năng đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật bằng tiếng Anh.	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ, các nguyên lý thiết kế hệ thống cấp thoát nước. Xác định nhu cầu sử dụng nước, hệ số không điều hòa, quy mô hệ thống cấp nước (công suất của hệ thống cấp nước Q & áp lực cần thiết của hệ thống cấp nước H). Giải thích được các khái niệm, các thuật ngữ, các nguyên lý thiết kế hệ thống cấp nước. Có thể tính toán và thiết kế hệ thống cấp nước cho đô thị. Giải thích được các khái niệm, hệ thống cấp nước trong nhà. Thiết kế được hệ thống cấp nước công trình kiến trúc đơn giản và định vị được mạng lưới đường ống cấp nước bên trong công trình. Giải thích được các khái niệm và nguyên tắc hoạt động của các thiết bị của hệ thống cấp nước. Có thể thiết kế hệ thống thoát nước công trình kiến trúc đơn giản	ELO3
CELO2	Vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề kỹ thuật liên quan đến công việc thiết kế và thi công các loại công trình cấp thoát nước. Thể hiện ý thức, tác phong công nghiệp trong làm việc, năng động sáng tạo. Luôn cập nhật để áp dụng đúng và hiệu quả các tiêu chuẩn	ELO3

	mới của Việt Nam về thiết kế hệ thống cấp thoát nước, đồng thời tham khảo các TC thiết kế của nước ngoài. Có trách nhiệm về công tác thiết kế, tin tưởng và chịu trách nhiệm về độ chính xác của các kết quả thiết kế các hệ thống cấp thoát nước đã được giao.	
CELO3	Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan. Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh. Sử dụng thành thạo vi tính hoàn thành các bài tập lớn được giao. Trình bày trước đám đông.	ELO3
CELO4	Xác định vai trò, trách nhiệm của người kỹ sư trong xã hội. Hình thành ý tưởng và các hệ thống kỹ thuật trong lĩnh vực cấp thoát nước. Thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống cấp thoát nước	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L
CELO4	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Giới thiệu về cấp nước 1.1. Nội quy học tập 1.2. Đơn vị sử dụng nước 1.3. Nguồn nước và công trình thu nước	Thuyết trình; Trình chiếu; Đặt vấn đề; Sử dụng multimedia.	CELO 3
2	1.4. Công trình xử lý nước 1.5. Công trình CTN và sơ đồ khai thác	Thuyết trình; Trình chiếu; Đặt vấn đề; Sử dụng multimedia	CELO 3

3	Chương 2: Nhu cầu dùng nước 2.1. Nước sinh hoạt của các hộ dân cư 2.2. Nước phục vụ sản xuất ở xí nghiệp 2.3. Nước sinh hoạt và tắm cho công nhân 2.4. Nước dùng công cộng và chữa cháy	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
4	Chương 4: Mạng lưới cấp nước đô thị 4.1. Sơ đồ & nguyên tắc vạch tuyến MLCN 4.2. Tính toán MLCN	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
5	4.3. Tính toán thủy lực mạng lưới cắt 4.4. Tính toán thủy lực mạng lưới vòng	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
6	4.5. Cấu tạo MLCN 4.6. Ví dụ tính toán MLCN 4.7. Kiểm tra 1	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
7	Chương 5: Mạng lưới cấp nước trong nhà 5.1. Sơ đồ cấu tạo và các ký hiệu 5.2. Xác định áp lực nước bên ngoài	Thuyết giảng; Giải các ví dụ minh họa; Thảo luận	CELO 3
8	5.3. Cấu tạo chi tiết HTCNTN 5.4. Thiết kế MLCNTN 5.5. Bài tập nhóm cấp thoát nước trong nhà	Thuyết giảng; Giải các ví dụ minh họa; Thảo luận	CELO 3
9	5.6. Các công trình trong HTCNTN 5.7. Ví dụ tính toán mạng lưới CNTN	Thuyết giảng; Giải các ví dụ minh họa; Thảo luận	CELO 3
10	Chương 6: Mạng lưới thoát nước trong nhà 6.1. Khái niệm, phân loại 6.2. Cấu tạo MLTN trong nhà	Thuyết giảng; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3

11	6.3. Tính toán MLTN trong nhà	Thuyết giảng; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
12	6.4. Ví dụ tổng hợp tính toán hệ thống cấp thoát nước trong nhà 6.5. Báo cáo bài tập nhóm	Thuyết giảng; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
13	Chương 7: Mạng lưới thoát nước đô thị 7.1. Khái niệm về hệ thống thoát nước đô thị 7.2. Các loại sơ đồ của hệ thống thoát nước đô thị 7.3. Điều kiện thu nhận nước thải vào mạng lưới thoát nước đô thị	Thuyết giảng; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
14	7.4. Những vấn đề về thiết kế hệ thống thoát nước đô thị 7.5. Quy hoạch mạng lưới thoát nước đô thị 7.6. Tính toán mạng lưới thoát nước đô thị 7.7. Kiểm tra 2	Thuyết giảng; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3
15	7.8. Những công trình trên mạng lưới, ống và kênh mương 7.9. Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước chung 7.10. Ôn tập	Thuyết giảng; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	L	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	L
Chương 4	M	M	L
Chương 5	L	M	M

Chương 6	M	M	M
Chương 7	L	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- [1] Trần Hiếu Nhuệ, *Cấp thoát nước*, NXB KHK, 2007.
- [2] Nguyễn Ngọc Dung, *Cấp nước đô thị*, NXB Xây dựng, 2003.
- [3] Hoàng Huệ và các tác giả, *Mạng lưới thoát nước*, NXB Xây Dựng, 2007.
- [4] Trần Thị Mai và các tác giả, *Cấp thoát nước trong nhà*, NXB Xây Dựng, 2004
- [5] Nguyễn Thị Hồng, *Các bảng tính toán thủy lực*, NXB Xây Dựng, 2009.
- [6] Trần Hữu Uyển, *Các bảng tính toán thủy lực cống và mương thoát nước*, NXB Xây Dựng, 2003.

7.2. Tài liệu tham khảo:

- [7] E. W. Steel and Terence J. McGhee, *Water supply and sewerage*, McGraw-Hill, 2007.
- [8] TCXDVN 33:2006, *Cấp nước mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế*.
- [9] TCVN 7957 - 2008: *Tiêu chuẩn thiết kế mạng lưới thoát nước bên ngoài công trình*.
- [10] TCVN 4513:1988, *Thiết kế hệ thống cấp nước bên trong công trình*
- [11] TCVN 4474:1987, *Thiết kế hệ thống thoát nước bên trong công trình*
- [12] TCVN 2622:1995, 1995, *Phòng cháy - Chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế*.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS.GVC. Trần Kỳ

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. GVC. Trần Kỳ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Đánh giá tác động môi trường
Tiếng Việt:	Đánh giá tác động môi trường
Tiếng Anh:	<i>Environmental impact assessment</i>
Mã số học phần:	160415010
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	28 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	30 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Môi trường trong xây dựng
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị và công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận về đánh giá tác động môi trường trong thực hiện ĐTM, ĐMC; các phương pháp thực hiện; quy trình đánh giá ảnh hưởng của dự đến các thành phần môi trường; phương pháp phân tích và dự báo tác động cụ thể lên các thành phần môi trường; lập đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược cho dự án.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày được định nghĩa cơ bản, khái niệm liên quan đến môi trường và đánh giá tác động môi trường	ELO3
CG2	Hiểu được các chỉ số, chỉ thị môi trường, vận dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường trong đánh giá tác động	ELO3
CG3	Trình bày được phương pháp và quy trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	ELO3
CG4	Hiểu và lập được báo cáo đánh giá tác động môi trường	ELO5
CG5	Trình bày định nghĩa và sự khác biệt giữa đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	ELO5

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Hiểu được định nghĩa môi trường, mối quan hệ giữa môi trường và sự phát triển, ý nghĩa các chỉ số môi trường và vận dụng được các chỉ số để chỉ thị môi trường.	ELO3
CELO2	Hiểu được các khái niệm trong đánh giá tác động môi trường, cách tiếp cận hệ thống trong đánh giá tác động môi trường, vận dụng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong đánh giá tác động.	ELO3, 5

CELO3	Hiểu và vận dụng tốt các phương pháp đánh giá tác động môi trường, quy trình đánh giá tác động môi trường vào dự án cụ thể.	ELO5
CELO4	Hiểu rõ các cơ sở pháp lý trong lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, vận dụng quy trình, phương pháp đánh giá tác động và tổng hợp thông tin để lập được một báo cáo ĐTM hoàn chỉnh, lập được kế hoạch giám sát môi trường cho dự án.	ELO3, 5
CELO5	Hiểu được định nghĩa, vai trò và nội dung của ĐMC, sự giống và khác nhau giữa ĐTM và ĐMC	ELO5

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1			M		M											
CELO2					H											
CELO3			M		M											
CELO4					M											
CELO5			M		M											

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;

- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- Thực hành trên phòng máy tính

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và thực hành

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Các nội dung đã và đang học	CELO. 1→5	Hàng tuần, gọi ngẫu nhiên	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	PP phỏng vấn (hỏi đáp)	30%
	A1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Các nội dung đã học đến thời điểm kiểm tra	CELO1→5	Giữa kỳ	Đúng đáp án	PP viết: tự luận, đề mở	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bài thi cuối kỳ 60'	Các nội dung của môn học	CELO1→6	Cuối khóa học	Đúng đáp án	PP viết: tự luận (đề đóng)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3 tiết)	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Mở đầu 1.1. Môi trường 1.2. Quan hệ giữa G và phát triển 1.3. Chỉ số và chỉ thị môi trường 1.4. Một số khái niệm và thuật ngữ	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 1
2	Chương 2: Giới thiệu chung về đánh giá tác động môi trường 2.1. Sơ lược đánh giá tác động môi trường. 2.2. Vai trò, tầm quan trọng của đánh giá tác động môi trường.	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 1
3	2.3. Chất lượng môi trường 2.3.1. Suy thoái và ô nhiễm môi trường 2.3.2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 1
4	2.4. Cách tiếp cận hệ thống đánh giá tác động môi trường 2.5. Cân bằng sinh thái	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 1
5	Chương 3: Phương pháp đánh giá tác động môi trường 3.1. Các phương pháp đánh giá nhanh, đơn giản 3.1.1. Phương pháp liệt kê danh mục 3.1.2. Phương pháp ma trận	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 2
6	3.1.3. Phương pháp sơ đồ mạng lưới 3.2. Các phương pháp đánh giá phức tạp 3.2.1. Phương pháp phân tích chi phí và lợi ích 3.2.2. Phương pháp SWOT	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 2

7	Chương 4: Quy trình đánh giá tác động môi trường 4.1. Khảo sát, đánh giá môi trường nền 4.1.1. Định nghĩa môi trường nền 4.1.2. Lựa chọn các thông số đánh giá 4.1.3. Đánh giá hiện trạng môi trường nền	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 3
8	4.2. Phân tích và dự báo tác động cụ thể 4.2.1. Đánh giá tác động môi trường nước 4.2.2. Đánh giá tác động môi trường đất 4.2.3. Đánh giá tác động môi trường không khí	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 3
9	4.2.4. Đánh giá tác động môi trường sinh thái 4.2.5. Đánh giá tác động môi trường xác hội 4.3. Đề xuất biện pháp giảm thiểu và quản lý tác động 4.4. Quan trắc và giám sát môi trường	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 3
10	Chương 5: Thực hiện và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 5.1. Cơ sở pháp lý 5.2. Lược duyệt dự án 5.3. Lập báo cáo ĐTM	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 4
11	5.4. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 5.5. Kiểm tra, xác nhận các công trình BVG giai đoạn vận hành dự án Kiểm tra 1	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 4

12	Chương 6: Đánh giá môi trường chiến lược 6.1. Khái niệm 6.2. Phân biệt ĐTM và ĐMC	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 5
13	6.3. Các nguyên tắc cho đánh giá môi trường chiến lược hiệu quả 6.4. Cách tiếp cận và phương pháp đánh giá môi trường chiến lược	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 5
14	6.5. Nội dung và các bước thực hiện ĐMC 6.6. Phương pháp thực hiện ĐMC	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	CELO 5
15	Kiểm tra 2 Trình bày báo cáo Đánh giá tác động môi trường	Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận.	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Chương 1	H				
Chương 2	M				
Chương 3		M			
Chương 4			M		
Chương 5				H	
Chương 6				M	

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1]

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1]

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài thực hành: nộp đầy đủ bài thực hành cuối buổi học.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Vũ Phụng Thu

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

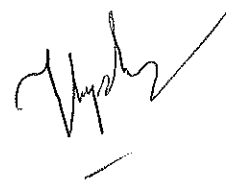
TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Vũ Phụng Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **LẬP VÀ PHÂN TÍCH DỰ ÁN ĐÔ THỊ**
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Lập và phân tích dự án đô thị
Tiếng Việt:	Lập và phân tích dự án đô thị
Tiếng Anh:	<i>Urban project formulation and analysis</i>
Mã số học phần:	160415011
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị dự án đô thị, quá trình hình thành và soạn thảo một dự án; vận dụng để phân tích, soạn thảo một dự án đô thị, đánh giá hiệu quả tài chính dự án từ đó ra quyết định đầu tư và nhận diện được các nhân tố rủi ro trong quá trình thực hiện của các dự án, tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về dự án đô thị, quản trị dự án đầu tư, quá trình hình thành và soạn thảo một dự án; phương pháp phân tích và đánh giá hiệu quả tài chính của dự án từ đó so sánh, lựa chọn phương án đầu tư phát triển đô thị phù hợp	ELO3
CG2	Kỹ năng phân tích, soạn thảo một dự án đầu tư, đánh giá hiệu quả tài chính dự án từ đó ra quyết định đầu tư; lập kế hoạch tiến độ và kiểm soát dự án, quản lý rủi ro có thể xảy ra.	ELO3
CG3	Tư duy, ý thức trong việc lựa chọn cơ hội đầu tư phát triển đô thị và lên kế hoạch sử dụng vốn đầu tư hiệu quả	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Trình bày kiến thức cơ bản về dự án đầu tư, quản trị dự án đầu tư, quá trình hình thành và soạn thảo một dự án. Giải thích phương pháp phân tích và đánh giá hiệu quả tài chính của dự án từ đó so sánh, lựa chọn phương án đầu tư phù hợp. Trình bày quy trình lập tiến độ thực hiện dự án	ELO3
CELO2	Phân tích, soạn thảo một dự án đầu tư, đánh giá hiệu quả tài chính dự án từ đó ra quyết định đầu tư; giải quyết các tình huống trong quản trị dự án. Lập kế hoạch tiến độ và kiểm soát dự án, quản lý rủi ro có thể xảy ra. Nhận diện được các nhân tố rủi ro trong quá trình thực hiện các dự án đã, đang và sẽ thực hiện, tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục	ELO3
CELO3	Ý thức tầm quan trọng của việc lựa chọn cơ hội đầu tư	

	và lên kế hoạch sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả	ELO3
--	--	------

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về dự án đô thị 1.1. Định nghĩa dự án đô thị 1.2. Nội dung chủ yếu dự án đô thị 1.3. Chu kỳ của dự án đô thị 1.4. Phân loại dự án đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
2	Chương 2: Quản trị dự án đô thị 2.1. Quản trị dự án đô thị 2.2. Tiến trình quản trị dự án đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
3	2.3. Các lĩnh vực của quản trị dự án đô thị 2.4. Ưu – nhược điểm của quản trị dự án đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
4	2.5. Vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị dự án đô thị. 2.6. Lựa chọn nhà quản trị dự án	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
5	Chương 3: Phân tích tài chính dự án đô thị 3.1. Phân tích tài chính dự án đô thị bằng phương pháp giản đơn 3.2. Phân tích tài chính dự án đô thị bằng phương pháp hiện giá	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO3

6	3.3. Phương pháp xác định tỷ suất chiết khấu và lựa chọn thời điểm tính toán 3.4. Nội dung phân tích tài chính dự án đô thị 3.5. So sánh lựa chọn phương án đầu tư	Tổ chức nhóm thuyết trình, đánh giá và yêu cầu các nhóm tóm tắt nội dung	CELO3
7	Chương 4: Lập kế hoạch tiến độ và phân bổ nguồn lực dự án 4.1. Lập kế hoạch, tiến độ bằng phương pháp PERT	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
8	4.2. Lập kế hoạch, tiến độ bằng phương pháp GANTT 4.3. Phân bổ nguồn lực dự án đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
9	Chương 5: Kiểm soát dự án đô thị 5.1. Khái niệm, vai trò, mục đích của kiểm soát dự án đô thị 5.2. Phương pháp kiểm soát dự án 5.3. Hệ thống kiểm soát dự án đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
10	5.4. Quá trình kiểm soát dự án đô thị 5.5. Nội dung kiểm soát dự án đô thị	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
11	Chương 6: Quản trị rủi ro dự án đô thị 6.1. Khái niệm và phân loại rủi ro 6.2. Nội dung quản trị rủi ro dự án	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
12	6.3. Phương pháp phân tích, đo lường rủi ro	Trình chiếu, nêu vấn đề để sinh viên thảo luận. Giảng giải nội dung chính	CELO3
13	Báo cáo cá nhân: Phân tích dự án phát triển đô thị, đánh giá hiệu quả tài chính dự án	Hướng dẫn sinh viên lập báo cáo phân tích dự án phát triển đô thị, đánh giá hiệu quả tài chính dự án	CELO3
14	Báo cáo cá nhân: Lập kế hoạch tiến độ và kiểm soát dự án, quản lý rủi ro có	Đánh giá, nhận xét báo cáo phân tích	

	thể xảy ra	dự án phát triển đô thị	CELO3
15	Ôn tập	Hướng dẫn sinh viên ôn tập và giải đáp câu hỏi	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	L	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	L
Chương 4	M	M	L
Chương 5	L	M	M
Chương 6	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Trịnh Quốc Thắng (2010), *Quản lý dự án đầu tư xây dựng*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Chính phủ Việt Nam (2013), Nghị định 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị, Hà Nội.

[3] Trần Trọng Hanh (2008), *Công tác thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị: Dự án nâng có năng lực quy hoạch và quản lý môi trường đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Huy Cường

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

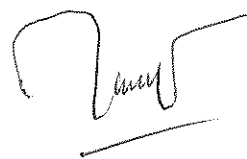
TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Huy Cường

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **KINH TẾ XÂY DỰNG**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Kinh tế xây dựng
Tiếng Việt:	Kinh tế xây dựng
Tiếng Anh:	<i>Economic construction</i>
Mã số học phần:	160415012
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	02 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	03 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về Hoạt động của các quy luật kinh tế trong lĩnh vực xây dựng các công trình xây dựng, những nội dung cơ bản trong hoạt động đầu tư vốn, tiền lương, những nội dung đánh giá và phân tích hiệu quả hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp xây dựng.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trình bày được các quy luật kinh tế trong lĩnh vực xây dựng	ELO3
CG2	Trình bày được những nội dung cơ bản trong hoạt động đầu tư vốn, tiền lương	ELO3
CG3	Vận dụng những quy luật kinh tế, những nội dung cơ bản trong hoạt động đầu tư để đánh giá, phân tích hiệu quả hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp xây dựng	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Hiểu được các quy luật kinh tế trong lĩnh vực xây dựng. Trình bày được các quy luật kinh tế trong lĩnh vực xây dựng	ELO3
CELO2	Hiểu được những nội dung cơ bản trong hoạt động đầu tư vốn, tiền lương. Trình bày được những nội dung cơ bản trong hoạt động đầu tư vốn, tiền lương	ELO3
CELO3	Hiểu và trình bày được chi phí đầu tư xây dựng công trình, doanh thu và lợi nhuận trong kinh doanh xây dựng. Vận dụng những quy luật kinh tế, những nội dung cơ bản trong hoạt động đầu tư để đánh giá, phân tích hiệu quả hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp xây dựng	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- *Nghe giảng trên lớp;*
- *Đọc và làm bài trước các buổi giảng;*
- *Tra cứu thông tin về ngành trên internet;*
- *Làm việc nhóm;*

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kỹ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Công nghiệp xây dựng trong nền kinh tế quốc dân	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
2	Chương 2: Một số vấn đề quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng 2.1. Một số vấn đề về đầu tư và xây dựng 2.2. Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
3	2.2. Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng (tt) 2.3. Tổ chức quản lý hoạt động đấu thầu	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
4	2.3. Tổ chức quản lý hoạt động đấu thầu (tt). 2.4. Hợp đồng xây dựng	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
5	Chương 3: Một số chỉ tiêu đánh giá dự án đầu tư 3.1. Giá trị theo thời gian của tiền tệ	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
6	3.2. Phân tích và đánh giá hiệu quả kinh tế tài chính của dự án đầu tư	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
7	3.2. Phân tích và đánh giá hiệu quả kinh tế	Thuyết trình;	

	tài chính của dự án đầu tư (tt)	Phát vấn	CELO3
8	3.3. Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư Ôn tập chương 1,2,3. Kiểm tra	Thuyết trình; Phát vấn Thảo luận	CELO3
9	Chương 4: Lao động và tiền lương trong DN XD 4.1. Tổ chức lao động trong DN XD 4.2. Năng suất lao động	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
10	4.3. Tiền lương trong xây dựng	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
11	4.3. Tiền lương trong xây dựng (tt)	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
12	Chương 5: Vốn sản xuất kinh doanh trong DN XD 5.1. Vốn sản xuất kinh doanh 5.2. Vốn cố định 5.3. Vốn lưu động	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
13	Chương 6: Giá xây dựng trong cơ chế thị trường 6.1. Giá xây dựng trong cơ chế thị trường	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
14	6.2. Chi phí xây dựng công trình	Thuyết trình; Phát vấn	CELO3
15	6.3. Doanh thu và lợi nhuận trong kinh doanh xây dựng Ôn tập chương 4,5,6. Kiểm tra	Thuyết trình; Phát vấn Thảo luận	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	L	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	L
Chương 4	M	M	L

Chương 5	L	M	M
Chương 6	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] *Bài giảng Kinh tế xây dựng* – Khoa Kinh tế - Trường ĐH XD Miền Tây.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] *Kinh tế xây dựng* – TS. Nguyễn Văn Thắt, NXB Xây dựng, 2010.

[3] *Giáo trình kinh tế xây dựng* – Bùi Mạnh Hùng (chủ biên) – Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội 2012.

[4] *Kinh tế xây dựng trong cơ chế thị trường* – Bùi Mạnh Hùng – NXB Xây dựng 1999.

[5] Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các tài liệu có liên quan.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Bá Huy

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Nguyễn Bá Huy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **AN TOÀN LAO ĐỘNG**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	An toàn lao động
Tiếng Việt:	An toàn lao động
Tiếng Anh:	<i>Labor safety</i>
Mã số học phần:	160415013
Thời điểm tiến hành:	Học kì 6
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị & công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này nhằm giúp cho sinh viên nắm được ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác an toàn bảo hộ lao động; giúp SV nắm được một số quy định của Pháp luật về an toàn lao động. Môn học còn cung cấp các biện pháp và kỹ thuật an toàn trong công tác thi công, lắp dựng công trình xây dựng. Đề từ đó đề ra các biện pháp đề phòng tai nạn, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho người lao động. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác phòng hộ lao động trên các công trường thi công, trong việc quản lý và khai thác công trình như các biện pháp an toàn trong công tác thi công móng, thi công trên cao, sử dụng máy móc, an toàn điện, chống sét...

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1		ELO3
CG2		ELO3
CG3		ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1		ELO3
CELO2		ELO3
CELO3		ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	L
CELO	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1-2	<u>Chương 1. Những vấn đề chung về khoa học bảo hộ lao động</u> 1.1. Khái niệm, mục đích và ý nghĩa về bảo hộ lao động 1.2. Nội dung BHLĐ và những quan điểm trong công tác BHLĐ 1.3. Hệ thống pháp luật và các quy định về BHLĐ 1.4. Kế hoạch BHLĐ 1.5. Những văn bản liên quan đến quy định chung về BHLĐ	Giảng dạy lý thuyết, hỏi đáp, thảo luận	CELO 3
3-4	<u>Chương 2. Kỹ thuật vệ sinh lao động</u> 2.1. Khái niệm về vệ sinh lao động 2.2. Đối tượng và nhiệm vụ của VSLĐ 2.3. Tác hại nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp 2.4. Các biện pháp đề phòng tác hại nghề nghiệp	Giảng dạy lý thuyết, thảo luận	CELO 3
5-6	<u>Chương 3. Kỹ thuật an toàn lao động trong thiết kế và thi công xây dựng</u> 3.1. Khái niệm về an toàn lao động. 3.2. Nội dung chủ yếu của công tác thiết kế biện pháp kỹ thuật an toàn khi lập biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công. 3.3. An toàn lao động khi lập tiến độ thi công 3.4. An toàn lao động khi lập mặt bằng thi công	Giảng dạy lý thuyết, thảo luận	CELO 3
7-8	<u>Chương 4. Kỹ thuật an toàn điện trong xây dựng</u> 4.1. Khái niệm về an toàn điện 4.2. Yêu cầu an toàn điện trong xây dựng 4.3. Chống sét cho các công trình xây dựng	Giảng dạy lý thuyết, thảo luận	CELO 3

9-10	Chương 5. Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy móc thiết bị và dụng cụ thi công trong xây dựng. 5.1. Khái niệm về máy móc thi công 5.2. Các nguyên nhân chính gây ra sự cố, tai nạn khi sử dụng máy xây dựng 5.3. Quy định về an toàn lao động khi sử dụng máy xây dựng và các biện pháp phòng ngừa khi sử dụng máy xây dựng 5.4. Kỹ thuật an toàn khi sử dụng máy móc, thiết bị và dụng cụ thi công xây dựng .	Giảng dạy lý thuyết, thảo luận	CELO 3
11-12	Chương 6. Kỹ thuật an toàn khi đào móng và hố sâu 6.1. Kỹ thuật an toàn khi thi công đào, xúc 6.2. Nguyên nhân xảy ra tai nạn khi đào hố móng, hố sâu 6.3. Các biện pháp và kỹ thuật an toàn phòng ngừa tai nạn khi đào móng, hố sâu	Giảng dạy lý thuyết, thảo luận	CELO 3
13-14	<u>Chương 7. An toàn và phòng ngừa ngã cao trong xây dựng</u> 7.1. Khái niệm về thi công trên cao 7.2. Nguyên nhân chính gây tai nạn ngã cao 7.3. Biện pháp phòng ngừa chung và các phương tiện kỹ thuật bảo vệ khi làm việc trên cao 7.4. Biện pháp cụ thể phòng ngừa ngã cao trong thi công một số dạng công tác chính	Giảng dạy lý thuyết, thảo luận	CELO 3
15	Ôn tập		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (chương)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	L	L	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	L
Chương 4	M	M	L
Chương 5	L	M	M
Chương 6	M	M	M
Chương 7	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- [1] Đặng Xuân Trường. Bài giảng An toàn lao động. TP.HCM, 2018
- [2] Đặng Xuân Trường. Giá trình An toàn lao động. Đại học GTVT TP.HCM, 2011.

7.2. Tài liệu tham khảo:

- [1] Bùi Mạnh Hùng. Kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong xây dựng. Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật. Hà Nội, 2004.
- [2] Nguyễn Thế Đạt. Giáo trình An toàn lao động. NXBGD. 2004.

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.
- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Lê Thị Hải Yến

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn



ThS. Lê Thị Hải Yến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **CƠ SỞ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI ĐÔ THỊ**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cơ sở Quản lý đất đai đô thị
Tiếng Việt:	Cơ sở Quản lý đất đai đô thị
Tiếng Anh:	<i>Based Land Administration</i>
Mã số học phần:	150215301
Thời điểm tiến hành:	Học kì 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn TN	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Quản lý đất đai

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này cung cấp những kiến thức về quy hoạch sử dụng đất ở đô thị; các khung thể chế và pháp lý liên quan đến quản lý đất đai đô thị. Nhận biết các vấn đề quản lý sử dụng đất tại các thành phố của Việt Nam; trình bày những quy định quản lý đất đai và đăng ký đất đai, các giải pháp ứng dụng hệ thống thông tin để quản lý đất đai.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Chỉ ra được những kiến thức về quy hoạch sử dụng đất ở đô thị; nhận biết các vấn đề quản lý sử dụng đất tại các thành phố của Việt Nam và kinh nghiệm của các nước trên thế giới	ELO3
CG2	Vận dụng các văn bản pháp luật có liên quan vào thực Xây dựng được các khung thể chế và pháp lý liên quan đến quản lý đất đai. Đánh giá thực trạng sử dụng đất đô thị và quản lý hành chính về quy hoạch sử dụng đất khu vực xác định của đô thị	ELO3
CG3	Năng lực đánh giá những quy trình quản lý đất đai và đăng ký đất đai, các giải pháp ứng dụng hệ thống thông tin để quản lý đất đai; lập quy định về quản lý đất đai cho khu vực xác định trong đô thị; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đăng ký đất đai; lập và quản lý hồ sơ địa chính	ELO3

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Chỉ ra các khái niệm cơ bản về đất đai trong đô thị Việt Nam. Xác định loại đất đô thị và nêu được khái niệm về BĐS và thị trường BĐS trong các đô thị Việt Nam. Trình bày được những thực trạng quản lý đất đai đô thị tại Việt Nam và kinh nghiệm quản lý đất đai đô thị trên TG.	ELO3

CELO2	Phân tích chính sách đất đai và quản lý đất đai đô thị. Phân tích các khung thể chế, pháp lý về đất đai và nhà ở. Phân tích các cơ sở để lập quy hoạch sử dụng đất đô thị và quy hoạch sử dụng đất đô thị. Đánh giá cơ sở đăng ký đất đai, điều kiện đăng ký pháp lý đất đai đô thị.	ELO3
CELO3	Lập kế hoạch quản lý hệ thống thông tin đất đai và nhà ở trong đô thị. Xây dựng những nội dung quản lý đất đai một khu vực trong đô thị. Lập quy định về quản lý đất đai cho khu vực xác định trong đô thị, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đăng ký đất đai; lập và quản lý hồ sơ địa chính.	ELO3

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1	M	L	L	M	M	L	L	L	L	M	M	L	L	L	L	M
CELO2	L	L	L	M	M	M	M	M	M	M	L	L	M	M	M	M
CELO3	M	M	M	M	M	M	M	M	L	L	L	M	L	L	M	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá HP

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa vào dự án
- Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Quá trình và giữa kì

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Thi cuối kì

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	Thuyết trình	10%
	A1.2	Kĩ năng	Toàn khóa	1	Đủ	BT nhóm	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức	CELO3	1	Đạt	PP viết	20%
	A2.2	Kiến thức	CELO4	1	Đạt	PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức	Toàn khóa	1	Đạt	Trắc nghiệm	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung giảng dạy	PP giảng dạy chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	- Giới thiệu và giải thích chuẩn đầu ra. Nêu nhiệm vụ của sinh viên và phương pháp học tập. - Nêu một số ví dụ về ứng dụng kiến thức của môn học trong lĩnh vực xây dựng Chương 1: Những khái niệm về đất đai, bất động sản 1.1. Khái niệm cơ bản về đất đai 1.2. Phân loại đất đô thị 1.3. Khái niệm về BĐS và thị trường BĐS	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

2	Chương 2: Quản lý đất đai đô thị 2.1. Quản lý đất đai 2.2. Quản lý và sử dụng đất đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
3	2.3. Quyền sở hữu và quyền sử dụng đất đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
4	2.4. Thực trạng quản lý đất đai đô thị tại Việt Nam	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
5	2.5. Kinh nghiệm quản lý đất đai đô thị trên TG	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
6	Chương 3: Chính sách và pháp luật về đất đai 3.1. Chính sách đất đai và quản lý đất đai đô thị dụng công trình	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
7	3.2. Các nội dung cơ bản của Pháp luật đất đai và nhà ở	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
8	3.3. Các khung thể chế, pháp lý về đất đai và nhà ở	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
9	Chương 4: Quy hoạch sử dụng đất và đăng ký sử dụng đất đô thị 4.1. Quy hoạch sử dụng đất 4.1.1. Khái quát về quy hoạch sử dụng đất 4.1.2. Các cơ sở để lập quy hoạch sử dụng đất đô thị 4.1.3. Quy hoạch sử dụng đất đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
10	4.2. Đăng ký đất đai 4.2.1. Khái quát về đăng ký đất đai 4.2.2. Cơ sở đăng ký đất đai 4.2.3. Đăng ký pháp lý đất đai	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
11	Tham quan thực tế	Thuyết trình;	CELO3

12	Chương 5: Quản lý hệ thống thông tin đất đai 5.1. Khái quát về thông tin đất đai và nhà ở 5.2. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai và nhà ở	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
13	5.3. Quản lý hệ thống thông tin đất đai và nhà ở quy hoạch đô thị	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
14	Bài tập nhóm: đưa ra quy định về quản lý đất đai cho khu vực xác định trong đô thị; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đăng ký đất đai; lập và quản lý hồ sơ địa chính	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3
15	Ôn tập, hướng dẫn Bài tập lớn	Thuyết trình; Trình chiếu Powerpoint.	CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Chương 1	L	L	M	M	M	M
Chương 2	M	M	M	L	L	L
Chương 3	M	M	L	L	L	M
Chương 4	M	M	L	M	M	M
Chương 5	L	M	M	L	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Đỗ Hậu, Nguyễn Đình Bồng (2005), Quản lý đất đai và bất động sản đô thị, NXB Xây dựng, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Võ Kim Cương (2013), Chính sách đô thị, NXB Xây dựng, Hà Nội.

[3] Các ấn phẩm của UN Habitat tại <http://ashui.com/mag/publications/un-habitat.html>

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: tối thiểu 80% số tiết giảng.

- Bài kiểm tra: phải hoàn thành 02 bài.
- Nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp.

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Trần Thanh Hùng, ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc

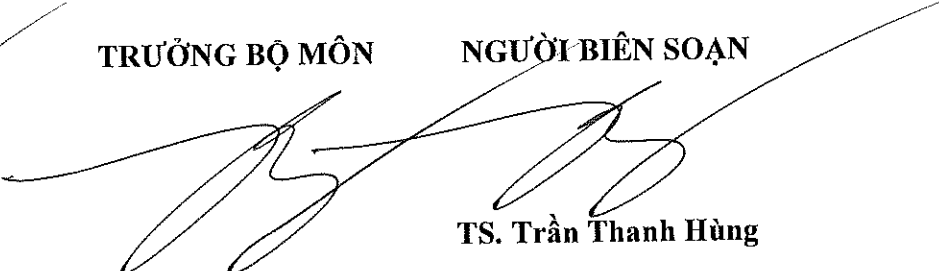
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN


TS. Trần Thanh Hùng


TS. Trần Thanh Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **QUY HOẠCH ĐÔ THỊ**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quy hoạch đô thị
Tiếng Việt:	Quy hoạch đô thị
Tiếng Anh:	<i>Urban planning</i>
Mã số học phần:	150115211
Thời điểm tiến hành:	Học Kỳ 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	25 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	5 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	30 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Quản lý đất đai

2. Mô tả học phần (Course Description)

“Quy hoạch đô thị” là một môn khoa học đa ngành có liên quan đến nhiều vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật, nghệ thuật; là hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và pháp chế nhằm xác định sự phát triển đô thị trong từng giai đoạn, định hướng phát triển lâu dài cho đô thị đó về các mặt tổ chức sản xuất, tổ chức đời sống, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, hệ thống công trình hạ tầng và môi trường đô thị, tạo lập môi trường sống thích hợp cho người dân sống tại các vùng lãnh thổ đó, đảm bảo kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng, đáp ứng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

Môn học trình bày những vấn đề chung về đô thị, quy hoạch và quản lý đô thị làm cơ sở chung cho việc nghiên cứu quy hoạch đô thị; Các phương pháp phân vùng sử dụng đất đô thị; Các phương pháp lựa chọn đất xây dựng đô thị; Các nguyên lý tổ chức các khu chức năng và liên kết thành tổ chức không gian đô thị; Quản lý quy hoạch đô thị; Nội dung, quy trình và các sản phẩm của các đồ án quy hoạch đô thị.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức về đô thị, quy hoạch đô thị, quản lý đô thị	ELO2
CG2	Kiến thức về phân vùng sử dụng đất đô thị, định hướng phát triển không gian đô thị, tiêu chí và quản lý khai thác quy hoạch sử dụng đất đô thị	ELO2, ELO6
CG3	Kiến thức về các phương pháp lựa chọn đất đai xây dựng đô thị	ELO2, ELO6
CG4	Kỹ năng phân tích và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất đô thị, Kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ công tác lựa chọn đất đai xây dựng đô thị (GIS, viễn thám, UAV).	ELO4, ELO6
CG5	Nhận thức vai trò của công tác quy hoạch đô thị trong việc thiết kế, xây dựng các công trình đô thị.	ELO15

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Trình bày khái niệm về đô thị, quy hoạch đô thị, quản lý đô thị, phân vùng sử dụng đất đô thị, định hướng phát triển không gian đô thị, tiêu chí và quản lý khai thác quy hoạch sử dụng đất đô thị.	ELO2, ELO4
CELO2	Đọc hiểu bản vẽ thiết kế quy hoạch của đô thị và các công trình xây dựng, các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật, luật đất đai,...	ELO2, ELO4, ELO6

CELO3	Thực hiện phân tích và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất đô thị.	ELO2, ELO4, ELO6
CELO4	Trình bày về các phương pháp lựa chọn đất đai xây dựng đô thị.	ELO2, ELO4, ELO6
CELO5	Áp dụng kiến thức để tính toán các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật. Thu thập và tính toán các thông số kỹ thuật từ các công cụ hỗ trợ (GIS, viễn thám, UAV).	ELO2, ELO4, ELO6
CELO6	Xác định được nhiệm vụ và yêu cầu của công tác quy hoạch đô thị trong thực tế.	ELO11, ELO15

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1		M		M											
CELO2		H		M		H									
CELO3		H		M		H									
CELO4		H		M		H									
CELO5		H		M		H									
CELO6		H		M		H					M				M

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Áp dụng kết hợp:

- Phương pháp thuyết trình
- Kỹ thuật động não
- Kiểm tra nhanh (hỏi đáp, bài tập nhỏ)

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép
- Phát biểu
- Thực hiện tính toán các bài tập

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- **Điểm đánh giá quá trình- giữa kỳ:**

+ Trọng số: 30%, bao gồm: hỏi đáp trên lớp, bài kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Bài tập nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- **Điểm thi kết thúc học phần:**

+ Trọng số: 70%, bao gồm: 1 bài kiểm tra cuối khóa (đề đóng)

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Các nội dung đã và đang học	CELO. 1→5	Hàng tuần, gọi ngẫu nhiên	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	PP phỏng vấn (hỏi đáp)	30%
	A1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Các nội dung đã học đến thời điểm kiểm tra	CELO1→5	Giữa kỳ	Đúng đáp án	PP viết: tự luận, đề mở	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bài thi cuối kỳ 60'	Các nội dung của môn học	CELO1→6	Cuối khóa học	Đúng đáp án	PP viết: tự luận (đề đóng)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần (3t/ tuần)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1, 2, 3	Chương 1. Những vấn đề chung về đô thị và quy hoạch đô thị		
	A/ Các nội dung chính: 1.1. Khái quát chung về đô thị 1.1.1. Đô thị 1.1.2. Đô thị hóa 1.1.3. Quá trình đô thị hóa trên thế giới và Việt Nam 1.1.4. Hệ thống đô thị Việt Nam 1.1.5. Đô thị học 1.2. Quy hoạch Đô thị 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Đặc điểm 1.2.3. Nội dung 1.2.4. Vai trò 1.2.5. Hệ thống quy hoạch đô thị Việt Nam 1.3. Quản lý Đô thị 1.3.1. Mục tiêu quản lý Đô thị 1.3.2. Nội dung quản lý Đô thị 1.3.3. Phân loại và Phân cấp quản lý đô thị 1.3.4. Phân vùng quản lý đô thị	Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp	CELO1, 2,3,4,5,6
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Các khái niệm về đô thị, đô thị hoá, quy hoạch đô thị, quản lý đô thị		CELO 3,4,5
4, 5, 6, 7	Chương 2. Quy hoạch sử dụng đất đô thị		
	A/ Các nội dung chính: 2.1. Phân vùng sử dụng đất đô thị 2.1.1. Khái niệm và vai trò của công tác phân vùng sử dụng đất đô thị 2.1.2. Các mô hình sử dụng đất đô thị 2.1.3. Các vùng sử dụng đất trong đô thị 2.1.4. Cấu trúc sử dụng đất đô thị 2.1.5. Phương pháp và quy trình phân vùng sử dụng đất đô thị	Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp	CELO1,2,3,4,5,6

Tuần (3t/ tuần)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	2.2. Định hướng phát triển không gian đô thị 2.2.1. Nguyên tắc phát triển không gian đô thị 2.2.2. Cơ cấu chức năng đất đai phát triển đô thị 3.3.3. Bố cục không gian kiến trúc đô thị 2.3. Tiêu chí quy hoạch sử dụng đất đô thị 2.3.1. Tiêu chí về sử dụng đất 2.3.2. Tiêu chí về kiến trúc cảnh quan đô thị 2.3.3. Tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật 2.4. Thực hiện quy hoạch sử dụng đất đô thị 2.4.1. Chu trình quy hoạch 2.4.2. Các bước chuẩn bị cơ bản 2.4.3. Thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu 2.4.4. Xây dựng đồ án quy hoạch 2.4.5. Quá trình thỏa thuận và ra quyết định 2.4.6. Đánh giá tính khả thi của các phương án quy hoạch 2.5. Quản lý khai thác quy hoạch sử dụng đất đô thị 2.5.1. Phương pháp, kế hoạch thực hiện quy hoạch 2.5.2. Phương thức khai thác sử dụng đất		
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Các khái niệm về phân vùng sử dụng đất đô thị, định hướng phát triển không gian đô thị, tiêu chí và quản lý khai thác quy hoạch sử dụng đất đô thị. Các phương pháp, kế hoạch thực hiện quy hoạch và sử dụng đất.		CELO3,4,5
8, 9, 10	Chương 3. Lựa chọn đất đai xây dựng đô thị		
	A/ Các nội dung chính: 3.1. Phương pháp lựa chọn đất đai xây dựng đô thị 3.1.1. Khái niệm và mục tiêu 3.1.2. Tiêu chí lựa chọn đất đai xây dựng đô thị 3.1.3. Phương pháp lựa chọn đất đai xây dựng đô thị	Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp	CELO1,2,3,4,5,6

Tuần (3t/ tuần)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.1.4. Quy trình lựa chọn đất đai xây dựng đô thị 3.2. Các công cụ hỗ trợ công tác lựa chọn đất đai xây dựng đô thị 3.5.1. Công cụ GIS 3.5.2. Công cụ viễn thám 3.5.3. Công cụ UAV 3.3. Thực hiện nghiên cứu điển hình lựa chọn đất đai xây dựng đô thị 3.3.1. Yêu cầu 3.3.2. Quy trình thực hiện 3.3.3. Kết quả		
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Thực hành sử dụng các công cụ hỗ trợ (GIS, viễn thám, UAV). Thực hiện nghiên cứu điển hình lựa chọn đất đai xây dựng đô thị.		CELO 3,4,5

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
1	H	H	M	H	H	H
2	H	H	M	H	H	H
3	H	H	M	H	H	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thế Bá, *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, NXB Xây dựng, 2008.

7.2. Tài liệu tham khảo:

2. Phạm Kim Giao, *Quy hoạch đô thị*, NXB Xây dựng, năm 1993.
3. Võ Khắc Ván, *Nguyên lý thiết kế Quy hoạch xây dựng vùng, điểm dân cư nông thôn và điểm dân cư đô thị*, NXB ĐH Quốc gia TP HCM, năm 2000, 100 trang.
4. Bộ xây dựng, TCVN 4419-87-Quy hoạch đô thị, 1987.
5. Bộ xây dựng, *Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (Tập I)*, NXB Xây dựng, 1997, 150 trang.

6. Đặng Thái Hoàng, Lịch sử nghệ thuật quy hoạch đô thị - NXB Khoa học và kỹ thuật, 1992.
7. Luật Quy hoạch đô thị (Dự thảo).
8. Bộ Xây dựng, Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020, NXB. Xây dựng, Hà Nội năm 1999.
9. Bộ Xây dựng, Chương trình KC.11, GS Đàm Trung Phụng Đô thị Việt Nam (Tập 1,2), NXB. Xây dựng, Hà Nội năm 1995.
10. Trương Quang Thao Đô thị học (Bộ sách), NXB. Xây dựng Xây dựng, Hà Nội năm 2003.
11. Nguyễn Đăng Sơn, Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị, NXB. Xây dựng, Hà Nội – 2005.
12. Nguyễn Ngọc Châu, Quản lý đô thị, NXB. Xây dựng, Hà Nội – 2001.
13. Võ Kim Cương, Quản lý Đô thị thời kỳ chuyển đổi, NXB. Xây dựng, Hà Nội 2004.
14. Võ Kim Cương Chính sách Đô thị, NXB. Xây dựng, Hà Nội 2006.
15. Nguyễn Minh Tâm, Quy hoạch xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư nông thôn, NXB xây dựng Hà Nội, năm 2000, 186 trang.
16. Trần Hùng, Xã hội học đô thị, NXB. Xây dựng, 2002.
17. Đặng Ngọc Côn, Kinh tế học đô thị, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2000.
18. Tôn Nữ Quỳnh Trân, Phát triển đô thị bền vững, NXB. Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2003.
19. UBND TP. Hồ Chí Minh, Từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch chiến lược, Dự án Quốc gia VIE/95/051: Tăng cường năng lực quản lý và quy hoạch đô thị tại TP.HCM, 3/1998.
20. UBND TP. Hồ Chí Minh, Hướng tới kế hoạch đầu tư đa ngành hợp nhất, Dự án Quốc gia VIE/95/051: Tăng cường năng lực quản lý và quy hoạch đô thị tại TP.HCM, 4/1998.
21. Tạp chí Quy hoạch Xây dựng năm 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2009.

Tài liệu tiếng Anh

22. Cities Alliance. 2006 Guide to City Development Strategies: Improving Urban Performance.
23. Land Use Planning: Methods, Strategies and Tools - Trang Web
24. Hiệp hội Đô thị Thế giới: [http:// www:citiesalliance.org/](http://www.citiesalliance.org/)
25. Bộ Xây dựng: <http://www.moc.gov.vn/>
26. Bộ Tài nguyên-Môi trường: <http://www.monre.gov.vn/>

27. Học viện cán bộ xây dựng: <http://www.hocviencanboxd.edu.vn/>

28. Các trang Web của Sở Quy hoạch-Kiến trúc hoặc Sở Xây dựng.

29. Các trang Web của các Trường Đại học Kiến trúc TPHCM, Kiến trúc Hà Nội, Đà Nẵng, Đại học Xây dựng Hà Nội...

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập nhóm đúng thời hạn quy định

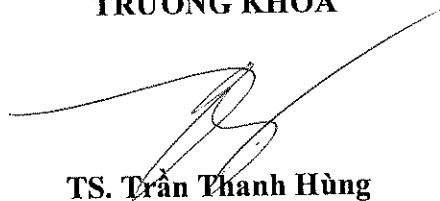
8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Trần Mỹ Hào

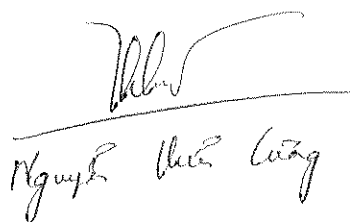
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



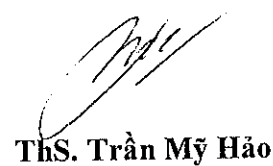
TS. Trần Thanh Hùng

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Đức Cường

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Trần Mỹ Hào

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐA MỤC TIÊU**
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cơ sở dữ liệu đất đa mục tiêu
Tiếng Việt:	Cơ sở dữ liệu đất đa mục tiêu
Tiếng Anh:	<i>Multi-purpose land database</i>
Mã số học phần:	150315305
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	Bắt buộc
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	25 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Cơ sở dữ liệu đại cương
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Quản lý đất đai

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần giới thiệu mô hình hệ thống và các thành phần chính của CSDL Quốc gia về tài nguyên đất, đồng thời cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, một số giải pháp tiêu biểu về CSDL không gian và tình hình triển khai các dự án liên quan đến tài nguyên đất hiện nay.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Nắm vững kiến thức về CSDL không gian, một số giải pháp CSDL không gian phổ biến, nội dung về CSDL tài nguyên đất và hệ thống thông tin đất đai.	ELO1
CG2	Khả năng phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.	
CG3	Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong quá trình học, ý thức tiếp thu nội dung chuyên môn, cũng như nhận thức được trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp của kỹ sư	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần[2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm vững kiến thức về CSDL không gian, một số giải pháp CSDL không gian phổ biến, nội dung về CSDL tài nguyên đất và hệ thống thông tin đất đai.	ELO1
CELO2	Khả năng phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.	ELO1
CELO3	Thực hiện vào việc học tập, rèn luyện của bản thân	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Bài kiểm tra giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài tập nhóm...

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	Thái độ tham gia học tập tích cực	CELO1 CELO2 CELO3	05	Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm	CELO1 CELO2	01	Bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả.	PP phỏng vấn	
	A1.2 Bài tập cá nhân trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO1 CELO2	02	Bài kiểm tra 15 phút tự luận hoặc 10 phút trắc nghiệm đáp ứng được yêu cầu của GV	PP viết	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ/60 phút	Kiến thức các chương: 1,2,3.	CELO1 CELO2	01	Bài kiểm tra giữa kỳ: 2 câu tự luận hoặc 50 câu trắc nghiệm, hoặc bài tập nhóm đáp ứng được	PP viết	20%

					yêu cầu của GV		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học...	CELO1 CELO2 CELO3	01	Bài thi cuối khóa (tự luận): 2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1. Tổng quan về IS và MIS 1.1. Tổng quan về môn học 1.2. Giới thiệu, nhắc lại một số khái niệm 1.3. Phân loại các hệ thống thông tin 1.4. Hệ thống thông tin quản lý (MIS) 1.5. Hệ hỗ trợ ra quyết định sử dụng đất	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3
2	Chương 2. Giới thiệu về cơ sở dữ liệu không gian 2.1. Nhắc lại một số khái niệm về CSDL 2.2. Mô hình và cấu trúc dữ liệu 2.3. Các nguồn dữ liệu không gian 2.4. Các mô hình CSDL không gian 2.5. Các giải pháp CSDL không gian phổ biến	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm,	CELO1,2,3
3	Chương 3. Hiện trạng quản lý tài nguyên đất đai 3.1. Nhu cầu quản lý tài nguyên đất đai 3.2. Hiện trạng hệ thống quản lý tài nguyên đất đai 3.3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên đất đai	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3

	3.4. Giới thiệu chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin Tài nguyên và môi trường đến năm 2015 và định hướng 2020 3.5. Một số chương trình, dự án liên quan đến quản lý tài nguyên đất đai		
4	Chương 4: Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên đất 4.1. Giới thiệu chương trình quốc gia CNTT 4.2. Hệ thống CSDL quốc gia và CSDL quốc gia về tài nguyên đất đai 4.3. Tính cấp thiết của việc hình thành CSDL quốc gia về tài nguyên đất đai	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2, 3
5	Chương 5: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên đất đai 5.1. Mô hình kiến trúc tổng thể 5.2. Các thành phần cơ bản 5.3. Phân tích chức năng 5.4. Phân tích thông tin dữ liệu 5.5. Cơ sở dữ liệu bản đồ nền	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2, 3
6	Chương 5. (tiếp theo) 5.6. Cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính 5.7. Giải pháp liên kết các cơ sở dữ liệu 5.8. Giải pháp chuẩn hóa dữ liệu 5.9. Giải pháp phần cứng, phần mềm 5.10. Giải pháp mạng 5.11. Giải pháp bảo mật, an toàn dữ liệu	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2, 3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	M	M	M

Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	M
Chương 4	M	M	M
Chương 5	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính

1. *Cơ sở dữ liệu đất đai* – Khoa Quản lý đất đai, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

7.2. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt:

1. Tổng cục Địa chính, 1998. Dự án khả thi xây dựng CSDL Quốc gia về tài nguyên đất, Hà Nội.

2. Dương Tuấn Anh, Nguyễn Trung Trực, 2006. *Hệ cơ sở dữ liệu*. NXB Đại học Quốc gia.

3. Trần Thành Trai, 1999. *Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý*. Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia – Phân viện Công nghệ thông tin TP.HCM.

Tài liệu tiếng Anh:

4. Jame A. O'Brien, 2004. *Management Information System*. McGraw - Hill Press.

5. Robert Laurini & Derek Thompson, 1992. *Fundamental of Spatial Information Systems*. Academic Press.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng từ 3 buổi học trở lên dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

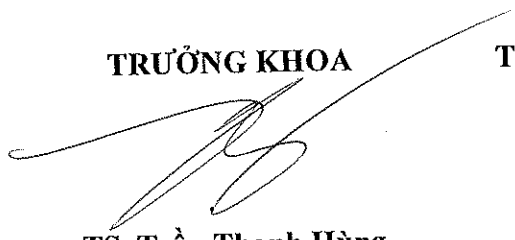
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Trương Công Phú

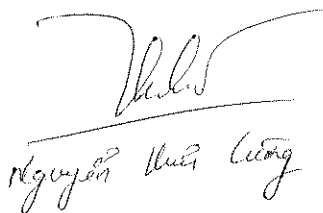
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Thanh Hùng

TRƯỞNG BỘ MÔN



NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Trương Công Phú

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **TRẮC ĐỊA ĐẠI CƯƠNG**

Trình độ đào tạo: Đại học.

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Trắc địa đại cương
Tiếng Việt:	Trắc địa đại cương
Tiếng Anh:	Fundamentals of Surveying
Mã số học phần:	160115100
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	03 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	02 tiết
Thời gian tự học:	... giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Trắc địa công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

“Trắc địa đại cương” là một trong các môn học cơ sở ngành, là kiến thức nền để sinh viên có thể học tiếp các môn học chuyên ngành.

Môn học giới thiệu về các mặt tham chiếu cho trái đất gồm: Geoid và Ellipsoid; cách biểu diễn bề mặt trái đất lên mặt phẳng thông qua phép chiếu bản đồ; Giới thiệu cấu tạo chính và công dụng của các thiết bị đo đạc cơ bản.

Giảng dạy để sinh viên biết các đại lượng đo cơ bản và cần thiết trong công tác trắc địa truyền thống. Áp dụng công tác đo đạc cơ bản để xây dựng lưới khống chế tọa độ và độ cao cấp đo vẽ. Đồng thời, sử dụng phương pháp toàn đạc trong công đoạn đo vẽ chi tiết để thành lập bản đồ.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về các mặt tham chiếu cơ bản trong trắc địa. Phương pháp biểu diễn bề mặt trái đất lên mặt phẳng thông qua các phép chiếu bản đồ.	ELO3
CG2	Khái niệm và các phương pháp đo của các trị đo cơ bản trong trắc địa.	ELO3, ELO5
CG3	Nhận biết các loại máy và các bộ phận cơ bản của các thiết bị đo đạc sử dụng trong trắc địa.	ELO5
CG4	Nội dung xây dựng lưới khống chế tọa độ và độ cao cấp đo vẽ cùng với nội dung công tác đo vẽ chi tiết để thành lập bản đồ.	ELO3 ELO5
CG5	Sự quan trọng của tinh thần trung thực, trách nhiệm và khả năng phối hợp làm việc nhóm.	ELO11, ELO12

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu kiến thức cơ bản về các mặt tham chiếu cơ bản trong trắc địa. Biểu diễn bề mặt trái đất lên mặt phẳng thông qua các phép chiếu bản đồ.	ELO3
CELO2	Trình bày được các trị đo cơ bản trong Trắc địa	ELO3, ELO5
CELO3	Nhận biết các loại máy và các bộ phận cơ bản của các thiết bị đo đạc sử dụng trong trắc địa.	ELO5
CELO4	Hiểu và áp dụng các phương pháp đo thông qua kỹ năng sử dụng các thiết bị để thực hiện công tác đo đạc cơ bản.	ELO3 ELO5
CELO5	Nhận thức được tầm quan trọng của tinh thần trung thực, trách nhiệm và khả năng phối hợp làm việc nhóm.	ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	L	L	L	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	M
CELO2	L	L	L	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	M
CELO3	L	L	L	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	L	M
CELO4	L	L	L	M	M	M	M	L	L	L	L	L	L	L	M
CELO5	L	L	L	M	M	M	M	L	L	L	H	M	L	L	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Các **phương pháp giảng dạy** được áp dụng trong quá trình giảng dạy học phần:

Phương pháp thuyết trình

Phương pháp mô phỏng

Phương pháp suy nghĩ

Phương pháp hoạt động nhóm

Các **Phương pháp học tập** được áp dụng trong quá trình giảng dạy học phần.:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- Thực hành sử dụng máy móc, thiết bị

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Bài tập cho về nhà, làm và nộp trong buổi sau hoặc kiểm tra tại lớp (làm bài tập, thảo tác với máy hoặc gọi trả lời ngẫu nhiên)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: bài kiểm tra đề đóng, gồm 2 phần Trắc nghiệm + Tự luận

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Bài về nhà	Kiến thức	CELO1, CELO2	6/Sau mỗi chương học	Hoàn thành	PP viết	10%
	A1.2. Thực hành trên lớp	Kỹ năng	CELO3, CELO4, CELO5	3/Sau chương 2, chương 3, chương 4	Tích cực	PP quan sát + PP phỏng vấn	
	A1.3. Thái độ học tập	Phẩm chất/Năng lực	CELO5	Mỗi buổi học	Tích cực	PP quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Kiến thức + kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1/Tuần 9	40câu/10 điểm	PP viết: trắc nghiệm khách quan: nhiều lựa chọn	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Kiến thức + Kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	Kết thúc môn học	20 câu trắc nghiệm+2 bài tự luận	PP viết: +Tự luận: Bài luận, tiểu luận, luận văn +Trắc nghiệm khách quan: nhiều lựa chọn	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
[1]	[2]	[3]	[4]
1	Chương 1. Một số kiến thức cơ bản về Trắc địa bản đồ		
	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình	CELO1
	1.1 Đơn vị đo		
	1.1.1 Đơn vị đo góc		
	1.1.2 Đơn vị đo chiều dài		
	1.2 Các mặt chuẩn quy chiếu độ cao		
	1.2.1 Mặt thủy chuẩn trái đất và mặt thủy chuẩn gốc		
	1.2.2 Geoid và Kvadigeoid		
	1.2.3 Ellipsoid trái đất và Ellipsoid thực dụng		
	1.2.4 Kích thước của trái đất		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
2	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình	CELO1
	1.3 Hệ tọa độ cầu trong trắc địa		
	1.3.1 Hệ tọa độ địa lý		
	1.3.2 Hệ tọa độ trắc địa		
	1.4 Phép chiếu bản đồ		
	1.4.1 Phép chiếu thẳng góc trên mặt phẳng nằm ngang		
	1.4.2 Phép chiếu Gauss - Kruger		
	1.4.3 Phép chiếu UTM		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
3	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình	CELO1
	1.5 Hệ tọa độ phẳng trong trắc địa		
	1.5.1 Hệ tọa độ vuông góc quy ước		
	1.5.2 Hệ tọa độ vuông góc Gauss – Kruger		
	1.5.3 Hệ tọa độ vuông góc UTM		
	1.5.4 Hệ tọa độ cực		
	1.6 Sai số trong đo đạc		
	1.6.1 Phân loại và đặc tính của sai số		
	1.6.2 Các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác kết quả đo		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
4	Chương 2. Đo góc	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng	CELO2, CELO3, CELO4
	A/ Các nội dung:		
	2.1 Khái niệm về góc bằng, góc đứng và nguyên lý đo		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
[1]	[2]	[3]	[4]
5	góc	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO3, CELO4,C ELO5
	2.1.1 Khái niệm về góc bằng, góc đứng		
	2.1.2 Nguyên lý đo góc		
	2.2 Cấu tạo máy kinh vĩ quang học		
	2.2.1 Sơ đồ nguyên lý máy kinh vĩ		
	2.2.2 Cấu tạo chung		
	2.2.3 Ống kính, ống thủy		
	2.2.4 Bàn độ ngang, bàn độ đứng và bộ phận đọc số		
	2.3 Thao tác cơ bản trên máy kinh vĩ		
	2.3.1 Đặt máy tại điểm trạm đo		
	2.3.1 Ngắm chuẩn mục tiêu		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
6	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO3, CELO4,C ELO5
	2.4 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh máy kinh vĩ		
	2.4.1 Kiểm nghiệm điều kiện trục ống thủy		
	2.4.2 Kiểm nghiệm bộ phận dọi tâm quang học		
	2.4.3 Kiểm nghiệm lưới chữ thập		
	2.4.4 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh sai số 2C		
	2.4.5 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh sai số MO		
	2.5 Các phương pháp đo góc bằng		
	2.5.1 Phương pháp đơn giản		
	2.5.2 Phương pháp toàn vòng		
	2.6 Các nguyên nhân sai số và độ chính xác trong đo góc bằng		
	2.6.1 Các nguyên nhân gây ra sai số trong kết quả đo góc bằng		
	2.6.2 Độ chính xác đo góc bằng		
7	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	- Tính giá trị các loại sai số khi kiểm nghiệm máy kinh vĩ		
	Ghi và Tính số đo góc bằng		
	A/ Các nội dung:		
	2.7 Các phương pháp đo góc đứng		
	2.7.1 Phương pháp đo bằng chỉ ngang giữa		
	2.7.2 Phương pháp đo bằng 3 chỉ ngang		
	Làm bài tập về góc bằng và góc đứng		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	- Tính giá trị các góc đo (số đo)		
	Chương 3. Đo khoảng cách		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
[1]	[2]	[3]	[4]
	A/ Các nội dung:	PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO5
	3.1 Đo khoảng cách bằng thước		
	3.1.1 Định hướng đường thẳng		
	3.1.2 Thao tác đo		
	3.1.3 Độ chính xác		
	3.2 Đo khoảng cách bằng máy Trắc địa.		
	3.2.1 Nguyên lý đo		
	3.2.2 Độ chính xác		
	Bài tập: Tính khoảng cách		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	Ôn tập bài tập tính khoảng cách	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
8	Chương 4. Đo chênh cao	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO2, CELO4, CELO5
	A/ Các nội dung:		
	4.1 Khái niệm về độ cao, chênh cao và các phương pháp đo chênh cao		
	4.1.1 Độ cao và chênh cao		
	4.1.2 Các phương pháp đo chênh cao		
	4.2 Đo cao hình học		
	4.2.1 Nguyên lý		
	4.2.2 Đo chênh cao từ giữa		
	4.2.3 Đo chênh cao phía trước		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	- Tính giá trị các chênh cao đo (số đo)	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
9	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO3, CELO4, CELO5
	4.3 Máy và mìn thủy chuẩn		
	4.3.1 Cấu tạo máy thủy chuẩn		
	4.3.2 Phân loại máy thủy chuẩn		
	4.3.3 Cấu tạo mìn thủy chuẩn		
	4.4 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh máy thủy chuẩn		
	4.4.1 Kiểm tra sơ bộ các tính năng kỹ thuật của máy		
	4.4.2 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh ống thủy		
	4.4.3 Kiểm nghiệm dây chữ thập		
	4.4.4 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh sai số góc i		
	4.4.5 Kiểm nghiệm sự ổn định trục ngắm khi điều quang		
	4.4.6 Kiểm nghiệm sai số tự cân bằng của bộ tự cân bằng		
	Bài tập:		
	- Tính giá trị các loại sai số khi kiểm nghiệm máy thủy		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
[1]	[2]	[3]	[4]
[1]	chuẩn		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	- Tính giá trị các loại sai số khi kiểm nghiệm máy thủy chuẩn	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
10	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO4, CELO5
	4.5 Kiểm nghiệm mia thủy chuẩn có độ chính xác trung bình		
	4.5.1 Kiểm nghiệm độ thẳng của mia		
	4.5.2 Kiểm nghiệm ống thủy tròn trên mia		
	4.5.3 Xác định các hằng số của mia		
	4.5.4 Xác định số chênh điểm "0" mặt đen (hoặc mặt đỏ) của một cặp mia.		
	4.5.5 Xác định chiều dài trung bình một mét trên mia		
	4.6 Đo cao lượng giác		
	4.6.1 Nguyên lý		
	4.6.2 Phương pháp đo		
	4.6.3 Độ chính xác đo cao lượng giác		
	Bài tập:		
	- Tính giá trị các loại sai số khi kiểm nghiệm máy thủy chuẩn		
	- Xác định độ chính xác khi đo chênh cao bằng phương pháp đo cao lượng giác		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	- Tính giá trị các chênh cao đo (số đo)		
	- Tính giá trị các loại sai số khi kiểm nghiệm máy thủy chuẩn	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	- Xác định độ chính xác khi đo chênh cao bằng phương pháp đo cao lượng giác		
11	Chương 5: Lưới không chế đo vẽ	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	A/ Các nội dung:		
	5.1 Góc phương vị tọa độ.		
	5.2 Hai bài toán trắc địa thuận nghịch		
	5.2.1 Bài toán trắc địa thuận		
	5.2.2 Bài toán trắc địa nghịch		
	Bài tập:		
	- Tính chuyển tọa độ vuông góc từ chiều dài và góc phương vị tọa độ		
	- Tính chiều dài và góc phương vị tọa độ từ tọa độ vuông góc của hai điểm.		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	- Tính chuyển tọa độ vuông góc từ chiều dài và góc	PP Mô phỏng;	CELO4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
[1]	[2]	[3]	[4]
	phương vị tọa độ	PP suy nghĩ	
	- Tính chiều dài và góc phương vị tọa độ từ tọa độ vuông góc của hai điểm.		
12	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	5.3 Đường chuyền kinh vĩ		
	5.3.1 Các dạng đồ hình		
	5.3.2 Yêu cầu kỹ thuật khi xây dựng đường chuyền kinh vĩ		
	5.3.3 Đo đạc đường chuyền kinh vĩ		
	5.3.4 Tính toán bình sai gần đúng đường chuyền kinh vĩ		
	Bài tập:	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	- Bình sai gần đúng đường chuyền kinh vĩ		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	- Bình sai gần đúng đường chuyền kinh vĩ		
13	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	5.4 Các phương pháp giao hội xác định điểm		
	5.4.1 Giao hội góc thuận		
	5.4.2 Giao hội góc nghịch		
	5.4.3 Giao hội cạnh		
	Bài tập:	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	- Tính giá trị tọa độ vuông góc các điểm bằng các phương pháp giao hội		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
14	- Tính giá trị tọa độ vuông góc các điểm bằng các phương pháp giao hội	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	A/ Các nội dung:	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	5.5 Lưới thủy chuẩn đo vẽ		
	5.5.1 Các dạng đồ hình		
	5.5.2 Yêu cầu kỹ thuật khi xây dựng lưới thủy chuẩn đo vẽ		
	5.5.3 Đo đạc lưới thủy chuẩn đo vẽ		
	5.5.4 Tính toán bình sai lưới thủy chuẩn đo vẽ		
	5.6 Lưới độ cao đo vẽ thành lập bằng phương pháp đo cao lượng giác		
	Bài tập:		
	- Bình sai lưới thủy chuẩn đo vẽ	PP Mô phỏng; PP suy nghĩ	CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	- Bình sai lưới thủy chuẩn đo vẽ		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
[1]	[2]	[3]	[4]
15	Chương 6: Đo vẽ chi tiết bản đồ bằng phương pháp toàn đạc	PP Thuyết trình; PP suy nghĩ	CELO4
	A/ Các nội dung:		
	6.1 Khái niệm về phương pháp toàn đạc		
	6.1.1 Nội dung phương pháp toàn đạc		
	6.1.2 Khái quát qui trình công nghệ đo vẽ địa hình theo phương pháp toàn đạc.		
	6.2 Phương pháp đo chi tiết		
	6.2.1 Công tác chuẩn bị		
	6.2.2 Trình tự đo, ghi số, vẽ sơ hoạ		
	6.2.3 Cách chọn điểm chi tiết đặc trưng khi đo vẽ địa hình, địa vật		
	6.3 Vẽ bản đồ gốc		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Chương 1. Một số kiến thức cơ bản về Trắc địa bản đồ					
1.1 Đơn vị đo	H	M	L	L	L
1.2 Các mặt chuẩn quy chiếu độ cao	H	M	L	L	L
1.3 Hệ tọa độ cầu trong trắc địa	H	L	L	L	L
1.4 Phép chiếu bản đồ	H	L	L	L	L
1.5 Hệ tọa độ phẳng trong trắc địa	H	L	L	L	L
1.6 Sai số trong đo đạc	H	M	L	L	L
Chương 2. Đo góc					
2.1 Khái niệm về góc bằng, góc đứng và nguyên lý đo góc	L	H	L	L	L
2.2 Cấu tạo máy kinh vĩ quang học	L	L	H	L	L
2.3 Thao tác cơ bản trên máy kinh vĩ	L	M	H	H	H
2.4 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh máy kinh vĩ	L	M	H	H	H
2.5 Các phương pháp đo góc bằng	L	M	H	H	H
2.6 Các nguyên nhân sai số và độ chính xác trong đo góc bằng	L	M	H	H	H
2.7 Các phương pháp đo góc đứng	L	M	H	H	H
Chương 3. Đo khoảng cách					
3.1 Đo khoảng cách bằng thước	L	M	H	H	H
3.2 Đo khoảng cách bằng máy Trắc địa.	L	M	H	H	H
Chương 4. Đo chênh cao					
4.1 Khái niệm về độ cao, chênh cao và các phương pháp đo chênh cao	L	M	H	L	L
4.2 Đo cao hình học	L	M	H	H	H

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
4.3 Máy và mìn thủy chuẩn	L	M	H	H	H
4.4 Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh máy thủy chuẩn	L	L	H	H	H
4.5 Kiểm nghiệm mìn thủy chuẩn có độ chính xác trung bình	L	L	H	H	H
4.6 Đo cao lượng giác	L	M	H	H	H
Chương 5: Lưới khống chế đo vẽ					
5.1 Góc phương vị tọa độ.	M	L	L	M	L
5.2 Hai bài toán trắc địa thuận nghịch	L	L	L	H	L
5.3 Đường chuyển kinh vĩ	L	L	L	H	L
5.4 Các phương pháp giao hội xác định điểm	L	L	L	H	L
5.5 Lưới thủy chuẩn đo vẽ	L	L	L	H	L
5.6 Lưới độ cao đo vẽ thành lập bằng phương pháp đo cao lượng giác	L	L	L	H	L
Chương 6: Đo vẽ chi tiết bản đồ bằng phương pháp toàn đạc					
6.1 Khái niệm về phương pháp toàn đạc	L	L	L	H	L
6.2 Phương pháp đo chi tiết	L	L	L	H	L
6.3 Vẽ bản đồ gốc	L	L	L	H	L

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Trọng San, Đào Quang Hiếu, Đinh Công Hòa, *Trắc địa cơ sở tập 1*, NXB Xây Dựng, 2002.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Tấn Lộc, *Trắc địa đại cương*, NXB ĐHQG TP HCM, 2001.
2. Nguyễn Tấn Lộc, Trần Tấn Lộc, Đào Xuân Lộc, Lê Hoàng Sơn, *Trắc địa đại cương*, Đại học Kỹ thuật TP HCM, 1996.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Thị Hải Yến

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Hải Yến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **THỰC TẬP TRẮC ĐỊA ĐẠI CƯƠNG**
Trình độ đào tạo: Đại học.

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Thực tập trắc địa đại cương
Tiếng Việt:	Thực tập trắc địa đại cương
Tiếng Anh:	<i>Practice on Fundamental Surveying</i>
Mã số học phần:	160115002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	0 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	60 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	... giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Trắc địa công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

“Thực tập Trắc địa đại cương” là một trong các môn học cơ sở ngành, là kiến thức nền để sinh viên có thể học tiếp các môn học chuyên ngành. Thực tập Trắc địa đại cương vận dụng các kiến thức lý thuyết đã được học từ môn học “Trắc địa đại cương” để tiến hành đo đạc ngoài thực địa với những nội dung cơ bản sau:

- + Kiểm nghiệm các loại sai số của máy đo.
- + Đo góc đứng, góc bằng, đo cạnh và tính toán bình sai lưới mặt bằng.
- + Đo thủy chuẩn, tính toán bình sai lưới độ cao.

Môn học trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản trong việc kiểm nghiệm máy, các phép đo cơ bản trong trắc địa, xử lý và tính toán bình sai khi đo trong một mạng lưới, đồng thời biết cách tổ chức công tác đo đạc ngoài trời, hình thành tác phong chủ động tích cực trong công việc, rèn luyện tác phong nghề nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị cho sinh viên các kỹ năng cơ bản trong việc kiểm nghiệm máy, các phép đo cơ bản trong trắc địa, xử lý và tính toán bình sai khi đo trong một mạng lưới	ELO6
CG2	Nhận biết các loại máy và các bộ phận cơ bản của các thiết bị đo đạc sử dụng trong trắc địa. Kiểm nghiệm và hiệu chỉnh máy trước khi đo.	ELO6, ELO11
CG3	Đo góc bằng, góc đứng, và đo cạnh, ghi sổ và tính toán	ELO11, ELO12
CG4	Đo thủy chuẩn, ghi sổ, tính toán	ELO11; ELO12
CG5	Kiểm tra, nghiệm thu kết quả	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Phổ biến mục đích, yêu cầu, nội quy, quy chế của đợt thực tập. Phổ biến quy định về an toàn lao động.	ELO6
CELO2	Phổ biến quy trình, phương pháp đo	ELO11, ELO12
CELO3	Đo góc đứng, góc bằng, đo cạnh.	ELO11, ELO12
CELO4	Đo thủy chuẩn.	ELO11, ELO12
CELO5	Tính toán, bình sai lưới mặt bằng và lưới độ cao	ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1	L	L	L	L	L	H	L	L	L	L	H	H	L	L	L
CELO2	L	L	L	L	L	H	L	L	L	L	H	H	L	L	L
CELO3	L	L	L	L	L	H	L	L	L	L	H	H	L	L	L
CELO4	L	L	L	L	L	H	L	L	L	L	H	H	L	L	L
CELO5	L	L	L	L	L	H	L	L	L	L	H	H	L	L	L

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Các **phương pháp giảng dạy** được áp dụng trong quá trình giảng dạy học phần:

Phương pháp thuyết trình

Phương pháp mô phỏng

Phương pháp suy nghĩ

Phương pháp hoạt động nhóm

Các **Phương pháp học tập** được áp dụng trong quá trình giảng dạy học phần.:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;
- Thực hành sử dụng máy móc, thiết bị

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

- + Trọng số: 50%, bao gồm: Thực tập trên máy, tính toán số liệu nhận được
- + Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 50%, bao gồm: thi vấn đáp kết hợp thực tập trên máy

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1	Kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	2/2 Tuần	Thao tác trên máy trong 10 phút	Thực hành trên máy	50%
	A1.2	Chuyên cần			Điểm danh		
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1	Kiến thức + Kỹ năng	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4; CELO5	Kết thúc môn học	1 câu lý thuyết + thực hành trên máy	+Lý thuyết: vấn đáp + Thực hành: thực hiện thao tác trên máy trong 10 phút	50%

6. Nội dung chi tiết học phần theo ngày

Ngày	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
[1]	[2]	[3]	[4]
1	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, KIỂM NGHIỆM MÁY VÀ CÁC DỤNG CỤ ĐO	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO1, CELO2
	+ Phổ biến mục đích yêu cầu và các nội quy, quy chế thực tập.		
	+ Phân tổ, nhóm thực tập và giao nhiệm vụ thực tập.		
	+ Nhận máy và các thiết bị thực tập.		

Ngày	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
[1]	[2]	[3]	[4]
	+ Kiểm tra, kiểm nghiệm, hiệu chỉnh máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn và các dụng cụ đo đạc		
2	THỰC TẬP ĐO GÓC	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO2, CELO3
	+ Đo góc đứng.		
	+ Đo góc bằng trong lưới đường chuyền kinh vĩ.		
	+ Kiểm tra kết quả đo góc.		
3	THỰC TẬP ĐO CẠNH	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO2, CELO3, CELO5
	+ Đo cạnh lưới đường chuyền bằng máy toàn đạc điện tử.		
	+ Kiểm tra kết quả đo cạnh.		
	+ Xử lý số liệu, bình sai lưới không chế mặt bằng.		
4	THỰC TẬP ĐO CAO	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO4, CELO5
	+ Đo chênh cao		
	+ Đo lưới thủy chuẩn kỹ thuật.		
5	THỰC TẬP ĐO CAO	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng; PP làm việc nhóm	CELO4, CELO5
	+ Đo chênh cao		
	+ Đo lưới thủy chuẩn kỹ thuật.		
	+ Xử lý số liệu, bình sai lưới độ cao		
6	KIỂM TRA NGHIỆM THU THÀNH QUẢ THỰC TẬP.	PP Thuyết trình; PP Mô phỏng;	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
CÔNG TÁC CHUẨN BỊ, KIỂM NGHIỆM MÁY VÀ CÁC DỤNG CỤ ĐO					
+ Phổ biến mục đích yêu cầu và các nội quy, quy chế thực tập.	H	M	L	L	L
+ Phân tổ, nhóm thực tập và giao nhiệm vụ thực tập.	H	M	L	L	L
+ Nhận máy và các thiết bị thực tập.	H	M	L	L	L

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
+ Kiểm tra, kiểm nghiệm, hiệu chỉnh máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn và các dụng cụ đo đạc	H	M	L	L	L
THỰC TẬP ĐO GÓC					
+ Đo góc đứng.	L	H	H	L	L
+ Đo góc bằng trong lưới đường chuyền kinh vĩ.	L	H	H	L	L
+ Kiểm tra kết quả đo góc.	L	H	H	L	L
THỰC TẬP ĐO CẠNH					
+ Đo cạnh lưới đường chuyền bằng máy toàn đạc điện tử.	L	M	H	L	H
+ Kiểm tra kết quả đo cạnh.	L	M	H	L	H
+ Xử lý số liệu, bình sai lưới khống chế mặt bằng.					
THỰC TẬP ĐO CAO					
+ Đo chênh cao	L	L	M	H	H
+ Đo lưới thủy chuẩn kỹ thuật.	L	L	M	H	H
+ Xử lý số liệu, bình sai lưới độ cao	L	L	M	H	H
KIỂM TRA NGHIỆM THU THÀNH QUẢ THỰC TẬP.					

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Vũ Xuân Cường, Huỳnh Nguyễn Đình Quốc, *Thực tập Trắc địa đại cương*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2016
2. Nguyễn Tiến Năng, *Hướng dẫn thực tập Trắc địa cơ sở*, Đại học Mỏ địa chất Hà Nội, 2008.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Trọng San, Đào Quang Hiếu, Đinh Công Hòa, *Trắc địa cơ sở*, NXB Xây Dựng, 2002.
2. Nguyễn Tấn Lộc, *Trắc địa đại cương*, NXB ĐHQG TP HCM, 2001.
3. Nguyễn Tấn Lộc, Trần Tấn Lộc, Đào Xuân Lộc, Lê Hoàng Sơn, *Trắc địa đại cương*, Đại học Kỹ thuật TP HCM, 1996.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Trịnh Ngọc Hà

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Trịnh Ngọc Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **CƠ SỞ TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cơ sở trắc địa công trình
Tiếng Việt:	Cơ sở trắc địa công trình
Tiếng Anh:	<i>Introduction to engineering surveying</i>
Mã số học phần:	160115123
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	15 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Trắc địa cơ sở
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Trắc địa- Bản đồ và TT Địa Lý

2. Mô tả học phần (Course Description)

“Cơ sở Trắc địa công trình” là một môn học trong nhóm kiến thức ngành, cung cấp kiến thức nền tảng để sinh viên ngành trắc địa bản đồ có thể học tiếp các môn học chuyên ngành.

Học phần Cơ sở trắc địa công trình được tập trung chủ yếu vào các nội dung kiến thức sau:

- Mục đích, đặc điểm, yêu cầu độ chính xác và quy trình xây dựng lưới khống chế trong trắc địa công trình
- Đặc điểm, yêu cầu chung và quy trình thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ lớn trong trắc địa công trình
- Các thao tác và nhiệm vụ căn bản trong việc bố trí và đo vẽ hoàn công công trình.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức tổng quan về bố trí công trình, các bài toán cụ thể trong trắc địa công trình	ELO2
CG2	Kiến thức về xây dựng lưới khống chế bố trí cho công trình, về công việc đo vẽ bản đồ cho công trình	ELO2,ELO6
CG3	Kiến thức về các phương pháp bố trí công trình và ưu nhược điểm của mỗi phương pháp	ELO2,ELO6
CG4	Kĩ năng tính toán các yếu tố bố trí cho công trình.	ELO4, ELO6
CG5	Nhận thức vai trò của trắc địa công trình trong việc xây dựng công trình	ELO15

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Trình bày định nghĩa về trắc địa công trình, phân biệt được sự khác nhau trắc địa công trình và đo vẽ bản đồ.	ELO2
CELO2	Xác định đặc điểm, yêu cầu của trắc địa công trình và các bài toán thực tế của trắc địa công trình.	ELO2, ELO4, ELO6
CELO3	Thực hiện các tính toán cần thiết để thực hiện các công tác bố trí trong công trình	ELO2, ELO4, ELO6
CELO4	Nhận biết về quy trình bố trí và các phương pháp bố trí cơ bản trong công trình.	ELO2, ELO4, ELO6

CELO5	Nắm rõ các bài toán cơ bản trong trắc địa công trình, làm nền tảng cho công tác trắc địa phục vụ cho xây dựng như Trắc địa công trình Xây dựng dân dụng, Trắc địa công trình Giao thông và Thủy lợi.	ELO2, ELO4, ELO6
CELO6	Tính toán các yếu tố bố trí cho công trình.	ELO2, ELO6
CELO7	Đọc nội dung bản đồ phục vụ cho công trình. Đọc các bản vẽ phục vụ cho công trình.	ELO4, ELO5, ELO6
CELO8	Xác định được nhiệm vụ các công việc trắc địa trong công trình, ý nghĩa của xây dựng công trình trong thực tế	ELO12, ELO15

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1		M													
CELO2		H		M		H									
CELO3		H		M		H									
CELO4		H		M		H									
CELO5		H		M		H									
CELO6		H				H									
CELO7				M	M	H									
CELO8												M			M

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Áp dụng kết hợp

- Phương pháp Thuyết trình
- Kỹ thuật động não
- Kiểm tra nhanh (hỏi đáp, bài tập nhỏ)

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép

- Phát biểu

- Thực hiện tính toán các bài tập

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- **Điểm đánh giá quá trình- giữa kỳ:**

+ Trọng số: 30%, bao gồm: hỏi đáp trên lớp, bài kiểm tra giữa kỳ, bài tập nhóm

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Bài tập nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- **Điểm thi kết thúc học phần:**

+ Trọng số: 70%, bao gồm: 1 bài kiểm tra cuối khóa (đề mở)

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Các nội dung đã và đang học	CELO. 1→6	Hàng tuần, gọi ngẫu nhiên	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	PP phỏng vấn (hỏi đáp)	30%
	A1.2. Kiểm tra giữa kỳ	Các nội dung đã học đến thời điểm kiểm tra	CELO1→6	Giữa kỳ	Đúng đáp án	PP viết: trắc nghiệm, đề mở	
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1. Bài thi cuối kỳ 60'	Các nội dung của môn học	CELO1→8	Cuối khóa học	Đúng đáp án	PP viết: trắc nghiệm khách quan (đề mở)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần (3t/ tuần)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1,2	Chương 1 : Xây dựng lưới khống chế trong TĐCT		
	A/ Các nội dung chính: 1.1. Tìm hiểu chung về lưới khống chế mặt bằng trong TĐCT. 1.1.1. Mục đích. 1.1.2. Đặc điểm. 1.1.3. Yêu cầu độ chính xác. 1.2. Hệ tọa độ và mặt chiếu của lưới khống chế mặt bằng trong TĐCT. 1.2.1. Mặt chiếu và số hiệu chỉnh trong phép chiếu. 1.2.2. Hệ tọa độ phẳng. 1.3. Một số đặc điểm cần lưu ý khi thi công lưới khống chế mặt bằng trong TĐCT. 1.3.1. Đặc điểm đo góc và đo cạnh. 1.3.2. Đo góc và đo cạnh. 1.4. Tìm hiểu chung về lưới khống chế độ cao trong TĐCT. 1.4.1. Mục đích. 1.4.2. Đặc điểm. 1.4.3. Yêu cầu độ chính xác. 1.5. Thiết kế và thi công lưới khống chế độ cao trong TĐCT. 1.5.1. Thiết kế lưới khống chế độ cao trong TĐCT. 1.5.2. Một số phương pháp đo cao trong TĐCT.	Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp	CELO 1, 2,3,8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO

Tuần (3t/ tuần)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
3,4,5	Chương 2 : Đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ lớn trong trắc địa công trình		
	A/ Các nội dung chính: 2.1. Bản đồ địa hình tỷ lệ lớn trong TĐCT. <i>2.1.1. Phân loại và đặc điểm của bản đồ tỷ lệ lớn.</i> <i>2.1.2. Các phương pháp thành lập bản đồ.</i> <i>2.1.3. Độ chính xác, mức độ chi tiết và đầy đủ của bản đồ.</i> 2.2. Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình tỷ lệ lớn trong TĐCT. <i>2.2.1. Đo vẽ khu vực xây dựng.</i> <i>2.2.2. Đo vẽ khu vực chưa xây dựng.</i> 2.3. Đo vẽ công trình ngầm. <i>2.3.1. Phân loại công trình ngầm.</i> <i>2.3.2. Yêu cầu độ chính xác đo vẽ.</i> <i>2.3.3. Phương pháp đo vẽ.</i> <i>2.3.4. Quy trình đo vẽ công trình ngầm.</i> 2.4. Tính thể tích đào đắp. <i>2.4.1. Phương pháp chia lưới ô vuông.</i> <i>2.4.2. Phương pháp chia lưới tam giác.</i> <i>2.4.3. Ứng dụng phần mềm máy tính để tính khối lượng đào đắp.</i> Bài tập: Tính thể tích đào đắp của một khu vực thiết kế trên bản đồ địa hình.	Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp	CELO 2,3, 4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tính thể tích đào đắp của một khu vực thiết kế trên bản đồ địa hình		CELO 6

Tuần (3t/ tuần)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Chương 3: Bố trí và Đo vẽ hoàn công công trình		
6,7,8,9,10	A/ Các nội dung chính: 3.1. Khái niệm và trình tự bố trí công trình 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Trình tự bố trí công trình 3.2. Đọc các bản vẽ trong bố trí công trình 3.2.1. Đọc bản vẽ công trình dân dụng 3.2.2. Đọc bản vẽ cho công trình khác 3.3. Bố trí các yếu tố cơ bản của công trình 3.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến độ chính xác bố trí công trình. 3.3.2. Nguyên tắc ước tính độ chính xác của công tác trắc địa khi bố trí công 3.3.3. Bố trí góc. 3.3.4. Bố trí độ dài. 3.3.5. Bố trí độ cao. 3.3.6. Bố trí đường thẳng và mặt phẳng có độ dốc thiết kế. 3.4. Phương pháp bố trí trục cơ bản công trình. 3.4.1. Phương pháp tọa độ cực. 3.4.2. Phương pháp tọa độ vuông góc. 3.4.3. Phương pháp đường chuyền thiết kế. 3.4.4. Phương pháp giao hội. 3.4.5. Phương pháp tọa độ cực. 3.4.6. Phương pháp tam giác khép kín.	Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp	CELO 4, 5, 6,7,8

Tuần (3t/ tuần)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.5. Phương pháp bố trí chi tiết. 3.5.1. Phương pháp giao hội hướng chuẩn. 3.5.2. Phương pháp giao hội cạnh. 3.5.3. Phương pháp đặt khoảng cách theo hướng chuẩn. Bài tập: Tính toán và trình bày bố trí các yếu tố của công trình 3.6. Đo vẽ hoàn công. 3.6.1. Ý nghĩa của công tác đo vẽ hoàn công. 3.6.2. Nội dung đo vẽ hoàn công. 3.6.3. Độ chính xác đo vẽ hoàn công. 3.6.4. Lập bản vẽ hoàn công.		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần							
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8
1	H	M	M					M
2		M	H	H				
3				H	H	H	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Đào Xuân Lộc, *Trắc địa công trình*, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2010.

7.2. Tài liệu tham khảo:

2. Đào Xuân Lộc, *Trắc địa công trình trong thi công xây dựng hầm và quan trắc biến dạng công trình*, NXB ĐHQG TPHCM, 2003.

3. Nguyễn Tấn Lộc, *Bài giảng Công tác Trắc địa trong khảo sát, thi công và quan trắc biến dạng công trình*.

4. G.P.Levtsuk (Người dịch: Đinh Thanh Tịnh), *Trắc địa công trình*, Cục đo đạc và bản đồ nhà nước, Hà nội, 1979.

5. Phan Văn Hiến, Ngô Văn Hoi, Trần Khánh, Nguyễn Quang Phúc, Nguyễn Quang Thắng, Phan Hồng Tiến, Trần Việt Tuấn, *Trắc địa công trình*, NXB Giao thông vận tải, Hà Nội, 2001

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập nhóm đúng thời hạn quy định

8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Đoàn Thị Bích Ngọc

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

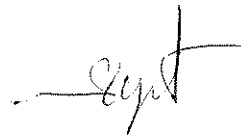
TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Đoàn Thị Bích Ngọc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **HỆ THỐNG ĐỊNH VỊ TOÀN CẦU**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Hệ thống định vị toàn cầu
Tiếng Việt:	Hệ thống định vị toàn cầu
Tiếng Anh:	Global Positioning System
Mã số học phần:	160115105
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	28 tiết
Số tiết bài tập:	2 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập/ thực hành:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra:	1 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Trắc địa, Bản đồ và TT Địa Lý

2. Mô tả học phần (Course Description)

“Hệ thống định vị toàn cầu” là một trong các môn học thuộc nhóm kiến thức ngành, là môn học có tính vận dụng và thực hành rất cao. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu nguyên lý cơ bản trong định vị vệ tinh đồng thời sẽ tìm hiểu các bài toán định vị bằng vệ tinh. Một cách chi tiết hơn là các hệ tọa độ thường dùng trong định vị vệ tinh cùng với các hệ thống thời gian và mối quan hệ giữa chúng.

Môn học sẽ trình bày 3 định luật của Kepler về chuyển động của vệ tinh nhân tạo trên các quỹ đạo của chúng dưới sự ảnh hưởng của các lực tác động.

Tiếp theo, hệ thống định vị toàn cầu GPS sẽ được lần lượt trình bày một cách chi tiết về các thành phần của chúng như: mảng không gian, mảng điều khiển và mảng người sử dụng. Cũng như kỹ thuật truyền tín hiệu từ vệ tinh xuống người sử dụng ở mặt đất, các thành phần của tín hiệu. Người sử dụng trên mặt đất có thể sử dụng các trị đo mã (code) hay trị đo pha (phase) cho các mục đích định vị ở những cấp độ chính xác khác nhau. Để thuận lợi cho các nhu cầu sử dụng, môn học sẽ trình bày chi tiết các kỹ thuật đo gồm định vị tuyệt đối, định vị tương đối.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về trắc địa vệ tinh, về hệ thống GPS, về các phương pháp định vị, tính năng của các loại máy thu tín hiệu GPS	ELO2
CG2	Hiểu biết về vai trò, đặc điểm công nghệ GPS	ELO6
CG3	Kỹ năng lựa chọn được phương pháp định vị và máy thu phù hợp cho từng công tác đo đạc	ELO4, ELO10
CG4	Nhận thức được ý nghĩa, vai trò của việc sử dụng hệ thống định vị toàn cầu trong công tác đo đạc.	ELO14

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

CĐR HP	Mô tả CĐR học phần	CĐR CTĐT
CELO1	Trình bày các kiến thức cơ bản về trắc địa vệ tinh	ELO2
CELO2	Trình bày đặc điểm tín hiệu và trị đo GPS	ELO2

CELO3	Trình bày các phương pháp định vị tuyệt đối và định vị tương đối	ELO2, ELO4
CELO4	Thực hiện tính tọa độ vệ tinh và máy thu	ELO2
CELO5	Mô tả được đặc điểm của GPS và các hệ thống định vị khác	ELO2, ELO6
CELO6	Học tập tích cực và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp	ELO13

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1		H													
CELO2		H													
CELO3		H		M											
CELO4		M													
CELO5		M				M									
CELO6													M		

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Việc tổ chức hoạt động giảng dạy- học tập sẽ thực hiện theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và với quan điểm “học tập là một quá trình chủ động của người học”. Bao gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa trên vấn đề

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép
- Phát biểu
- Trao đổi nhóm

- Thực hiện các bài tập theo yêu cầu

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tham gia lớp và làm bài tập

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: bài thi cuối khóa

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và phát biểu	Tham gia hoạt động học tập	CELO1 → 5	Trong suốt quá trình học		Quan sát và hỏi đáp	30%
	A.1.2. Làm bài tập	Tính tọa độ vệ tinh					
	A.1.3. Làm bài tập	Tính tọa độ máy thu					
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ		CELO1 → 5	Theo lịch thi chung		Tự luận	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1, 2, 3	Chương 1. Tổng quan về Trắc địa vệ tinh		
	A/ Các nội dung ở lớp: 1.1. Giới thiệu về lịch sử phát triển của Trắc địa vệ tinh 1.2. Các bài toán cơ bản và các nguyên lý định vị vệ tinh 1.3. Các phương pháp quan trắc vệ tinh 1.4. Các hệ tọa độ dùng trong trắc địa vệ tinh 1.5. Các hệ thống giờ dùng trong trắc địa vệ tinh 1.6. Chuyển động của vệ tinh nhân tạo và các yếu tố quỹ đạo vệ tinh	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (9t)	CEOL1
	B/ Các nội dung tự học ở nhà: Đọc tài liệu ôn lại kiến thức		CELO6
4, 5, 6, 7, 8	Chương 2. Hệ thống GPS của Mỹ		
	A/ Các nội dung ở lớp: 2.1. Cấu trúc của hệ thống GPS 2.2. Tín hiệu vệ tinh và thông tin đạo hàng 2.3. Trị đo khoảng cách giả 2.4. Định vị tuyệt đối 2.5. Định vị tương đối 2.6. Các nguồn sai số trong định vị vệ tinh 2.7. Máy thu GPS 2.8. Một số ứng dụng của GPS trong công tác trắc địa 2.9. Bài tập	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (15t)	CELO2 CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung tự học ở nhà: Đọc tài liệu ôn lại kiến thức		CELO6

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
9	Chương 3. Định vị vi phân và các hệ thống tăng cường		
	A/ Các nội dung ở lớp: 3.1. Giới thiệu và phân loại định vị vi phân GPS 3.2. Các hệ thống tăng cường vùng rộng 3.3. Mạng lưới trạm CORS	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (3t)	CELO3
	B/ Các nội dung tự học ở nhà: Đọc tài liệu ôn lại kiến thức		CELO6
10	Chương 4. Các hệ thống GNSS khác		
	A/ Các nội dung ở lớp 4.1. Hệ thống GLONASS 4.2. Hệ thống GALILEO 4.3. Hệ thống COMPASS	Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (3t)	CELO5
	B/ Các nội dung tự học ở nhà: Đọc tài liệu ôn lại kiến thức (3t)		CELO6

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
C1	H					M
C2	M	H	H	H		M
C3		H				M
C4		H				M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Đỗ Ngọc Đường, Đặng Nam Chính, Định vị vệ tinh, NXB Giao thông – Vận tải, 2005.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Ngọc Lâu, Bài giảng Định vị vệ tinh GPS, Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM, 2011.

2. Alfred Leick, GPS Satellite Surveying, Thrid Edition, John Wiley and Sons, 2004.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập đúng thời hạn quy định

8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Huỳnh Nguyễn Định Quốc

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Huỳnh Nguyễn Định Quốc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **PHÂN TÍCH KHÔNG GIAN**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Phân tích không gian
Tiếng Việt:	Phân tích không gian
Tiếng Anh:	Spatial analysis
Mã số học phần:	160315006
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	5 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	5 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Số tiết thực hành:	30 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	31 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	GIS Đại cương
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Trắc địa- Bản đồ và TT Địa Lý

2. Mô tả học phần (Course Description)

Phân tích không gian giúp ta hiểu về mối quan hệ và đặc điểm phân bố không gian của các đối tượng. Công việc này giúp ta xác định vị trí các đối tượng trong không gian, quan hệ với nhau như thế nào, ý nghĩa của tất cả các mối quan hệ không gian đó như thế nào và cần đưa ra những hành động gì. Các phép phân tích không gian có thể được thực hiện nhanh chóng với sự hỗ trợ của các phần mềm hệ thống thông tin địa lý (GIS), vì vậy, ta gọi đây là phân tích GIS.

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nghiên cứu các kiểu mẫu không gian, phân bố không gian của các đối tượng, tương quan không gian giữa chúng, nội suy... Bên cạnh đó nội dung môn học giúp sinh viên hiểu các lý thuyết và bối cảnh của phân tích không gian để có thể tìm kiếm và ứng dụng các công cụ phân tích thích hợp cho một vấn đề cụ thể, giải thích và thể hiện các kết quả đó một cách chính xác và phù hợp. Có rất nhiều công cụ hỗ trợ việc phân tích GIS, để ra được kết quả, ta có nhiều cách khác nhau và nhiều sự lựa chọn về công cụ để thực hiện. Vì vậy, môn học (bao gồm lý thuyết và thực hành), không thể chỉ ra hết tất cả các công cụ và phương pháp thực hiện cho sinh viên, mà chỉ tập trung giới thiệu lý thuyết cơ bản và phát triển các kỹ năng cho sinh viên để có thể tìm kiếm, hiểu và sử dụng các công cụ phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu của mình.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về phân tích không gian.	ELO 3
CG2	Kỹ năng thao tác cơ bản trên phần mềm để thực hiện các yêu cầu phân tích không gian được đưa ra	ELO 6
CG3	Khả năng vận dụng để giải quyết một bài toán tổng hợp liên quan đến không gian	ELO 3, 6
CG4	Nhận thức về vai trò của phân tích không gian trong thực tiễn và hoạt động chuyên môn	ELO 14
CG5	Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm	ELO 9, 10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả CDR học phần (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO 1	Trình bày được vai trò, ý nghĩa của phân tích không gian	ELO 3,14
CELO 2	Giải thích được ý nghĩa, mục đích, kết quả của việc truy vấn, phân nhóm, phân tích đơn lớp và đa lớp, phân tích bề mặt	ELO 3
CELO 3	Thực hiện được các phân tích đơn lớp (phân nhóm, tạo vùng đệm)	ELO 6
CELO 4	Thực hiện được các phép chồng lớp phục vụ trích xuất dữ liệu, các phép chồng lớp logic và số học	ELO 6
CELO 5	Xây dựng được dữ liệu bề mặt bằng các phương pháp nội suy (độ dốc, hướng, mặt cắt...)	ELO 6
CELO 6	Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một bài toán phân tích không gian cụ thể	ELO 3, 6, 9
CELO 7	Xây dựng model builder để tự động hoá quy trình	ELO 3, 6
CELO8	Thực hiện được các hoạt động chuyên môn độc lập hoặc theo nhóm theo nhóm	ELO 9, 10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO 15
CELO1			L											L	
CELO2						L									
CELO3						M									
CELO4						M									
CELO5						M									

CELO6			H			H			M						
CELO7			M				M								
CELO8									M	M					

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Việc tổ chức hoạt động giảng dạy - học tập sẽ thực hiện theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và với quan điểm “học tập là một quá trình chủ động của người học. Đây là môn học thuộc kiến thức chuyên ngành, vừa có tính lý thuyết, vừa có phần thực hành và vận dụng để giải quyết một bài toán phân tích không gian cụ thể. Do đó, phương pháp giảng dạy sẽ áp dụng kết hợp nhiều phương pháp.

Trong các buổi lý thuyết, giảng viên trình bày lý thuyết, hỏi đáp, thảo luận nhóm và cho thực hiện các bài tập đơn giản (tại lớp hay về nhà), để sinh viên thực hiện “bằng tay” nhằm hiểu rõ lý thuyết. Trong các buổi thực hành, sinh viên sẽ thực hiện các phép phân tích trên phần mềm và giải quyết các bài toán ứng dụng, tổng hợp.

- Phương pháp Thuyết trình
- Phương pháp Thảo luận nhóm
- Kỹ thuật động não
- Kiểm tra nhanh (hỏi đáp, bài tập nhỏ)
- Phương pháp học dựa trên vấn đề

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép;
- Phát biểu
- Thảo luận nhóm
- Thao tác trên máy
- Thực hiện các bài tập

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình – giữa kỳ:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Bài tập tại lớp, thực hành trên máy và bài tập về nhà

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☒
(hỏi đáp)

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: bài kiểm tra (Sử dụng phần mềm để thực hiện các yêu cầu được đưa ra, 30%) và Thực hiện bài tập lớn (làm và trình bày theo nhóm, 30%)

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒ Khác ☒

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Hoạt động nhóm	Ví dụ về PTKG và công cụ cần sử dụng, về phân tích số học và logic, vẽ sơ đồ quy trình thực hiện PTKG	CLEO 1, 2, 6, 8	Buổi học về Ý niệm PTKG, phân tích chồng lớp, bài toán tổng hợp	Có tham gia	PP Thảo luận nhóm	10%
	A1.2. Hoạt động cá nhân tại lớp	Các kiến thức về truy vấn, phân tích lớp đơn (phân nhóm, tạo vùng đệm), phân tích chồng lớp (chồng lớp logic, bài toán biến động sử dụng đất, lựa chọn vị trí) và phân tích bề mặt (tạo TIN, đường đồng mức, Thiesson polygon, giá trị điểm nội suy)	CLEO 2, 3, 4, 5, 8	Các buổi học về truy vấn, phân tích lớp đơn, chồng lớp và phân tích bề mặt	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	PP hỏi đáp/ viết (thực hiện bằng tay/ trên đồ giấy)	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài tập cá nhân về nhà	Chuyển đổi dữ liệu Vector <-> Raster. Nhận xét: Kiểu dữ liệu/ độ lớn file, thuộc	CELO 1, 8	Buổi học về Ý niệm PTKG	Làm đúng, không sao chép của nhau	PP thực hành+ tự luận	30%

		tính, tính chính xác hình học, lệnh Indentity (xem thông tin)					
	A.2.2. Bài tập về nhà	Kết hợp truy vấn không gian và thuộc tính bằng phần mềm	CELO 2, 8	Buổi học về Truy vấn	Làm đúng, không sao chép của nhau	PP thực hành	
	A2.3. Bài tập về nhà (phần Thực hành)	Hoàn chỉnh các bài thực hành làm trên lớp với dữ liệu raster và vector, bao gồm: phân nhóm, tạo vùng đệm, thiessen polygon, biến động sử dụng đất, lựa chọn vị trí. So sánh kết quả thực hiện với dữ liệu raster và vector Vẽ sơ đồ quy trình thực hiện BT PTKG và xây dựng model đơn giản.	CLEO 3, 4,6, 8	Sau mỗi buổi thực hành về phân tích đơn lớp, trích xuất dữ liệu, và chồng lớp, bài toán tổng hợp	Làm đúng, không sao chép của nhau	PP thực hành	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Bài kiểm tra trên giấy	Kiến thức và kỹ năng về PTKG	CLEO 1 - >6	Theo lịch thi	Trình bày đúng (50%, thực hiện đúng 50%)	PP viết, đề mở, nội dung gồm lý thuyết + thực hành (sử dụng phần mềm để thực hiện các yêu cầu được đưa ra và ghi lại)	60%
	A3.2. Bài tập lớn theo nhóm	Vận dụng	CLEO 6, 7, 8	Sau khi kết thúc lịch thực hành 1 tuần	Điểm cá nhân tính theo mức độ tham gia	PP viết và thuyết trình	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1 + 2	Chương 1: Giới thiệu chung		
	A/ Các nội dung: 1.1. Giới thiệu về phân tích không gian 1.1.1. Ý niệm 1.1.2. Lịch sử 1.2. Phân tích không gian và GIS 1.2.1. Thực tế và bản đồ 1.2.2. Dữ liệu GIS 1.2.3. Các mối quan hệ không gian 1.2.4. Phân loại 1.3. Các ứng dụng	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (2t) - Thảo luận nhóm (1t)	CELO 1, 8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Chuyển đổi dữ liệu Vector -> Raster. Nhận xét: Kiểu dữ liệu/ độ lớn file, thuộc tính, tính chính xác hình học, lệnh Indentity (xem thông tin)	3 tiết	CELO 1, 8
3	Chương 2: Truy vấn		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Ý niệm 2.2. Truy vấn theo thuộc tính 2.1.1. Loại dữ liệu 2.1.2. Cú pháp 2.1.3. Kết hợp 2.3. Truy vấn theo không gian 2.3.1. Các mối quan hệ không gian 2.3.2. Thực hiện 2.3.3. Kết hợp	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (2t) - Luyện tập tại lớp (1t)	CELO 2, 8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Kết hợp truy vấn không gian và thuộc tính trên phần mềm. Suy nghĩ và lựa chọn lộ trình	2 tiết	CELO 2, 8

Buổi (3tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
4 (1, 2, TH)	Chương 3: Phân tích lớp đơn		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Giới thiệu chung 3.2. Phân nhóm 3.2.1. Ý nghĩa 3.2.2. Nguyên tắc thực hiện 3.3. Tạo vùng đệm 3.2.1. Ý nghĩa 3.2.2. Nguyên tắc thực hiện Thực hành với dữ liệu vector và raster - Phân nhóm dữ liệu - Tạo vùng đệm (bao gồm cả Tạo Thiessen polygon)	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi, hỏi đáp (2t) - Luyện tập tại lớp (1t) - Thực hành (6t)	CELO 2, 3, 8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: BT Hoàn chỉnh bài thực hành trên lớp. So sánh với kết quả làm bằng tay trên lớp	(3t)	CELO 3, 8
5, 6 (3, 4, 5, 6 TH)	Chương 3: Phân tích chồng lớp		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Ý niệm chung 4.2. Quy trình 4.3. Các phép chồng lớp 4.3.1. Các phép chồng lớp phục vụ trích xuất dữ liệu 4.3.2. Chồng lớp logic 4.3.3. Chồng lớp số học 4.4. Các vấn đề trong quá trình chồng lớp Thực hành với dữ liệu vector và raster - Lựa chọn địa điểm thích hợp dựa trên mô hình nhị phân - Lựa chọn địa điểm theo mô hình số học	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi, hỏi đáp (4t) - Luyện tập tại lớp (1t) - Thảo luận nhóm (1t) - Thực hành (9t)	CELO 2, 4, 8

Buổi (3tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Bài tập: Hoàn chỉnh bài thực hành trên lớp với dữ liệu raster và vector. So sánh với kết quả thực hiện giữa dữ liệu vector và vector	(6t)	CELO 4, 8
7 (7,8T H)	Chương 5: Phân tích bề mặt		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Giới thiệu chung 5.1.1. Bề mặt (<i>surface</i>) 5.1.2. Phân tích mặt 5.2. Cách thể hiện bề mặt số 5.2.1. Cách thể hiện bề mặt số trong GIS 5.2.2. Mô hình độ cao số (DEM) 5.3. Tạo bề mặt số 5.3.1. Quy trình chung 5.3.2. Nội suy Thực hành - Tạo TIN và đường đồng mức - Nội suy bề mặt raster - Tạo bề mặt độ dốc, hướng dốc	- Thuyết giảng, hỏi đáp, quan sát (4t) - Luyện tập tại lớp (2t) - Thực hành (9t)	CLEO2, 5, 8
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn các lệnh và công cụ	2t	CLEO 4, 5, 6
8, 9, 10 (9,10 TH)	Chương 6. Bài toán tổng hợp		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Quy trình thực hiện bài toán phân tích không gian 6.2. Xác định quy trình 6.2.1. Phân tích 6.2.2. Mô tả quy trình 6.2.3. Công cụ (<i>Model Builder</i>)	- Thuyết giảng, hỏi đáp, quan sát (6t) - Thảo luận nhóm (3t) - Thực hành (6t)	CLEO6, 7, 8

Buổi (3tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	6.3. Ví dụ ứng dụng		
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Bài tập lớn	15 tiết	CELO 1-> 8

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần							
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8
Module 1	M							L
Module 2		M						L
Module 3		M	H					L
Module 4		M		H				M
Module 5		M			H			M
Module 6						H	M	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Vũ Xuân Cường, Vũ Minh Tuấn, *Lý thuyết và thực hành GIS*, NXB Khoa học và Kỹ thuật Tp. HCM, 2016
2. Lê Minh Vĩnh, Văn Ngọc Trúc Phương, Nguyễn Hà Trang, *Bài giảng “Phân tích không gian*, 2016

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Paul A . Longley, Michael F. Goodchild, *Geographic Information Systems and Science*, John Wiley & Son, 2001
2. Robert Haining, *Spatial Data Analysis- Theory and Practice*, Cambridge, 2003
3. Trần Trọng Đức, *GIS Căn Bản*, NXB ĐH Quốc Gia TPHCM, 2010
4. Phương Lan, Hoàng Đức Hải, *Cơ sở dữ liệu*, NXB Lao động Xã hội, TP. HCM, 2006
5. Yeu-Hong Chou, *Exploring Spatial Analysis in GIS*, OnWord Press, USA, 1997

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận nhóm.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập đúng thời hạn quy định.

Sinh viên không được vắng quá 20% số buổi thực hành.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Sinh viên giữ trật tự trong giờ học

Điện thoại cần được cài đặt chế độ yên lặng.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Đỗ Minh Tuấn

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đỗ Minh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **BẢN ĐỒ ĐẠI CƯƠNG**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Bản đồ đại cương		
Tiếng Việt:	Bản đồ đại cương		
Tiếng Anh:	Introduction to Cartography		
Mã số học phần:	160315001		
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4		
Loại học phần:			
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn			
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp			
Số tín chỉ:	02 tín chỉ		
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết		
Số tiết lý thuyết:	20 tiết		
Số tiết bài tập:	10 tiết		
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết		
Số tiết thực tập:	0 tiết		
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết		
Kiểm tra:	0 tiết		
Thời gian tự học:	18 giờ		
Điều kiện tham dự học phần:			
Học phần tiên quyết:	Không		
Học phần song hành:			
Điều kiện khác:			
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Trắc địa- Bản đồ và TT Địa Lý		

2. Mô tả học phần (Course Description)

“Bản đồ đại cương” là một trong các môn học cơ sở ngành, cung cấp kiến thức nền tảng cho sinh viên ngành trắc địa bản đồ để có thể học tiếp các môn học chuyên ngành.

Môn học trình bày ý niệm và đi sâu vào việc giới thiệu, phân tích các đặc điểm chính của bản đồ (bao gồm cơ sở toán học, hệ thống ký hiệu và khái quát hoá nội dung), quy trình chung trong thành lập bản đồ. Trên cơ sở các hiểu biết cơ bản ấy, sinh viên sẽ làm quen, vận dụng để khai thác thông tin (đọc, đo tính, phân tích...) trên bản đồ, đặc biệt là bản đồ địa hình. Sinh viên không những tiếp thu lý thuyết mà còn được tiếp cận và thực hành sử dụng với các bản đồ cụ thể, bao gồm các bản đồ phổ thông như bản đồ giáo khoa, du lịch... và cả các bản đồ trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn như bản đồ địa hình, địa chính.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức tổng quan về bản đồ : ý niệm, các đặc điểm chính, quy trình thành lập chung	ELO3, ELO4
CG2	Hiểu biết về vai trò, đặc điểm bản đồ địa hình	ELO3, ELO4
CG3	Kỹ năng khai thác thông tin bản đồ địa hình	ELO6
CG4	Nhận thức về vai trò của bản đồ trong thực tiễn và hoạt động chuyên môn	ELO15

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Trình bày đầy đủ định nghĩa và các đặc điểm chính của BĐ	ELO4
CELO2	Phân loại theo các tiêu chí khác nhau khi cho bản đồ cụ thể	ELO4
CELO3	Nhận biết các hình thức và yếu tố ảnh hưởng KQH bản đồ	ELO4
CELO4	Mô tả quy trình chung để thành lập bản đồ	ELO3, ELO6
CELO5	Trình bày cơ sở toán của bản đồ địa hình	ELO4

CELO6	Nhận biết các nhóm nội dung bản đồ địa hình cụ thể	ELO4
CELO7	Thực hiện đo tính tọa độ, độ cao, khg cách trên BĐ cụ thể	ELO6
CELO8	Đọc và hiểu nội dung bản đồ	ELO6
CELO9	Mô tả được một ứng dụng của bản đồ trong thực tiễn	ELO15

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1				L											
CELO2				L											
CELO3				L											
CELO4			L			L									
CELO5				L											
CELO6				L											
CELO7						L									
CELO8						L									
CELO9															L

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Việc tổ chức hoạt động giảng dạy- học tập sẽ thực hiện theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và với quan điểm “học tập là một quá trình chủ động của người học. Tuy nhiên, đây là môn học ở cấp cơ sở ngành và có tính lý thuyết nên chủ yếu là Giới thiệu (I) và Dạy (T) chưa thực hiện Vận dụng (U) Do đó, sẽ áp dụng kết hợp

- Phương pháp Thuyết trình
- Phương pháp Thảo luận nhóm
- Kỹ thuật động não

- Kiểm tra nhanh (hỏi đáp, bài tập nhỏ)

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép,
- Phát biểu
- Thảo luận nhóm
- Thực hiện các bài tập

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình- giữa kỳ:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: kiểm tra hỏi đáp đầu giờ, thảo luận nhóm và bài tập về nhà

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☒ Bài tập lớn☐ Thực hành☐
Khác☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: 1 bài kiểm tra cuối khóa (đề mở)

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☒ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và có xem bài cũ 5 phút	Các nội dung đã học buổi học trước	CELO. 1->9	Hàng tuần, gọi ngẫu nhiên	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	PP phỏng vấn (hỏi đáp)	10%
	A1.2. Hoạt động nhóm	Khái quát hóa bản đồ	CELO3	Buổi học về KQH	Có tham gia	PP phỏng vấn + bài viết	

	A1.3. Hoạt động nhóm	Đọc bản đồ	CELO 8	Buổi học khai thác thông tin BĐ	Có tham gia	PP phỏng vấn + bài viết	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. BT cá nhân về nhà	Nhận biết và phân loại bản đồ	CELO2	Sau buổi học Ý niệm	Có nộp bài và không chép của nhau (50%) Làm đúng 50%	PP viết	30%
	A2.2. BT cá nhân về nhà	Xác định tọa độ	CELO7	Sau buổi học về CS toán BĐ		PP viết	
	A2.3. BT cá nhân về nhà	Sử dụng tỉ lệ	CELO5	Sau buổi học về CS toán BĐ		PP viết	
	A2.4. BT cá nhân về nhà	Vẽ đường đồng mức	CELO8	Sau buổi học về Ngôn ngữ BĐ		PP viết	
	A2.5. BT nhóm về nhà	Vẽ sơ đồ	CELO1, CELO3, CELO7	Sau buổi học về KQH và Ngôn ngữ BĐ		PP viết	
	A2.6. BT nhóm về nhà	Đo tính trên BĐĐH	CELO7	Sau buổi học về BĐĐH		PP viết	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Bài thi cuối kỳ 60'	Kiến thức về BĐ và kỹ năng khai thác thông tin BĐ	CELO1->8	Cuối khóa học	Làm đúng 50%	PP viết: trắc nghiệm khách quan + tự luận (đề mở)	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính + thời gian	Chuẩn đầu ra của HP
1,2	Bài 1: Các ý niệm cơ bản		
	A/ Các nội dung chính: I.1. Bản đồ học I.1.1. Ý niệm I.1.2. Đối tượng nghiên cứu I.1.3. Mối liên hệ Bản đồ học và các ngành khác I.2. Bản đồ	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (4t) - Thảo luận nhóm (1t) - Luyện tập tại lớp (1t) - BT về nhà	CELO 1, CELO2

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính + thời gian	Chuẩn đầu ra của HP
	<i>I.2.1. Các đặc điểm cơ bản của bản đồ</i> <i>I.2.2. Định nghĩa bản đồ</i> <i>I.2.3. Phân loại bản đồ</i> <i>I.2.4. Các thành phần chính</i> <i>I.2.5. Sơ lược lịch sử</i>		
	B/ Các nội dung cần tự học: Làm bài tập về nhận biết và phân loại bản đồ	1 tiết	CELO2
3,4,5,6	Bài 2: Cơ sở toán học của bản đồ		
	A/ Các nội dung chính: II.1. Ý niệm chung II.2. Các cơ sở trắc địa <i>II.2.1. Ellipsoid</i> <i>II.2.2. Lưới trắc địa</i> II.3. Tỷ lệ bản đồ <i>II.3.1. Ý niệm</i> <i>II.3.2. Tỷ lệ chung - các hình thức thể hiện</i> <i>II.3.3. Tỷ lệ riêng</i> II.4. Phép chiếu bản đồ <i>II.4.1. Ý niệm chung</i> <i>II.4.2. Phân loại</i> <i>II.4.3. Nguyên tắc chọn</i> II.5. Phân mảnh và bố cục BĐ <i>II.5.1. Phân mảnh</i> <i>II.5.2. Bố cục</i>	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi, hỏi đáp (8t) - Luyện tập tại lớp (thực nghiệm chủ động) (4t) - BT về nhà	CELO1, CELO7
	B/ Các nội dung tự học: BT về tỉ lệ, xác định tọa độ	3 tiết	CELO1 CELO7
7,8	Bài 3: Ngôn ngữ bản đồ		
	A/ Các nội dung chính II.1. Ý niệm II.2. Đặc điểm của ký hiệu BĐ <i>IV.2.1. Cấu thành</i> <i>IV.2.2. Phân loại - đặc điểm</i> II.3. Các phương pháp thể hiện nội dung bản đồ	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi, hỏi đáp (4t) - Luyện tập tại lớp (thực nghiệm chủ động) (1 t) - Thảo luận nhóm (1t) - BT về nhà	CELO1, CELO7, CELO8

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính + thời gian	Chuẩn đầu ra của HP
	<i>IV.3.1. Ý niệm PP thể hiện</i> <i>IV.3.2. Các PP cơ bản</i> II.4. Màu trong bản đồ <i>IV.4.1. Nguyên lý về màu</i> <i>IV.4.2. Nguyên tắc cộng màu và trừ màu</i> <i>IV.4.3. Thang màu</i> II.5. Ghi chú trong bản đồ <i>IV.5.1. Đặc điểm</i> <i>IV.5.2. Ghi chú trên BĐ</i>		
	B/ Các nội dung tự học: BT vẽ đường đồng mức	2 tiết	CELO7, CELO8
9	Bài 4: Khái quát hóa nội dung bản đồ		
	A/ Các nội dung chính 10.1 . Ý niệm 10.2 . Các yếu tố ảnh hưởng đến KQH <i>IV.5.3. Tỷ lệ</i> <i>IV.5.4. Phương thức sử dụng</i> <i>IV.5.5. Nội dung chuyên đề</i> <i>IV.5.6. Mục đích sử dụng</i> 10.3 . Các hình thức KQH <i>IV.5.7. Chọn lọc đối tượng</i> <i>IV.5.8. Tái phân nhóm</i> <i>IV.5.9. Đơn giản hóa, Nhấn mạnh</i> <i>IV.5.10. Ký hiệu đại diện</i>	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi, hỏi đáp (1t) - Thảo luận nhóm (2t) - BT về nhà	CELO3, CELO8
	B/ Các nội dung tự học: - BT Vẽ sơ đồ	5 tiết	CELO1, CELO7
10, 11, 12	Bài 5: Bản đồ địa hình		
	A/ Các nội dung chính 10.4 Ý niệm 10.5 Cơ sở toán của BĐĐH Việt Nam <i>IV.1.1. Tỷ lệ</i> <i>IV.1.2. Lưới chiếu</i> <i>IV.1.3. Chia mảnh và tên hiệu</i> 10.6 Hệ thống ký hiệu trong BĐĐH 10.7 KQH trong BĐĐH	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi, hỏi đáp (6t) - Luyện tập tại lớp (2t) - Thảo luận nhóm (1t) - BT về nhà	CELO5 CELO6 CELO7 CELO8

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính + thời gian	Chuẩn đầu ra của HP
	10.8 Khai thác thông tin trên BĐĐH <i>IV.1.4. Đo tính</i> <i>IV.1.5. Xây dựng lát cắt</i> <i>IV.1.6. Đọc bản đồ</i>		
	B/ Các nội dung tự học - BT đo tính, xác định tọa độ trên BĐĐH	3 tiết	CELO6, CELO7
13, 14	Bài 6: Sử dụng bản đồ		
	A/ Các nội dung chính II.1. Phân tích và đánh giá bản đồ <i>IV.1.1. Vì sao cần phân tích -đánh giá</i> <i>IV.1.2. Các tiêu chí đánh giá</i> II.2. Sử dụng bản đồ <i>IV.2.1. Ý niệm và mức độ</i> <i>IV.2.2. Sử dụng BĐ trong định hướng</i> <i>IV.2.3. Khai thác thông tin</i> <i>IV.2.4. Truyền đạt thông tin không gian</i> <i>IV.2.5. Phân tích, thiết kế</i>	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi, hỏi đáp (3t) - Luyện tập tại lớp (3t)	CELO6 CELO7 CELO9
	B/ Các nội dung tự học: Đọc tài liệu, tập sử dụng bản đồ	2 tiết	
15	Bài 7: Quy trình thành lập bản đồ		
	A/ Các nội dung chính VII.1. Các phương pháp thành lập bản đồ VII.2. Quy trình thành lập bản đồ <i>VII.2.1. Chuẩn bị biên tập</i> <i>VII.2.2. Xây dựng bản biên vẽ</i> <i>VII.2.3. Chuẩn bị in</i> <i>VII.2.4. In</i> VII.3. Giới thiệu bản đồ số <i>VII.3.1. Những tồn tại của BĐ giấy</i> <i>VII.3.2. Bản đồ số- Những vẽ cơ bản</i>	- Thuyết giảng kết hợp quan sát, trao đổi, hỏi đáp (2t) - Thảo luận nhóm (1t)	CELO4, CELO9

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính + thời gian	Chuẩn đầu ra của HP
	VII.3.3. So sánh và đánh giá		
	B/ Các nội dung tự học Tìm đọc thêm về bản đồ số	2 tiết	CELO4, CELO9

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần								
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9
1	M	H							
2	M						M		
3	M						M	M	
4	M		H				M	M	
5					H	M	M	L	
6						M	M		L
7				H					L

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Lâm Quang Dốc, Phạm Ngọc Đĩnh, Bản đồ học đại cương, NXB Đại học Sư Phạm, Hà Nội, 2010.
2. Nhữ Thị Xuân, Bản đồ địa hình, NXB. ĐHQG Hà Nội, 2005.

7.2. Tài liệu tham khảo:

3. A.M. Cuprin (Lâm Quang Tảo dịch), Thường thức về bản đồ học, NXB. ĐHQG Hà Nội, 2001.
4. K.A. Xalisep (biên dịch Hoàng Phương Nga), Nhập môn bản đồ học, NXB. Đại Học Quốc Gia Hà Nội, 2005.
5. Lê Thị Ngọc Liên, Biên tập bản đồ, NXB ĐHQG TP. HCM, 2002.
6. Phạm Ngọc Đĩnh, Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 1995.
7. Trần Trung Hồng, Trình bày bản đồ, NXB Giao thông Vận tải, 200.1

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận nhóm.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập đúng thời hạn quy định

8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Kim Hoa

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Kim Hoa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **GIS ĐẠI CƯƠNG**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	GIS đại cương
Tiếng Việt:	GIS đại cương
Tiếng Anh:	Introduction to GIS
Mã số học phần:	160315004
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	25 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	05 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết thực hành:	8 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra (thực hành):	02 tiết
Thời gian tự học:	39 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Bản đồ đại cương
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Trắc địa- Bản đồ và TT Địa Lý

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn GIS đại cương là môn học nhằm giới thiệu và cung cấp cho sinh viên một công cụ dựa trên thành tựu khoa học công nghệ thông tin. Môn học gồm phần lý thuyết và thực hành, liên kết chặt chẽ với nhau.

Phần lý thuyết trình bày ý niệm về hệ thống thông tin địa lý, các thành phần và chức năng cơ bản của hệ thống là nhập, lưu trữ, phân tích và xuất dữ liệu địa lý. Các mô hình và cấu trúc dữ liệu cơ bản thường sử dụng trong hệ GIS được giới thiệu nhằm giúp sinh viên hiểu được cơ chế hoạt động chính. Trên cơ sở hiểu biết về cơ chế hoạt động và các chức năng của hệ GIS, sinh viên sẽ tìm hiểu các ứng dụng của GIS trong các lĩnh vực khác nhau. Song song với lý thuyết là phần thực hành nhằm minh họa các nội dung lý thuyết và tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với phần mềm GIS.

Phần thực hành môn được tiến hành song song với phần lý thuyết. Phần thực hành hướng dẫn các kỹ năng làm việc với các phần mềm GIS, đặc biệt là các phần mềm làm việc với dữ liệu vector. Tuy nhiên, môn học không nhằm hướng dẫn sử dụng một phần mềm cụ thể mà là để cụ thể hóa các kiến thức lý thuyết mà sinh viên đã học ở phần lý thuyết. Sinh viên sẽ được thao tác trên một phần mềm cụ thể (Arcview/MapInfo/ ArcGIS/QGIS), thực hiện các chức năng cơ bản (nhập, chỉnh sửa, truy vấn-phân tích và xuất dữ liệu). Thông qua việc làm quen với 1 phần mềm, môn học giúp sinh viên hiểu rõ lý thuyết hơn và có khả năng làm việc với các phần mềm GIS khác.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về GIS bao gồm ý niệm, các mô hình và cấu trúc dữ liệu, thành phần và chức năng của hệ GIS	ELO 3
CG2	Kiến thức về khả năng ứng dụng và một số ứng dụng cụ thể của GIS trong các lĩnh vực.	ELO 3
CG3	Kỹ năng thao tác trực tiếp để nhập, lưu trữ, xử lý dữ liệu, phân tích và xuất dữ liệu	ELO 6
CG4	Khả năng vận dụng các công cụ để giải quyết một bài toán cụ thể	ELO 3, 6, 9, 10
CG5	Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của GIS trong việc phát triển ngành	ELO 14
CG6	Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm	ELO 9, 10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả CDR học phần (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO1	Trình bày ý niệm về GIS, phát biểu được định nghĩa GIS	ELO 3
CELO2	Mô tả và giải thích các thành phần trong hệ GIS	ELO 3
CELO3	Xác định, phân biệt được các mô hình và cấu trúc dữ liệu cơ bản	ELO 3
CELO4	Nhận biết và thực hiện được với dữ liệu vector với các chức năng chính của GIS: - Mở xem dữ liệu không gian và thuộc tính - Nhập: Xây dựng mới và chỉnh sửa dữ liệu không gian, thuộc tính từ các nguồn khác nhau và bằng nhiều cách khác nhau. - Lưu trữ: Thực hiện tổ chức dữ liệu không gian và thuộc tính - Phân tích: Thực hiện được các câu lệnh truy vấn theo không gian và theo thuộc tính, các phép phân tích cơ bản trong GIS Xuất: Xuất dữ liệu địa lý dưới dạng số và dạng giấy	ELO 3, ELO 6
CELO5	Diễn giải lại hoặc phác họa ý tưởng về các ứng dụng của GIS trong thực tế.	ELO 3, 6
CELO6	Vận dụng các công cụ để giải quyết một bài toán cụ thể	ELO 3, 6, 9, 10
CELO7	Thực hiện được các hoạt động chuyên môn độc lập hoặc theo nhóm theo nhóm	ELO 9, 10
CELO8	Hiểu được tầm quan trọng và vai trò của GIS trong việc phát triển ngành	ELO 14

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT															
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15	ELO16
CELO1			L													
CELO2			L													
CELO3			M													
CELO4			H	L												
CELO5			H			L										
CELO6			H			M			L	L						
CELO7									L	L						
CELO8														L		

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Việc tổ chức hoạt động giảng dạy- học tập sẽ thực hiện theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và với quan điểm “học tập là một quá trình chủ động của người học. Đây là môn học ở cấp cơ sở ngành, vừa có tính lý thuyết vừa mang tính thực hành nên sẽ bao gồm Giới thiệu (I) và Dạy (T) và thực hiện Vận dụng (U) Do đó, sẽ áp dụng kết hợp:

- Phương pháp Thuyết trình
- Phương pháp Thảo luận nhóm
- Kỹ thuật động não (hỏi đáp, bài tập nhỏ, đặt vấn đề)
- Seminar
- Trao đổi giữa giảng viên và sinh viên thông qua các buổi thuyết trình

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép,
- Phát biểu

- Trải nghiệm
- Thực hiện các bài tập
- Thao tác trên phần mềm
- Làm việc nhóm;
- Thuyết trình

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình – giữa kỳ:

+ Trọng số: 40 %, bao gồm: kiểm tra hỏi đáp đầu giờ, thảo luận nhóm và bài tập về nhà, bài thực hành

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Bài tập lớn ☐ Thảo luận nhóm ☒ Thực hành ☒ Khác ☐
(hỏi đáp)

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60 %, bao gồm: seminar và thi trắc nghiệm (đề đóng)

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☒ (seminar)

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và có xem bài cũ 5 phút	Các nội dung đã học buổi học trước	CELO 1->5	Hàng tuần, gọi ngẫu nhiên	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	PP phỏng vấn (hỏi đáp)	20%
	A1.2. Bài tập về nhà	Giới thiệu một hệ GIS cơ bản hoặc mô tả 1 ứng dụng GIS	CELO 2, 4, 5, 7, 8	Sau khi kết thúc bài Ý niệm chung về GIS	Có nộp bài và không chép của nhau (50%) Làm đúng	PP trải nghiệm, viết	

					50%		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Các bài tập thực hành	Mở xem, xây dựng dữ liệu, truy vấn và phân tích cơ bản, xuất dữ liệu	CELO 4, 7	Trong các buổi thực hành	Có mặt (50%), trả lời đúng (50%)	Làm trên máy, viết	20%
	A2.2. Bài tập nhóm (về nhà)	Xác định và mô tả các lớp dữ liệu cần thiết để xây dựng dữ liệu phục vụ cho mục đích cụ thể	CELO 3, 7		Có nộp bài và không chép của nhau (50%), Điểm cá nhân được chấm theo mức độ tham gia	PP viết	
	A.2.3. Kiểm tra GIS	Kỹ năng thao tác trực tiếp để nhập, lưu trữ, xử lý dữ liệu, phân tích và xuất dữ liệu	CELO 4, 7	Cuối đợt thực hành	Làm đúng, không sao chép		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Thi trắc nghiệm	Kiến thức cơ bản về GIS	CELO 1->4, 7, 8	Theo lịch thi	Làm đúng	PP trắc nghiệm khách quan	60%
	A3.2. Seminar	Sinh viên làm bài tập lớn theo nhóm với đề tài và dữ liệu được gợi ý. Thực hiện cụ thể và	CELO 6, 7, 8	Sau khi kết thúc thực hành	Có nộp bài (báo cáo + trình chiếu), không sao chép, có trích dẫn, trình bày và trả lời	PP seminar	

		trình bày trước lớp			được các câu hỏi thảo luận (50%). Điểm cá nhân được chấm theo mức độ tham gia		
--	--	---------------------	--	--	--	--	--

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của HP
11	Chương 1: Ý niệm chung		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Thông tin địa lý 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Ý nghĩa của thông tin địa lý 1.1.3. Phương thức thể hiện thông tin địa lý 1.2. Ý niệm chung về GIS 1.2.1. Định nghĩa 1.2.2. Thành phần 1.3.3. Vai trò – khả năng của GIS 1.3.4. Cơ sở khoa học – các ứng dụng	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (5t) - Thảo luận nhóm (1t) - BT về nhà	CELO 1, 2, 7, 8
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Giới thiệu một hệ GIS cơ bản hoặc mô tả 1 ứng dụng GIS	(3t)	CELO 2, 4, 5, 7, 8
12	Chương 2: Dữ liệu địa lý		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Đặt vấn đề - Phương thức thể hiện dữ liệu địa lý 2.2. Thể hiện dữ liệu địa lý 2.2.1. Phần không gian 2.2.2. Phần thuộc tính 2.3. Tổ chức dữ liệu 2.3.1. Ý niệm về tổ chức cơ sở dữ liệu 2.3.2. Mô hình quan hệ	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (7t) - Thảo luận nhóm (1t) - Kỹ thuật động não (1t) - Thực hành (9t)	CELO 3, 4, 7

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của HP
	2.4. Chất lượng dữ liệu 2.4.1. Ý nghĩa – các tiêu chí đánh giá 2.4.2. Các nguồn gốc của sai số 2.5. Metadata 2.5.1. Ý niệm – định nghĩa 2.5.2. Các nội dung cơ bản của metadata Bài Thực hành 1: 1.1. Giới thiệu phần mềm 1.2. Khởi động và làm quen với giao diện phần mềm 1.2.1. Cách khởi động 1.2.2. Giới thiệu giao diện 1.3. Mở xem và làm việc với dữ liệu không gian 1.3.1. Định dạng dữ liệu không gian 1.3.2. Mở xem dữ liệu không gian 1.3.3. Thao tác với dữ liệu không gian 1.4. Mở xem và làm việc với dữ liệu thuộc tính 1.4.1. Ý niệm về dữ liệu thuộc tính 1.4.2. Mở và thao tác với bảng thuộc tính của một lớp bản đồ 1.5. Kết hợp dữ liệu không gian và thuộc tính 1.5.1. Hiển thị nhãn theo cột dữ liệu thuộc tính 1.5.2. Thể hiện dữ liệu không gian theo thuộc tính 1.6. Chúng ta có thể làm gì với GIS		
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Xác định và mô tả các lớp dữ liệu cần thiết để xây dựng dữ liệu phục vụ cho mục đích cụ thể	3t	CELO 3, 7
13	Chương 3: Nhập và lưu trữ dữ liệu		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của HP
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Ý niệm 3.2. Nhập dữ liệu không gian 3.2.1. Nguồn dữ liệu GIS sẵn có 3.2.2. Nguồn dữ liệu bản đồ 3.2.3. Số liệu đo đạc trực tiếp 3.2.4. Dữ liệu viễn thám 3.3. Nhập dữ liệu thuộc tính Bài thực hành 2+3 2.1. Các thao tác cơ bản để xây dựng và chỉnh sửa dữ liệu không gian 2.1.1. Giới thiệu chung 2.1.2. Tạo mới một lớp dữ liệu không gian 2.1.3. Tạo mới và chỉnh sửa đối tượng 2.2. Xây dựng dữ liệu không gian từ các nguồn khác nhau 2.2.1. Xây dựng dữ liệu GIS từ các nguồn dữ liệu số có sẵn 2.2.2. Xây dựng dữ liệu GIS từ ảnh bản đồ 2.2.3. Xây dựng dữ liệu từ đo đạc trực tiếp 3.1. Chỉnh sửa cấu trúc và nội dung bảng thuộc tính 3.1.1. Làm việc với các cột (field) 3.1.2. Làm việc với các hàng (record) 3.2. Tạo dữ liệu bằng cách tính từ dữ liệu các field khác trong cùng bảng 3.2.1. Tạo dữ liệu thuộc tính từ các bảng khác 3.2.2. Bổ sung thông tin của đối tượng trên bản đồ bằng công cụ Hyperlink	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (2.5t) - Kỹ thuật động não (0.5t) - Thực hành (9t)	CELO 4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Xây dựng lớp dữ liệu GIS theo yêu cầu với dữ liệu cho trước	5 tiết	CLEO 4, 7

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của HP
14	Chương 4. Phân tích , xử lý, xuất dữ liệu		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Ý niệm 4.2. Các chức năng xử lý, hiệu chỉnh 4.3. Các chức năng phân tích 4.4. Xuất dữ liệu Bài thực hành 4: 4.1. Truy vấn 4.1.1. Truy vấn dựa vào thuộc tính 4.1.2. Truy vấn dựa vào mối quan hệ không gian 4.2. Phân tích không gian 4.2.1. Phân tích lân cận 4.2.2. Các phép chồng lớp 4.2.3. Gộp đối tượng theo thuộc tính Bài thực hành 5: 5.1. Giới thiệu các thành phần của bản đồ 5.2. Trình bày trang bản đồ 5.2.1. Định dạng trang in trước khi trình bày trang in 5.2.2. Làm quen với trang in 5.2.3. Đưa bản đồ (chính- phụ) vào trang tin 5.2.4. Xác định hình thức khung 5.2.5. Đưa vào và sắp xếp cơ sở toán 5.2.6. Đưa vào và sắp xếp các yếu tố hỗ trợ 5.2.7. Đưa vào và sắp xếp các thành phần bổ sung 5.3. Xuất trang bản đồ	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (5t) - Kỹ thuật động não (1t) - Thực hành (10t) - Kiểm tra thực hành (2t)	CELO 4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập lại các công cụ	3 tiết	CELO 4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của HP
15	Chương 5. Ứng dụng GIS		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Giới thiệu chung 5.2. Các bài toán ứng dụng cụ thể 5.2.1 Định vị trí (phun thuốc) 5.2.2 Tìm vị trí thích hợp (bãi rác) 5.2.3 Bài toán quản lý đất đai, đô thị 5.2.4 Xác định vùng thích nghi 5.3. Các bước thực hiện để giải quyết bài toán với GIS	- Thuyết giảng kết hợp trao đổi, hỏi đáp (3t) - Seminar (3t)	CELO 5, 6, 7
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Sinh viên làm bài tập lớn theo nhóm với đề tài và dữ liệu được gợi ý. Thực hiện cụ thể và trình bày trước lớp	12 tiết	CELO 6, 7, 8

Mã trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần							
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8
Module 1	L	M			L		L	L
Module 2			M	L			L	
Module 3				M			L	
Module 4					H		M	
Module 5					L	M	L	L

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Vũ Xuân Cường (CB), Vũ Minh Tuấn, *Lý thuyết và thực hành GIS đại cương*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2016.

2. Lê Minh Vĩnh – Huỳnh Thị Mai Đình, *Hướng dẫn thực hành, Tài liệu lưu hành nội bộ*, 2012

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Trọng Đức, GIS Căn Bản, NXB ĐH Quốc Gia TPHCM, 2010.
2. Michael N. Demers, Fundamentals of Geographic Information Systems, John Wiley & sons, 2000.
3. Đặng Văn Đức, Hệ thống thông tin địa lý, NXB Khoa học & Kỹ thuật, 2001
4. Kang-Tsung Chang, Introduction to Geographic Information System, Mc Graw Hill Higher Education, 2006.
5. Keith C. Clarke, Getting Started with Geographic Information Systems, Prentice Hall, 1999.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận nhóm.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập đúng thời hạn quy định.

Sinh viên không được vắng quá 20% số buổi thực hành.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Sinh viên giữ trật tự trong giờ học

Điện thoại cần được cài đặt chế độ yên lặng.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Hữu Đức

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Hữu Đức

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **LẬP TRÌNH GIS (GIS Programming)**
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Lập trình GIS
Tiếng Việt:	Lập trình GIS
Tiếng Anh:	GIS Programming
Mã số học phần:	160315017
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	25
Số tiết bài tập:	15
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	5
Số tiết thực tập/ thực hành:	0
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra:	
Thời gian tự học:	30
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Lập trình căn bản, GIS Đại cương
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	KHOA TD-BĐ và TTDL

2. Mô tả học phần (Course Description)

Việc xây dựng các phần mềm GIS luôn cần đến sự hiểu biết về nguyên lý hoạt động, xử lý của một tính năng cụ thể. Để hiểu hơn về những hoạt động xử lý, đặc biệt trên bản đồ, việc viết các đoạn lệnh là cần thiết. Ngoài ra, trên thực tế, việc hiện thực hóa và chứng minh những mô hình tính toán phù hợp, đúng đắn luôn cần đến những đoạn lệnh. Bên cạnh đó, các phần mềm ứng dụng GIS hiện đại luôn có những yêu cầu về tùy biến (customize) để phục vụ các ứng dụng thực tiễn. Môn học lập trình GIS sẽ giới thiệu các kiến thức, quy trình và hỗ trợ kỹ năng để người học có thể thực hiện các vấn đề: *Một là*, nhận biết công việc xử lý GIS và yêu cầu cần mã hóa bằng một ngôn ngữ lập trình; *Hai là*, khả năng tùy biến trên một phần mềm GIS; *Ba là* có khả năng nắm bắt và có thể xử lý các yêu cầu nâng cao như mức độ mô hình hóa và các đặc trưng của ứng dụng.

Nắm bắt được kỹ năng lập trình GIS, hiểu biết công nghệ xây dựng các ứng dụng GIS tích hợp và độc lập ở nhiều mức độ sẽ giúp người học không những có thể lập trình các ứng dụng GIS mà còn có khả năng nắm bắt các yêu cầu, phân tích và hỗ trợ cho các tiến trình quản lý dự án ứng dụng GIS.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức bao gồm ý niệm chung và các mô hình xây dựng ứng dụng GIS thông qua việc viết các đoạn mã trên ngôn ngữ lập trình	ELO4
CG2	Kiến thức về quy trình xây dựng một ứng dụng GIS bằng ngôn ngữ lập trình thích hợp, bao gồm các bước xác định bài toán, phân tích thuật toán, xác định công nghệ và thư viện lập trình tương thích hoặc hỗ trợ để có thể vận dụng xây dựng hoặc quản lý việc xây dựng ứng dụng, chức năng theo mục đích yêu cầu cụ thể	ELO2, ELO4, ELO6
CG3	Kiến thức có hệ thống về các phương pháp lập trình để người học có thể xác định và thực hiện được việc lập trình các công cụ GIS	ELO4, ELO5, ELO6
CG4	Nhận thức được ý nghĩa, vai trò của xây dựng mã lập trình, giá trị của các hệ thống mở và đóng, mức độ đáp ứng của các công nghệ trong việc xây dựng ứng dụng GIS	ELO15
CG5	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

CĐR HP	Mô tả CĐR học phần	CĐR CTĐT
CELO1	Nhận biết và giải thích đặc điểm về lập trình GIS với các công nghệ phần mềm hiện hành và các nguyên lý chung trong xây dựng ứng dụng GIS	ELO4
CELO2	Trình bày và giải thích các đặc điểm, mức độ phức tạp trong các ứng dụng/công cụ GIS	ELO2, ELO4
CELO3	Xây dựng được các chương trình GIS đơn giản	ELO2
CELO4	Phân tích, thiết kế các chương trình, công cụ xử lý GIS đơn giản.	ELO2, ELO4,
CELO5	Mô tả quy trình xây dựng phần mềm/công cụ bằng các công nghệ hiện hành	ELO4
CELO6	Thực hiện xây dựng chương trình/công cụ xử lý GIS	ELO4, ELO6
CELO7	Chỉ ra các nguồn có thể tìm kiếm để tra cứu các phương pháp mã hóa để xây dựng một ứng dụng/công cụ GIS	ELO4
CELO8	Thực hiện việc thu thập và đọc hiểu các đoạn mã nhằm kế thừa các thư viện được xây dựng để mở rộng, phát triển các ứng dụng mới đáp ứng nhu cầu sử dụng	ELO5, ELO6
CELO9	Hiểu rõ ý nghĩa của công cụ GIS, các yêu cầu đối với các đoạn mã, chức năng xử lý trong việc giải quyết bài toán ứng dụng GIS	ELO15
CELO10	Thực hiện làm việc theo nhóm và thuyết trình theo chủ đề	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CĐR học phần (CELOs) và CĐR của CTĐT (ELOs)

CĐR học phần (CELOs)	CĐR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1				L											
CELO2		M		M											
CELO3		M													
CELO4		H		H											
CELO5				M											
CELO6				H		H									

CELO7				M											
CELO8					H	H									
CELO9															L
CELO10									M	M					

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Việc tổ chức hoạt động giảng dạy- học tập sẽ thực hiện theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và với quan điểm “học tập là một quá trình chủ động của người học”. Ngoài ra, đây là môn học có tính tổng hợp, đòi hỏi sinh viên phải vận dụng các kiến thức, kỹ năng từ các môn học trước (lập trình cơ bản, GIS đại cương...) nên cần phải có các bài tập, thực hành, thực tập và xác định mục tiêu, sản phẩm cuối cụ thể

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa trên vấn đề
- Phương pháp học dựa vào dự án

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép,
- Phát biểu
- Thảo luận nhóm
- Thực hiện các bài tập, thực hành theo yêu cầu
- Tra cứu các thư viện lập trình trên mạng

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: tương tác với lớp học, như: phát biểu thảo luận tại lớp và trình bày seminar trước lớp

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: các bài tập thực hành và bài thi cuối khóa

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và phát biểu	Tham gia hoạt động học tập, có tư duy khách quan		Trong suốt quá trình học	15%, bao gồm: - Phát biểu - Hiện diện	Hỏi đáp	15%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Trình bày seminar hoặc trắc nghiệm	Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình Hoặc làm bài thi giữa kỳ trắc nghiệm tổng hợp Kiến thức theo nội dung được phân công (ngôn ngữ lập trình và các thư viện trong các phần mềm lập trình GIS)	CELO10 CELO2, CELO7, CELO8	Theo tuần học về nội dung tương ứng (GV phân công và thông báo trước)	Trình bày nội dung đúng, đủ (50%) Trả lời được các câu hỏi (30%) Có sự phân công làm việc nhóm rõ ràng (20%)	Thảo luận nhóm, thuyết trình hoặc trắc nghiệm có các câu hỏi để phân tích, đánh giá	25%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Ngôn ngữ lập trình cho GIS	Nắm vững một ngôn ngữ lập trình (như Python).	CELO1	Cuối khóa/Giữa kỳ	Có tham dự 30% Làm đúng 60%	Thực hành trên máy	50%
	A3.2. Tư duy lập trình hướng đối tượng	Lập trình hướng đối tượng và các đối tượng GIS thông dụng; và các chuẩn dữ liệu tương tích. Minh họa trên	CELO2	Cuối khóa/Giữa kỳ			

		1 ngôn ngữ lập trình, như Python					
A3.3. Các thư viện lập trình trên các phần mềm GIS	Các thư viện lập trình. Như ArcPy trên hệ thống ArcGIS,...	CELO3, CELO4	Cuối khóa/Giữa kỳ				
A3.4. Bài toán GIS và phân tích thuật toán	Hiểu và nhận định các vấn đề cần phải xây dựng mã chương trình. Phân tích thuật toán, mức độ phức tạp. Các khái niệm mở rộng trong lập trình như: mô hình, tính toán hiệu năng cao	CELO8	Cuối khóa				
A3.5. Kỹ năng tra cứu và tích hợp/kế thừa các đoạn mã xây dựng	Kỹ năng tra cứu, kế thừa các đoạn mã, các thư viện xử lý từ các tài nguyên mạng. Khai phá các thư viện lập trình và xử lý	CELO6	Cuối khóa				
A3.6. Bài tập nhóm	Kỹ năng làm việc nhóm Làm các đoạn mã theo yêu cầu của GV	CELO10 CELO6	Cuối khóa	Trình bày nội dung đúng, đủ (50%) Có sự phân công làm việc nhóm rõ ràng (30%) Có sự tương tác trong nhóm và giáo viên, thể hiện qua các nhóm làm việc trên mạng	Thảo luận nhóm, thực hiện và trình bày qua bài viết	10%	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1,2	Chương 1: Ngôn ngữ lập trình GIS (6 tiết)		
	A/ Các nội dung ở lớp: 1.1. Giới thiệu về Python 1.1.1. Giới thiệu chung, trình soạn thảo 1.1.2. Các kiểu dữ liệu và các lệnh điều khiển, lặp 1.2. Các đặc điểm của Python 1.2.1. Cơ chế bắt lỗi của Pyth 1.2.2. Các hàm đặc biệt 1.2.3. Giới thiệu Anaconda 1.3. Một số bài tập lập trình 1.3.1. Bài tập lập trình tính toán: tính toán về IDW 1.3.2. Giới thiệu về lập trình giao diện đồ họa Bài tập: Lập trình thuật toán D8 về tích lũy dòng chảy	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (4t) - Thảo luận nhóm (1t) - Bài tập: 1 tiết	CEOL1 CELO9
	B/ Các nội dung tự học ở nhà: Tìm đọc tài liệu ôn lại kiến thức IDW, cài đặt phần mềm Anaconda, bài tập nhóm tìm đọc thuật toán D8(3t)		CEOL1
3,4,5,6,7	Chương 2: Gói thư viện Arcpy (15 tiết)		
	A/ Các nội dung ở lớp: 2.1. Giới thiệu 2.1.1. Về Python trong ArcGIS và QGIS 2.1.2. Phương pháp sử dụng đối với các công cụ trên ArcGIS	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (6t) - Thảo luận nhóm (1t) - Luyện tập tại lớp (2t)	CELO2

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	2.2. Lập trình với Arcpy 2.2.1. Tương tác với tài liệu 2.2.2. Tạo lập dữ liệu 2.2.2. Tìm kiếm dữ liệu 2.2.2. Phân tích dữ liệu 2.3. Xây dựng công cụ addins trên ArcGIS 2.3.1. Phân tích bài toán 2.3.1. Xây dựng đoạn mã chương trình Bài tập: Xây dựng công cụ addins trên ArcGIS	- Bài tập (thực hành, làm theo hướng dẫn từng bước) 6 tiết	
	B/ Các nội dung tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học về xử lý hình học để xây dựng công cụ dựng hình đơn giản trong Python, ôn lại cách sử dụng các phần mềm GIS		CELO2
8,9,10	Chương 3. Cơ bản về lập trình hướng đối tượng (9 tiết)		
	A/ Các nội dung ở lớp: 3.1. Khái niệm về ngôn ngữ lập trình và lập trình hướng đối tượng 3.2. Phân tích, thiết kế hướng đối tượng 3.2.1. Cấu trúc lớp đối tượng trong Python 3.2.1. Phương thức và thuộc tính 3.2.1. Kế thừa 3.2.1. Đóng gói đối tượng 3.3. Cài đặt hướng đối tượng Bài tập: Phân tích và thiết kế các công cụ: đọc dữ liệu shapefile, tìm kiếm dữ liệu,	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (4t) - Thảo luận nhóm (1t) - Luyện tập tại lớp (1t) - Bài tập lập trình 3t	CELO3 CELO4

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
14, 15	Chương 5. Tài nguyên mạng trong lập trình và kiểm lỗi (6 tiết)		
	A/ Các nội dung ở lớp: 4.1. Tài nguyên mạng 4.2. Kiểm lỗi 4.3. Ý niệm về độ phức tạp 4.3. Ý niệm về quản lý dự án xây dựng ứng dụng GIS Bài tập: Thực hiện việc tìm kiếm và khai thác sử dụng các đoạn code trên mạng.	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (2t) - Thảo luận nhóm + luyện tập tại lớp (1t) - Thực hành trên máy 3t	CELO5 CELO6
	B/ Các nội dung tự học ở nhà: Làm bài tập tìm kiếm tài nguyên trên mạng và ôn tập		CELO10

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần									
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9	CELO10
C1	H								M	
C2		H								
C3			H	H						
C4							H	M		M
C5					H	H				M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Sách trực tuyến, *Python Tutorial*, <https://www.python.org/> phiên bản 2.x.
2. Eric Pimpler, *Programming ArcGIS 10.1 with Python Cookbook*, 2013.

7.2. Tài liệu tham khảo:

3. <https://engineering.ucsb.edu/~shell/che210d/numpy.pdf>.

4. <http://resources.arcgis.com/en/communities/python/>,.

5. <https://www.cs.uky.edu/~keen/115/Haltermanpythonbook.pdf>.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận nhóm.

Sinh viên phải tham dự đủ các buổi thực hành (không được vắng quá 2 buổi)

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập đúng thời hạn quy định

8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Trần Ngọc Huyền Trang

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Trần Ngọc Huyền Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH
KHOA TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ VÀ
THÔNG TIN ĐỊA LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **CƠ SỞ DỮ LIỆU KHÔNG GIAN**
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cơ sở dữ liệu không gian
Tiếng Việt:	Cơ sở dữ liệu không gian
Tiếng Anh:	Geo- Database
Mã số học phần:	160315040
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☒ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	15 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập/ thực hành:	30 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	0 tiết
Thời gian tự học:	28 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	GIS đại cương
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Quản lý đô thị và công trình

2. Mô tả học phần (Course Description)

Để xây dựng một ứng dụng GIS, một trong yêu cầu quan trọng là phải có cơ sở dữ liệu không gian phù hợp. Môn học nhằm giới thiệu các kiến thức, quy trình và rèn luyện kỹ năng để người học có thể thực hiện phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu không gian ở các mức luận lý, logic, vật lý, và trên cơ sở đó thu thập để xây dựng CSDL hoàn chỉnh.

Môn học hệ thống hóa các phương pháp thu thập dữ liệu địa lý theo các nguồn khác nhau, trong đó đi sâu rèn luyện cho người học kỹ năng thực hiện việc thu thập dữ liệu với các phương pháp đơn giản, thông dụng như dùng GPS cầm tay, quan sát, rút trích thông tin từ bản đồ, xây dựng metadata... để tạo ra một bộ dữ liệu hoàn chỉnh. Đây là môn học có tính ứng dụng nên việc cung cấp các kiến thức và kỹ năng nhằm đạt mục tiêu cụ thể là học viên có thể xây dựng một CSDL không gian hoàn chỉnh theo một mục đích nhất định.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức về CSDL không gian bao gồm ý niệm chung và các mô hình CSDL cơ bản, tập trung vào CSDL quan hệ	ELO4
CG2	Kiến thức về quy trình xây dựng CSDL không gian, bao gồm các bước phân tích, thiết kế và thu thập – cài đặt để có thể vận dụng xây dựng CSDL không gian theo mục đích yêu cầu cụ thể	ELO2, ELO4, ELO6
CG3	Kiến thức có hệ thống về các phương pháp thu thập dữ liệu không gian để người học có thể xác định và thực hiện được việc thu thập – xử lý dữ liệu không gian từ nhiều nguồn (bản đồ, đo đạc trực tiếp,...)	ELO4, ELO5, ELO6
CG4	Nhận thức được ý nghĩa, vai trò của dữ liệu và việc xây dựng CSDL không gian	ELO15
CG5	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	ELO9, ELO10

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả CDR học phần (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO1	Nhận biết và giải thích đặc điểm của dữ liệu không gian, chất lượng dữ liệu và metadata	ELO4

CELO2	Trình bày và giải thích các đặc điểm mô hình CSDL quan hệ	ELO2, ELO4
CELO3	Xây dựng được mô hình thực thể ERD phục vụ cho việc thiết kế CSDL	ELO2
CELO4	Phân tích, thiết kế CSDL không gian ở 3 cấp cho một CSDL không gian đơn giản.	ELO2, ELO4,
CELO5	Mô tả quy trình và Thực hiện xây dựng CSDL KG hoàn chỉnh theo mục đích cụ thể	ELO4, ELO6
CELO6	Chỉ ra các nguồn và phương pháp thu thập, xử lý dữ liệu không gian từ các nguồn khác nhau (bản đồ, đo đạc trực tiếp...)	ELO4
CELO7	Thực hiện việc thu thập và xử lý dữ liệu bằng các phương pháp đơn giản, thông dụng từ các nguồn khác nhau (bản đồ, đo đạc trực tiếp với GPS cầm tay)	ELO5, ELO6
CELO8	Hiểu rõ ý nghĩa của dữ liệu, các yêu cầu đối với dữ liệu để xây dựng CSDL phục vụ việc giải quyết bài toán ứng dụng GIS	ELO15
CELO9	Thực hiện làm việc theo nhóm và thuyết trình theo chủ đề	ELO9, ELO10

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1				L											
CELO2		M		M											
CELO3		M													
CELO4		H		H											
CELO5				H		H									
CELO6				M											
CELO7					H	H									
CELO8															L
CELO9									M	M					

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Việc tổ chức hoạt động giảng dạy- học tập sẽ thực hiện theo phương châm “lấy người học làm trung tâm” và với quan điểm “học tập là một quá trình chủ động của người học”. Ngoài ra, đây là môn học có tính tổng hợp, đòi hỏi sinh viên phải vận dụng các kiến thức, kỹ năng từ các môn học trước (CSDL, GIS đại cương...) nên cần phải có các bài tập, thực hành, thực tập và xác định mục tiêu, sản phẩm cuối cụ thể

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa trên vấn đề
- Phương pháp học dựa vào dự án

Phương pháp học tập: Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Ghi chép,
- Phát biểu
- Thảo luận nhóm
- Thực hiện các bài tập, thực hành theo yêu cầu

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: phát biểu thảo luận tại lớp và trình bày seminar trước lớp

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: các bài tập thực hành và bài thi cuối khóa

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên:

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và phát biểu	Tham gia hoạt động học tập, có tư duy khách quan		Trong suốt quá trình học	Phát biểu 1 lần 25% 2-3 50% ≥4 100%	Hỏi đáp	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Trình bày seminar	Kỹ năng làm việc nhóm Kỹ năng thuyết trình Kiến thức theo nội dung được phân công (CSDL quan hệ, các nguồn DL KG, sử dụng GPS cầm tay...)	CELO9 CELO2, CELO6, CELO7	Theo tuần học về nội dung tương ứng (GV phân công và thông báo trước)	Trình bày nội dung đúng, đủ (50%) Trả lời được các câu hỏi (30%) Có sự phân công làm việc nhóm rõ ràng (20%)	Thảo luận nhóm, thuyết trình	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Thực hành	Hệ quy chiếu, Metadata	CELO1	Buổi TH 1	Có tham dự 30%	Thực hành trên máy	40%
	A3.2. Thực hành	Chuẩn hóa CSDL quan hệ Ngôn ngữ SQL (ôn tập)	CELO2	Buổi TH 2	Làm đúng 60%		
	A3.3. Thực hành	Phân tích và thiết kế CSDL KG ở các mức, ERD	CELO3, CELO4	Buổi TH 3			
	A3.4. Thực hành	Xử lý, chuẩn hóa DL GIS	CELO7	Buổi TH 4			
	A3.5. Thực hành	XD CSDL KG theo mục tiêu cụ thể	CELO5	Buổi TH 5			
	A3.6. Bài tập lớn	Kỹ năng làm việc nhóm XD CSDL KG theo mục tiêu cụ thể	CELO9 CELO5	Cuối khóa	Trình bày nội dung đúng, đủ (70%) Có sự phân công làm việc nhóm rõ ràng (30%)	Thảo luận nhóm, thực hiện và trình bày qua bài viết	30%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1,2	Chương 1: Giới thiệu về cơ sở dữ liệu		
	1.4. Dữ liệu <i>1.4.1. Định nghĩa – ý nghĩa</i> <i>1.4.2. Phân loại</i> 1.5. Dữ liệu không gian <i>1.5.1. Định nghĩa – ý nghĩa</i> <i>1.5.2. Mô hình DLKG</i> <i>1.5.3. Chất lượng dữ liệu</i> <i>1.5.4. Giới hạn của phương pháp quản lý dữ liệu không gian hiện hành</i> <i>1.5.5. Nhu cầu cần có 1 cơ sở dữ liệu không gian</i> 1.6. Metadata <i>1.6.1. Định nghĩa – Sự cần thiết</i> <i>1.6.2. Nội dung</i> Thực hành: Hệ quy chiếu, Metadata (xem, nhận xét, tạo mới)	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (5t) - Luyện tập tại lớp (1t) - Thực hành trên máy (6t)	CEOL1 CELO8
3,4,	Chương 2: Cơ sở dữ liệu		
	2.1.Các ý niệm chính <i>2.1.1. Đặt vấn đề</i> <i>2.1.2. Định nghĩa</i> <i>2.1.3. Hệ quản trị CSDL</i> 2.2. Mô hình CSDL <i>2.2.1. Giới thiệu chung</i> <i>2.2.2. Mô hình CSDL quan hệ</i> 2.3. Các giải pháp CSDL GIS Thực hành: Chuẩn hóa dữ liệu (quan hệ), giới thiệu, làm quen một số giải pháp CSDL KG thông dụng	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (4t) - Thảo luận nhóm (1t) - Luyện tập tại lớp (1t) - Thực hành trên máy (6t)	CELO2
5,6	Chương 3. Phân tích và thiết kế cơ sở dữ liệu		
	3.1. Phân tích 3.2. Thiết kế CSDL Thực hành: Phân tích và thiết kế CSDL không gian đơn giản (ở 3 mức) – Vẽ ERD	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (3t) - Thảo luận nhóm (1t) - Luyện tập tại lớp (2t) - Thực hành trên máy (6t)	CELO3 CELO4

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
7, 8	Chương 4. Thu thập và xử lý dữ liệu không gian		
	4.1. Giới thiệu chung 4.2. Thu thập và xử lý dữ liệu dạng dữ liệu GIS 4.2.1. Ý nghĩa 4.2.2. Xử lý 4.3. Thu thập và xử lý dữ liệu dạng bản đồ 4.3.1. Ý nghĩa 4.3.2. Xử lý 4.4. Thu thập và xử lý dữ liệu đo đạc trực tiếp 4.4.1. Ý niệm 4.4.2. Thực hiện Thực hành: xử lý, chuẩn hóa DL có sẵn thành CSDL hoàn chỉnh	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (1t) - Trình bày trước lớp – Thảo luận (2t) - Thực hành sử dụng GPS cầm tay (3t) - Thực hành trên máy (6t)	CELO6, CELO7 CELO9
9	Chương 5. Quy trình xây dựng CSDL không gian		
	5.1. Quy trình chung 5.2. Xác định mục tiêu 5.3. Phân tích và thiết kế 5.4. Thu thập và xử lý 5.5. Cài đặt hoàn chỉnh 5.6. Kiểm tra, xây dựng metatdata Thực hành: Thực hiện xây dựng (phân tích, thiết kế, thu thập và nhập để tạo) CSDL không gian đơn giản theo mục tiêu định sẵn	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (1t) - Thảo luận nhóm + luyện tập tại lớp (2t) - Thực hành trên máy (6t)	CELO5
10	Chương 6. Khai thác CSDL không gian		
	6.1. Khai thác dữ liệu 6.2. Đưa dữ liệu không gian lên internet với Geoserver	- Thuyết giảng kết hợp hỏi đáp (1t) - Luyện tập tại lớp (2t)	CELO8

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần								
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9
Module 1	H							M	
Module 2		H							
Module 3			H	H					
Module 4						H	M		M
Module 5					H				M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Vũ Xuân Cường, Cơ sở dữ liệu không gian trong GIS, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2017.
2. Phương Lan, Hoàng Đức Hải, Cơ sở dữ liệu, NXB Lao động Xã hội, TP. HCM, 2006.
3. Nguyễn Trung Trực, Giáo trình Cơ sở Dữ Liệu, NXB ĐH Quốc Gia TP.HCM, 2010

7.2. Tài liệu tham khảo:

3. Paul A . Longley, Michael F. Goodchild, Geographic Information Systems and Science, John Wiley & Son, 2001,
4. Tài liệu PostgreSQL: <http://www.postgresql.org/>
5. Vũ Xuân Cường, Vũ Minh Tuấn, , GIS đại cương- Lý thuyết và Thực hành, NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2016.
6. Tài liệu PostGIS: <http://postgis.net/>

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận nhóm.

Sinh viên phải tham dự đủ các buổi thực hành (không được vắng quá 2 buổi)

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập đúng thời hạn quy định

8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Nguyễn Xuân Hòa

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Xuân Hòa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **VIỄN THÁM ỨNG DỤNG**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Viễn thám ứng dụng
Tiếng Việt:	Viễn thám ứng dụng
Tiếng Anh:	Application Remote sensing
Mã số học phần:	160315041
Thời điểm tiến hành:	* Học kỳ 5
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	60 tiết
Số tiết lý thuyết:	25 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập (thực hành):	20 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	... tiết
Kiểm tra:	... tiết
Thời gian tự học:	24 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Trắc địa- Bản đồ và TT Địa Lý

2. Mô tả học phần (Course Description)

Viễn thám là khoa học thu thập thông tin của các đối tượng trên bề mặt trái đất mà không có sự tiếp xúc trực tiếp với chúng, thông qua việc ghi nhận, xử lý và phân tích bức xạ điện từ ở các bước sóng khác nhau. Viễn thám được ứng dụng một cách rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm: biến đổi khí hậu, phá rừng, bảo tồn thiên nhiên, khai thác dầu mỏ, thiên tai (động đất, sóng thần, núi lửa), ô nhiễm môi trường, quản lý tài nguyên, quy hoạch đô thị, an toàn thực phẩm, v.v.

Môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và khái niệm cơ bản của viễn thám bao gồm: nguyên lý vận hành của viễn thám, các loại vệ tinh và ảnh viễn thám, xử lý ảnh, giải đoán ảnh và phân loại ảnh. Song song với kiến thức lý thuyết sinh viên sẽ được thực hành với phần mềm xử lý ảnh chuyên ngành giúp sinh viên hiểu rõ về các bài lý thuyết, làm quen với các công cụ cơ bản trong phần mềm và đọc hiểu ảnh viễn thám (ảnh kỹ thuật số).

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức cơ bản về viễn thám, các thành phần, các cơ chế tương tác của bức xạ điện từ và màu sắc của các đối tượng được thể hiện trên ảnh	ELO2, ELO4
CG2	Kiến thức cơ bản về một số vệ tinh phổ biến, các ứng dụng của chúng trong lĩnh vực khoa học	ELO4
CG3	Khái niệm về các loại độ phân giải của ảnh viễn thám, thông tin về vật mang, bộ cảm biến và quỹ đạo vệ tinh	ELO2, ELO4
CG4	Nhận thức được ý nghĩa, vai trò của viễn thám	ELO15
CG5	Kỹ năng thu thập và xử lý cơ bản về ảnh viễn thám	ELO2, ELO5, ELO6

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả CDR học phần (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO1	Nhận biết và giải thích các thành phần, các cơ chế tương tác của bức xạ điện từ và màu sắc của các đối tượng được thể hiện trên ảnh	ELO2, ELO4
CELO2	Giải thích được sự thay đổi về giá trị và ký hiệu phổ của mỗi pixel ở các kênh được thể hiện	ELO2

CELO3	Nhận biết được sự khác nhau giữa ảnh đơn sắc, ảnh tổ hợp màu thực và ảnh tổ hợp màu giả	ELO2
CELO4	Trình bày các loại độ phân giải và ý nghĩa của chúng trong ứng dụng thực tiễn (ví dụ, đối với loại ứng dụng nào cần độ phân giải thời gian cao, ứng dụng nào cần độ phân giải không gian cao)	ELO2, ELO4
CELO5	Trình bày các thành phần của quỹ đạo vệ tinh, các loại quỹ đạo khác nhau, đặc tính và ưu, nhược điểm và ứng dụng của chúng. Chức năng của cảm biến và các phương pháp quét ảnh.	ELO2, ELO4
CELO6	Nhận biết và lựa chọn các vệ tinh phù hợp với các ứng dụng được đưa ra.	ELO2, ELO4
CELO7	Thực hiện được việc tải một số ảnh vệ tinh phổ biến miễn phí như Landsat, MODIS.	ELO4
CELO8	Chỉ ra và thực hiện được quy trình phân loại ảnh, đánh giá độ chính xác kết quả phân loại	ELO6
CELO9	Nắm được các quy trình làm việc với ảnh viễn thám (từ tải ảnh, tiền xử lý ảnh, đăng ký ảnh, phân loại ảnh)	ELO6
CELO10	Vận dụng được các quy trình để tạo ra dữ liệu cung cấp cho hệ thống thông tin địa lý	ELO4, ELO5, ELO6
CELO11	Xác định được nhiệm vụ ngành, ý nghĩa của viễn thám trong thực tế	ELO15

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1		M		M											
CELO2		M													
CELO3		M													
CELO4		H		H											
CELO5		M		M											
CELO6		M		M											

CELO7				H											
CELO8						M									
CELO9						H									
CELO10				H	H	H									
CELO11															M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Một số phương pháp giảng dạy sẽ được sử dụng chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa trên vấn đề
- Phương pháp học dựa vào dự án

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40 %, bao gồm: Phát biểu thảo luận tại lớp và trình bày seminar trước lớp.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: các bài tập thực hành và bài thi cuối khóa

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và phát biểu	Tham gia hoạt động học tập, có tư duy khách quan	ELO2, ELO4	Trong suốt quá trình học	Phát biểu 1 lần 25% 2-3 50% ≥4 100%	Hỏi đáp	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thực hành	Tải ảnh, tiền xử lý ảnh, đăng ký ảnh, phân loại ảnh	ELO2, ELO4, ELO6	Các buổi thực hành	Có tham dự 30% Làm đúng 60%	Thực hành trên máy	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Thi kết thúc học phần	Các nội dung của môn học	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6	Cuối khóa học	Đúng đáp án	PP viết: trắc nghiệm khách quan (đề mở)	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1, 2, 3, 4, 5	Chương 1: Giới thiệu về viễn thám		
	A/ Các nội dung: 1.1 Khái niệm chung về viễn thám 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Các thành phần cơ bản của viễn thám 1.2 Năng lượng bức xạ điện từ 1.2.1 Nguồn năng lượng bức xạ điện từ 1.2.2 Phổ điện từ 1.3 Tương tác của năng lượng với khí quyển	- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa trên vấn đề - Phương pháp học dựa vào dự án	CELO1 CELO2 CELO3

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	1.3.1 Hấp thu 1.3.2 Tán xạ 1.3.3 Truyền qua 1.4 Tương tác của năng lượng với bề mặt trái đất 1.4.1 Các cơ chế tương tác 1.4.2 Phản xạ 1.4.3 Biểu đồ phản xạ phổ của thực vật, đất và nước 1.5 Viễn thám bị động và chủ động 1.5.1 Viễn thám bị động 1.5.2 Viễn thám chủ động 1.6 Ảnh viễn thám 1.6.1 Cấu tạo ảnh viễn thám 1.6.2 Ảnh tổ hợp màu thực 1.6.3 Ảnh tổ hợp màu giả		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		CELO1,2,3
6, 7, 8	Chương 2: Độ phân giải		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Khái niệm độ phân giải 2.2 Độ phân giải không gian 2.3 Độ phân giải phổ 2.4 Độ phân giải bức xạ 2.5 Độ phân giải thời gian	- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa trên vấn đề - Phương pháp học dựa vào dự án	CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		CELO4
9, 10	Chương 3: Vật mang và bộ cảm biến		
	A/ Các nội dung chính trên lớp:	- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi	CELO5

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.1 Vật mang <i>3.1.1 Khái niệm vật mang</i> <i>3.1.2 Phân loại vật mang</i> 3.2 Quỹ đạo vệ tinh <i>3.2.1 Các thành phần của quỹ đạo vệ tinh</i> <i>3.2.2 Phân loại quỹ đạo vệ tinh</i> 3.3 Bộ Cảm biến <i>3.3.1 Giới thiệu về bộ cảm biến</i> <i>3.3.2 Cấu tạo của bộ cảm</i> <i>3.3.3 Quét ảnh đa phổ</i>	đáp - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa trên vấn đề - Phương pháp học dựa vào dự án	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		CELO5
11, 12, 13, 14 (Thực hành buổi/ 6 tiết): 15, 16, 17, 18, 19	Chương 4: Một số vệ tinh phổ biến		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Các vệ tinh có độ phân giải không gian cao <i>4.1.1 Giới thiệu</i> <i>4.1.2 IKONOS</i> <i>4.1.3 QuickBird</i> <i>4.1.4 Spot</i> <i>4.1.5 Landsat</i> <i>4.1.6 ASTER</i> <i>4.1.7 VNREDSAT</i> <i>4.1.8 Sentitnel</i> 4.2 Các vệ tinh có độ phân giải không gian trung bình và thấp <i>4.2.1 Giới thiệu</i> <i>4.2.2 MODIS</i> <i>4.2.3 NOAA</i> 4.3. Thực hành thu thập và xử lý cơ bản về ảnh viễn thám	- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa trên vấn đề - Phương pháp học dựa vào dự án	CELO6 CELO7 CELO8 CELO9 CELO10

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập, thực hành các kiến thức đã học		CELO6,7,8,9
20, 21, 22	Chương 5: Viễn thám microwave		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Giới thiệu về viễn thám microwave chủ động 5.2. Giới thiệu về viễn thám microwave bị động	- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa trên vấn đề - Phương pháp học dựa vào dự án	CELO10 CELO11
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		CELO10, 11
23, 24, 25	Chương 6: LIDAR		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1 Giới thiệu về LIDAR 6.2 Một số ứng dụng của LIDAR	- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp - Phương pháp hoạt động nhóm - Phương pháp học dựa trên vấn đề - Phương pháp học dựa vào dự án	CELO10 CELO11
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		CELO10, 11
	Chương 7: Ứng dụng của viễn thám		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1 Giới thiệu một số ứng dụng của viễn thám 7.2 Thực hành	- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp - Phương pháp hoạt động	CELO10 CELO11

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
		động nhóm - Phương pháp học dựa trên vấn đề - Phương pháp học dựa vào dự án	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		CELO10, 11

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần										
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6	CELO7	CELO8	CELO9	CELO10	CELO11
C1	H	M	M								
C2				M							
C3					H						
C4						L	H	M	M	M	
C5										L	M
C6										L	M
C7										M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Lê Văn Trung, Viễn Thám, NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, 2012

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Wim H. Bakker et al, Principle of Remote Sensing – An introductory textbook, ITC, 2009.
2. John R. Jensen, Remote Sensing of the Environment, Pearson, 2007.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập nhóm đúng thời hạn quy định

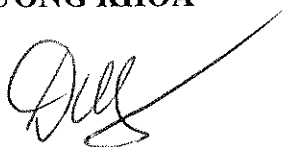
8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Nguyễn Văn Khánh

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Văn Khánh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **KỸ NĂNG LÀM VIỆC VÀ QUẢN LÝ NHÓM**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Kỹ năng làm việc và quản lý nhóm
Tiếng Việt:	Kỹ năng làm việc và quản lý nhóm
Tiếng Anh:	Work skills and team management
Mã số học phần:	160915007
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☒ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập (thực hành):	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	... tiết
Thời gian tự học:	30 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Trắc địa- Bản đồ và TT Địa Lý

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần giúp người học nắm vững nguyên tắc, mục đích, chức năng giao tiếp và ý nghĩa của việc giao tiếp tốt để thực hiện giao tiếp tốt và giao tiếp có văn hóa các kỹ năng cơ bản như: Kỹ năng tạo ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng từ chối, kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp qua điện thoại và giao tiếp bằng thư tín, Kỹ năng ứng xử và xây dựng các mối quan hệ nơi công sở, nội dung cơ bản của làm việc nhóm và quản lý nhóm, quan niệm về lãnh đạo, vai trò và chức năng lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo và quản lý nhóm.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Vận dụng các nguyên tắc giao tiếp, phong cách giao tiếp để thực hiện các giao tiếp căn bản trong cuộc sống và trong công việc	ELO2, ELO4
CG2	Áp dụng các nguyên tắc giao tiếp vào cuộc sống và việc làm nhóm và lãnh đạo quản lý nhóm	ELO4
CG3	Giao tiếp tốt giữa cá nhân với nhau, giao tiếp tốt trong tổ chức và nhóm.	ELO2, ELO4
CG4	Không ngừng rèn luyện để hoàn thiện bản thân.	ELO15

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP	Mô tả CDR học phần (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT
CELO1	Giải thích các nguyên tắc giao tiếp, mục đích, ý nghĩa và môi trường giao tiếp.	ELO2, ELO4
CELO2	Vận dụng các nguyên tắc giao tiếp và phong cách giao tiếp cơ bản của từng kỹ năng giao tiếp.	ELO2
CELO3	Thực hiện các kỹ năng giao tiếp tốt trong cuộc sống và Kỹ năng ứng xử và xây dựng các mối quan hệ làm việc theo nhóm, phân tích bản chất và vai trò, chức năng của lãnh đạo nhóm	ELO2
CELO4	Ý thức được vai trò của việc giao tiếp nhóm và lãnh đạo quản lý nhóm tốt hơn	ELO2, ELO4
CELO5	Rèn luyện để hoàn thiện bản thân.	ELO2, ELO4

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
CELO1		M		M											
CELO2		M													
CELO3		M													
CELO4		H		H											
CELO5		M		M											

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Một số phương pháp giảng dạy sẽ được sử dụng chủ yếu như:

- Phương pháp thuyết giảng kết hợp trao đổi hỏi đáp
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp học dựa trên vấn đề
- Phương pháp học dựa vào dự án

Phương pháp học tập:

Sinh viên cần tham gia vào hoạt động học:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40 %, bao gồm: Phát biểu thảo luận tại lớp và trình bày seminar trước lớp.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60%, bao gồm: các bài tập thực hành và bài thi cuối khóa

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Tham dự lớp và phát biểu	Tham gia hoạt động học tập, có tư duy khách quan	ELO2, ELO4	Trong suốt quá trình học	Phát biểu 1 lần 25% 2-3 50% ≥4 100%	Hỏi đáp	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Thực hành	Tải ảnh, tiền xử lý ảnh, đăng ký ảnh, phân loại ảnh	ELO2, ELO4, ELO6	Các buổi thực hành	Có tham dự 30% Làm đúng 60%	Thực hành trên máy	30%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1. Thi kết thúc học phần	Các nội dung của môn học	ELO2, ELO4, ELO5, ELO6	Cuối khóa học	Đúng đáp án	PP viết: trắc nghiệm khách quan (đề mở)	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1-2	Chương 1: Tổng quan về hoạt động giao tiếp		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 1.1. Giới thiệu chung về giao tiếp cơ bản của làm việc nhóm và quản lý nhóm,	- Phương pháp hoạt động nhóm; - Thuyết trình;	CELO1-5

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	1.2. Chức năng giao tiếp và quản lý nhóm 1.3. Ý nghĩa của hoạt động giao tiếp và quản lý nhóm 1.4. Tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		
3-4	Chương 2: Cấu trúc hoạt động giao tiếp		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 2.1. Tiến trình giao tiếp và quản lý nhóm 2.2. Phương tiện giao tiếp và quản lý nhóm 2.3. Hoàn thiện giao tiếp và quản lý nhóm	- Phương pháp hoạt động nhóm; - Thuyết trình;	CELO1-5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		
5-6	Chương 3: Giao tiếp trong môi trường tổ chức		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Giao tiếp nội bộ 3.2. Giao tiếp với bên ngoài 3.3. Giao tiếp trong nhóm	- Phương pháp hoạt động nhóm; - Thuyết trình;	CELO1-5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		
7-9	Chương 4: Các kỹ năng giao tiếp thông dụng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Kỹ năng lắng nghe	- Phương pháp hoạt động nhóm;	CELO1-5

Buổi (3 tiết)	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	4.2. Kỹ năng sử dụng lời nói trong giao tiếp 4.3. Kỹ năng đặt câu hỏi 4.4. Kỹ năng giao tiếp qua điện thoại 4.5. Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ hình thể 4.6. Kỹ năng từ chối đề nghị 4.7. Kỹ năng diễn thuyết 4.8. Kỹ năng giao tiếp bằng thư tín 4.9. Kỹ năng ứng xử và xây dựng các mối quan hệ nơi công sở, 4.10. Kỹ năng quản lý nhóm	- Thuyết trình;	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập, thực hành các kiến thức đã học		
10	Chương 5: Văn hoá trong giao tiếp		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Khái niệm 5.2. Một số nét văn hóa giao tiếp của người Việt 5.3. Một số nét văn hóa giao tiếp của người nước ngoài	- Phương pháp hoạt động nhóm; - Thuyết trình;	CELO1-5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tập các kiến thức đã học		CELO10, 11

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
C1	H	M	M		
C2				M	
C3		M			H

C4		M	M		
C5		M		M	

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Kỹ năng giao tiếp làm việc nhóm.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Giáo trình nhập môn khoa học giao tiếp.
2. Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên khi đến lớp cần tham gia lớp học, phát biểu và thảo luận.

Sinh viên cần hoàn thành và nộp bài tập nhóm đúng thời hạn quy định

8.2. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Văn Ngọc Trúc Phương

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Đỗ Minh Tuấn

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Văn Ngọc Trúc Phương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **TOÁN CAO CẤP 2**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Toán cao cấp 2
Tiếng Việt:	Toán cao cấp 2
Tiếng Anh:	<i>Advanced Maths 2</i>
Mã số học phần:	11 11 1 5 009
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ II
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	28 tiết
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hoàn thành chương trình toán cao cấp 1
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn toán – Khoa Khoa học Đại cương

2. Mô tả học phần (Course Description)

Được thực hiện trong học kỳ II năm thứ nhất của sinh viên nhằm truyền tải cho sinh viên nắm được những kiến thức về giải tích hàm một biến cần thiết làm cơ sở cho việc học môn Toán cao cấp 3 và các môn chuyên ngành của các ngành đào tạo.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu biết về toán giải tích 1 biến và các ứng dụng của học phần này cho các môn chuyên ngành	KĐC, KKT, KQL
CG2	Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian	KĐC, KKT, KQL
CG3	Cẩn trọng, trung thực, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng	KĐC, KKT, KQL

KĐC: Môn học thuộc khoa KH Đại cương, KKT: Môn học thuộc khối kỹ thuật, KQL: Môn học thuộc khối quản lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu, trình bày và phân biệt được các khái niệm.	KĐC, KKT, KQL
CELO2	Biết cách giải các dạng bài tập và vận dụng được các ứng dụng cơ bản của đạo hàm, cực trị hàm 1 biến, tích phân trong kinh tế, kỹ thuật.	KĐC, KKT, KQL
CELO3	Tính toán chính xác, có tư duy logic, chặt chẽ, cẩn trọng trong hoạt động học tập.	KĐC, KKT, KQL
CELO4	Biết sử dụng máy tính bỏ túi, chương trình Maple hỗ trợ việc tính toán trong môn học	KĐC, KKT, KQL
CELO5	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, tích cực,	KĐC, KKT,

	chủ động trong học tập	KQL
--	------------------------	-----

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	KĐC	KKT	KQL
CELO1	H	M	M
CELO2	H	L	L
CELO3	H	H	H
CELO4	H	H	H
CELO5	H	H	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Giảng dạy online và trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm....

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %

+ Hình thức đánh giá: Làm bài kiểm tra

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Làm bài thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	Bài tập về nhà, trên lớp	Chương 1, 2, 3, 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1-3 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) , PP phỏng vấn	30%
	Bài kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	Chương 1, 2, 3	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết(tự luận)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (tự luận)	Chương 1, 2, 3, 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1. Hàm số một biến số thực		
	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp:	Giảng dạy online, sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	1.1. Định nghĩa		
	1.2. Hàm số ngược và đồ thị ngược		
	1.3. Các hàm số sơ cấp		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		

	- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Làm bài tập		
2	Chương 2. Giới hạn của hàm số một biến số		
	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: 2.1. Giới hạn của hàm số 2.1.1. Định nghĩa 2.1.2. Tính chất 2.1.3. Giới hạn một phía	Giảng dạy online, sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Làm bài tập		
3	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: 2.2. Vô cùng bé và vô cùng lớn 2.2.1. Vô cùng bé 2.2.2. Vô cùng lớn	Giảng dạy online, sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Làm bài tập		
	Chương 3. Đạo hàm và vi phân của hàm một biến số		
4	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: 3.1. Đạo hàm và vi phân 3.1.1. Đạo hàm 3.1.2. Vi phân. Tính gần đúng nhờ vi phân 3.1.3. Đạo hàm một phía.	Giảng dạy trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Làm bài tập		

5	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: 3.2. Đạo hàm và vi phân cấp cao 3.2.1. Đạo hàm cấp cao 3.2.2. Vi phân cấp cao 3.3. Các định lý về giá trị trung bình 3.3.1. Các định lý	Giảng dạy trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Làm bài tập		
	Kiểm tra giữa kỳ: 2 tiết		
6	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: 3.3.2. Ứng dụng các định lý	Giảng dạy trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Làm bài tập		
	Chương 4. Nguyên hàm và tích phân		
7	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: 4.1. Nguyên hàm và tích phân bất định 4.1.1. Định nghĩa, tính chất 4.1.2. Các phương pháp tính tích phân bất định. 4.1.3. Tích phân một số dạng hàm số	Giảng dạy trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Làm bài tập		
	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp:	Giảng dạy trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp:	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4,

	4.2. Tích phân xác định 4.2.1. Định nghĩa, tính chất. 4.2.2. Các phương pháp tính tích phân bất định	Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO5
8	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo - Làm bài tập		
	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: 4.3. Tích phân suy rộng 4.3.1. Tích phân suy rộng loại 1	Giảng dạy trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
9	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: -Đọc giáo trình - Làm bài tập		
	A/ Các nội dung giảng dạy trên lớp: 4.3.2. Tích phân suy rộng loại 2 4.4. Ôn tập	Giảng dạy trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5
10	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình. - Làm bài tập		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	CDR học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Module 1.	H	L	M	L	M
Module 2.	H	L	M	M	M
Module 3.	H	L	M	L	M

Module 4.	M	H	M	L	M
Module 5.	M	H	M	M	M
Module 6.	M	H	M	M	M
Module 7.	M	H	H	H	H
Module 8.	H	H	M	M	M
Module 9.	M	H	H	H	H
Module 10.	M	H	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Đình Trí, *Toán cao cấp tập 2*, NXB Giáo dục.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đình Trí, *Bài tập Toán cao cấp tập 2*, NXB Giáo dục.
2. Nguyễn Huy Hoàng, *Toán cao cấp*, NXB Giáo dục.
3. Phạm Hồng Danh, *Toán cao cấp*, NXB ĐHQG TP.HCM.
4. Đỗ Công Khanh, *Toán cao cấp*, NXB ĐHQG TP.HCM.

8. Quy định của học phần

Sinh viên phải tham dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ, nếu vắng bài nào thì cột điểm tương ứng sẽ bằng 0

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

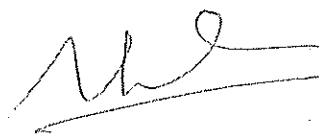
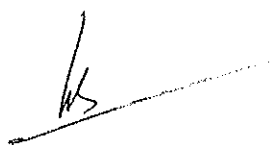
9. Giảng viên phụ trách môn học: Th.S Võ Thị Tuyết Mai, ThS. Trần Đình Thành, ThS. Nguyễn Thị Hằng

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Lý Cẩm Hùng

ThS. Võ Thị Tuyết Mai

ThS. Trần Đình Thành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **XÁC SUẤT THỐNG KÊ**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Xác suất thống kê
Tiếng Việt:	Xác suất thống kê
Tiếng Anh:	<i>Probability and statistics</i>
Mã số học phần:	11 11 1 5 011
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ III
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	28 tiết
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hoàn thành chương trình toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2
Học phần song hành:	Toán cao cấp 3
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn toán – Khoa Khoa học Đại cương

2. Mô tả học phần (Course Description)

Được thực hiện trong học kỳ III của sinh viên nhằm truyền tải cho sinh viên nắm được những kiến về xác suất và thống kê cần thiết làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành của các ngành đào tạo, hình thành phương pháp xử lý các công việc nảy sinh từ thực tiễn

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị cho sinh viên một số kiến thức về biến cố và xác suất của biến cố .	KĐC, KKT, KQL
CG2	Truyền tải cho sinh viên một số kiến thức phân tích các khả năng có thể xảy ra của phép thử và tính xác suất của nó .	KĐC, KKT, KQL
CG3	Cung cấp cho sinh viên một số kiến về các đại lượng ngẫu nhiên.	KĐC, KKT, KQL
CG4	Hình thành cho sinh viên ý thức được cách phân tích mẫu, sử dụng kết quả của mẫu để ước lượng tham số thống kê, kiểm định giả thiết thống kê	KĐC, KKT, KQL

KĐC: Môn học thuộc khoa KH Đại cương, KKT: Môn học thuộc khối kỹ thuật, KQL: Môn học thuộc khối quản lý

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	- Vận dụng môn học để nghiên cứu các vấn đề trong kinh tế.	KĐC, KKT, KQL
CELO2	- Nhận ra các mô hình thống kê đơn giản và ứng dụng vào các bài toán thuộc chuyên - ngành học của mình.	KĐC, KKT, KQL

CELO3	- Ngoài ra sinh viên có thể sử dụng được một số phần mềm để giải các bài toán thống kê (Excel, R, SPSS).	KĐC, KKT, KQL
CELO4	- Sinh viên có thể trau dồi kỹ năng tự nghiên cứu và kỹ năng làm việc theo nhóm.	KĐC, KKT, KQL

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	KĐC	KKT	KQL
CELO1	M	M	H
CELO2	M	H	H
CELO3	M	H	H
CELO4	H	H	H

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Giảng dạy online và trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm....

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %

+ Hình thức đánh giá: Làm bài kiểm tra

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Làm bài thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	Bài tập về nhà, trên lớp	Chương 1, 2, 3, 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1-3 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận hoặc trắc nghiệm) , PP phỏng vấn	30%
	Bài kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	Chương 1, 2	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (tự luận)	Chương 1, 2, 3, 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1. Xác suất của biến cố.		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Biến cố và phép thử ngẫu nhiên. 1.2. Xác suất của biến cố.	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4

	1.2.1. Định nghĩa và tính chất xác suất của biến cố.	đáp	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Một số khái niệm về hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp - Làm bài tập .		
2	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.2.2. Công thức xác suất - Công thức cộng - Công thức nhân	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
3	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.2.2. Công thức xác suất (tt) - Công thức xác suất có điều kiện - Công thức Bernoulli	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
	Chương 2. Đại lượng ngẫu nhiên.		
4	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Định nghĩa và phân loại đại lượng ngẫu nhiên 2.1.1. Định nghĩa 2.1.2. Phân loại 2.2. Quy luật phân phối xác suất. 2.2.1. Bảng phân phối xác suất 2.2.2. Hàm phân phối xác suất	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.2. Quy luật phân phối xác suất (tt) 2.2.3. Hàm mật độ xác suất 2.3. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên 2.3.1. Kỳ vọng	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.3. Các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên (tt) 2.3.2. Phương sai 2.3.3. Độ lệch chuẩn 2.3.4. Mode 2.3.5. Momen 2.3.6. Hệ số bất đối xứng	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
7	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.4. Quy luật phân phối xác suất thông dụng 2.4.1. Phân phối nhị thức 2.4.2. Phân phối poisson 2.4.3. Phân phối siêu bội	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3. Đọc giáo trình, tài liệu 4. Làm bài tập		

8	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.4.4. Phân phối chuẩn 2.4.5. Phân phối Student 2.4.6. Phân phối Chi bình phương	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
9	Kiểm tra		
	Chương 3. Lý thuyết mẫu.		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Khái niệm về tổng thể và mẫu. 3.2. Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
10	Chương 4. Ước lượng tham số đặc trưng của tổng thể.		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Ước lượng điểm. 4.2. Ước lượng khoảng.	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3 CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	M	H	M	L
Chương 2	H	H	L	L
Chương 3	H	H	M	M
Chương 4	M	H	H	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Hoàng Ngọc Nhậm, *Lý thuyết xác suất và thống kê*, NXB Thống kê.
2. Lê Khánh Luận và Nguyễn Thanh Sơn, *Lý thuyết xác suất và thống kê*, NXB tổng hợp TP.HCM.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Hoàng Ngọc Nhậm, Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê, NXB Thống kê.
2. Lê Khánh Luận và Nguyễn Thanh Sơn, Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê, NXB tổng hợp TP.HCM.
3. Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội.
4. Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục.
5. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và Thống kê toán*, NXB Khoa học Kỹ thuật.

8. Quy định của học phần

Sinh viên phải tham dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ, nếu vắng bài nào thì cột điểm tương ứng sẽ bằng 0

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên phụ trách môn học

- Giảng viên phụ trách môn học: ThS. Võ Thị Tuyết Mai

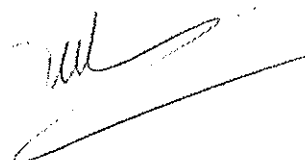
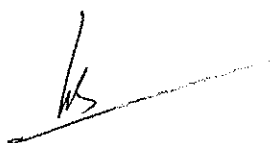
- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: ThS. Võ Thị Tuyết Mai, ThS. Phạm Kim Thủy.

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Lý Cẩm Hùng

ThS. Võ Thị Tuyết Mai

ThS. Phạm Kim Thủy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **CƠ NHIỆT**
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cơ Nhiệt
Tiếng Việt:	Cơ Nhiệt
Tiếng Anh:	<i>Mechanics – Thermodynamics</i>
Mã số học phần:	11 12 1 5 009
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	29 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	00 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hoàn thành chương trình Vật Lý trung học phổ thông
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Vật Lý – Khoa Khoa học Đại cương

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Cơ Nhiệt học vào học kỳ 1 với đối tượng sinh viên năm nhất; nhằm trang bị kiến thức cơ bản về cơ học và nhiệt động học; làm tiền đề để sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn chuyên ngành phù hợp với ngành được đào tạo.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt động học	KĐC, KKT, KQL
CG2	Kỹ năng quan sát, lý giải hiện tượng cơ - nhiệt thực tế	KĐC, KKT, KQL
CG3	Kỹ năng tính toán các thông số đặc trưng của cơ - nhiệt	KĐC, KKT, KQL
CG4	Kỹ năng vận dụng kiến thức môn học vào chuyên ngành	KĐC, KKT

KĐC: Môn học thuộc khoa KH Đại cương, KKT: Môn học thuộc khối kỹ thuật, KQL: Môn học thuộc khối quản lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu được kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt động học	KĐC, KKT, KQL
CELO2	Giải thích được các hiện tượng cơ - nhiệt trong thực tiễn	KĐC, KKT, KQL
CELO3	Tính toán được các thông số đặc trưng của cơ - nhiệt	KĐC, KKT, KQL
CELO4	Vận dụng kiến thức làm tiền đề nghiên cứu môn chuyên ngành	KĐC, KKT

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	KĐC	KKT	KQL
CELO1	H	H	H
CELO2	M	M	M
CELO3	H	H	H
CELO4	M	M	

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Giảng dạy online và trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở - vấn đáp, hoạt động theo nhóm.

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về học phần, về chuyên ngành đào tạo trên internet;
- Làm việc nhóm.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %

+ Hình thức đánh giá: Làm bài kiểm tra

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Làm bài thi

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá/thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	Bài tập về nhà, trên lớp	Chương 1 đến 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1-3 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận), PP phỏng vấn	30%
	Bài kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm)	Chương 1 đến 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chính xác	PP viết (trắc nghiệm)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (trắc nghiệm)	Chương 1 đến 7	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chính xác	PP viết (trắc nghiệm)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Động học chất điểm		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 1.1 Chuyển động cơ học 1.2. Vector vận tốc 1.3. Vector gia tốc 1.4. Các dạng chuyển động cơ học thường gặp: chuyển động thẳng, chuyển động tròn, rơi tự do, chuyển động ném	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Khái niệm độ dời, quãng đường, tốc độ, vận tốc, chuyển động cong - Dao động điều hòa	SV tự nghiên cứu	CELO1, CELO3

	- Làm bài tập chương 1		
2	Chương 2: Động lực học chất điểm		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 2.1. Các định luật Newton 2.2. Các loại lực cơ học thường gặp 2.3. Phương trình cơ bản động lực học và ứng dụng phương pháp động lực học	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Hệ qui chiếu phi quán tính và các loại lực quán tính - Lực đàn hồi - Làm bài tập chương 2	SV tự nghiên cứu	CELO1, CELO3
3	Chương 3: Động học hệ chất điểm - Động lực học vật rắn		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 3.1. Khối tâm - Định luật bảo toàn động lượng 3.2. Phương trình cơ bản của chuyển động vật rắn quay quanh một trục cố định 3.3. Mômen quán tính của vật rắn quay quanh một trục cố định	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Con quay và giải thích hiệu ứng con quay - Làm bài tập chương 3	SV tự nghiên cứu	CELO1, CELO3
4	Chương 4: Năng lượng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 4.1. Công và Công Suất 4.2. Trường lực thế - Thế năng 4.3. Động năng – Định luật bảo toàn cơ	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết	CELO1, CELO2, CELO4

	năng trong trường lực thế	trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở- vấn đáp, hoạt động theo nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Trường hấp dẫn - Định luật Newton về lực hấp dẫn vũ trụ - Chuyển động trong trường hấp dẫn - Làm bài tập chương 4	SV tự nghiên cứu	CELO1, CELO3
5	Chương 5: Cơ học chất lưu		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 5.1. Chất lưu là gì? Phân biệt chất lưu lý tưởng và chất lưu thực 5.2. Tĩnh học chất lưu 5.3. Động học chất lưu lý tưởng 5.4. Động lực học chất lưu thực – Hiện tượng nội ma sát	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở- vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ứng dụng của cơ học chất lưu trong thực tế và kỹ thuật - Làm bài tập chương 5	SV thảo luận nhóm	CELO1, CELO3
6	Chương 6: Nguyên lý I nhiệt động học		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 6.1. Thông số trạng thái và phương trình trạng thái 6.2. Nội năng của hệ nhiệt động - Công và	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết	CELO1, CELO2, CELO4

	<i>nhiệt</i> 6.3. Nguyên lý I nhiệt động học 6.4. Ứng dụng nguyên lý I khảo sát các quá trình cân bằng của khí lý tưởng	trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Các hiện tượng nhiệt động học trong thực tế - Làm bài tập chương 6	SV tự nghiên cứu	CELO1, CELO3
7	Chương 7: Nguyên lý II nhiệt động học		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 7.1. Khái niệm quá trình thuận nghịch và không thuận nghịch 7.2. Nguyên lý II nhiệt động học 7.3. Chu trình Carnot và định lý Carnot 7.4. Hàm Entropi và nguyên lý tăng Entropi	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu hoạt động của máy nhiệt trong thực tế - Làm bài tập chương 7	SV tự nghiên cứu	CELO1, CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	M	H	M
Chương 2	H	M	H	M

Chương 3	H	M	H	M
Chương 4	H	M	H	M
Chương 5	H	M	H	M
Chương 6	H	M	H	M
Chương 7	H	M	H	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Lương Duyên Bình, *Vật lý đại cương tập 1: Cơ Nhiệt*, NXB Giáo Dục.
2. Bộ môn Vật Lý, *Đề cương bài giảng: Cơ – Nhiệt*, Lưu hành nội bộ.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Halliday D., Resnick R., Walker J., *Cơ sở vật lý – tập 1, 2*, NXB Giáo Dục.
2. Nguyễn Hữu Thọ, *Cơ nhiệt đại cương*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
3. Nguyễn Hữu Thọ, *1500 câu hỏi trắc nghiệm cơ nhiệt*, NXB Đại học Quốc, TP.HCM.
4. Nguyễn Thị Bé Bảy, *Bài tập Vật Lý Đại Cương: Cơ Nhiệt – Điện Từ*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

8. Quy định của học phần

Sinh viên phải tham dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ, nếu vắng bài nào thì cột điểm tương ứng sẽ bằng 0

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên phải học đúng giờ quy định. Sinh viên đến trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như máy tính, điện thoại vào mục đích khác như nhắn tin, nghe nhạc, xem phim, ... trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên phụ trách môn học

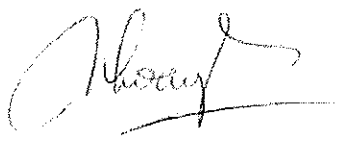
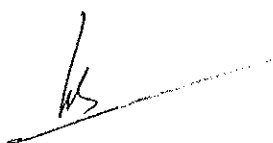
- Giảng viên phụ trách môn học: TS. Trần Bá Lê Hoàng
- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: TS. Trần Bá Lê Hoàng, ThS. Nguyễn Thanh Hằng.

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Lý Cẩm Hùng

TS. Trần Bá Lê Hoàng

ThS. Nguyễn Thanh Hằng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **ĐIỆN TỬ - QUANG**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	ĐIỆN TỬ - QUANG
Tiếng Việt:	Điện Tử - Quang
Tiếng Anh:	<i>Electromagnetic – Optics</i>
Mã số học phần:	11 12 1 5 010
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ II
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	29 tiết
Số tiết bài tập:	00 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	01 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	00 tiết
Kiểm tra:	00 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hoàn thành học phần Cơ Nhiệt
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Vật Lý – Khoa Khoa học Đại cương

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Điện Từ - Quang học vào HK2 với đối tượng sinh viên năm nhất; nhằm trang bị kiến thức cơ bản về điện trường, từ trường và quang học; làm tiền đề để sinh viên tiếp tục nghiên cứu các môn chuyên ngành phù hợp với ngành được đào tạo.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị kiến thức cơ bản về trường điện từ và quang học	KĐC, KKT, KQL
CG2	Kỹ năng quan sát, lý giải hiện tượng điện - từ - quang thực tế	KĐC, KKT, KQL
CG3	Kỹ năng tính toán các thông số đặc trưng của điện - từ - quang	KĐC, KKT, KQL
CG4	Kỹ năng vận dụng kiến thức môn học vào chuyên ngành	KĐC, KKT

KĐC: Môn học thuộc khoa KH Đại cương, KKT: Môn học thuộc khối kỹ thuật, KQL: Môn học thuộc khối quản lý.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu được kiến thức cơ bản về trường điện từ và quang học	KĐC, KKT, KQL
CELO2	Giải thích được các hiện tượng điện trường - từ trường - quang học trong thực tiễn	KĐC, KKT, KQL
CELO3	Tính toán được các thông số đặc trưng của điện - từ - quang	KĐC, KKT, KQL
CELO4	Vận dụng kiến thức làm tiền đề nghiên cứu môn chuyên ngành	KĐC, KKT

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	KĐC	KKT	KQL
CELO1	H	H	H
CELO2	M	M	M
CELO3	H	H	H
CELO4	M	M	

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Giảng dạy online và trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở - vấn đáp, hoạt động theo nhóm.

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về học phần, về chuyên ngành đào tạo trên internet;
- Làm việc nhóm.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %

+ Hình thức đánh giá: Làm bài kiểm tra

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Làm bài thi

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá/thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	Bài tập về nhà, trên lớp	Chương 1,2	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1-3 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận), PP phỏng vấn	30%
	Bài tiểu luận cá nhân	Chương 1 đến 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chính xác	PP viết (tự luận)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (trắc nghiệm)	Chương 1 đến 4	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chính xác	PP viết (trắc nghiệm)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Trường tĩnh điện		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 1.1. Định luật Coulomb 1.2. Khái niệm điện trường - Các đại lượng đặc trưng cho điện trường: vectơ cường độ điện trường, vectơ cảm ứng điện 1.3. Điện thông, định lý Gauss đối với trường tĩnh điện 1.4. Công của lực tĩnh điện, thế năng của trường tĩnh điện - Điện thế, hiệu điện thế	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, thí	CELO1, CELO2, CELO4

		thực nghiệm mô phỏng	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Khái niệm vật dẫn - Ứng dụng sự tương tác tĩnh điện trong thực tế và kĩ thuật: hiện tượng sấm sét - cột thu lôi chống sét; thiết bị lọc bụi tĩnh điện trong các nhà máy; ... - Làm bài tập chương 1	SV tự nghiên cứu, viết báo cáo	CELO1, CELO2, CELO3
2	Chương 2: Từ trường của dòng điện không đổi		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 2.1 Tương tác từ của dòng điện không đổi - Định luật Ampere 2.2. Các đại lượng đặc trưng: Vector cảm ứng từ, vector cường độ từ trường 2.3. Từ thông - Định lý Gauss đối với trường điện từ	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, thí nghiệm trực quan online	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Ứng dụng sự tương tác từ trong thực tế và kĩ thuật: nam châm điện; nano từ trong y sinh; ... - Tìm hiểu về tác hại của sóng điện từ: lò vi sóng, điện thoại, ... - Làm bài tập chương 2	SV tự nghiên cứu, viết báo cáo	CELO1, CELO2, CELO3

3	Chương 3: Quang hình học		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 3.1. Các định luật cơ bản của quang hình học 3.2. Khái niệm quang lộ - Nguyên lý Fecma 3.3. Các đại lượng trắc quang: Quang thông, độ sáng, độ rọi	Thuyết trình, vấn đáp, thí nghiệm trực quan	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu bản chất của ánh sáng - Ứng dụng sự truyền thẳng, phản xạ và khúc xạ ánh sáng trong thực tế và kĩ thuật: hiện tượng nhật thực, nguyệt thực toàn phần; súng bắn tốc độ trong giao thông đường bộ; ánh sáng laser; ứng dụng sợi quang trong việc truyền tín hiệu; ... - Làm bài tập chương 3	SV tự nghiên cứu, thảo luận nhóm, viết báo cáo	CELO1, CELO2, CELO3
4	Chương 4: Quang học sóng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp 4.1. Cơ sở của quang học sóng 4.2. Hiện tượng giao thoa ánh sáng của hai sóng kết hợp qua khe Young, bản mỏng có bề dày không đổi 4.3. Hiện tượng nhiễu xạ ánh sáng qua một khe hẹp, lỗ tròn nhỏ	Thuyết trình, vấn đáp, thí nghiệm mô phỏng	CELO1, CELO2, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Giao thoa qua bản mỏng có bề dày thay đổi - Cách tử nhiễu xạ - Hiện tượng phân cực ánh sáng - Làm bài tập chương 4	SV tự nghiên cứu	CELO1, CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	H	H	M
Chương 2	H	H	H	M
Chương 3	H	H	H	M
Chương 4	H	M	H	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Lương Duyên Bình, *Vật lý đại cương tập 2, 3: Điện Từ, Quang học*, NXB Giáo Dục.

2. Bộ môn Vật Lý, *Đề cương bài giảng: Điện Từ – Quang*, Lưu hành nội bộ.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Halliday D., Resnick R., Walker J., *Cơ sở vật lý – tập 3, 4*, NXB Giáo Dục.

2. Phạm Thi Thuận, *Điện và Từ*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

3. Nguyễn Thị Bé Bảy, *Bài tập Vật Lý Đại Cương: Cơ Nhiệt – Điện Từ*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

4. Nguyễn Thị Bé Bảy, *Bài tập Vật Lý Đại Cương: Quang học – Lượng tử*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

8. Quy định của học phần

Sinh viên phải tham dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ, nếu vắng bài nào thì cột điểm tương ứng sẽ bằng 0

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên phải học đúng giờ quy định. Sinh viên đến trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như máy tính, điện thoại vào mục đích khác như nhắn tin, nghe nhạc, xem phim, ... trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

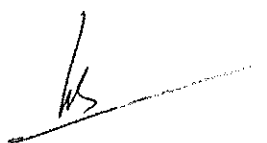
9. Giảng viên phụ trách môn học

- Giảng viên phụ trách môn học: TS. Trần Bá Lê Hoàng

- Nhóm giảng viên giảng dạy môn học: TS. Trần Bá Lê Hoàng, ThS. Nguyễn Thị Như Dung.

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Lý Cẩm Hùng

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Trần Bá Lê Hoàng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Như Dung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Đá cầu
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Đá cầu
Tiếng Việt:	Đá cầu
Tiếng Anh:	Shuttlecock kicking
Mã số học phần:	200015001
Thời điểm tiến hành:	Tháng 12/2021
Loại học phần:	Tự chọn
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 1	1 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	6 tiết
Số tiết bài tập:	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra:	3 tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Sức khỏe tốt, đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	Điền kinh, Thể dục
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học bao gồm hệ thống những kiến thức về: Lịch sử phát triển môn đá cầu; Chấn thương trong đá cầu; Nắm được kỹ năng vận động, rèn luyện các tố chất thể lực và kỹ thuật cơ bản trong môn đá cầu như: di chuyển, dâng cầu, đỡ chuyển cầu, phát cầu, luật thi đấu và trọng tài ..., các phương pháp và bài tập rèn luyện sức nhanh tốc độ, sức bền tốc độ, mềm dẻo, khéo léo, linh hoạt, khả năng phối hợp vận động, tư duy sáng tạo

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn đá cầu, các kỹ thuật cơ bản, cách thức chơi và luật thi đấu môn đá cầu.	
CG2	- Kỹ năng: Kỹ thuật di chuyển, dâng cầu, đỡ chuyển cầu, phát cầu, luật thi đấu và trọng tài	
CG3	- Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện tính tự giác, hăng say tập luyện, nêu cao tinh thần chiến đấu độc lập.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Bài 1: Cung cấp cho người học những kiến thức về lịch sử phát triển đá cầu; luật cơ bản, chấn thương trong đá cầu.	
CELO2	Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản. Cung cấp cho người học hệ thống các kỹ năng cơ bản các kỹ thuật dâng cầu, đỡ chuyển cầu và phát cầu	
CELO3	Bài 3: C Kỹ thuật di chuyển đơn bước, đa bước trong đá cầu.	
CELO4	Bài 4. Kỹ thuật dâng cầu bằng mu bàn chân và kỹ thuật dâng cầu bằng đùi. Kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi. Hoàn thiện kỹ thuật dâng cầu và đỡ cầu bằng mu bàn chân và bằng đùi	
CELO5	Bài 5. Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện Kỹ thuật phát cầu thấp chân nghiêng mình.	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP4. Phương pháp Quan sát, sửa sai.

5.1.1 Phương pháp giảng dạy:

PP1. Phương pháp trực quan

PP2. Phương pháp phân tích, thị phạm động tác.

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm

PP4. Phương pháp Quan sát, sửa sai.

PP5. Phương pháp tổng hợp, đánh giá.

5.1.2 Phương pháp học tập:

PP1. Phương pháp trực quan

PP2. Tập luyện theo sự hướng dẫn của Giảng viên.

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân.

PP4. Phương pháp Quan sát, sửa sai.

PP5. Tìm hiểu thêm về môn học qua internet và các tài liệu liên quan.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: điểm bài thi giữa kỳ + điểm chuyên cần

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: điểm bài thi kết thúc HP + ý thức học tập

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Thái độ học tập	Chất lượng kỹ năng			Theo dõi thường xuyên trong suốt quá trình học.	Tích cực, sáng tạo PP quan sát	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	Thực hành kỹ thuật		1	Thực hiện đúng nguyên lý kỹ thuật	PP quan sát, phân tích	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi kết thúc	Kiến thức, kỹ năng		1	Thực hiện đúng kỹ thuật, số lần theo quy định	PP quan sát, phân tích	70%

* Bảng kết quả thi đối với SV Nam

STT	Nội dung	Yêu cầu	Kết quả (Số lần TH được)	Điểm	Ghi chú
1	Tăng cầu (kiểm tra lấy điểm giữa học phần)	SV thực hiện tăng cầu bằng mu bàn chân, tác phong, đồng phục (SV được thực hiện 3 lần lấy lần thành tích tốt nhất)	< 10	Không đạt	
			10 - 12	5đ	
			13 - 15	6đ	
			15 - 18	7đ	
			19 - 21	8đ	
			22 - 25	9đ	
			> 25	10đ	

2	Phát cầu (thi kết thúc học phần)	SV thực hiện phát cầu qua lưới vào ô theo yêu cầu của GV (chia sân ra làm 2 phần theo chiều dọc)	< 5	Không đạt	
			5	5đ	
			6	6đ	
			7	7đ	
			8	8đ	
			9	9đ	
			10	10đ	

** Bảng kết quả thi đối với SV Nữ*

STT	Nội dung	Yêu cầu	Kết quả (Số lần TH được)	Điểm	Ghi chú
1	Tâng cầu (kiểm tra lấy điểm giữa học phần)	SV thực hiện tâng cầu bằng mu bàn chân, tác phong, đồng phục (Sv được thực hiện 3 lần lấy lần thành tích tốt nhất)	< 5	Không đạt	
			5 - 7	5đ	
			8 - 9	6đ	
			10 - 11	7đ	
			12 - 13	8đ	
			13 - 15	9đ	
			> 15	10đ	
2	Phát cầu (thi kết thúc học phần)	SV thực hiện phát cầu qua lưới vào ô theo yêu cầu của GV (chia sân ra làm 2 phần theo chiều dọc)	< 5	Không đạt	
			5	5đ	
			6	6đ	
			7	7đ	
			8	8đ	
			9	9đ	
			10	10đ	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Buổi 1: Lịch sử hình thành và phát triển của môn đá cầu trên TG và ở nước ta. A/ Các nội dung: 1. LS hình thành và phát triển 2. Luật đá cầu 3. Cách thức tổ chức thi đấu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tham khảo về môn học qua internet và các tài liệu liên quan	1. Thuyết trình 2. Làm việc nhóm 3. Thảo luận 4. Tham khảo qua internet	CELO1,2
	Buổi 2: Sinh hoạt chung + kỹ thuật tâng cầu bằng mu bàn chân A/ Các nội dung: 1. Phổ biến nội quy, quy định của môn học 2. Kỹ thuật tâng cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Tay cầm cầu tung như thế nào + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi tâng cầu B/ Các nội dung cần tự học ở	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	nhà: <i>Tập tăng cầu bằng mu bàn chân</i>		
	Buổi 3 : Ôn KT tăng cầu bằng mu bàn chân + học mới KT tăng cầu bằng đùi, má trong bàn chân A/ Các nội dung: 1. Ôn lại KT đã học 2. Kỹ thuật tăng cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Tay cầm cầu tung như thế nào + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi tăng cầu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Tập tăng cầu bằng mu bàn chân, bằng đùi, má trong</i>	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
2	Buổi 4 : Ôn KT tăng cầu + học mới KT hãm cầu A/ Các nội dung: 1. Ôn lại KT đã học 2. Kỹ thuật hãm cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Cách di chuyển + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi hãm cầu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập tăng cầu + hãm cầu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2,3
	Buổi 5 : Ôn tổng hợp KT tăng cầu + Kiểm tra lấy điểm giữa học phần. A/ Các nội dung: 1. Ôn KT Tăng cầu 2. Kiểm tra lấy điểm giữa học phần - Phổ biến cách thức, điều kiện được tham gia kiểm tra. - Sinh viên thực hành KT tăng cầu - GV Giảng giải, phân tích những lỗi mà sinh viên gặp phải để có đánh giá khách	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Hướng dẫn SV ôn tập 4. Phân tích, đánh giá	CELO 2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	quan B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
	Buổi 6 : Ôn KT hãm cầu + học mới KT chuyển cầu. A/ Các nội dung: 1 . Ôn lại KT đã học 2. Kỹ thuật chuyển cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Cách di chuyển + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi chuyển cầu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập chuyển cầu + hãm cầu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO3,4
3	Buổi 7 : Ôn KT chuyển cầu + học mới KT di chuyển đơn bước, đa bước. A/ Các nội dung: 1 . Ôn lại KT đã học 2. Kỹ thuật di chuyển - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác - Tư thế sau khi thực hiện động tác.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Tập chuyển cầu + di chuyển</i>		
	Buổi 8: Ôn KT di chuyển + KT phát cầu A/ Các nội dung: 1. Ôn KT đã học 2. Kỹ thuật phát cầu - Tư thế chuẩn bị - Tư thế thực hiện động tác + Cách tung cầu + Cầu tiếp xúc ở đâu + Tiếp xúc cầu với góc độ ntn - Tư thế sau khi thực hiện động tác. - Giảng giải, phân tích những lỗi thường hay gặp khi phát cầu GV Giảng giải, phân tích những lỗi mà sinh viên hay gặp phải để SV hoàn thiện KT B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Ôn tung cầu + phát cầu</i>	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2,3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Buổi 9: Ôn KT phát cầu + Hoàn thiện các kỹ thuật môn đá cầu + đấu tập A/ Các nội dung: 1. Ôn tập 2. kết hợp các kỹ thuật khi thi đấu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Ôn tăng cầu + phát cầu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO2,3,4,5
4	Buổi 10: Ôn tổng hợp + Thi thử A/ Các nội dung: 1. Ôn lại nội dung thi kết thúc HP 2. Phổ biến cách thức Thi kết thúc học phần và cho Thi thử - Phổ biến cách thức, điều kiện được tham gia Thi kết thúc HP. - Tạo sự tự tin cho SV thi kết thúc môn - GV quan sát, Giảng giải, phân tích và đánh giá kết quả. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Hướng dẫn SV ôn tập 4. Phân tích, đánh giá kết quả	CELO1,2,3,4,5

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Giáo trình Môn Đá cầu

7.2. Tài liệu tham khảo:

Internet và các cuộc thi về Đá cầu

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của giáo viên trong các buổi học để đạt kết quả cao & phòng chống chấn thương.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

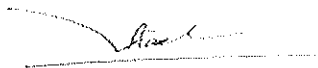
STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ	0934056805

			nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

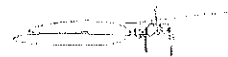
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Ths. Nguyễn Văn Thắng



Ths. Đặng Duy Đồng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Bóng chuyền

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Bóng chuyền
Tiếng Việt:	Bóng chuyền
Tiếng Anh:	Volleyball
Mã số học phần:	20 00 1 5 002
Thời điểm tiến hành:	Tháng 12/ 2021
Loại học phần:	Tự chọn
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 1	1 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết: 6	6 tiết
Số tiết bài tập: 24	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra: 3	3 tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Sức khỏe tốt, đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	Không
Học phần song hành:	Cầu lông
Điều kiện khác:	Theo tính chất đặc thù của môn học
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn bóng chuyền, giúp cho các em nắm được các kỹ thuật căn bản cũng như những điều luật thi đấu trong môn bóng chuyền. Tham gia luyện tập môn bóng chuyền có tác dụng nâng cao thể lực, đảm bảo sức khỏe để học tập chuyên ngành. Giúp cho sinh viên có môi trường rèn luyện thể chất và phát triển con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn bóng chuyền của thế giới và Việt Nam, các kỹ thuật cơ bản, cách thức chơi và luật thi đấu môn bóng chuyền.	
CG2	- Kỹ năng: di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng, phát bóng (cao tay, thấp tay) và thi đấu.	
CG3	- Thái độ, chuyên cần: rèn luyện tính tự giác, hăng say tập luyện, nêu cao tinh thần tập thể.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Bài 1: Vị trí tác dụng và lịch sử phát triển môn bóng chuyền, các bài tập khởi động chung và các bài tập khởi động chuyên môn trong tập luyện và thi đấu.	
CELO2	Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản, luật bóng chuyền; tư thế chuẩn bị và di chuyển.	
CELO3	Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng.	
CELO4	Bài 4: Kỹ thuật phát bóng.	
CELO5	Bài 7: Phương pháp trọng tài – phương pháp tổ chức thi đấu.	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy

PP1. Phương pháp thuyết trình

PP2. Phương pháp thị phạm và phân tích

PP3. Phương pháp phòng ngừa và sửa sai động tác

PP4. Phương pháp hoạt động nhóm

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp
- Tra cứu thông tin về môn học trên báo chí, internet.....
- Làm việc nhóm
- Tập luyện thêm sau giờ học.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Điểm quá trình: chiếm 30% tổng số điểm kết thúc học phần, trong đó:

Giảng viên thông báo điểm quá trình trong buổi học cuối cùng cho sinh viên biết để nếu có khiếu nại, giảng viên sẽ kịp thời xem xét và điều chỉnh trước khi thi kết thúc học phần.

- **Thi cuối kỳ: chiếm 70% tổng số điểm kết thúc học phần.** (Sinh viên thi kết thúc học phần với 2 nội dung thi chính)

- Kỹ thuật chuyển và đệm bóng:

- ✓ Yêu cầu: sinh viên đứng đối diện nhau chuyển đệm qua lại (cự ly 3 – 5m). Đạt 20 lần trở lên mới tính điểm kỹ thuật. Được quyền chuyển đệm 3 lượt (có nghĩa là nếu lượt thứ nhất không thực hiện đủ 20 lần thì chuyển đệm lại từ đầu ở lượt thứ 2 hoặc 3).
- ✓ Kỹ thuật: thực hiện đủ và phối hợp 2 kỹ thuật chuyển đệm bóng cao tay và thấp tay.
- ✓ Cách tính điểm: sinh viên gọi tên lên thi được quyền chọn bất cứ sinh viên nào có kỹ thuật tốt nhất để cùng chuyển đệm với mình. Chỉ tính điểm một sinh viên gọi tên. Thực hiện đủ 20 lần chuyển đệm, căn cứ vào kỹ thuật, giảng viên cho điểm. Nếu cả 3 lượt, không thực hiện đủ 20 lần xem như không đạt (dưới 5 điểm).

- Kỹ thuật phát bóng:

- ✓ Cách thức: sinh viên đứng ở khu vực phát bóng, phát bóng qua lưới vào sân, được phát bóng 6 lần. Trong đó lần phát đầu tiên: phát thử, 5 lần tiếp theo tính điểm. Nam phát bóng cao tay, nữ phát bóng thấp tay.

✓ Kỹ thuật: thực hiện đúng kỹ thuật phát bóng đã học. Lưu ý không giẫm vạch, phải tung bóng trước khi phát bóng.

✓ Cách tính điểm: một quả bóng phát qua lưới vào trong sân, kỹ thuật tốt 2 điểm.

- Điểm thi cuối kỳ được tính bằng cách cộng điểm của 2 nội dung thi chia đôi

- **Điểm tổng kết:**

Điểm tổng kết = điểm thi cuối kỳ x 70% + điểm quá trình x 30%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Bài 1: Vị trí tác dụng và lịch sử phát triển môn bóng chuyền, các bài tập khởi động chung và các bài tập khởi động chuyên môn trong tập luyện và thi đấu. 1.1. Vị trí tác dụng của môn bóng chuyền. 1.1.1. Vị trí của môn bóng chuyền. 1.1.2. Tác dụng của môn bóng chuyền. 1.2. Lịch sử và quá trình phát triển môn bóng chuyền. 1.2.1. Sự xuất hiện trò chơi. 1.2.2. Quá trình phát triển môn bóng chuyền trên thế giới. 1.2.3. Tình hình phát triển của môn bóng chuyền tại Việt Nam. 1.3. Các bài khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. 1.3.1. Các bài tập khởi động chung. 1.3.1.1. Chạy bước nhỏ. 1.3.1.2. Chạy nâng cao đùi. 1.3.1.3. Chạy đạp sau.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	1.3.1.4. Chạy gót chạm mông. 1.3.1.5. Chạy tốc độ. 1.3.2. Các bài khởi động chuyên môn. 1.3.2.1. Căng cơ vai trước, vai sau, cổ tay, cơ lưng... 1.3.2.2. Chạy cắt kéo. 1.3.2.3. Chạy bước tiến. 1.3.2.4. Chạy bước lùi. 1.3.2.5. Chạy bước chéo. 1.3.2.6. Chạy bước lướt 1.3.2.7. Ném bóng bằng 1 tay và 2 tay qua đầu (phía trước và sau) 1.3.2.8. Ném bóng bằng 1 tay và 2 tay từ trên cao xuống mặt sân 1.3.2.9. Một tay tung bóng lên cao tay còn lại đập bóng từ trên xuống mặt sân ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản, luật bóng chuyền; tư thế chuẩn bị và di chuyển. 2.1. Các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật bóng chuyền. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.1.1. Thế nào là kỹ thuật. 2.1.1.2. Nguyên lý kỹ thuật.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	2.1.2. Tính chất của bóng – đặc điểm đường bóng bay. 2.1.2.1. Cấu tạo của bóng. 2.1.2.2. Tính đàn hồi. 2.1.2.3. Bóng bay. 2.1.2.4. Bóng xoáy 2.1.3. Nguyên lý về di chuyển. 2.2. Chiến thuật trong thi đấu bóng chuyền. 2.2.1. Khái niệm. 2.2.2. Chiến thuật tấn công. 2.2.3. Chiến thuật phòng thủ. 2.3. Luật bóng chuyền. 2.3.1. Kích thước sân. 2.3.2. Cột căng lưới. 2.3.3. Lưới. 2.3.4. Quả bóng chuyền. 2.3.5. Bốc thăm. 2.3.6. Cách tính điểm. 2.3.7. Đấu thủ. 2.3.8. Đổi bên. 2.3.9. Phát bóng. 2.3.10. Các lỗi vị trí. 2.3.11. Thái độ xấu và kéo dài. 2.3.12. Cầu thủ phát bóng. 2.3.13. Cầu thủ chạm lưới. 2.3.14. Thời gian hội ý và hội ý kỹ thuật. 2.3.15. Cầu thủ Libero. 2.3.16. Thời gian nghỉ giữa các hiệp đấu.		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	2.4. Tư thế chuẩn bị và di chuyển. 2.3.1. Tư thế chuẩn bị. 2.3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 2.3.1.2. Cách thực hiện. 2.3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 2.3.1.4. Tiến hành tập luyện. 2.3.2. Di chuyển. 2.3.2.1. Phân tích kỹ thuật. 2.3.2.2. Cách thực hiện. 2.3.2.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 2.3.2.4. Tiến hành tập luyện. □ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng. 3.1. Kỹ thuật chuyền bóng. 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	❖ □ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng (tiếp theo). 3.1. Kỹ thuật chuyền bóng (ôn). 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng (tiếp theo). 3.1. Kỹ thuật đệm bóng. 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. hướng dẫn SV ôn tập 4. Phân tích, đánh giá	CELO 1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	bóng chuyền. Bài 3: Kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng (tiếp theo). 3.1. Kỹ thuật đệm bóng. 3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	<i>động tác</i> 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 4: Kỹ thuật phát bóng: phát bóng cao tay, phát bóng thấp tay. 4.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay. 4.1.1. Phân tích kỹ thuật. 4.1.2. Cách thực hiện. 4.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 4.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 4: Kỹ thuật phát bóng: phát bóng cao tay, phát bóng thấp tay	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	(tiếp theo). 4.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay (ôn). 4.1.1. Phân tích kỹ thuật. 4.1.2. Cách thực hiện. 4.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 4.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	4. Sửa lỗi hay mắc phải	
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu bóng chuyền. Bài 4: Kỹ thuật phát bóng: phát bóng cao tay, phát bóng thấp tay (tiếp theo). 4.1. Kỹ thuật phát bóng thấp tay (ôn). 4.1.1. Phân tích kỹ thuật. 4.1.2. Cách thực hiện. 4.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 4.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Làm việc nhóm 4. Sửa lỗi hay mắc phải	CELO1,2,3,4
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài 5: Phương pháp trọng tài –	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Hướng dẫn SV ôn tập	CELO1,2,3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	phương pháp tổ chức thi đấu (tiếp theo). 7.1. Phương pháp trọng tài bóng chuyền (ôn). 7.1.1. Thành phần trọng tài của giải. 7.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn các trọng tài. 7.1.3. Tổng trọng tài. 7.1.4. Tổng thư ký. 7.1.5. Trọng tài điều khiển cho một trận đấu: 7.1.5.1. Trọng tài thứ nhất. 7.1.5.2. Trọng tài thứ hai. 7.1.5.3. Trọng tài biên. 7.1.5.4. Trọng tài lật số. 7.2. Phương pháp tổ chức thi đấu. 7.2.1. Các loại hình thi đấu. 7.2.1.1. Thi đấu vòng. ✓ Đấu vòng gặp nhau 1 lần. ✓ Đấu vòng gặp nhau 2 lần. ✓ Đấu vòng chia bảng. 7.2.1.2. Thi đấu loại. ✓ Đấu loại trực tiếp 1 lần thua. ✓ Đấu loại trực tiếp 2 lần thua. ❖ Ôn kỹ thuật phát bóng cao tay, thấp tay (kỹ thuật thi kết thúc HP). ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục.	4. Phân tích, đánh giá kết quả	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Hướng dẫn quy cách thi. - Xuống lớp.		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Bài 1	M	M		
Bài 2	M	M		
Bài 3	H	M	M	H
Bài 4	M	M	H	H
Bài 5	M	H	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- TS. Nguyễn Quang, *Hướng dẫn tập luyện và tổ chức thi đấu bóng chuyền*, Nhà xuất bản thể dục thể thao, 2004.

- ThS. Nguyễn Xuân Dung, *Giáo trình bóng chuyền*, Trường ĐH TDTT Tp. HCM, 1998.

- Ủy ban thể dục thể thao, *Luật bóng chuyền*, Nhà xuất bản thể dục thể thao, 2004.

7.2. Tài liệu tham khảo:

Ngoài ra sinh viên có thể tham khảo tài liệu qua sách, báo hoặc qua Internet...

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của giáo viên trong các buổi học để đạt kết quả cao & phòng chống chấn thương.

8.3. Quy định về học vụ

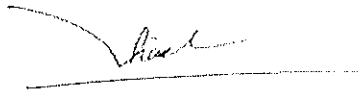
Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

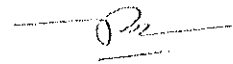
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Biện Hùng Vỹ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: CẦU LÔNG

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cầu lông
Tiếng Việt:	Cầu lông
Tiếng Anh:	badminton
Mã số học phần:	20 00 1 5 003
Thời điểm tiến hành:	Tháng 12/ 2021
Loại học phần:	Tự chọn
☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 1	01 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết: 06	6 tiết
Số tiết bài tập:	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	
Kiểm tra:	3 tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Đảm bảo Sức khỏe , đúng đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	Thể dục LH _ Điền kinh
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn cầu lông, giúp cho các em nắm được các kỹ thuật căn bản cũng như những điều luật thi đấu trong môn cầu lông. Tham gia luyện tập môn cầu lông có tác dụng nâng cao thể lực, đảm bảo sức khỏe để học tập chuyên ngành. Giúp cho sinh viên có môi trường rèn luyện thể chất và phát triển con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn cầu lông của thế giới và Việt Nam, các kỹ thuật cơ bản, cách thức chơi và luật thi đấu môn cầu lông.	
CG2	- Kỹ năng: Kỹ thuật di chuyển, cách cầm vợt, lớp cầu, kỹ thuật giao cầu, đập cầu, bả nhỏ cầu bay gần lưới, chặn cầu, vớt bóng, thi đấu.	
CG3	- Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện tính tự giác, hăng say tập luyện, nêu cao tinh thần chiến đấu độc lập.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Bài 1: Vị trí tác dụng và lịch sử phát triển môn cầu lông, các bài tập khởi động chung và các bài tập khởi động chuyên môn trong tập luyện và thi đấu.	
CELO2	Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản, luật cầu lông; kỹ thuật cầm vợt, cầm cầu.	
CELO3	Bài 3: Các kỹ thuật di chuyển: Đơn bước, đa bước và bước nhảy	
CELO4	Bài 4: Kỹ thuật giao cầu: Giao cầu thuận tay, giao cầu trái tay.	
CELO5	Bài 5: Kỹ thuật tấn công: Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay	

	(lốp cầu), đập cầu, bỏ nhỏ, chặn cầu.	
--	---------------------------------------	--

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp sử dụng lời nói

PP2. Phương pháp trực quan

PP3. Phương pháp kết hợp làm mẫu với giảng giải

PP4. phương pháp phòng ngừa và phương pháp sửa sai

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp
- Tập luyện thêm sau giờ học
- Tra cứu thông tin về môn học trên internet;
- Tập luyện nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- **Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- **Điểm quá trình:** chiếm 30% tổng số điểm kết thúc học phần, trong đó:

Giảng viên thông báo điểm quá trình trong buổi học cuối cùng cho sinh viên biết để nếu có khiếu nại, giảng viên sẽ kịp thời xem xét và điều chỉnh trước khi thi kết thúc học phần.

- **Thi cuối kỳ:** chiếm 70% tổng số điểm kết thúc học phần.

Sinh viên thi kết thúc học phần với 2 nội dung thi chính:

- **Kỹ thuật giao cầu:** Giao cầu thuận tay và giao cầu trái tay

- ✓ Yêu cầu: Giao cầu đúng ô, vợt đánh vào đế cầu trong khi toàn bộ quả cầu phải nằm dưới thắt lưng, đầu vợt lúc đánh phải thấp hơn bàn tay cầm vợt. Mỗi kỹ thuật giao 5 lần (5 quả cầu).

- ✓ Cách tính điểm: một quả cầu giao đúng kỹ thuật qua lưới vào ô được tính 1

- **Kỹ thuật lốp cầu:**

- ✓ Cách thức: sinh viên đứng ở hai phần sân, lốp cầu qua lưới.
- ✓ Kỹ thuật: khi lốp cầu phải vung tay từ sau ra trước, chân cùng phía với tay cầm vợt bước lên trước, tay lốp cầu mở vai, mặt vợt vuông góc với cầu đồng thời phải có lực.

- **Cách tính điểm:** sinh viên gọi tên lên thi được quyền chọn bất cứ sinh viên nào có kỹ thuật tốt nhất để cùng lớp cầu với mình. Chỉ tính điểm một sinh viên gọi tên. Thực hiện lớp cầu đạt 10 lần, mỗi lần vào ô đúng kỹ thuật được 1 điểm.

❖ **Điểm thi cuối kỳ được tính bằng cách cộng điểm của 2 nội dung thi chia đôi.**

5.2.2 Điểm tổng kết:

Điểm tổng kết = điểm thi cuối kỳ x 70% + điểm quá trình x 30%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Bài 1: Vị trí tác dụng và lịch sử phát triển môn cầu lông, các bài tập khởi động chung và các bài tập khởi động chuyên môn trong tập luyện và thi đấu. 1.1. Vị trí tác dụng của môn cầu lông. 1.1.1. Vị trí của môn cầu lông. 1.1.2. Tác dụng của môn cầu lông. 1.2. Lịch sử và quá trình phát triển môn cầu lông 1.2.1. Sự xuất hiện trò chơi. 1.2.2. Quá trình phát triển môn cầu lông trên thế giới. 1.2.3. Tình hình phát triển của môn cầu lông tại Việt Nam nói chung và tại TP.HCM nói riêng. 1.3. Các bài khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu cầu lông. 1.3.1. Các bài tập khởi động chung. 1.3.1.1. Chạy bước nhỏ.	- Giảng giải - Khởi động chung - Khởi động chuyên - Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp - Chia nhóm tập luyện	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	1.3.1.2. Chạy nâng cao đùi. 1.3.1.3. Chạy đạp sau. 1.3.1.4. Chạy gót chạm mông. 1.3.1.5. Chạy tốc độ. 1.3.2. Các bài khởi động chuyên môn. 1.3.2.1. Căng cơ vai trước, vai sau, cổ tay, cơ lưng... 1.3.2.2. Chạy cắt kéo. 1.3.2.3. Chạy biến tốc. 1.3.2.4. Chạy đổi hướng. 1.3.2.5. Chạy lùi. 1.3.2.6. Chạy di chuyển chéo. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài 2: Các nguyên lý kỹ - chiến thuật cơ bản, luật cầu lông; kỹ thuật cầm vợt, cầm cầu. 2.1. Các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật cầu lông. 2.1.1. Quy luật bay của cầu trong không gian. 2.1.2. Các yếu tố đánh cầu. 2.1.2.1. Sức mạnh.	- Giảng giải - Khởi động chung - Khởi động chuyên - Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp - Chia nhóm tập luyện	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	2.1.2.2. Tốc độ. 2.1.2.3. Điểm rơi. 2.1.3. Nguyên lý về di chuyển. 2.2. Chiến thuật trong thi đấu cầu lông. 2.2.1. Khái niệm. 2.2.2. Chiến thuật trong thi đấu đơn. 2.2.3. Chiến thuật trong thi đấu đôi 2.2.4. Chiến thuật trong thi đấu đôi hỗn hợp (đôi nam nữ). 2.3. Luật cầu lông. 2.3.1. Kích thước sân. 2.3.2. Cột căng lưới. 2.3.3. Lưới. 2.3.4. Quả cầu lông. 2.3.5. Vợt cầu lông. 2.3.6. Bốc thăm. 2.3.7. Cách tính điểm. 2.3.8. Đấu thủ. 2.3.9. Đổi bên. 2.3.10. Giao cầu. 2.3.11. Đánh đơn. 2.3.12. Đánh đôi. 2.3.13. Lỗi giao cầu nhằm ô. 2.3.14. Giao cầu lại. 2.3.15. Phạm lỗi. 2.3.16. Cầu không trong cuộc. 2.3.17. Tiến trình cuộc		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	đấu. 2.3.18. Các quan chức và việc khiếu nại. 2.3. Kỹ thuật cầm vợt, cầm cầu. 2.3.1. Kỹ thuật cầm vợt. 2.3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 2.3.1.2. Cách thực hiện. 2.3.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 2.3.1.4. Tiến hành tập luyện. 2.3.2. Cách cầm cầu. 2.3.2.1. Phân tích kỹ thuật. 2.3.2.2. Cách thực hiện. 2.3.2.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 2.3.2.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài : Các kỹ thuật di chuyển: Đơn bước, đa bước và bước nhảy. 3.1. Kỹ thuật di chuyển đơn bước.	- Quan sát sửa sai KT động tác - Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.1.1. Phân tích kỹ thuật. 3.1.2. Cách thực hiện. 3.1.3. Bước sai và cách sửa chữa. 3.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- Gọi 1-2 sv lên thực hiện lại động tác GV Phân tích, sửa sai	
1	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài : Kỹ thuật phòng thủ: Phải thấp tay, trái thấp tay. 4.1. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải. 4.1.1. Phân tích kỹ thuật. 4.1.2. Cách thực hiện. 4.1.3. Sai lầm thường mắc và biện pháp sửa chữa. 4.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- Giới thiệu qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Khởi động chung - Khởi động chuyên ➤ Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp	CELO1,2,3
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài : Kỹ thuật giao cầu: Giao cầu thuận tay, giao cầu trái tay.	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Hướng dẫn SV ôn tập - phổ biến ND kiểm tra	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	5.1. Kỹ thuật giao cầu thuận tay. 5.1.1. Phân tích kỹ thuật. 5.1.2. Cách thực hiện. 5.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 5.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	- SV tập trung 4 hàng ngang ngồi hướng vào sân, nghe gọi tên lên KT X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X - Gọi từng SV lên kiểm tra và cho điểm	
	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài 5: Kỹ thuật giao cầu: Giao cầu thuận tay, giao cầu trái tay (tiếp theo). 5.1. Kỹ thuật giao cầu thuận tay (ôn). 5.1.1. Phân tích kỹ thuật. 5.1.2. Cách thực hiện. 5.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 5.1.4. Tiến hành tập luyện. 5.2. Kỹ thuật giao cầu trái tay. 5.2.1. Phân tích kỹ thuật. 5.2.2. Cách thực hiện. 5.2.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 5.2.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Quan sát, sửa sai - Gọi 1-2 sv lên thực hiện lại động tác GV Phân tích, sửa sai	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
2	❖ Khởi động chung và chuyên môn trong tập luyện và thi đấu Cầu lông. Bài 6: Kỹ thuật tấn công: Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu), đập cầu, bả nhỏ, chặn cầu. 6.1. Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu). 6.1.1. Phân tích kỹ thuật. 6.1.2. Cách thực hiện. 6.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.1.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	➤ Phân tích, thị phạm động tác - Làm nhanh - Làm chậm phân tích - Làm tổng hợp Quan sát sửa lỗi hay mắc phải - Quan sát sửa sai	CELO1,2,3
	Kỹ thuật tấn công: Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu), đập cầu, bả nhỏ, chặn cầu (tiếp theo). 6.1. Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (ôn). 6.1.1. Phân tích kỹ thuật. 6.1.2. Cách thực hiện. 6.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.1.4. Tiến hành tập luyện. 6.2. Kỹ thuật đập cầu thuận	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Khởi động chung - Khởi động chuyên ➤ Phân tích, thị phạm động tác - Quan sát sửa sai - trọng tài	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	tay (ôn). 6.2.1. Phân tích kỹ thuật. 6.2.2. Cách thực hiện. 6.2.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.2.4. Tiến hành tập luyện. 6.3. Kỹ thuật bỏ nhỏ cầu bay gần lưới. 6.3.1. Phân tích kỹ thuật. 6.3.2. Cách thực hiện. 6.3.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.3.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.	Gọi 1-2 sv lên thực hiện lại động tác GV Phân tích, sửa sai	
	Buổi Kỹ thuật tấn công: Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (lốp cầu), đập cầu, bỏ nhỏ, chặn cầu (tiếp theo). 6.1. Kỹ thuật đánh cầu phải cao tay (ôn). 6.1.1. Phân tích kỹ thuật. 6.1.2. Cách thực hiện. 6.1.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.1.4. Tiến hành tập luyện. 6.2. Kỹ thuật đập cầu thuận tay (ôn). 6.2.1. Phân tích kỹ thuật. 6.2.2. Cách thực hiện.	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi học, kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Khởi động chung - Khởi động chuyên - Thi đấu đơn - Thi đấu đôi - Quan sát và sửa sai - Theo dõi quan sát tính điểm sai	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	6.2.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.2.4. Tiến hành tập luyện. 6.3. Kỹ thuật bỏ nhỏ cầu bay gần lưới (ôn). 6.3.1. Phân tích kỹ thuật. 6.3.2. Cách thực hiện. 6.3.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.3.4. Tiến hành tập luyện. 6.4. Kỹ thuật chặn cầu. 6.4.1. Phân tích kỹ thuật. 6.4.2. Cách thực hiện. 6.4.3. Các lỗi thường gặp và biện pháp sửa chữa. 6.4.4. Tiến hành tập luyện. ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục. - Nhận xét buổi học. - Xuống lớp.		
	Phương pháp trọng tài – phương pháp tổ chức thi đấu. 7.1. Phương pháp trọng tài cầu lông. 7.1.1. Thành phần trọng tài của giải. 7.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn các trọng tài. 7.1.2.1. Tổng trọng tài. 7.1.2.2. Trọng tài chính. 7.1.2.3. Trọng tài phát cầu.	- Giới thiệu, điểm danh qui định buổi thi ,kiểm tra tình hình sức khỏe sv - Khởi động chung - Khởi động chuyên - Hướng dẫn SV ôn tập - Phân tích, thị phạm động tác - Quan sát sửa sai	CELO1,2,3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	7.1.2.4. Trong tài biên. 7.1.2.5. Trọng tài lật số. 7.1.3. Mẫu biên bản cầu lông. 7.1.4. Cách ghi biên bản Cầu lông. 7.1.4.1 Trước khi bắt đầu trận đấu. 7.1.4.2. Trong thi đấu. 7.1.4.3. Kết thúc ván đấu. 7.1.4.4. Kết thúc trận đấu. ❖ Ôn kỹ thuật lớp cầu (kỹ thuật thi kết thúc HP). ❖ Kết thúc: - Hướng dẫn thả lỏng, hồi phục.		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Bài 1	M	M		
Bài 2	M	M		
Bài 3	H	M	M	
Bài 4	M	M	M	
Bài 5	M	H	M	
Bài 6	M	M	H	
Bài 7	M	M	M	
Bài 8	M	M	M	M
Bài 9	M	H	H	M

Bài 10	M	M	M	M
---------------	---	---	---	---

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

- TS. Nguyễn Quang, *Hướng dẫn tập luyện và tổ chức thi đấu cầu lông*, Nhà xuất bản thể dục thể thao, 2006.

- ThS. Nguyễn Xuân Dung, *Giáo trình Cầu lông* Trường ĐH TDTT Tp. HCM, 1998.

- Ủy ban thể dục thể thao, *Luật Cầu lông*, Nhà xuất bản thể dục thể thao, 2004.

7.2. Tài liệu tham khảo:

Ngoài ra sinh viên có thể tham khảo tài liệu qua sách, báo hoặc qua Internet...

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Tuyệt đối tuân thủ sự hướng dẫn của giáo viên trong các buổi học để đạt kết quả cao & phòng chống chấn thương.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

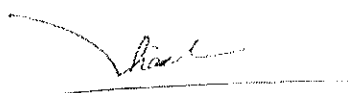
9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ	0918271419

			bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Nguyễn Như Nam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Điền Kinh
Trình độ đào tạo: Đại Học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Điền Kinh
Tiếng Việt:	Điền Kinh
Tiếng Anh:	Athletics
Mã số học phần:	20 00 1 5 004
Thời điểm tiến hành:	Tháng 12/2021
Loại học phần:	Bắt buộc
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ: 1	1 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết: 6	6 tiết
Số tiết bài tập: 24	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/DAMH:	
Kiểm tra:	3 tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Sức khỏe tốt, đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	Điền Kinh
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	Theo tính chất đặc thù của môn học
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, các kỹ năng và luật thi đấu của môn chạy ngắn và nhảy cao kiểu nằm nghiêng. Tham gia luyện tập có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về thể lực và trí lực, thích hợp cho cả nam và nữ ở các lứa tuổi khác nhau.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	- Hiểu sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của môn <i>điền kinh</i> trên thế giới và ở Việt Nam. Nắm vững luật thi đấu và cách thức tổ chức 1 giải đấu.	
CG2	- Nắm được kỹ thuật chạy cự ly ngắn, trung bình, phương pháp sử dụng các bài tập chạy để nâng cao sức bền, sức nhanh, sức mạnh tốc độ.	
CG3	- Vận dụng vào trong thi đấu. - Hiểu được lợi ích khi tập luyện môn <i>điền kinh</i>	
CG4	- Thông qua môn học biết vận dụng vào cuộc sống để rèn luyện sức khỏe và nâng cao ý chí cho sinh viên.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển của môn <i>điền kinh</i> trên thế giới và ở Việt Nam. Nắm vững luật thi đấu và cách thức tổ chức 1 giải đấu.	
CELO2	Nắm vững các bước và thực hành tốt kỹ thuật chạy lao xuất phát (Chạy xuất phát thấp cự ly 100 ^m chạy xuất phát cao cự ly 500 ^m với nữ và 1000 ^m với nam)	
CELO3	Nắm vững các bước và thực hành tốt kỹ thuật chạy	

	xuất phát chạy giữa quãng và chạy về đích	
CELO4	Nắm vững các bước và hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly 100 ^m .500 ^m với nữ và 1000 ^m với nam.	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình

PP2. Phương pháp phân tích thị phạm động tác.

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm

PP4. Phương pháp quan sát và sửa sai.

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;

- Tập luyện thêm sau giờ học ;

- Tra cứu thông tin về môn học trên tài liệu và internet

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: điểm bài thi giữa kỳ + điểm chuyên cần

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: điểm bài thi kết thúc HP + ý thức học tập

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☒ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x)	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%) [8]
---------------------	---------------------------------	-----------------------	-----------------------------	---------------------------------	-------------------	----------------------	---------------

[1]	[2]				[6]	[7]	
A1. Đánh giá quá trình	Chạy cự ly 100 ^m	Tính thành tích	Điền kinh	1 lần/ 60% học phần	Tính thành tích dựa trên thang điểm	Bấm giờ	
A2. Đánh giá giữa kỳ							
A3. Đánh giá cuối kỳ	Chạy cự ly 500 ^m với nữ và 1000 ^m với nam	Tính thành tích	Điền kinh	1 lần/ 100% học phần	Tính thành tích dựa trên thang điểm	Bấm giờ	

- Thang điểm đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ.

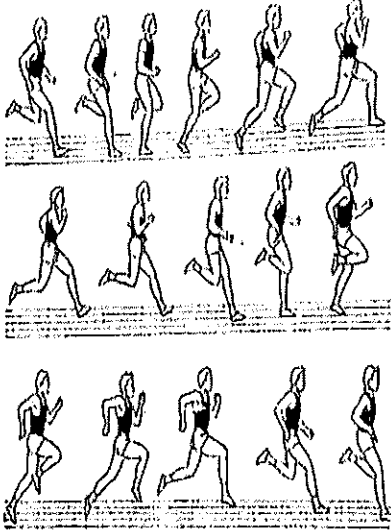
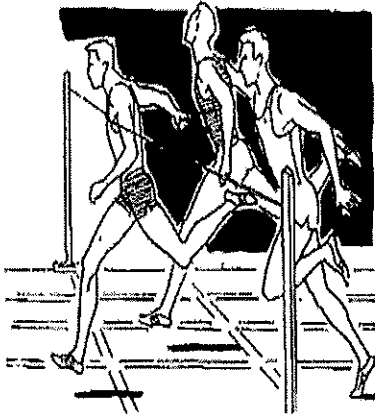
TT	Thang điểm cự ly 100 ^m									
Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
Nữ	18'40' ,	18'20	18'60''	19'00	19'20''	19'40	19'60 ''	19'80' ,	20'00	20'20 ''
Nam	16'00	16'20	16'60''	17'00	17'20''	17'40 ''	17'60 ''	17'80' ,	18'00	18'20 ''
Thang điểm cự ly 500 ^m đối với nữ và 1000 ^m đối với nam										
Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1
Nữ	1'45''	1'50''	2'00''	2'05''	2'06''	2'08''	2'10''	2'12''	2'14''	2'16''
Nam	3'40''	3'45''	3'55'	4'02''	4'10''	4'15''	4'20''	4'25''	4'30''	4'35''

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	<u>BÀI 1:</u> - Sinh hoạt nội quy môn học...	1. Thuyết trình 2. Tham khảo qua internet	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Lịch sử phát triển môn điền kinh. - Ý nghĩa học môn điền kinh. - Luật thi đấu điền kinh - Các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Lịch sử hình thành và phát triển 2. Luật điền kinh 3. Cách thức tổ chức thi đấu B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tham khảo về môn học qua internet và các tài liệu liên quan. - Tập các bài tập phát triển thể lực.	3. GV thị phạm và phân tích ý nghĩa động tác bổ trợ	
	<u>BÀI 2</u> - Học kỹ thuật đánh tay và hít thở. - Học kỹ thuật xuất phát thấp, chạy lao xuất phát thấp. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Kỹ thuật đánh tay, xuất phát thấp - Tư thế đứng tại chỗ đánh tay - kỹ thuật xuất phát thấp B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập xuất phát thấp, đánh tay	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	và các bài tập bổ trợ(thể lực)	thường gặp	
	<u>BÀI 3 :</u> - Ôn kỹ thuật, đánh tay, xuất phát thấp, chạy lao xuất phát. - Học kỹ thuật xuất phát cao, chạy lao xuất phát. Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Ôn lại kỹ thuật đã học. 2. Học kỹ thuật xuất phát cao, chạy lao xuất phát. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tập xuất phát thấp – cao, đánh tay và các bài tập bổ trợ(thể lực)	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp	CELO1,2,3
4	<u>BÀI 4 :</u> - Ôn kỹ thuật đã học. - Học kỹ thuật chạy giữa quãng. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Ôn lại kỹ thuật đã học 2. Kỹ thuật chạy giữa quãng 3. Chạy bền B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập kỹ thuật chạy giữa quãng.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn		
	<u>BÀI 5:</u> - Ôn kỹ thuật đã học. - Học kỹ thuật chạy về đích. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Ôn kỹ thuật đã học 2. Học kỹ thuật chạy về đích. 3. Chạy bền. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập kỹ thuật chạy về đích - Ôn kỹ thuật đã học	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp 	CELO1,2,3
	<u>BÀI 6:</u> - Ôn các kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao xuất phát. - Kiểm tra	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao xuất phát, A/ Các nội dung: 1. Ôn lại kỹ thuật đã học 2. Kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao xuất phát B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn	tác 3. Giảng viên quan sát từng sinh viên cho điểm	
5	<u>BÀI 7:</u> - Ôn tất cả các nội dung đã học. - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly 100^m. - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn. A/ Các nội dung: 1. Ôn lại kỹ thuật đã học 2. hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly 100^m. 3. Chạy bền. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp	CELO1,2,3
	<u>BÀI 8:</u> - Ôn tất cả các nội dung đã học. - Hoàn thiện kỹ thuật đã học chạy cự ly 100^m.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác sinh viên thường sai khi tập	CELO1,2,3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	- Thi đấu tập. - Trò chơi cò cò tiếp sức. A/ Các nội dung: 1. Ôn kỹ thuật đã học 2. Thi đấu tập. 3. Chạy bền. B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập các bài tập bổ trợ phát triển thể lực chuyên môn.	3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp. 4. Tổ chức thi đấu tập, GV quan sát và hướng dẫn sinh viên.	
	<u>BÀI 9 :</u> - Hoàn thiện kỹ thuật đã học chạy cự ly 100^m. và 500^m - Trò chơi ai nhanh hơn (cướp cờ) A/ Các nội dung: 1. Hoàn thiện kỹ thuật đã học chạy cự ly 100^m, 500^m và 1500^m - Tạo sự tự tin và hưng phấn cho SV thi kết thúc môn B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tập hoàn thiện tất cả các nội dung đã học - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác 3. Giảng viên quan sát sửa sai chung những lỗi sai sinh viên thường gặp	CELO1,2,3,4
6	<u>BÀI 10 :</u> Ôn tập + Thi kết thúc học phần A/ Các nội dung: 1. Ôn lại nội dung thi kết thúc	1. Thuyết trình 2. Phân tích, thị phạm động tác	CELO1,2,3,4

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	HP 2. Thi kết thúc học phần - Phổ biến cách thức, điều kiện được tham gia Thi kết thúc HP. - Sinh viên thực hành Thi chạy cự ly 1500^m đối với nam, 500^m với nữ B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sau khi học xong nội dung điền kinh sinh viên có thể tập chạy hàng ngày để duy trì sức khỏe tạo điều kiện cho học tập và công việc hàng ngày được tốt hơn.	3. Hướng dẫn SV ôn tập 4. giáo viên bấm giờ ghi thành tích cho điểm	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Bài 1	M	M		
Bài 2	M	M		
Bài 3	H	M	M	
Bài 4	M	M	M	
Bài 5	M	H	M	
Bài 6	M	M	H	
Bài 7	M	M	M	
Bài 8	M	M	M	
Bài 9	M	H	H	M

Bài 10	M	M	M	M
---------------	----------	----------	----------	----------

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Tổng cục TĐTT, Luật Điện kinh, Nhà xuất bản TĐTT, Hà Nội, 2004.
2. Trường Đại học TĐTT 1, Giáo trình Điện Kinh, NXB TĐTT, Hà Nội, 2000

7.2. Tài liệu tham khảo:

Internet và các cuộc thi về điện kinh

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

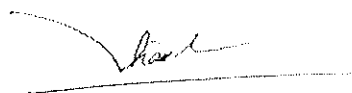
9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn

3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn
6	Nhan Bình Phương	Thạc sỹ	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

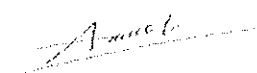
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Bùi Văn Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Thể dục
Trình độ đào tạo: Đại Học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Thể dục
Tiếng Việt:	Bài thể dục tay không liên hoàn 72 động tác
Tiếng Anh:	Non-continuous hand exercise 72 movements
Mã số học phần:	20 00 1 5 005
Thời điểm tiến hành:	Tháng 12/ 2021
Loại học phần:	Bắt buộc
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: Kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn thể dục	
Số tín chỉ:	1 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	06 tiết
Số tiết thực hành:	24 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	
Số tiết thực tập:	
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	
Kiểm tra:	03 tiết
Thời gian tự học:	
Điều kiện tham dự học phần:	Sức khỏe tốt, đồng phục theo quy định
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần Thể dục nằm trong chương trình chung của môn học Giáo dục thể chất của trường, gồm bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác, nhằm hình thành cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn học để vận dụng trong học tập và cuộc sống, góp phần cho sinh viên phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn kiến thức chuyên môn.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) Học phần này trang bị cho sinh viên:	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Nắm được cấu trúc của bài tập thể dục	
CG2	Biết cách thực hiện các bài tập thể dục	
CG3	Thực hiện đúng 72 động tác của bài tập thể dục	
CG4	Biết vận dụng các động tác thể dục vào cuộc sống hàng ngày	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu được cấu trúc bài tập thể dục	
CELO2	Thực hiện tốt các bài tập thể dục	
CELO3	Ứng dụng 72 động tác vào cuộc sống hàng ngày	
CELO4	Ý thức tự rèn luyện sức khỏe và nâng cao ý chí, tác phong làm việc cho sinh viên	

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần.

5.1. Phương pháp giảng dạy

PP1. Phương pháp thuyết trình

PP2. Phương pháp thị phạm và phân tích

PP3. Phương pháp phòng ngừa và sửa sai động tác

PP4. Phương pháp hoạt động nhóm

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp
- Tra cứu thông tin về môn học trên báo chí, internet.....
- Làm việc nhóm
- Tập luyện thêm sau giờ học.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần**5.2.1 Điểm đánh giá:**

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %, bao gồm: Điểm bài thi giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá: Thực hành

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc HP

+ Hình thức thi: Thực hành

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	Thái độ học tập	Phẩm chất. kỹ năng	CELO8	Theo dõi thường xuyên trong suốt quá trình học.	Tích cực, sáng tạo	PP quan sát	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Bài kiểm tra giữa kỳ	Thực hành kỹ thuật		1lần/ Buổi thứ 6 của HP	Thực hiện đúng nguyên lý kỹ thuật	PP quan sát, phân tích	20%

A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi kết thúc	Kiến thức, kỹ năng		1lần/ Buổi thứ 11 của HP	Thực hiện đúng kỹ thuật, số lần theo quy định	PP quan sát, phân tích	70%
---	---------------------	-----------------------	--	--------------------------------	---	---------------------------------	-----

*** Bảng kết quả thi:**

+ Nam:

STT	Nội dung	Yêu cầu	Kết quả (Số động tác thực hiện được)	Điểm	Ghi chú
1	Thực hiện bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác	Động tác dứt khoát, biên độ rõ ràng, hô to đúng nhịp	Dưới 20	Không đạt	
			Từ 0 - 20	5đ	
			Từ 0 - 30	6đ	
			Từ 0 - 40	7đ	
			Từ 0 - 50	8đ	
			Từ 0 - 60	9đ	
			Đủ 72	10đ	

+ Nữ:

STT	Nội dung	Yêu cầu	Kết quả (Số động tác thực hiện được)	Điểm	Ghi chú
1	Thực hiện bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác	Động tác dứt khoát, biên độ rõ ràng, hô to đúng nhịp	Dưới 22	Không đạt	
			Từ 0 - 22	5đ	
			Từ 0 - 32	6đ	
			Từ 0 - 42	7đ	
			Từ 0 - 52	8đ	
			Từ 0 - 62	9đ	
			Đủ 72	10đ	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	<u>Buổi 1:</u> - Sinh hoạt nội quy - Lịch sử phát triển môn học - Ý nghĩa môn học đối với sức khỏe - Các bài tập bổ trợ phát triển thể lực.	- Thuyết giảng - Thị phạm động tác - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1
	<u>Buổi 2:</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác.	- Thuyết giảng - Thị phạm động tác - Học từ động tác 1 - 15 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2
	<u>Buổi 3 :</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác. - Đội hình, đội ngũ, cách biến đổi đội hình	- Thuyết giảng, sửa sai động tác - Thị phạm động tác - Học từ động tác 16 - 30 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3
	<u>Buổi 4 :</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác. - Hướng dẫn biên soạn các bài tập	- Thuyết giảng, sửa sai động tác - Thị phạm động tác - Học từ động tác 31 - 45 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3

	<u>Buổi 5 :</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác. - Ôn tập, chỉnh sửa động tác	- Thuyết giảng, sửa sai động tác - Thị phạm động tác - Học từ động tác 46 - 60 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3
	<u>Buổi 6 :</u> - Quan sát và thực hiện các bài tập bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác. - Ôn tập, chỉnh sửa động tác	- Thuyết giảng, sửa sai động tác - Thị phạm động tác - Học từ động tác 60 - 72 - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3
	<u>Buổi 7 :</u> - Nhận xét đánh giá sơ bộ bài tập 72 động tác - Ôn tập 72 động tác	- Thuyết giảng, sửa sai các động tác - Thị phạm động tác - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3
	<u>Buổi 8 :</u> - Tổ chức thi quá trình	- Lớp tập trung ngồi ngay ngắn - Gọi tên từng sinh viên bước lên thực hiện các động tác	CELO1,2,3
	<u>Buổi 9 :</u> Chỉnh sửa hoàn thiện các động tác	- Thuyết giảng - Thị phạm động tác - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3,4

	Buổi 10: Ôn tập hoàn thiện từ động tác 1-72	- Thuyết giảng - Thị phạm động tác - Tập luyện theo nhóm, đặt vấn đề, thảo luận	CELO1,2,3,4
--	---	---	--------------------

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Bài 1	M	M		
Bài 2	M	M		
Bài 3	H	M	M	
Bài 4	M	M	M	
Bài 5	M	H	M	
Bài 6	M	M	H	
Bài 7	M	M	M	
Bài 8	M	M	M	
Bài 9	M	H	H	M
Bài 10	M	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập:

7.1. Tài liệu chính:

7.2. Tài liệu tham khảo:

- Giáo dục thể chất dành cho học sinh – Bộ GDĐT–NXB.Giáo Dục Việt Nam, 2018

- Internet và các tài liệu liên quan khác

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

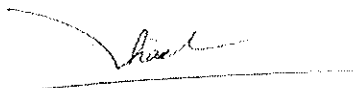
9. Giảng viên giảng dạy môn học:

STT	Giảng viên	Chức danh, học hàm, học vị	Điện thoại, email
1	Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Bộ môn Thạc sỹ	0917709142 nvthang@hcmunre.edu.vn
2	Biện Hùng Vỹ	Thạc sỹ	0918271419 bhvy@hcmunre.edu.vn
3	Nguyễn Như Nam	Thạc sỹ	0989990071 nnnam@hcmunre.edu.vn
4	Nguyễn Thế Thắng	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0979367343 ntthang@hcmunre.edu.vn
5	Đặng Duy Đồng	Thạc sỹ	0984272016 dddong@hcmunre.edu.vn

6	Nhan Binh Phuong	Thạc sỹ, phụ trách học phần	0934056805 nbphuong@hcmunre.edu.vn
7	Bùi Văn Tuấn	Thạc sỹ	0909221271 Bvtuan@hcmunre.edu.vn

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Văn Thắng

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Nhan Binh Phuong

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **QUẢN TRỊ HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại Học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Quản trị học
Tiếng Việt:	Quản trị học
Tiếng Anh:	Management
Mã số học phần:	180115001
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 3
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	... tiết
Số tiết lý thuyết:	25 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	10 tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	... tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô
Học phần song hành:	Pháp luật đại cương; Nguyên lý marketing
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mô tả học phần (Course Description)

Quản trị học xây dựng khung lý thuyết quản trị cho hoạt động chuyên ngành như: nhân lực, marketing, sản xuất, bán hàng,... Môn học hình thành nền tảng kiến thức hoạch định, tổ chức, kiểm tra, đánh giá; thực hành những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp. Môn học này tạo tiền đề, cơ sở cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách giải quyết vấn đề của doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu biết tổng quan môn học quản trị, hoạt động quản trị, nhà quản trị với các kỹ năng cần có và những vai trò, chức năng nhiệm vụ phải làm. Nhận thức rõ nguồn gốc các biện pháp tăng năng suất lao động. Có khả năng làm việc với các thành viên khác trong và ngoài tổ chức - Khả năng nhận thức các vấn đề.	ELO...
CG2	Biết được những yếu tố tác động ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp để sẵn sàng thích ứng.	ELO...
CG3	Nhận thức được vai trò của thông tin và quyết định quản trị, nắm vững quy trình ra quyết định quản trị.	ELO...
CG4	Nắm vững nội dung các chức năng quản trị và quy trình tổ chức thực hiện từng chức năng quản trị. Mô tả các công việc: hoạch định, tổ chức công việc, tổ chức bộ máy, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát công việc.	ELO...

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Mô tả vai trò, kỹ năng của nhà quản trị	ELO...
CELO2	Mô tả các chức năng của quản trị	ELO...
CELO3	Phân tích được các phương pháp quản trị trong từng	ELO...

	trường phái và sự đóng góp của từng trường phái quản trị	
CELO4	Phân tích được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức.	ELO...
CELO5	Mô tả được tiến trình ra quyết định.	ELO...
CELO6	Phân tích được các bước của tiến trình thiết lập mục tiêu và xây dựng biện pháp thực hiện mục tiêu.	ELO...
CELO7	Khái quát được các phương thức tổ chức bộ máy tổ chức.	ELO...
CELO8	Mô tả được các kiểu cơ cấu quản trị và cơ chế áp dụng của từng kiểu.	ELO...
CELO9	Mô tả được các phong cách lãnh đạo	ELO...
CELO10	Phân tích được các lý thuyết động viên.	ELO...
CELO11	Mô tả được tiến trình kiểm tra.	ELO...
CELO12	Thiết kế được bộ máy tổ chức.	ELO...
CELO13	Xây dựng được mô hình ra quyết định.	ELO...
CELO14	Xây dựng được một bảng kế hoạch cho một hoạt động cụ thể.	ELO...
CELO15	Nhận diện được kiểu cơ cấu quản trị và phương thức tổ chức bộ máy của một tổ chức.	ELO...
CELO16	Đề xuất cách động viên phù hợp.	ELO...
CELO17	Mô phỏng hoạt động kiểm tra cho một hoạt động cụ thể.	ELO...
CELO18	Cảm thụ được mối quan hệ tương hỗ giữa giá trị bản thân và học tập chủ động.	ELO...

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO..												

CELO..												
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

** Phương pháp diễn giảng*

Giảng viên dùng lời nói cùng với các phương tiện kỹ thuật thông tin, nghe nhìn như: Bảng – phấn, văn bản in, overhead transparencies, video/film, máy tính,... để diễn giảng cho người học nghe, phát hiện và hiểu các khái niệm, hiện tượng, qui luật, nguyên lý của các quá trình.

** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm:*

Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo nhóm từ 5 đến 6 sinh viên một nhóm. Mỗi nhóm sẽ chọn (hoặc được giao) một đề tài nào đó có liên quan đến nội dung môn học rồi tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu những nội dung lý thuyết liên quan đến đề tài qua sách, giáo trình, ấn phẩm nghiên cứu khoa học...; tìm hiểu thực tế xem các doanh nghiệp, tổ chức hiện đang thực hiện công việc liên quan đến đề tài như thế nào với những bằng chứng là thông tin, số liệu, hình ảnh... thông tin doanh nghiệp trên Internet, thị trường chứng khoán... Nhóm sẽ hội ý để so sánh, phân tích nội dung đề tài trên lý thuyết và nội dung đề tài trong thực tế tại doanh nghiệp có gì giống nhau, khác nhau, có điểm gì tốt điểm gì chưa tốt... Sau đó các nhóm sẽ viết lại thành báo cáo môn học kèm nhận xét, đánh giá hay đưa ra ý kiến của nhóm về đề tài này. Cuối cùng các nhóm sẽ thay phiên nhau trình bày nội dung báo cáo môn học mà nhóm đã thực hiện để nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ thêm.

Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và cả đề tài của các nhóm khác.

** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống:*

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng phim, băng video, CD ROM...

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống giúp sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, phương pháp tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần; Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Lý thuyết

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/chuyên cần		11 buổi học	Phát biểu Điểm danh	PP quan sát	10%
	A1.2	Bài kiểm tra cá nhân		1 lần/ thời gian 60 phút	Hiểu bài	PP phỏng vấn	
A2. Đánh giá	A2.1	Bài tập nhóm		1 lần/giao từ buổi	Nội dung,	PP phỏng vấn	20%

giữa kỳ		thuyết trình		học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	<i>PP viết</i>	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần/thời gian 60 phút	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	<i>PP viết</i>	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1-2	Chương 1: Tổng quan về quản trị học	Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung: 1.1 Một số khái niệm 1.2 Vai trò nhà quản trị 1.3 Các cấp quản trị 1.4 Các kỹ năng của nhà quản trị		CELO1 CELO2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
3	Chương 2: Quá trình phát triển của các lý thuyết quản trị	Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1 Tổng quan quá trình phát		CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	triển của các lý thuyết quản trị 2.2 Các trường phái quản trị 2.3 Vận dụng lý thuyết quản trị		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
4	Chương 3: Môi trường quản trị	Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1 Khái niệm 3.2 Phân loại môi trường 3.3 Phân tích ảnh hưởng môi trường đối với tổ chức		CELO4 CELO5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
5	Chương 4: Thông tin trong quản trị	Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1 Khái niệm thông tin 4.2 Phân loại thông tin 4.3 Thu thập thông tin		CELO6 CELO7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
6-7	Chương 5: Ra quyết định quản trị	Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1 Khái niệm ra quyết định 5.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến ra quyết định 5.3 Tiến trình ra quyết định 5.4 Mô hình ra quyết định		CELO8 CELO9
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
8-9	Chương 6: Hoạch định	Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1 Khái niệm, vai trò và phân loại hoạch định 6.2 Mục tiêu và cơ sở khoa học 6.3 Tiến trình hoạch định		CELO9 CELO10
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
9-10-11	Chương 7: Tổ chức	Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên		CELO11

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	lớp: 7.1 Một số khái niệm 7.2 Nguyên tắc xây dựng bộ máy tổ chức 7.3 Những vấn đề khoa học của tổ chức 7.4 Các tiêu thức khi xây dựng bộ máy tổ chức 7.5 Các kiểu bộ máy tổ chức 7.6 Tiến trình tổ chức bộ máy		CELO12
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
12-13	Chương 8: Lãnh đạo	Diễn giảng Giải quyết vấn đề Tình huống	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 8.1 Lãnh đạo và yếu tố con người trong quản trị 8.2 Các lý thuyết động viên 8.3 Lựa chọn phương pháp lãnh đạo		CELO13 CELO14 CELO15
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
14-15	Chương 9: Kiểm tra	Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp:		CELO16 CELO17

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	9.1 Khái niệm và phân loại kiểm tra 9.2 Tiến trình kiểm tra 9.3 Nguyên tắc kiểm tra		
	<i>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</i>		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần																
	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO	CE LO
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Module 1	M	M															
Module 2			M														
Module 3				M	M												
Module 4						M	M										
Module 5								H	H								
Module 6									M	M							
Module 7											H	H					
Module 8													H	H	H		
Module 9																M	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Tập thể tác giả Trường Đại học Kinh Tế TP HCM, Quản trị học, NXB Kinh tế TP HCM, 2015

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Bùi Đức Tâm, Quản trị học, Trường Đại học Tài chính Marketing, Lưu hành nội bộ, 2018.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 5 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 30 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

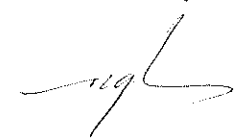
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG**

Trình độ đào tạo: Đại Học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Kinh tế học đại cương
Tiếng Việt:	Kinh tế học đại cương
Tiếng Anh:	Principle of Economics
Mã số học phần:	180211041
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 2
Loại học phần:	
☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	... tiết
Số tiết lý thuyết:	25 tiết
Số tiết bài tập:	10 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	10 tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	... tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Toán kinh tế, Tin học đại cương
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

2. Mô tả học phần (Course Description)

Kinh tế học đại cương nghiên cứu sự vận hành của nền kinh tế và cách thức ứng xử của từng thành viên trong nền kinh tế trên cả giác độ vi mô lẫn vĩ mô. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: lý thuyết cầu, cung và cơ chế hình thành giá cả trên thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng và người sản xuất; phương pháp hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng; tổng cầu và sản lượng cân bằng; thất nghiệp và lạm phát; các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Qua đó, người học sẽ nắm bắt được các nguyên lý kinh tế cơ bản; phương pháp hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng; các biến số kinh tế vĩ mô then chốt và phân tích được các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ một nước.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hiểu biết được các nguyên lý cơ bản của kinh tế học, so sánh được sự khác biệt giữa kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô.	ELO...
CG2	Hiểu được hàm cầu, hàm cung, cách xác định giá và sản lượng cân bằng, giải pháp can thiệp của Chính phủ vào giá và sản lượng cân bằng.	ELO...
CG3	Nhớ được các kiến thức cơ bản về lý thuyết hành vi người tiêu dùng. Hiểu được đường bàng quan, đường ngân sách và phương pháp xác định cơ cấu tiêu dùng tối ưu.	ELO...
CG4	Nắm vững lý thuyết sản xuất, chi phí và lợi nhuận. So sánh được các loại chi phí, phân biệt được lợi nhuận kinh tế và lợi nhuận kế toán, giải thích được cách xác định giá bán và sản lượng trong trường hợp hãng có mục tiêu tối đa hóa doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận..	ELO...

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết tổng quan về kinh tế học, phân biệt kinh tế vi mô và vĩ mô	ELO...
CELO2	Nắm vững các yếu tố tác động đến cung và cầu, sự dịch chuyển của đường cung và đường cầu	ELO...
CELO3	Tính toán được hàm cầu, hàm cung, giá và sản lượng cân bằng thị trường	ELO...
CELO4	Đánh giá, dự báo được tác động của các yếu tố, đặc biệt là sự can thiệp của Chính phủ đến cầu, cung, giá và sản lượng cân bằng trên thị trường	ELO...
CELO5	Hiểu và vận dụng lý thuyết lợi ích và lý thuyết bàng quan – ngân sách	ELO...
CELO6	Tính toán được các chỉ tiêu lợi ích, lợi ích cận biên	ELO...
CELO7	Xác định được đường bàng quan, đường ngân sách, phương án tiêu dùng tối ưu của một người tiêu dùng	ELO...
CELO8	Phân tích, tính toán được cơ cấu tiêu dùng tối ưu khi thị trường có những biến động về giá bán hàng hóa, thu nhập của người tiêu dùng và trong một số trường hợp đặc biệt khác	ELO...
CELO9	Tính toán được các chỉ tiêu về năng suất, doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp	ELO...
CELO10	Phân tích được các yếu tố tác động đến lợi nhuận và quyết định sản xuất tối ưu của doanh nghiệp.	ELO...
CELO11	Tính toán, dự báo được lợi nhuận của doanh nghiệp trong các thị trường khi hoạt động sản xuất kinh doanh của hãng gặp những biến động bất thường về chi phí sản xuất, giá thành, giá bán và chính sách của Nhà nước	ELO...
CELO12	Hiểu rõ các chỉ số đo lường GDP, GRDP, CPI và vận dụng các chỉ số GDP, GRDP, CPI trong phân tích kinh tế	ELO...

CELO13	Nắm vững các lý thuyết tăng trưởng kinh tế, phân tích và lựa chọn các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	ELO...
CELO14	Nắm vững các yếu tố tác động đến tổng cung và tổng cầu, sự dịch chuyển của đường tổng cung và đường tổng cầu	ELO...
CELO15	Phân tích được cơ chế hình thành giá cả trên thị trường, nguyên nhân và hậu quả của sự biến động giá trên thị trường.	ELO...
CELO16	Vận dụng kiến thức về thất nghiệp, lạm phát để đề xuất các biện pháp hạn chế thất nghiệp và kiềm chế lạm phát	ELO...
CELO17	Vận dụng được các quy luật kinh tế điển hình như: quy luật khan hiếm, quy luật chi phí cơ hội tăng dần, luật cầu, luật cung, quy luật lợi ích cận biên giảm dần, quy luật năng suất cận biên giảm dần, để giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong tiêu dùng và sản xuất kinh doanh.	ELO...

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO..												
CELO..												

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

*** Phương pháp diễn giảng**

Giảng viên dùng lời nói cùng với các phương tiện kỹ thuật thông tin, nghe nhìn như: Bảng – phấn, văn bản in, overhead transparencies, video/film, máy tính,... để diễn giảng cho người học nghe, phát hiện và hiểu các khái niệm, hiện tượng, qui luật, nguyên lý của các quá trình.

*** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp làm việc nhóm:**

Trong phương pháp kết hợp này, giảng viên cung cấp cơ sở lý thuyết nền tảng. Sinh viên được chia theo nhóm từ 5 đến 6 sinh viên một nhóm. Mỗi nhóm sẽ chọn

(hoặc được giao) một đề tài nào đó có liên quan đến nội dung môn học rồi tự phân chia công việc trong nhóm cho các thành viên để tiến hành việc tìm hiểu những nội dung lý thuyết liên quan đến đề tài qua sách, giáo trình, ấn phẩm nghiên cứu khoa học...; tìm hiểu thực tế xem các doanh nghiệp, tổ chức hiện đang thực hiện công việc liên quan đến đề tài như thế nào với những bằng chứng là thông tin, số liệu, hình ảnh... thông tin doanh nghiệp trên Internet, thị trường chứng khoán... Nhóm sẽ hội ý để so sánh, phân tích nội dung đề tài trên lý thuyết và nội dung đề tài trong thực tế tại doanh nghiệp có gì giống nhau, khác nhau, có điểm gì tốt điểm gì chưa tốt... Sau đó các nhóm sẽ viết lại thành báo cáo môn học kèm nhận xét, đánh giá hay đưa ra ý kiến của nhóm về đề tài này. Cuối cùng các nhóm sẽ thay phiên nhau trình bày nội dung báo cáo môn học mà nhóm đã thực hiện để nhận được những ý kiến đóng góp hoặc câu hỏi chất vấn của các nhóm khác và của giảng viên. Nhóm sẽ thảo luận và trả lời các câu hỏi được đặt ra. Nếu nội dung trả lời của nhóm chưa thật sự thỏa đáng hay có sự hiểu nhầm, hiểu sai vấn đề... thì giảng viên sẽ hỗ trợ thêm.

Sự kết hợp giữa phương pháp thuyết trình và phương pháp làm việc nhóm sẽ kích thích vai trò chủ động của người học. Sinh viên là người chủ động tìm tòi, suy nghĩ, nhận định, phân tích, tổng hợp, đánh giá... đề tài của nhóm mình và cả đề tài của các nhóm khác.

** Phương pháp thuyết trình kết hợp với phương pháp sử dụng tình huống:*

Tình huống thường trình bày một sự mâu thuẫn/xung đột, đặc biệt là sự căng thẳng giữa những phương án hành động khác nhau mà những phương án này có thể tạo ra những quan điểm, lợi ích và những giá trị khác nhau trong sự mâu thuẫn và nó đòi hỏi phải được giải quyết bằng một quyết định. Thông thường các tình huống được trình bày trong các ấn bản. Tình huống có thể được trình bày dưới dạng phim, băng video, CD ROM...

Phương pháp tình huống cho phép sinh viên tham gia vào quá trình ra quyết định mà người ta phải thực sự đương đầu trong một tổ chức thật, có quyền sở hữu, cảm giác được áp lực, nhận rủi ro và trình bày ý tưởng của mình với người khác giúp buổi học có sự trao đổi thông tin đa chiều. Các tình huống giúp sinh viên phát triển lòng tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập và hợp tác trong công việc với đồng nghiệp. Ngoài ra, phương pháp tình huống cũng là công cụ tuyệt vời để giảng viên kiểm tra kiến thức lý thuyết và những hiểu biết sâu sắc hơn của sinh viên.

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Tính chuyên cần; Thái độ chủ động, tích cực trong học tập; Bài tập nhóm (thuyết trình)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐
 Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Lý thuyết

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Thái độ học tập/chuyên cần		11 buổi học	Phát biểu Điểm danh	PP quan sát	10%
	A1.2	Bài kiểm tra cá nhân		1 lần/ thời gian 60 phút	Hiểu bài	PP phỏng vấn	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Bài tập nhóm thuyết trình		1 lần/giao từ buổi học đầu, thuyết trình từ buổi học thứ 4 trở đi	Nội dung, hình thức, kỹ năng thuyết trình, phối hợp nhóm	PP phỏng vấn PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Tự luận		1 lần/thời gian 60 phút	Áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế học	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung: 1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học 1.1.1. Kinh tế học và nền kinh tế 1.1.2. Các bộ phận của kinh tế học 1.1.3. Hệ thống kinh tế vĩ mô 1.2. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nội dung 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu		CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
2-3-4	Chương 2: Cầu – Cung trong nền kinh tế thị trường	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Cầu 2.2. Cung 2.3. Cân bằng thị trường 2.4. Tác động từ sự can thiệp		CELO2 CELO3 CELO4 CELO17

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	của Chính phủ		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		CELO...
5-6	Chương 3: Lý thuyết hành vi người tiêu dùng	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Những vấn đề chung về tiêu dùng 3.2. Lý thuyết lợi ích 3.3. Lý thuyết bàng quan - ngân sách		CELO5 CELO6 CELO7 CELO8 CELO17
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
7-8	Chương 4: Lý thuyết hành vi người sản xuất	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Lý thuyết sản xuất 4.2. Lý thuyết chi phí 4.3. Lý thuyết lợi nhuận		CELO9 CELO10 CELO11 CELO17
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	Chương 5: Đo lường sản lượng và mức giá	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Tổng sản phẩm trong nước GDP 5.2. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)		CELO12
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
9-10	Chương 6: Tăng trưởng kinh tế	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Khái quát về tăng trưởng kinh tế 6.2. Các nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế 6.3. Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế 6.4. Các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế		CELO13 CELO17
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
11-12-13	Chương 7: Tổng cầu và tổng cung	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 7.1. Tổng cầu của nền kinh tế 7.2. Tổng cung của nền kinh tế 7.3. Cân bằng và trạng thái của nền kinh tế 7.4. Các biến động kinh tế ngắn hạn		CELO14 CELO15
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		
14-15	Chương 8: Thất nghiệp và lạm phát	Phối hợp các phương pháp dạy học: Diễn giảng Giải quyết vấn đề	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 8.1. Thất nghiệp 8.2. Lạm phát 8.3. Mối quan hệ giữa lạm phát - thất nghiệp và thất nghiệp – tăng trưởng kinh tế		CELO16 CELO17
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Chương)	Chuẩn đầu ra học phần																
	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE	CE
	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO	LO
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Chương 1	M																
Chương 2		H	H	H													H
Chương 3					H	H	H	H									H
Chương 4									H	H	H						H
Chương 5												M					
Chương 6													M				M
Chương 7														H	H		
Chương 8																M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1] Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình Kinh tế học (Tập 1)*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[2] Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình kinh tế học, tập II*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

+ Tiếng Việt

[3] Vũ Kim Dũng (2009), *Kinh tế vi mô trắc nghiệm*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[4] Phạm Văn Minh (2009), *Bài tập Kinh tế vi mô chọn lọc*, NXB Thống kê, Hà Nội.

[5] Tạ Đức Khánh (2009), *500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vi mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

+ Tiếng Anh

[6] Begg D. (2008), *Kinh tế học*, NXB Thống kê, Hà Nội.

[7] Samuelson, Economics, Nordhaus, McGraw-Hill, 2005. [4.] Gregory Mankiw, Principles of Economics, Second edition, Harcourt, 2003 (Ebook)

[8] Mankiw N. G. (2008), *Principles of Microeconomics*, Second edition, Harcourt, 2003 (Ebook).

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 5 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 30 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

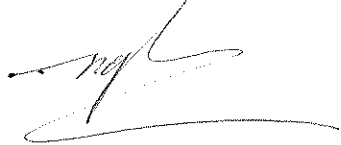
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: TS. Phạm Đức Trung

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Phạm Đức Trung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **CƠ SỞ ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Cơ sở địa chất công trình
Tiếng Việt:	Cơ sở địa chất công trình
Tiếng Anh:	Engineering Geology
Mã số học phần:	190115161
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 4
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	24 tiết
Số tiết bài tập:	05 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Địa chất cơ sở
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Địa chất & Khoáng sản

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học đề cập đến việc nghiên cứu tính chất địa chất công trình của đất đá, địa chất công trình khu vực, địa chất công trình động lực và các phương pháp khảo sát địa chất công trình

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về địa chất công trình như các khái niệm cơ bản, nguyên tắc phân loại đất đá, các tính chất về các loại đất đá dùng trong xây dựng công trình, giải thích được một số hiện tượng địa chất công trình có ảnh hưởng đến công trình xây dựng, giới thiệu một số phương pháp khảo sát địa chất công trình.	ELO1
CG2	Khả năng nhận biết, mô tả, đánh giá các đặc trưng cơ lý của đất đá được sử dụng để làm nền cho các công trình xây dựng, làm môi trường xây dựng, làm vật liệu xây dựng, nắm vững một số phương pháp khảo sát địa chất công trình	
CG3	Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong quá trình học, ý thức tiếp thu nội dung chuyên môn, cũng như nhận thức được trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp của kỹ sư	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Nắm được những kiến thức cơ bản nhất về địa chất công trình như các khái niệm cơ bản, nguyên tắc phân loại đất đá, các tính chất về các loại đất đá dùng trong xây dựng công trình, giải thích được một số hiện tượng địa chất công trình	ELO1
CELO2	Khả năng nhận biết, mô tả, đánh giá các đặc trưng cơ lý của đất đá được sử dụng để làm nền cho các công trình xây dựng, nắm vững một số phương pháp khảo sát địa chất công trình	ELO1
CELO3	Thực hiện vào việc học tập, rèn luyện của bản thân	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO...
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

- + Trọng số: 30%, bao gồm: Bài kiểm tra giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài tập nhóm...
- + Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

- + Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc học phần
- + Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	Thái độ tham gia học tập tích cực	CELO1 CELO2 CELO3	05	Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm	CELO1 CELO2	01	Bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả.	PP phỏng vấn	
	A1.2 Bài tập cá nhân trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO1 CELO2	02	Bài kiểm tra 15 phút tự luận hoặc 10 phút trắc nghiệm đáp ứng được yêu cầu của GV	PP viết	
A2. Đánh giá	A2.1 Kiểm tra giữa	Kiến thức các	CELO1	01	Bài kiểm tra giữa kỳ: 2	PP viết	20%

giữa kỳ	kỳ/60 phút	chương: 1,2,3.	CELO2		câu tự luận hoặc 50 câu trắc nghiệm, hoặc bài tập nhóm đáp ứng được yêu cầu của GV		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học...	CELO1 CELO2 CELO3	01	Bài thi cuối khóa (tự luận): 2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Mở đầu 1.1. Địa chất công trình và nhiệm vụ của nó 1.2. Đối tượng và nội dung nghiên cứu 1.3. Các môn học liên quan 1.4. Phương pháp nghiên cứu ĐCCT 1.5. Lịch sử phát triển của khoa học ĐCCT	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3
	Chương 2: Đất đá & Phân loại đất đá theo quan điểm ĐCCT 2.1. Khái niệm về đất đá 2.2. Thành phần và đặc tính cơ bản của đất đá 2.3. Phân loại đất đá theo quan điểm địa chất công trình 2.4. Nhận biết và mô tả đất đá		
	Chương 3: Đặc tính của các thành phần cơ bản trong đất đá 3.1. Thành phần các pha trong đất đá		

	3.2. Đặc tính của nước trong đất đá 3.3. Đặc tính của khí trong đất đá 3.4. Sự hình thành tầng điện kép		
2	Chương 4: Tính chất vật lý của đất đá 4.1. Khái niệm chung 4.2. Khối lượng riêng 4.3. Khối lượng thể tích 4.4. Độ ẩm 4.5. Độ rỗng Bài tập chương 4	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm, xem phim tư liệu	CELO1,2,3
3	Kiểm tra giữa kỳ Chương 4: Tính chất vật lý của đất đá (tt) 4.6. Độ nứt nẻ 4.7. Tính mao dẫn 4.8. Tính thấm nước 4.9. Tính không ổn định đối với nước	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3
4	Bài tập chương 4 Chương 5: Tính chất cơ học của đất đá 5.1. Khái niệm chung 5.2. Tính biến dạng của đất đá 5.3. Độ bền của đất đá	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3
5	Bài tập chương 5 Chương 6: Các hiện tượng địa chất công trình động lực 6.1. Hiện tượng địa chất tự nhiên 6.2. Hiện tượng địa chất công trình Chương 7: Khảo sát địa chất công trình 7.1. Nhiệm vụ của khảo sát địa chất công trình 7.2. Nội dung của khảo sát địa chất công trình 7.3. Các phương pháp khảo sát	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	M		
Chương 2	M	M	
Chương 3	M	M	M
Chương 4	M	M	M
Chương 5	M	M	M
Chương 6	M	M	M
Chương 7	M	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính

1. Thiêm Quốc Tuấn, *Bài giảng Địa chất công trình (2013)*, Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM

7.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Uyên, *Địa chất công trình (2013)*, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội
2. Hoàng Thị Thanh Thủy, Thiêm Quốc Tuấn, *Sổ tay thi nghiệm địa kỹ thuật (2014)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP.HCM

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng từ 3 buổi học trở lên dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Thiềm Quốc Tuấn

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Thủy

TRƯỞNG BỘ MÔN



NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Thiềm Quốc Tuấn

Thiềm Quốc Tuấn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **Triết học Mác – Lênin**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Triết học Mác – Lênin
Tiếng Việt:	Triết học Mác – Lênin
Tiếng Anh:	Marxist - Leninist Philosophy
Mã số học phần:	12 11 1 5 010
Thời điểm tiến hành:	Thực hiện từ năm học 2021-2022
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	3 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	30 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	14 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	1 tiết
Thời gian tự học:	90 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Thực hiện Học kỳ II – Năm thứ nhất, là môn học đầu tiên trong chương trình các môn lý luận chính trị.
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	Không
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Luật và Lý luận chính trị

2. Mô tả học phần (Course Description)

Là học phần bắt buộc, được giảng dạy đầu tiên trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Trên cơ sở đó hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho người học.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các khái niệm, phạm trù, quy luật của triết học Mác - Lênin.	ELO1 Vận dụng kiến thức cơ bản của môn triết học Mác - Lê nin để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.
CG2	Thế giới quan khoa học và cách mạng	
CG3	Các luận cứ khoa học khi xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng	
CG4	Niềm tin, lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ hiện nay	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP 12 111 010	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết các khái niệm, phạm trù, quy luật chung nhất của thế giới	ELO1
CELO2	Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước	ELO1
CELO3	Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng đúng đắn	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- *Phương pháp thuyết trình*
- *Phương pháp học dựa trên vấn đề*
- *Phương pháp hoạt động nhóm*
- *Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ*
- *Phương pháp động não*

Phương pháp học tập:

- *Nghe giảng trên lớp;*
- *Đọc và làm bài trước các buổi giảng;*
- *Tra cứu thông tin về học phần trên internet;*
- *Làm việc nhóm;*

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: điểm chuyên cần, thái độ học tập và bài kiểm tra giữa kỳ.

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Tiểu luận ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70 %, bao gồm: một bài thi cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Tiểu luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CELO học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	Phẩm chất toàn khoa học	CELO1,2,3	Đánh giá toàn khóa học	Sự tham gia lớp học: tích cực, năng động, sáng tạo, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Thái độ học tập	Phẩm chất toàn khoa học	CELO1,2,3	Đánh giá toàn khóa học		PP quan sát	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thảo luận nhóm	Nội dung kiến thức các chương đã học. Hình thành kỹ năng và phẩm chất cần có.	CELO1,2,3	1	Trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	PP hoạt động nhóm	10%
	A2.2. Bài kiểm tra trắc nghiệm/tự luận/ bài thu hoạch. Thời gian từ 30 - 45 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực; ND Chương I, Chương II	CELO1,2,3	1	Đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết, Trắc nghiệm khách quan: nhiều lựa chọn, đúng/sai, điền khuyết...	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối khóa (Tự luận -thời gian 60-90	Kiến thức, kỹ năng, phẩm	CELO1,2,3	Đánh giá 1 lần vào thời điểm cuối kỳ	Theo thang điểm 10, đáp ứng	PP viết: + Tự luận: bài luận	70%

	phút; tiêu luận)	chất, năng lực toàn khóa học			yêu cầu của đáp án		
--	---------------------	------------------------------------	--	--	--------------------------	--	--

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</i> <i>1.1.1. Khái lược về triết học</i> <i>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Dựa trên vấn đề	CELO1
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>1.1.1.3. Đối tượng của triết học trong lịch sử</i>		CELO1
2	Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</i> <i>1.2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội</i> <i>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Động não	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>1.1.3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử</i>		CELO1
3	Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</i> <i>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2 ,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>1.2.2.2. Đối tượng của Triết học Mác - Lênin</i>		CELO1
4	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>2.1. Vật chất và ý thức</i> <i>2.1.1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất</i> <i>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Dựa trên vấn đề	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>2.1.1.1. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất</i>		CELO1
5	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</i> <i>2.2. Phép Biện chứng duy vật</i> <i>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Động não	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>2.2.1.1. Hai loại hình biện chứng</i>		CELO1
6	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Tất nhiên và ngẫu nhiên; Khả năng và hiện thực</i>		CELO1
7	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật (tiếp theo)</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Quy luật phủ định của phủ định</i>		CELO1
	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		
8	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>2..3. Lý luận nhận thức duy vật</i> <i>2.3.1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học</i> <i>2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Dựa trên vấn đề	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>2.3.2.3. Các giai đoạn của quá trình nhận thức</i>		CELO1
	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
9	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</i> <i>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</i> <i>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Động não	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.1.2.1. Phương thức sản xuất</i>		CELO1
	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
10	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</i> <i>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2,3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.1.4.2. Tiến trình lịch sử tự nhiên của xã hội loài người</i>		CELO1
11	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.2. Giai cấp và dân tộc</i> <i>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</i> <i>3.2.2. Dân tộc</i> <i>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</i>	Thuyết trình; Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ; Động não	CELO1,2 ,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.2.2.1. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc</i>		CELO1
12	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội</i> <i>3.3.1. Nhà nước</i> <i>3.3.2. Cách mạng xã hội</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2 ,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.3.1.5. Các kiểu và hình thức nhà nước</i>		CELO1
13	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>3.4. Ý thức xã hội</i> <i>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</i> <i>3.4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái ý thức xã hội</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2 ,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>3.4.2.2. Kết cấu của ý thức xã hội</i>		CELO1
14	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
	A/ Các nội dung chính trên lớp:	Thuyết trình; Thảo luận	CELO1,2

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	3.5. <i>Triết học về con người</i> 3.5.1. <i>Con người và bản chất con người</i> 3.5.2. <i>Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người</i>	nhóm; Động não	,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3.5.1.1. <i>Con người là thực thể sinh học - xã hội</i>		CELO1
	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		
15	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.5.3. <i>Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</i> 3.5.4. <i>Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam</i>	Thuyết trình; Thảo luận nhóm; Dựa trên vấn đề	CELO1,2 ,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 3.5.3.1. <i>Quan hệ giữa cá nhân và xã hội</i>		CELO1

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO..	CELO...
Module 1	M		M			
Module 1	M	M	M			
Module 3	M	M	M			

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình triết học Mác – Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị Quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2021.

2. Bộ giáo dục và Đào tạo, Triết học.3 quyển, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, Giáo trình triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết quy định bắt buộc phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Nghiêm cấm mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học như nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại trong giờ học.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Tích cực tham gia xây dựng trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa, ThS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Trọng Long, ThS. Lê Thị Thanh Thúy, ThS. Phạm Hữu Thanh Nhã, TS. Hồ Ngọc Vinh, ThS.NCS. Đặng Hoàng Vũ, ThS Trần Thị Liên.

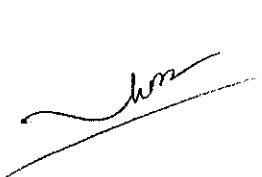
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



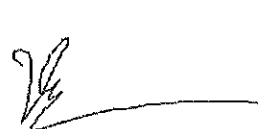
TS Hồ Ngọc Vinh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Ngọc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Tiếng Việt:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Tiếng Anh:	Marxist-Leninist Political Economics
Mã số học phần:	12 11 1 5 011
Thời điểm tiến hành:	Thực hiện từ năm học 2021-2022
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	09 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	60 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Thực hiện Học kỳ I – Năm thứ hai, SV đã học xong môn Triết học Mác-Lênin
Học phần song hành:	Không
Điều kiện khác:	Không
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Mác – Lênin, Khoa Luật và Lý luận chính trị

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần cung cấp những tri thức khái quát về kinh tế thị trường, quy luật kinh tế, đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam, trên cơ sở đó người học biết vận dụng các vấn đề vào thực tiễn kinh tế - xã hội. Nội dung chương trình gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Chương 5 và chương 6 là sự vận dụng lý luận kinh tế chính trị Mác - Lênin vào thực tiễn xã hội của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Những tri thức cơ bản, cốt lõi trong Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế hiện nay	Hiểu các khái niệm, phạm trù, quy luật trong Kinh tế chính trị Mác – Lênin.
CG2	Tư duy, kỹ năng phân tích đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước.	Xây dựng được trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.
CG3	Hình thành lập trường, ý thức hệ Mác – Lê nin.	Có thể giới quan khoa học và cách mạng của Chủ nghĩa Mác – Lênin,

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế	ELO1: Kiến thức và thái độ
CELO2	Giải thích, phản biện những biến đổi đời sống kinh tế	ELO2: Kiến thức và thái độ
CELO3	Xây dựng lập trường, hành động đúng đắn, tích cực	ELO3: Kỹ năng và thái độ

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần và CDR của CTĐT

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	ELO1	ELO2	ELO3
CELO1	M		
CELO2		M	
CELO3			M

H: High M: Medium L: Low

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình

PP2. Phương pháp học dựa trên vấn đề

PP3. Phương pháp hoạt động nhóm

PP4. Nghiên cứu tình huống

Phương pháp học tập:

- *Nghe giảng trên lớp;*

- *Đọc và làm bài trước các buổi giảng;*

- *Tra cứu thông tin về trên internet;*

- *Làm việc nhóm theo yêu cầu của GV*

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 % bao gồm: đánh giá chuyên cần thái độ học tập, thảo luận nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70 % bao gồm: Bài thi cuối kỳ

+ Hình thức thi : Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	Chuyên cần, thái độ học tập	Sự tham dự lớp học	CELO 1	1	Tham dự lớp học. Chủ động tích cực trong học tập	Điểm danh trong giờ học PP Quan sát	10%
A1. Đánh giá quá trình	Bài tập thảo luận nhóm trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO 1 CELO 2	1	Chính xác kiến thức, liên hệ, vận dụng hiệu quả	PP hoạt động nhóm Quan sát	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	Kiểm tra trắc nghiệm hoặc Tự luận	Các chương đã học trước đó	CELO 1 CELO 2	1	Bài kiểm tra đáp ứng yêu cầu của đáp án.	Tự luận/Trắc nghiệm	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Thi cuối kỳ	Toàn bộ các chương	CELO 1 CELO 2 CELO 3	1	Bài thi	Tự luận	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị mác – Lênin		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT Mác – Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của	Diễn giảng, Thuyết trình	CELO1,2

	KTCT Mác – Lênin		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 1.3 Chức năng của KTCT Mác – Lênin		CELO2,3
2	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường		
	A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 2.1 Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1 Sản xuất hàng hóa 2.1.2 Hàng hóa 2.1.3. Tiền tệ	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt		CELO2,3
3	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 2.2.1. Thị trường - Khái niệm về thị trường - Vai trò của thị trường - Cơ chế thị trường - Nền kinh tế thị trường	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường		
4	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. . A/ Các nội dung chính trên lớp (3 tiết) 2.2.1.3 Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị trường: + Quy luật giá trị + Quy luật cung cầu	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.2.1.3 Một số quy luật kinh tế chủ yếu của thị		

	trường: + Quy luật lưu thông tiền tệ + Quy luật cạnh tranh		
5	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 3.1. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư Công thức chung của tư bản Hàng hóa sức lao động Sự sản xuất ra giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư Tư bản bất biến và tư bản khả biến Tiền công Tuần hoàn của tư bản Chu chuyển của tư bản		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 3.2.2 Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường TBCN. 3.2 Tích lũy tư bản	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 3.2 Tích lũy tư bản Các nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy Một số hệ quả của tích lũy tư bản.		
7	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường A/ Các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền KTTT	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	Kiểm tra giữa kỳ	Tự luận/Trắc nghiệm	CELO1,2,3

8	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền KTTT		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường	Thuyết trình, Thảo luận nhóm. Nghiên cứu tình huống	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 4.2.2.4. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản		
9	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.3. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	Thuyết trình, Thảo luận nhóm.	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam 5.3.2. Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích		
10	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	Thuyết trình, Thảo luận nhóm.	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 tiết) 1. Các mô hình công nghiệp hóa trên thế giới 2. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CĐR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần
------------------	-----------------------

	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	M		M
Module 2	M	M	M
Module 3	M	M	M
Module 4	M	M	M
Module 5	M	M	M
Module 6	H	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo. (2021). *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin. (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*. NXB Chính trị quốc gia sự thật.

2. Bài giảng của Giảng viên.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Robert B.Ekelund, JR và Robert F.Hébert (2003). *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Bản tiếng Việt, Nxb. Thống kê.

2. Viện kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018). *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin*, Nxb Lý luận chính trị.

3. C. Mác- Ph. Ăngghen. *Toàn tập, tập 20, tập 23*, Nxb Chính trị quốc gia, 1994.

4. V.I. Lênin (1976). *Toàn tập, tập 3*. Nxb Tiên bộ Maxcova.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết quy định bắt buộc phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Nghiêm cấm mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học như nói chuyện riêng, sử dụng điện thoại trong giờ học.

Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định.

Tích cực tham gia xây dựng trong giờ học.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa, ThS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Trọng Long, ThS. Lê Thị Thanh Thúy, ThS. Phạm Hữu Thanh Nhã.

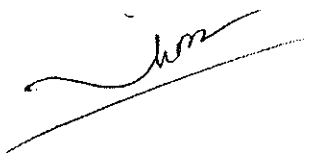
10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Hồ Ngọc Vinh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS.GVC Nguyễn Thị Hồng Hoa

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Phạm Hữu Thanh Nhã

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tiếng Việt:	Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tiếng Anh:	Scientific socialism
Mã số học phần:	12 11 1 5 012
Thời điểm tiến hành:	Thực hiện từ năm học 2021-2022
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	09 tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	60 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Thực hiện Học kỳ II – Năm thứ hai (Sinh viên đã học xong 2 môn: Triết học Mác – Lênin và Kinh tế chính trị Mác – Lênin)
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Mác – Lênin, Khoa Luật và Lý luận chính trị

2. Mô tả học phần (Course Description)

Là học phần bắt buộc, được giảng dạy sau các môn học Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, trên cơ sở đó người học biết vận dụng để đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung học phần gồm 7 chương, ngoài khái quát sự ra đời và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các phạm trù, các quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học	ELO1: Vận dụng kiến thức cơ bản của môn Chủ nghĩa xã hội khoa học để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội
CG2	Thế giới quan khoa học và cách mạng	
CG3	Các luận cứ khoa học làm cơ sở xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước	
CG4	Thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết các phạm trù, khái niệm, các quy luật chính trị - xã hội	ELO1
CELO2	Thực hiện đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước	ELO1
CELO3	Xây dựng thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp hoạt động nhóm
- Phương pháp nghiên cứu tình huống.
- Phương pháp nêu vấn đề

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp; nghiên cứu tài liệu có liên quan
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin liên quan trên Internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Thuyết trình bài tập nhóm và kết quả kiểm tra

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Đánh giá cuối kỳ

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒

Tiểu luận ☒

Khác ☒

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Sự tham gia lớp học chuyên cần, thái độ học tập	- Tỷ lệ tham gia học trên lớp - Thái độ tích cực, năng động của sinh viên học tập môn học	CELO1	1	- Có mặt - Tích cực xây dựng bài	PP quan sát; PP thống kê;	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Bài thảo luận nhóm	Nội dung kiến thức các chương đã học. (Chuẩn bị, thuyết trình, phản biện)	CELO1 CELO2 CELO3	1	Trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả	PP hoạt động nhóm	10%
	A2.2 Bài kiểm tra trắc nghiệm đúng sai hoặc Bài kiểm tra Tự luận	Nội dung kiến thức các chương đã học	CELO1 CELO2 CELO3	1	Đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP viết/trắc nghiệm	10%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Bài thi cuối khóa (Tự luận)		CELO1 CELO2 CELO3	1	Đáp ứng yêu cầu của đáp án	PP Viết (Bài luận)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuầ n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 1.1. Sự ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời CNXHKKH 1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph. Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của CNXHKKH 1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của CNXHKKH từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay 1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu CNXHKKH 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu CNXHKKH 1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 1.2.1. C.Mác – Ph.Ăngghen phát triển CNXHKKH 1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển CNXHKKH trong điều kiện mới		CELO1
2	Chương 2: Sự mệnh lịch sử giai cấp công nhân		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm giai cấp công nhân 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.3. Những điều kiện lịch sử quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 2.1.2.2. Đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công		CELO 1 CELO3

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	nhân		
3	Chương 2: Sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3 tiết 2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.1. Đặc điểm giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay		CELO 1 CELO3
4	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 3.1. Chủ nghĩa xã hội 3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của HT KT-XH cộng sản chủ nghĩa 3.1.2. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội 3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH 3.3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam 3.3.1. Quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ Tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Những đặc trưng bản chất của CNXH ở Việt Nam hiện nay	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3

Tuầ n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH 3.3.2.2. Phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay		CELO1 CELO3
5	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa		
	A/ Các nội dung trên lớp: (3 tiết) 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa		CELO1 CELO3
6	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa (tiếp theo) Chương 5: : Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp:(3 tiết) 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (1 tiết) 4.3.2. Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay 5.1. Cơ cấu xã hội-giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1 tiết)	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3

Tuầ n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội. 5.1.2. Sự ra đời có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		
	Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)	Tự luận/trắc nghiệm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 4.3.3.2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Liên hệ trách nhiệm cá nhân trong việc gips phần xây dựng nền dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay.		CELO 1
7	Chương 5: : Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (tiếp theo)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		CELO1 CELO3
8	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.1.1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về dân tộc 6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc Việt Nam	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3

Tuầ n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 6.1.1.2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc		CELO1 CELO3
	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (tiếp theo) Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
9	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay (2 tiết) 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay. 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình (1 tiết) 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) 6.2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		CELO1 CELO3
	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
10	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa	Diễn giảng; Thuyết trình; Trình chiếu; Thảo luận nhóm	CELO 1 CELO2 CELO3

Tuầ n	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
	7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà (6 tiết) 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		CELO1 CELO3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO 1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO..	CELO...
Module 1	M	M	M			
Module 2	M	M	M			
Module 3	M	M	M			
Module 4	M	M	M			
Module 5	M	M	M			
Module 6	M	M	M			
Module 7	M	M	M			

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị). Nxb.CTQG, Hà Nội, 2021

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). NXB.CTQG, Hà Nội, 2011

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. (Tập 1, Tập 2). NXB. CTQG, Hà Nội, 2021.

3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB. CTQG, Hà Nội, 2002.

4. Bùi Thị Ngọc Lan, Đỗ Thị Thạch (Đồng chủ biên), Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, “Chương trình cao cấp lý luận chính trị”, NXB Lý luận chính trị, 2018.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 20% số tiết quy định bắt buộc phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

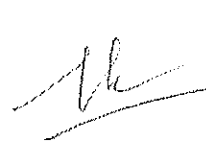
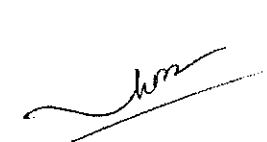
9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Hồ Ngọc Vinh, TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa, ThS. Nguyễn Thị Ngọc, ThS. Nguyễn Trọng Long, ThS. Lê Thị Thanh Thúy, ThS. Phạm Hữu Thanh Nhã, ThS. Trần Thị Liên.

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Hồ Ngọc Vinh

TS.GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa

ThS. Lê Thị Thanh Thúy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Tiếng Việt:	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Tiếng Anh:	Ho Chi Minh Ideology
Mã số học phần:	12 11 1 5 013
Thời điểm tiến hành:	Thực hiện từ năm học 2021 - 2022
Loại học phần:	Bắt buộc
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	22 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	07 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. (Học kỳ I _ năm 3)
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh-Đường lối cách mạng của Đảng CSVN, Khoa Luật & LLCT

2. Mô tả học phần (Course Description)

Môn học dành cho đối tượng là sinh viên bậc đại học khối không chuyên ngành Lý luận chính trị. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản giúp sinh viên nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Nội dung cơ bản về quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	ELO1: Vận dụng kiến thức cơ bản của môn Tư tưởng Hồ Chí Minh để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.
CG2	Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	
CG3	Sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam	
CG4	Niềm tin, lý tưởng cách mạng của thế hệ thanh niên hiện nay.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP [1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT [3]
CELO1	Hiểu biết khái niệm, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	ELO1
CELO2	Tổng hợp lại những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	ELO1
CELO3	Thực hiện vào việc học tập, rèn luyện của bản thân	ELO1
CELO4	Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng đúng đắn	ELO1

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần (CELOs)	CDR của CTĐT											
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO..	ELO..
CELO1	M											
CELO2	M											
CELO3	M											
CELO4	M											

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy-học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Sử dụng các phương pháp cơ bản sau:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Xem phim tư liệu

PP4: Đặt vấn đề, nêu tình huống

PP5: Hướng dẫn nghiên cứu các tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh

PP6: Tham quan thực tế khi có điều kiện...

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1. Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Bài kiểm tra giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài tập nhóm...

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Tiểu luận ☒ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá/thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	Thái độ tham gia học tập tích cực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	05	Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm	CELO1 CELO2	01	Bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả.	PP phỏng vấn	
	A1.2 Bài tập cá nhân trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO1 CELO2	02	Bài kiểm tra 15 phút tự luận hoặc 10	PP viết	

					phút trắc nghiệm đáp ứng được yêu cầu của GV		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ/60 phút	Kiến thức các chương: 1,2,3.	CELO1 CELO2	01	Bài kiểm tra giữa kỳ: 2 câu tự luận hoặc 50 câu trắc nghiệm, hoặc bài tập nhóm đáp ứng được yêu cầu của GV	PP viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học...	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	01	Bài thi cuối khóa (tự luận): 2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh		
	<i>A/ Các nội dung:</i> <i>1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh</i>	Diễn	CELO1

	1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh	giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: Tiểu sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh		CELO1
2	Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm, xem phim tư liệu	CELO2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Sự nghiệp hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh		CELO1
3	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Xem tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường cách mệnh		CELO4

4	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Bản chất giai cấp của nhà nước		CELO2
5	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm	CELO1,2,3,4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc		CELO2
6	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, con người		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Diễn giảng, Thuyết trình, Thảo luận nhóm, xem phim tư liệu	CELO1,2,3,4

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: <i>Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa</i>		CELO2
--	---	--	--------------

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần				
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5
Module 1	M				
Module 2	M	M			
Module 3	M	M	M	M	
Module 4	M	M	M	M	
Module 5	M	M	M	M	
Module 6	M	M	M	M	

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn Lý luận chính trị: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.

2. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

3. Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

4. Trần Văn Giàu: “Nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong: *Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới*”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

6. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

7. Bùi Đình Phong: *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2017.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng từ 3 buổi học trở lên dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Hồ Ngọc Vinh, TS. GVC. Nguyễn Thị Hồng Hoa, ThS. Trần Thị Liên, TS. Đinh Thị Kim Lan, ThS. Võ Thị Hồng Hiếu.

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

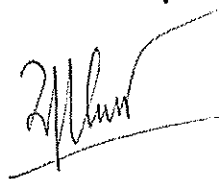
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



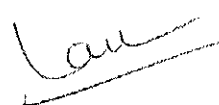
TS. Hồ Ngọc Vinh



TS. Hồ Ngọc Vinh



ThS. Trần Thị Liên



TS. Đinh Thị Kim Lan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Học phần: **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Tiếng Việt:	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Tiếng Anh:	History of the Communist Party of Vietnam
Mã số học phần:	12 11 1 5 014
Thời điểm tiến hành:	Thực hiện từ năm học 2021-2022
Loại học phần:	Bắt buộc
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	20 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	06 tiết
Số tiết thực tập:	03 tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh (học kỳ II năm 3)
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Tư tưởng Hồ Chí Minh-Đường lối cách mạng của Đảng CSVN, Khoa Luật & LLCT

2. Mô tả học phần (Course Description)

Là học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp của dân tộc.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam	ELO1 Vận dụng kiến thức cơ bản của môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.
CG2	Những tri thức lịch sử về quá trình lãnh đạo của Đảng	
CG3	Thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm	
CG4	Tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam	ELO1
CELO2	Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước	
CELO3	Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.	

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT					
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO ...
CELO1	M					
CELO2	M					

CELO3	M					
-------	---	--	--	--	--	--

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Sử dụng các phương pháp cơ bản sau:

PP1: Thuyết trình

PP2: Thảo luận nhóm

PP3: Xem phim tư liệu

PP4: Đặt vấn đề, nêu tình huống

PP5: Hướng dẫn nghiên cứu tài liệu, sách báo liên quan

PP6: Tham quan thực tế khi có điều kiện...

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;

- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;

- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;

- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: Bài kiểm tra giữa kỳ, điểm chuyên cần, bài tập nhóm...

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%, bao gồm: Điểm bài thi kết thúc học phần

+ Hình thức thi:

Tự luận ☒ Tiểu luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CDR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá/thời	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
---------------------	----------------------------------	-------------------	-------------------------	----------------------	-------------------	----------------------	-----------

[1]	[2]	[3]	[4]	điểm [5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	Thái độ tham gia học tập tích cực	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	05	Tham gia lớp học: tích cực, chủ động, tham dự đầy đủ	PP quan sát	10%
	A1.2 Bài tập nhóm	Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm	CELO1 CELO2	01	Bài thuyết trình, bài tập nhóm: trình bày chi tiết, chính xác, khoa học, logic, rõ ràng, sinh động, hiệu quả.	PP phỏng vấn	
	A1.2 Bài tập cá nhân trên lớp	Kiến thức, kỹ năng	CELO1 CELO2	02	Bài kiểm tra 15 phút tự luận hoặc 10 phút trắc nghiệm đáp ứng được yêu cầu của GV	PP viết	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ/60 phút	Kiến thức các chương:	CELO1 CELO2	01	Bài kiểm tra giữa kỳ: 2 câu tự luận	PP viết	20%

		1,2,3.			hoặc 50 câu trắc nghiệm, hoặc bài tập nhóm đáp ứng được yêu cầu của GV		
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Thi kết thúc học phần/60 phút	Kiến thức, kỹ năng, phẩm chất, năng lực toàn khóa học...	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4	01	Bài thi cuối khóa (tự luận): 2 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án.	PP viết	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Diễn giảng, Thuyết trình, trình chiếu	CELO1, 2, 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		CELO3

2,3,4	Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời - Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)	Diễn giảng, Thuyết trình, trình chiếu, thảo luận nhóm	CELO1, 2, 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà Phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu XX Phong trào dân chủ (1936-1939)		CELO1
5,6,7	Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) - Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)	Diễn giảng, Thuyết trình, trình chiếu, thảo luận nhóm	CELO1, 2, 3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Đánh giá quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược Bài học rút ra trong công cuộc bảo vệ độc lập chủ quyền hiện nay.		CELO1, 2
8,9,10	Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – đến nay)		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	Diễn giảng, Thuyết trình, trình	CELO1, 2, 3

	(1975-1986) 2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-đến nay)	chiếu, thảo luận nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Sự cần thiết phải kết hợp sức mạnh quốc gia – dân tộc với sức mạnh thời đại – quốc tế của cách mạng Việt Nam. - Kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay		CELO1, 2

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	M	M	M
Module 2	M	M	M
Module 3	M	M	H
Module 4	M	M	M
Module 5	M	M	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Dành cho sinh viên Khối không chuyên Mác Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng. Nxb. Chính trị quốc gia.

7.2. Tài liệu tham khảo:

- Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Nghị quyết các kỳ đại hội Đảng
- Nguyễn Trọng Phúc – Đinh Xuân Lý, Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia.
- Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia, 2015.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

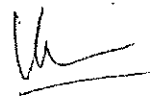
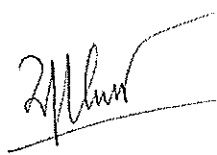
9. Giảng viên giảng dạy môn học: TS. Hồ Ngọc Vinh, TS. Đinh Thị Kim Lan, ThS. Võ Thị Hồng Hiếu.

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Hồ Ngọc Vinh

TS. Hồ Ngọc Vinh

ThS. Võ Thị Hồng Hiếu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
Tiếng Việt:	PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG
Tiếng Anh:	BASIC LAW
Mã số học phần:	12 111 5 015
Thời điểm tiến hành:	Thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2021
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	02 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	12 tiết
Số tiết bài tập:	03 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	12 tiết
Số tiết thực tập:	00 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	02 tiết
Kiểm tra:	01 tiết
Thời gian tự học:	15 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Triết học Mác - Lênin
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Luật và LLCT/Bộ môn Luật

2. Mô tả học phần (Course Description)

- Vị trí : Học phần cung cấp những kiến thức chung nhất về lý luận nhà nước và pháp luật để sinh viên tiếp cận các môn luật chuyên ngành;

- Mục đích : Tăng cường pháp chế XHCN và tạo nền tảng cơ sở cho sinh viên học các môn luật chuyên ngành;

- Nội dung chính :

+ Những khái niệm chung về nhà nước và pháp luật;

+ Đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và luật quốc tế;

+ Đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của các vấn đề về nhà nước.	Hiểu được các khái niệm cơ bản trong các vấn đề chung về nhà nước và các nguyên tắc vận hành của các vấn đề đó.
CG2	Các khái niệm và các thành tố cơ bản của các vấn đề về pháp luật.	Hiểu được các khái niệm cơ bản trong các vấn đề về pháp luật và phân tích được các thành tố của nó.
CG3	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế.	Hiểu được bản chất của từng ngành luật và vận dụng để phân loại được từng quan hệ pháp luật vào đúng ngành luật tương thích.

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Nắm được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của các vấn đề về nhà nước để hình thành thế giới quan và nhân sinh quan về các vấn đề liên quan đến nhà nước.	ELO1: Kiến thức và thái độ
CELO2	Nắm được các khái niệm và các thành tố cơ bản của các vấn	ELO2: Kiến

	đề về pháp luật để hình thành thế giới quan và nhân sinh quan về các vấn đề liên quan đến pháp luật.	thức và thái độ
CELO3	Hiểu được bản chất của từng ngành luật và vận dụng để phân loại được từng quan hệ pháp luật vào đúng ngành luật tương thích.	ELO3: Kỹ năng và thái độ

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần và CDR của CTĐT

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	ELO1	ELO2	ELO3
CELO1	M		
CELO2		M	
CELO3			M

H: High M: Medium L: Low

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

*** Phương pháp giảng dạy:**

- *Phương pháp thuyết trình:* Thuyết trình một số khái niệm trọng tâm của các bài học;

- *Phương pháp học dựa trên vấn đề:* Xác định các vấn đề của thực tiễn gắn liền với nội dung các bài học;

- *Phương pháp hoạt động nhóm:* Hoạt động nhóm và báo cáo kết quả nghiên cứu;

*** Phương pháp học tập:**

- *Nghe giảng trên lớp;*

- *Đọc và làm bài trước các buổi giảng;*

- *Tra cứu thông tin về ngành trên internet;*

- *Làm việc nhóm.*

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- *Thang điểm đánh giá:* Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- *Điểm đánh giá quá trình:*

+ *Trọng số:* 30 %, bao gồm: Thuyết trình bài tập nhóm và kết quả kiểm tra;

+ *Hình thức đánh giá:*

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☒ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70 %, bao gồm:

+ Hình thức thi: Chọn 1 trong các hình thức sau:

Tự luận ☒ Tiểu luận ☒ Vấn đáp ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá quá trình	A1.1	Nghe giảng	Thái độ	01↑	Có tham gia	Hỏi ngẫu nhiên	10%
	A1.2	Phát biểu ý kiến	Kỹ năng	01↑	Có tham gia	Hỏi ngẫu nhiên	
	A1.3	Nêu vấn đề	Kiến thức	01↑	Có tham gia	Hỏi ngẫu nhiên	
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1	Chuẩn bị	Thái độ	01	Đúng chủ đề	Làm việc nhóm	20%
	A2.2	Thuyết trình	Kiến thức	01	Đủ nội dung	Làm việc nhóm	
	A2.3	Phản biện	Kỹ năng	01	Thỏa mãn câu hỏi	Làm việc nhóm	
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1	Trình bày	Thái độ	01	Sạch sẽ	Bài thi viết/Tiểu luận	70%
	A3.2	Đúng nội dung	Kiến thức	01	Đủ ý	Bài thi viết/Tiểu luận	
	A3.3	Liên hệ thực tiễn	Kỹ năng	01	Phù hợp	Bài thi viết/Tiểu luận	

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1&2	Chương 1: Những khái niệm chung về nhà nước và pháp luật		12 tiết
	A/ Các nội dung: 1.2. Những khái niệm chung về nhà nước (6 tiết) 1.3. Những khái niệm chung về pháp luật (6 tiết)	Thuyết giảng (Online)	CELO1,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu về Hệ thống chính trị của nước ta; - So sánh các quy định của đạo đức, tôn giáo, điều lệ của các tổ chức và quy định của pháp luật.	Online	CELO1
3&4	Chương 2: Đại cương về các lĩnh vực pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và luật quốc tế		12 tiết
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Pháp luật dân sự và tổ tụng dân sự (1,5 tiết) 2.2. Pháp luật lao động (1,5 tiết) 2.3. Pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự (1,5 tiết) 2.4. Pháp luật hành chính và tổ tụng hành chính (1,5 tiết) 2.5. Pháp luật kinh doanh (1,5 tiết) 2.6. Pháp luật đất đai, môi trường (1,5 tiết) 2.7. Pháp luật quốc tế (1,5 tiết)	Tự nghiên cứu, thảo luận, thuyết trình, phân biện và giải thích (Online)	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Xây dựng mối quan hệ giữa các ngành luật trong từng tình huống pháp luật cụ thể	Online	CELO1,2,3
5	Chương 3: Đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam		3 tiết

	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. Đào tạo luật ở Việt Nam 3.2. Các nghề luật ở Việt Nam	Diễn giảng, Thuyết trình	CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Giao lưu với sinh viên các nơi có đào tạo luật chuyên ngành	Ngoại khoá và báo cáo	CELO1,2
6	Hướng dẫn học tập và kiểm tra	(Online)	3 tiết

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Chương 1	M	M	M
Chương 2	M	M	M
Chương 3	M	M	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Giáo trình PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG, Nxb Giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo

7.2. Tài liệu tham khảo:

Giáo trình PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG, TS. Nguyễn Hợp Toàn, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

- Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý;
- Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

- Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm;
- Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học;
- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học;

- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học;

- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

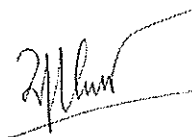
8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy môn học: ThS.NCS.Đặng Hoàng Vũ, TS. Trần Thị Ngọc Hoa, ThS. Vũ Thị Hạnh Thu, ThS.NCS. Võ Đình Quyên Di

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



TS. Hồ Ngọc Vinh

**P.TRƯỞNG KHOA,
PT. BỘ MÔN**



ThS.NCS. Đặng Hoàng Vũ

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS.NCS. Đặng Hoàng Vũ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Môi trường và bảo vệ môi trường
Tiếng Việt:	Môi trường và bảo vệ môi trường
Tiếng Anh:	Environment and environmental protection
Mã số học phần:	140115002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ 1
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☒ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	21 tiết
Số tiết bài tập:	2 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	6 tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	1 tiết
Thời gian tự học:	60 tiết
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Khoa Môi trường - Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này bao gồm các nội dung:

- Các khái niệm cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, sinh thái học;
- Vai trò môi trường tự nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người;
- Các tác động của con người lên tự nhiên trong quá trình sống;
- Các giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Kiến thức nền tảng về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CG2	Lý giải về các vấn đề về ô nhiễm môi trường, đánh giá hậu quả và đề xuất giải pháp cho vấn đề.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CG3	Hiểu mục tiêu và nguyên tắc, nội dung hoạt động quản lý môi trường, phân tích các công cụ quản lý môi trường. Chỉ ra nhu cầu và cách thức phát triển bền vững.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CG4	Đề xuất được các phương pháp cơ bản để xử lý chất thải, các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động môi trường do các hoạt động phát triển kinh tế.	
CG5	Kỹ năng tương tác làm việc nhóm, tìm hiểu phân tích và tổng hợp thông tin, trình bày và thảo luận các vấn đề về môi trường.	ELO6, ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu học phần và CDR của CTĐT

Mục tiêu học phần (CGs)	CDR của CTĐT								
	ELO2	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CG1	H	M	H			H	M	M	M
CG2	H	H	M	L	M	H	M	M	M
CG3	H	M	M	L	M	H	M	M	M
CG4	H	M	M	L	M	H	M	H	M
CG5					L		M	H	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Sử dụng được các khái niệm cơ bản về môi trường, hệ sinh thái, quản lý bảo vệ môi trường trong đời sống và cho chuyên ngành sau này.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CELO2	Chỉ ra được hiện trạng tài nguyên, môi trường, hoạt động quản lý môi trường chung của Việt Nam và thế giới.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CELO3	Phân tích được các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, vấn đề năng lượng hiện nay và đề xuất giải pháp tương ứng.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CELO4	Giải thích được cơ chế, nguyên nhân cho các vấn đề ô nhiễm môi trường chính yếu.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO8, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

CELO5	Phân biệt được các giải pháp, các công cụ quản lý môi trường cơ bản cho các vấn đề môi trường, các giải pháp cơ bản để xử lý chất thải, các cách thức phát triển bền vững.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12
CELO6	Thực hiện hiệu quả phương pháp làm việc độc lập và theo nhóm; rèn luyện ý thức tự học tập; tích lũy kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ; nâng cao hiểu biết về trách nhiệm cộng đồng.	ELO2, ELO5, ELO6, ELO7, ELO8, ELO9, ELO10, ELO11, ELO12

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần và CDR của CTĐT

CDR học phần	CDR của CTĐT								
	ELO2	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
CELO1	H	M	H	-	-	H	M	M	M
CELO2	H	M	M	-	-	H	M	M	M
CELO3	H	M	M	-	-	H	M	M	M
CELO4	H	H	M	-	M	H	M	M	M
CELO5	H	M	M	L	M	H	M	M	M
CELO6	H	H	M	L	M	H	M	H	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- (1). Phương pháp thuyết trình (Lecturing) ☒
- (2). Phương pháp động não (Brainstorming) ☒
- (3). Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think-pair-share) ☒
- (4). Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) ☒
- (5). Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning) ☒
- (6). Phương pháp đóng vai (Role playing)
- (7). Phương pháp học dựa vào dự án (Project based learning)

(8). Phương pháp mô phỏng (Simulation)

(9). Nghiên cứu tình huống (Case studies) ☒

(10). Phương pháp tham quan thực tế (Fieldtrip/xem video)

(11). Phương pháp Dạy học thông qua làm đồ án/ thực hành/thực tập

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 40%, bao gồm: Chuyên cần: 10 %; Bài tập nhóm: 10 %; Bài kiểm tra: 20%

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☐ Thảo luận nhóm☐ Bài tập lớn☒ Thực hành☐ Khác☒

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 60 %, bao gồm: ...

+ Hình thức thi:

Tự luận☒ Trắc nghiệm☒ Thực hành☐ Khác☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá / thời gian (A.x.x)	Nội dung đánh giá	CĐR học phần (CELO.x.x)	Số lần đánh giá / thời điểm	Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]
A1. Đánh giá quá trình	Chuyên cần, thái độ học tập	Ý thức tổ chức kỷ luật, khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm	CELO6	1 lần khi kết thúc thời gian của học phần	Sự tham gia lớp: đầy đủ, tích cực, năng động, sáng tạo	Phương pháp quan sát	10%
	Bài tập nhóm	Kỹ năng tổ chức, phối hợp, triển khai, thu thập số liệu, thông tin	CELO4, CELO5, CELO6	1 lần sau khi kết thúc chương 3	Trình bày chi tiết, đầy đủ chính xác, khoa học, chặt	Phương pháp thuyết trình	10%

		khoa học. Kỹ năng thuyết trình một báo cáo khoa học.			chẽ, rõ ràng, súc tích		
A2. Đánh giá giữa kỳ	Bài tự luận	Kiến thức các chương 1, 2, 3, 4 và Kỹ năng trình bày một văn bản, báo cáo khoa học.	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	1 lần sau khi kết thúc chương 4	Trình bày chi tiết, đầy đủ chính xác, khoa học, chặt chẽ, rõ ràng, súc tích	Phương pháp viết	20%
A3. Đánh giá cuối kỳ	Bài kiểm tra 60 phút	Kiến thức các chương 1, 2, 3, 4, 5 và kỹ năng thu thập số liệu và trình bày một văn bản, báo cáo khoa học	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4, CELO5	Kỳ thi kết thúc học phần	4 câu/10 điểm và đáp ứng yêu cầu của đáp án	Phương pháp viết	60%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	NỘI DUNG	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1. Con người và sự phát triển con người		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>1.1. Mục đích và đối tượng của môn học.</i> <i>1.2. Các hình thái kinh tế mà loài người đã trải qua</i> <i>1.3. Một số yếu tố tác động đến quá trình phát triển của con người</i> 1.3.1. Phương thức sống và thức ăn 1.3.2. Khí hậu 1.3.3. Môi trường địa hóa <i>1.4. Dân số và các vấn đề dân số</i> 1.4.1. Quan điểm về dân số học 1.4.2. Quá trình tăng dân số và đô thị hóa 1.4.3. Dân số với sự tồn tại và phát triển xã hội	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm - Trò chơi	CELO1 CELO6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Mô tả, phân biệt được các khái niệm về môi trường. - Tìm thêm các ví dụ, minh họa thực tế cho các khái niệm về môi trường. - Tìm hiểu môn khoa học môi trường, lịch sử ô nhiễm môi trường.	SV tự tìm kiếm, tổng hợp tài liệu.	
2,3,4	Chương 2. Môi trường và tài nguyên		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: <i>2.1. Tổng quan về môi trường</i> 2.1.1. Khái niệm môi trường 2.1.2. Chức năng của môi trường 2.1.3. Thành phần môi trường <i>2.2. Các khái niệm liên quan</i> 2.2.1. Sự cố môi trường 2.2.2. Khủng hoảng môi trường 2.2.3. Đạo đức môi trường	- Thuyết giảng - Hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO6

	2.3. <i>Khái niệm về sinh thái</i> 2.3.1. Hệ sinh thái 2.3.2. Chu trình sinh địa hóa 2.3.3. Dấu chân sinh thái 2.4. <i>Khái niệm về tài nguyên thiên nhiên</i> 2.4.1. Phân loại tài nguyên thiên nhiên 2.4.2. Vai trò của tài nguyên và môi trường cho quá trình phát triển 2.4.3. Giới thiệu các nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đặc điểm nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam, của thế giới. - Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, nguyên nhân và giải pháp. - Các khái niệm về hệ sinh thái, tìm ví dụ minh họa và giải thích. - Giải thích các chu trình sinh địa hóa cơ bản, cho biết ảnh hưởng của hoạt động sản xuất của con người vào các chu trình này.	SV tự tìm kiếm, tổng hợp tài liệu, chuẩn bị cho thuyết trình, thảo luận nhóm.	
5,6,7	Chương 3. Sự tương tác giữa con người và môi trường		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.1. <i>Tác động của con người đến môi trường</i> 3.1.1. Tác động của con người đến sinh vật 3.1.2. Tác động của con người đến tài nguyên đất 3.1.3. Tác động của con người đến tài nguyên nước 3.1.4. Tác động của con người đến địa hình 3.1.5. Tác động của con người đến các hệ sinh thái đặc biệt 3.2 <i>Tác động của môi trường đến con người</i> 3.2.1. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm nước 3.2.2. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm không khí 3.2.3. Các bệnh liên quan đến ô nhiễm đất 3.2.4. Tác động của thiên tai đến con người	- Thuyết giảng - Học dựa trên vấn đề - Hoạt động nhóm	CELO1 CELO2 CELO4 CELO5 CELO6

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Khái niệm, nguồn gây ô nhiễm, tác nhân gây ô nhiễm nước, hiện trạng ô nhiễm nước mặt, nước ngầm, nước biển; giải thích các hiện tượng như phú dưỡng, thủy triều đỏ; hậu quả ô nhiễm nước; giải pháp. - Khái niệm, nguồn gây ô nhiễm, tác nhân gây ô nhiễm không khí (nguồn phát sinh và tác hại), ô nhiễm tiếng ồn và phóng xạ, sương mù. - Hiệu ứng nhà kính và ấm lên toàn cầu (khái niệm, cơ chế, hậu quả), biến đổi khí hậu (biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả). - Suy giảm tầng ozon (khái niệm, hiện trạng, nguyên nhân – cơ chế, hậu quả), mưa axit (khái niệm, cơ chế, hậu quả), giải pháp chung cho vấn đề ô nhiễm MT không khí - Ô nhiễm đất: Khái niệm, phân loại, hậu quả, giải pháp.	SV tự tìm kiếm, tổng hợp tài liệu, chuẩn bị cho thuyết trình, thảo luận nhóm.	
8,9	Chương 4. Vai trò của con người đối với bảo vệ môi trường và tài nguyên		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 4.1. <i>Vai trò của cá nhân/doanh nghiệp</i> 4.1.1. Nghĩa vụ pháp lý đối với môi trường 4.1.2. Thỏa thuận tình nguyện 4.2. <i>Vai trò của cộng đồng</i> 4.2.1. Định nghĩa 4.2.2 Nguyên tắc quản lý môi trường dựa vào cộng đồng 4.2.3. Một số mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm	CELO1 CELO2 CELO5 CELO6
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu công cụ quản lý môi trường tại Việt Nam, cho ví dụ áp dụng thực tế và hiệu quả.	SV tự tìm kiếm, tổng hợp tài liệu.	
10	Chương 5. Xử lý chất thải và bảo vệ		

	môi trường		CELO1 CELO3 CELO5 CELO6
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 5.1. Xử lý chất thải rắn 5.1.1. Nguồn gốc và tác hại của chất thải rắn 5.1.2. Các phương pháp xử lý chất thải rắn 5.2. Xử lý nước thải 5.2.1. Tổng quan về nước thải và các phương pháp xử lý nước thải 5.2.2. Một số công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt 5.2.3. Một số công nghệ xử lý nước thải công nghiệp 5.2. Xử lý khí thải 5.3.1. Tổng quan về ô nhiễm không khí và xử lý khí thải 5.3.2. Kỹ thuật xử lý bụi 5.3.3. Kỹ thuật xử lý các chất ô nhiễm dạng khí và hơi	- Thuyết giảng - Thảo luận nhóm - Học dựa trên vấn đề	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Tìm hiểu các vấn đề: nguồn gốc, phân loại, đặc điểm và tác hại đối với sức khỏe con người và môi trường của các loại chất thải rắn, lỏng, khí - Các phương pháp, công nghệ xử lý chất thải rắn, nước thải và khí thải. - Tìm hiểu vấn đề ô nhiễm do chất thải và nhận xét về tình trạng xử lý chất thải tại Việt Nam.	SV tự tìm kiếm, tổng hợp tài liệu, chuẩn bị cho thuyết trình, thảo luận nhóm.	

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần					
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4	CELO5	CELO6
Con người và sự phát triển con người	H	-	-	-	-	M
Môi trường và tài nguyên	H	H	-	-	-	H
Sự tương tác giữa con người và môi trường	H	H	-	H	H	H
Vai trò của con người đối với bảo	H	L	-	-	M	M

vệ môi trường và tài nguyên						
Xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	H	-	H	-	H	M

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

[1]. Giáo trình điện tử

[2]. Lê Thanh Mai, Môi trường và con người, NXB ĐHQG Tp. HCM, 2009.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lâm Minh Triết, Huỳnh Thị Minh Hằng, *Con người và môi trường*, NXB ĐHQG TP.HCM, 2008.

[2]. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan, *Giáo trình môi trường và con người*, NXBGD, 2010.

[3]. Lê Văn Khoa, *Khoa học môi trường*, NXB GiáoDục, 2002.

[4]. Lưu Đức Hải, *Cơ sở khoa học môi trường*, NXB ĐHQG HN, 2001.

[5] Goudie, A., *The Human Impact on the Natural Environment*, Oxford: Wiley-Blackwell, 2013.

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 2 buổi học dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 10 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không nói chuyện/làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su và ngủ trong lớp

Tuyệt đối không sử dụng các thiết bị như điện thoại, thiết bị nghe khác trong giờ học trừ khi giảng viên yêu cầu.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Yêu cầu tích cực tham gia các bài tập trên lớp, thảo luận nhóm.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên giảng dạy: ThS. Vũ Phụng Thu

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS. Nguyễn Thị Vân Hà

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Vũ Phụng Thu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **Anh văn 1**
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Anh văn 1
Tiếng Việt:	Anh văn 1
Tiếng Anh:	English 1
Mã số học phần:	11 13 1 5 006
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	43 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	100 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	Không có
Học phần tiên quyết:	x
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp cận với học phần Anh văn chuyên ngành, và vận dụng trong công việc sau này.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, kỹ năng nghe và đọc, làm cơ sở giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu để có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế cũng như có kỹ năng giao tiếp để vận dụng trong công việc sau này.

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp (TOEIC)	ELO1
CG2	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu trong TOEIC	ELO2
CG3	Tìm hiểu và tiếp cận bài thi TOEIC quốc tế	ELO3
CG4	Kỹ năng giao tiếp và vận dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp	ELO4

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

CĐR học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp cần phải có sau khi ra trường. CĐR của mỗi học phần phải đáp ứng một hay một vài chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ngược lại.

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Kiến thức: nắm được các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp	ELO1
CELO2	Kỹ năng và mức tự chủ: rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu	ELO2
CELO3	Tự chịu trách nhiệm: vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đã rèn luyện để tiếp tục tự học tập nghiên cứu, và có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế.	ELO3, ELO4

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT			
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4
CELO1	H			
CELO2		H		
CELO3			M	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phân biện;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tham khảo tài liệu liên quan đến môn học;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: 01 bài kiểm tra giữa kỳ - bắt buộc; ngoài ra có thể đánh giá dựa trên điểm chuyên cần, và điểm bài tập... (tùy thuộc vào cách đánh giá của từng giảng viên)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- **Điểm thi kết thúc học phần:**

+ Trọng số: 70%, bao gồm: 01 bài thi KTHP

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1	Unit 1	CELO1,2	1 lần	40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	30%
	A1.2	Unit 2					
	A1.3	Unit 5					
	A1.4	Unit 6					
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1	Unit 1	CELO1,2,3	1 lần	40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	70%
	A2.2	Unit 2					
	A2.3	Unit 3					
	A2.4	Unit 4					
	A2.5	Unit 5					
	A2.6	Unit 6					
	A2.7	Unit 7					

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Số tiết	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Unit 1: Listening Test Part 1 – Photographs	- <i>Dạy online</i>	4	
	<i>A/Các nội dung chính trên lớp:</i> - <i>Nouns and verbs</i> - <i>Using the picture to predict what you will</i>	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ		CELO1,2

	<i>hear</i> - <i>Describing movement</i>	chia sẻ, gọi mở-vấn đáp		CELO1,2,3
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 1 – Photographs</i>			
2	Unit 2: Listening Test Part 2 – Question/Response	- <i>Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Requests</i> - <i>Thinking about meaning and avoiding common distractors</i> - <i>Tag questions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 2 – Question-Response</i>			CELO1,2,3
3	Unit 3: Listening Test Part 3 – Conversations	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Offers and suggestions</i> - <i>Using content words to predict what you will hear</i> - <i>Paraphrasing</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 3 - Conversations</i>			CELO1,2,3
4	Unit 4: Listening Test Part 4 – Talks	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Announcements</i> - <i>Using content words to predict what you will hear</i> - <i>Who and Where questions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 4 - Talks</i>			CELO1,2,3
5	Unit 5: Reading Test Part 5 – Incomplete sentences	- <i>Dạy online</i> - PP thuyết	8	

	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Talking about the future</i> - <i>Managing your time effectively with the 2-pass method</i> - <i>Talking about the pass</i>	trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp		CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 5 – Incomplete Sentences</i>			CELO1,2,3
6	Unit 6: Reading Test Part 6 – Text completion	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	6	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Parts of speech</i> - <i>Using your time wisely</i> - <i>Identifying the correct part of speech</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 6 – Text Completion</i>			CELO1,2,3
7	Unit 7: Reading Test Part 7 – Reading comprehension	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	10	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Answering the easy questions first</i> - <i>Answering specific information questions</i> - <i>Using context to answer vocabulary questions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 1 – Part 7 – Reading Comprehension</i>			CELO1,2,3
8	Tactics Review	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	2	CELO1,2,3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	H	M	L
Module 2	H	M	L
Module 3	H	M	L
Module 4	H	M	L
Module 5	H	M	L
Module 6	H	M	L
Module 7	H	M	L
Module 8	L	H	H

H: High

M: Medium

L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Grand Trew, TACTICS FOR THE TOEIC TEST Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press, 2013

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lin Lougheed, Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman, 2010.
2. Anne Taylor, TOEIC Analyst. Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015
3. Anne Taylor, Garrett Byrne, VERY EASY TOEIC Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% số tiết học trở lên, dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

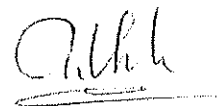
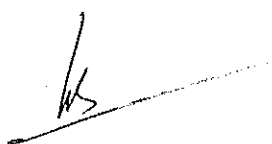
9. Giảng viên phụ trách môn học: ThS. Nguyễn Lương Tấn Dũng, ThS. Nguyễn Lương Tấn Dũng, ThS. Tô Thị Lệ, ThS. Nguyễn Thị Lê Phi

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Lý Cẩm Hùng

ThS. Nguyễn Lương Tấn Dũng

ThS. Tô Thị Lệ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **Anh văn 2**

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Anh văn 2
Tiếng Việt:	Anh văn 2
Tiếng Anh:	English 2
Mã số học phần:	11 13 1 5 002
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ II
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	03 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	45 tiết
Số tiết lý thuyết:	43 tiết
Số tiết bài tập:	0 tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	0 tiết
Số tiết thực tập:	0 tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	0 tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	100 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	Không có
Học phần tiên quyết:	x
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn Ngoại ngữ

2. Mô tả học phần (Course Description)

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp cận với học phần Anh văn chuyên ngành, và vận dụng trong công việc sau này.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Trang bị cho sinh viên một cách hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp, kỹ năng nghe và đọc, làm cơ sở giúp sinh viên tiếp tục nghiên cứu để có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế cũng như có kỹ năng giao tiếp để vận dụng trong công việc sau này.

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Hệ thống các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp (TOEIC)	ELO1
CG2	Rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu trong TOEIC	ELO2
CG3	Tìm hiểu và tiếp cận bài thi TOEIC quốc tế	ELO3
CG4	Kỹ năng giao tiếp và vận dụng trong công việc sau khi tốt nghiệp	ELO4

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

CĐR học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp cần phải có sau khi ra trường. CĐR của mỗi học phần phải đáp ứng một hay một vài chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và ngược lại.

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CĐR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	Kiến thức: nắm được các kiến thức cơ bản của tiếng Anh giao tiếp	ELO1
CELO2	Kỹ năng và mức tự chủ: rèn luyện kỹ năng nghe hiểu và đọc hiểu	ELO2
CELO3	Tự chịu trách nhiệm: vận dụng kiến thức đã học và kỹ năng đã rèn luyện để tiếp tục tự học tập nghiên cứu, và có thể tiếp cận với bài thi TOEIC quốc tế.	ELO3, ELO4

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT			
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4
CELO1	H			
CELO2		H		
CELO3			M	M

H: High (Cao) M: Medium (Trung bình) L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

PP1. Phương pháp thuyết trình: giúp sinh viên đạt CDR về hiểu được các kiến thức chuyên môn (các khái niệm, mối tương quan, các định luật, các quy luật...), các kiến thức về mặt phương pháp (phương pháp, cách thức tiến hành, kỹ thuật...), kiến thức về hành vi ứng xử (các quy tắc ứng xử, nhận thức về nghĩa vụ trách nhiệm...), kiến thức về giá trị...

PP2. Phương pháp động não: giúp đạt được chuẩn đầu ra về tư duy sáng tạo và giải pháp và đề xuất;

PP3. Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ: giúp đạt được chuẩn đầu ra về cấu trúc giao tiếp; tư duy suy xét, phản biện;

PP5. Phương pháp hoạt động nhóm: giúp đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tham khảo tài liệu liên quan đến môn học;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30%, bao gồm: 01 bài kiểm tra giữa kỳ - bắt buộc; ngoài ra có thể đánh giá dựa trên điểm chuyên cần, và điểm bài tập... (tùy thuộc vào cách đánh giá của từng giảng viên)

+ Hình thức đánh giá:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- **Điểm thi kết thúc học phần:**

+ Trọng số: 70%, bao gồm: 01 bài thi KTHP

+ Hình thức thi:

Tự luận ☐ Trắc nghiệm ☒ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CĐR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1	Unit 8	CELO1,2	1 lần	40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	30%
	A1.2	Unit 9					
	A1.3	Unit 12					
	A1.4	Unit 13					
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1	Unit 8	CELO1,2,3	1 lần	40 câu /100 điểm	Trắc nghiệm khách quan (lựa chọn phương án đúng)	70%
	A2.2	Unit 9					
	A2.3	Unit 10					
	A2.4	Unit 11					
	A2.5	Unit 12					
	A2.6	Unit 13					
	A2.7	Unit 14					

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Số tiết	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Unit 8: Listening Test Part 1 – Photographs	<i>- Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	4	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Present tenses</i> - <i>Avoiding common distractors</i> - <i>Prepositions of place</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 1 - Photograps</i>			CELO1,2,3
2	Unit 9: Listening Test Part 2 – Question/Response	<i>- Dạy online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Questions with indirect answers</i> - <i>Listening for question words and past/present/future time</i> - <i>Answering yes/no questions where the answer isn't yes or no</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 2 – Question-Response</i>			CELO1,2,3
3	Unit 10: Listening Test Part 3 – Conversations	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Expressing opinions</i> - <i>Using the 40-second rule to answer questions quickly</i> - <i>Answering what questions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 3 - Conversations</i>			CELO1,2,3
4	Unit 11: Listening Test Part 4 – Talks	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	5	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Voice mails and recorded messages</i> - <i>Tactics review; listening for specific details</i> - <i>When/Why and How questions</i>			CELO1,2

	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 4 - Talks</i>			CELO1,2,3
5	Unit 12: Reading Test Part 5 – Incomplete sentences	- <i>Day online</i> - PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	8	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Infinitive and gerund forms after verbs</i> - <i>Using prefixes to guess meaning</i> - <i>Dependent prepositions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 5 – Incomplete Sentences</i>			CELO1,2,3
6	Unit 13: Reading Test Part 6 – Text completion	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	6	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Linking words</i> - <i>Answering connecting content questions</i> - <i>Pronouns and possessive forms</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 6 – Text Completion</i>			CELO1,2,3
7	Unit 14: Reading Test Part 7 – Reading comprehension	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	10	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: - <i>Answering main idea questions and inference questions</i> - <i>Answering connecting information questions</i> - <i>Answering NOT questions</i>			CELO1,2
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - <i>Practice Test 2,3 – Part 7 – Reading Comprehension</i>			CELO1,2,3
8	Tactics Review	- PP thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp	2	CELO1,2,3

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần		
	CELO1	CELO2	CELO3
Module 1	M	H	M
Module 2	M	H	M
Module 3	M	H	M
Module 4	M	H	M
Module 5	M	H	M
Module 6	M	H	M
Module 7	M	H	M
Module 8	M	H	H

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

Grand Trew, TACTICS FOR THE TOEIC TEST Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press, 2013

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Lin Lougheed, Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman, 2010.
2. Anne Taylor, TOEIC Analyst. Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015
3. Anne Taylor, Garrett Byrne, VERY EASY TOEIC Second edition, NXB Tổng hợp TPHCM, 2015

8. Quy định của học phần

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

Sinh viên vắng quá 30% số tiết học trở lên, dù có lý do hay không có lý do đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thi được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên phụ trách môn học: ThS. Nguyễn Lương Tấn Dũng, ThS. Nguyễn Lương Tấn Dũng, ThS. Tô Thị Lệ, ThS. Nguyễn Thị Lê Phi

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Lý Cẩm Hùng

ThS. Nguyễn Lương Tấn Dũng

ThS. Tô Thị Lệ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: **TOÁN CAO CẤP 1**

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

1. Thông tin tổng quát (General information)

Tên học phần:	Toán cao cấp 1
Tiếng Việt:	Toán cao cấp 1
Tiếng Anh:	<i>Advanced Maths 1</i>
Mã số học phần:	11 11 1 5 008
Thời điểm tiến hành:	Học kỳ I
Loại học phần:	
☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn	
Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☒ Kiến thức giáo dục đại cương ☐ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức chuyên ngành ☐ Học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp	
Số tín chỉ:	2 tín chỉ
Giờ tín chỉ đối với các hoạt động	30 tiết
Số tiết lý thuyết:	28 tiết
Số tiết bài tập:	... tiết
Số tiết thảo luận, hoạt động nhóm:	... tiết
Số tiết thực tập:	... tiết
Số tiết hướng dẫn BTL/ĐAMH:	... tiết
Kiểm tra:	2 tiết
Thời gian tự học:	45 giờ
Điều kiện tham dự học phần:	
Học phần tiên quyết:	Hoàn thành chương trình toán trung học phổ thông
Học phần song hành:	
Điều kiện khác:	
Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:	Bộ môn toán – Khoa Khoa học Đại cương

2. Mô tả học phần (Course Description)

Được thực hiện trong học kỳ I năm thứ nhất của sinh viên nhằm truyền tải cho sinh viên nắm được những kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ, ... làm cơ sở cho việc học các môn Toán cao cấp 2, Toán cao cấp 3 và các môn chuyên ngành của các ngành đào tạo.

3. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu học phần (CGs)	Mô tả (Course goal description) <i>Học phần này trang bị cho sinh viên:</i>	Chuẩn đầu ra CTĐT (ELOs)
CG1	Trang bị kiến thức đại số, ma trận, không gian vector	KĐC, KKT, KQL
CG2	Giải được các bài toán vận dụng kiến thức ma trận	KĐC, KKT, KQL
CG3	Vận dụng kiến thức đã học vào trong các bài toán chuyên ngành	KKT, KQL
CG4	Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế	KKT, KQL
CG5	Có tư duy tổng quát, logic, chính xác, tự học	KĐC, KKT, KQL

4. Chuẩn đầu ra học phần (CELOs - Course Expected Learning Outcomes)

Chuẩn đầu ra HP[1]	Mô tả CDR học phần [2] (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CTĐT[3]
CELO1	-Nắm vững kiến thức môn Toán cao cấp 1	KĐC, KKT, KQL
CELO2	-Vận dụng kiến thức đã học vào môn chuyên ngành	KĐC, KKT, KQL
CELO3	- Áp dụng kiến thức đã học vào đời sống và sản xuất	KĐC, KKT, KQL
CELO4	- Phân tích và giải quyết những bài toán mới bằng kiến thức ma trận	KĐC, KKT, KQL

Ma trận mối quan hệ giữa CDR học phần (CELOs) và CDR của CTĐT (ELOs)

CDR học phần	CDR của CTĐT		
	KĐC	KKT	KQL
CELO1	H	M	M
CELO2	M	H	H
CELO3	M	H	H
CELO4	H	M	M

H: High (Cao)

M: Medium (Trung bình)

L: Low (Thấp)

5. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy:

Giảng dạy online và trực tiếp trên lớp sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm....

Phương pháp học tập:

- Nghe giảng trên lớp;
- Đọc và làm bài trước các buổi giảng;
- Tra cứu thông tin về ngành trên internet;
- Làm việc nhóm;

5.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá học phần

5.2.1 Điểm đánh giá:

- Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo tín chỉ.

- Điểm đánh giá quá trình:

+ Trọng số: 30 %

+ Hình thức đánh giá: Làm bài kiểm tra

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thảo luận nhóm ☐ Bài tập lớn ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ Trọng số: 70%

+ Hình thức thi: Làm bài thi

Tự luận ☒ Trắc nghiệm ☐ Thực hành ☐ Khác ☐

5.2.2. Đánh giá sinh viên: (Course assessment)

Thành phần đánh giá [1]	Bài đánh giá / thời gian (Ax.x) [2]	Nội dung đánh giá [3]	CDR học phần (CELO.x.x) [4]	Số lần đánh giá / thời điểm [5]	Tiêu chí đánh giá [6]	Phương pháp đánh giá [7]	Tỷ lệ (%) [8]
A1. Đánh giá giữa kỳ	Bài tập về nhà, trên lớp	Chương 1, 2, 3	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1-3 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận hoặc trắc nghiệm), PP phỏng vấn	30%
	Bài kiểm tra giữa kỳ (tự luận)	Chương 1, 2	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết(tự luận)	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ (tự luận)	Chương 1, 2, 3	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4	1 lần	Trình bày chi tiết, chính xác	PP viết (tự luận)	70%

6. Nội dung chi tiết học phần theo tuần

Tuần	Nội dung	PPGD chính	Chuẩn đầu ra của học phần
1	Chương 1. Tập hợp và ánh xạ		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.1. Tập hợp và ánh xạ 1.1.1. Quan hệ hai ngôi 1.1.2. Quan hệ tương đương 1.1.3. Quan hệ thứ tự	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập .		

2	A/ Các nội dung chính trên lớp: 1.2. Ảnh xạ 1.2.1 Định nghĩa ảnh xạ 1.2.2. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh 1.2.3. Ảnh xạ ngược. 1.2.4. Hợp (tích) của hai ánh xạ	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập .		
3	Chương 2. Định thức – Ma trận – Hệ phương trình tuyến tính		
	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.1. Ma trận 2.1.1. Khái niệm ma trận 2.1.2. Các phép toán về ma trận 2.2. Định thức 2.2.1. Định thức của ma trận vuông 2.2.2. Tính chất của định thức	Dạy online, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
4	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.2.3. Tính định thức bằng phép biến đổi sơ cấp 2.2. Hạng của ma trận – Ma trận nghịch đảo 2.3.1. Định nghĩa và tính chất hạng của ma trận 2.3.2. Định nghĩa và phương pháp tìm	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4

	<i>ma trận nghịch đảo</i>		
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
5	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.4. Hệ phương trình tuyến tính 2.4.1. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát. 2.4.2. Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất.	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
6	A/ Các nội dung chính trên lớp: 2.4.3. Hệ Cramer. 2.4.4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp Gauss. 2.4.5. Giải hệ phương trình bằng phương pháp Gauss – Jordan 2.4.6. Giải hệ phương trình tổng quát	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
7	Chương 3. Không gian vector – Ánh xạ tuyến tính		
	A/ Các nội dung chính trên lớp:	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4

	3.1. Không gian vector 3.1.1. <i>Khái niệm không gian vector</i> 3.1.2. <i>Tính chất</i> Kiểm tra giữa kỳ: 2 tiết	nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
8	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.2. Không gian con và hệ sinh 3.2.1. <i>Định nghĩa</i> 3.2.2. <i>Tổ hợp tuyến tính của một họ vector</i> 3.2.3. <i>Không gian con sinh bởi một họ vector – Hệ sinh của không gian vector</i>	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập		
9	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.3. Không gian hữu hạn chiều và cơ sở của nó 3.3.1. <i>Họ vector độc lập tuyến tính và phụ thuộc tuyến tính</i> 3.3.2. <i>Cơ sở của không gian hữu hạn chiều</i> 3.3.3. <i>Tính chất</i> 3.4. Ánh xạ tuyến tính 3.4.1. <i>Khái niệm ánh xạ tuyến tính</i> 3.4.2. <i>Các tính chất. Hạt nhân và ảnh.</i>	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gọi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu		

	- Làm bài tập		
10	A/ Các nội dung chính trên lớp: 3.5. Ma trận của ánh xạ tuyến tính 3.5.1. Khái niệm ma trận của ánh xạ tuyến tính 3.5.2. Trường hợp riêng 3.6. Ôn tập	Dạy trực tiếp trên lớp, Thuyết trình, động não, suy nghĩ chia sẻ, gợi mở-vấn đáp, hoạt động theo nhóm	CELO1, CELO2, CELO3, CELO4
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: - Đọc giáo trình, tài liệu - Làm bài tập, ôn tập		

Ma trận mối quan hệ giữa bài học và CDR học phần

Bài học (Module)	Chuẩn đầu ra học phần			
	CELO1	CELO2	CELO3	CELO4
Chương 1	H	H	L	L
Chương 2	H	H	M	M
Chương 3	H	H	M	M

H: High M: Medium L: Low

7. Tài liệu học tập

7.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Đình Trí, *Toán cao cấp tập 1*, NXB Giáo dục.

7.2. Tài liệu tham khảo:

1. Khu Quốc Anh, *Đại số tuyến tính và hình học giải tích*, NXB ĐHQG Hà Nội.

2. Khu Quốc Anh, *Bài tập Đại số tuyến tính và hình học giải tích*, NXB ĐHQG Hà Nội.

3. Nguyễn Đình Trí, *Bài tập Toán cao cấp tập 1*, NXB Giáo dục.

4. Bùi Xuân Hải, *Đại số tuyến tính*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

5. Trần Lưu Cường, *Đại số tuyến tính*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.

8. Quy định của học phần

Sinh viên phải tham dự và làm bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ, nếu vắng bài nào thì cột điểm tương ứng sẽ bằng 0

8.1. Quy định về tham dự lớp học

Sinh viên/học viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

8.2. Quy định về hành vi lớp học

Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

8.3. Quy định về học vụ

Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật trường thì được thực hiện theo quy chế học vụ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

9. Giảng viên phụ trách môn học: ThS. Võ Thị Tuyết Mai, ThS. Huỳnh Đăng Nguyên, ThS. Phạm Kim Thủy

10. Ngày phê duyệt: 11/11/2021.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Lý Cẩm Hùng

ThS. Võ Thị Tuyết Mai

ThS. Huỳnh Đăng Nguyên